



TÁC PHẨM CHỌN LỌC DÀNH CHO THIẾU NHI



VÕ QUẢNG

Quốc Nội





Nhà văn
Võ Quảng

“ Tôi thường chọn viết cho các em những gì tôi yêu thương, quen biết. Tôi hay viết về sự việc ở chốn quê, nơi tôi từng yêu thương từ nhỏ cho đến khi khôn lớn. Tôi viết về cuộc đời sau Cách mạng Tháng Tám. Cách mạng Tháng Tám đã trả lại tự do cho tôi, cho bà con tôi. Mong sao những chữ tôi viết, đó không phải là những chữ, mà đó là những rung động của tâm hồn tôi. Viết cho thiếu nhi đó là niềm vui, là lẽ sống của tôi trong những năm qua”

VÕ QUẢNG



TÁC PHẨM CHỌN LỌC
DÀNH CHO THIẾU NHI

1. The first part of the document is a title page. It contains the title "The Role of the State in the Development of the Economy" and the author's name "John Doe".

2. The second part of the document is an abstract. It provides a brief summary of the main findings of the study.

3. The third part of the document is the introduction. It discusses the importance of the state in the development of the economy and the objectives of the study.

4. The fourth part of the document is the literature review. It examines the existing research on the role of the state in the development of the economy.

5. The fifth part of the document is the methodology. It describes the research methods used in the study.

6. The sixth part of the document is the results and discussion. It presents the findings of the study and discusses their implications.

7. The seventh part of the document is the conclusion. It summarizes the main findings of the study and provides recommendations for future research.

8. The eighth part of the document is the references. It lists the sources used in the study.

9. The ninth part of the document is the appendix. It contains additional information related to the study.

10. The tenth part of the document is the index. It provides a list of the topics covered in the document.

QUÊ NỘI

VỖ QUẢNG

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

"LỜI NÓI ĐẦU"

*Trong bản dịch Quê nội
sang tiếng Pháp, của Alice Kahn*

Khi giới thiệu quyển truyện "Quê nội" của Võ Quảng người ta bảo tôi: Đây là một loại Tôm Xây-dơ của Việt Nam. Đã từ lâu tôi rất thích tác phẩm Tôm Xây-dơ. Nhưng sau khi làm quen với tác phẩm của Võ Quảng tôi cảm thấy mình còn thích các nhân vật Cục và Cù Lao hơn.

Võ Quảng đã đặt câu chuyện xảy ra tại chính quê hương mình, ấy là làng Hòa Phước, tỉnh Quảng Nam, một tỉnh nằm giữa nước Việt Nam. Ở đây các sự kiện nhỏ đặt liền nhau, khăng khít nhau tạo nên câu chuyện. Câu chuyện bắt đầu sau Cách mạng tháng Tám, sau ngày lễ tuyên bố độc lập của nước Việt Nam năm 1945, một thời kì mà mãi đến nay vẫn còn để lại dấu tích trong nền văn học Việt Nam.

Tác phẩm phản ánh tâm trạng phẫn khởi có phần hơi ngây thơ của dân làng, lòng tin tưởng kì diệu của họ vào tương lai đất nước. Tôi đã có dịp hỏi vài người từng sống trong thời kì ấy, khi họ còn trẻ. Ở họ đều còn đọng lại một niềm nhớ thương thấm thiết.

Bạn đọc người Pháp có thể tìm thấy gì qua các hình tượng ở đây? Có thể ở một số người sau bốn mươi năm, những nỗi đau xót nảy sinh từ cuộc chiến tranh ở Đông Dương chưa xóa hết được. Trong truyện, người Pháp hiện diện như kẻ áp bức, như những kẻ thù. Tác giả không nhào nặn lại lịch sử,

nhưng ở đây trong mọi thể hiện đều có mức độ. Có một tí gì mĩa mai nhẹ nhàng và thân ái trong khi tác giả nhắc lại bài diễn thuyết có phần khoa trương của một cán bộ cơ sở. Nhưng chúng ta không thể nào nhầm, vì đây không phải là những lời trống rỗng. Chú Năm Mùi không hề thủ đoạn, không đầu cơ chính trị. Chú đấu tranh cho cách mạng, chú hiểu rõ bà con trong làng xóm của mình. Những lời nói của chú không phải là những câu châm ngôn sách vở, chú cũng không phải là kẻ khoe khoang. Trái lại, trong nhiều trường hợp chú tỏ ra biết nhiều kinh nghiệm, có những hiểu biết sâu sắc về cuộc sống và con người. Ngoài ra chú không phải không biết hóm hỉnh.

Ở Việt Nam, Võ Quảng được công nhận là một trong những nhà văn ưu tú viết cho thiếu nhi. Mặc dù sự khan hiếm về giấy đã hạn chế gay gắt số lượng bản in, tác phẩm của Võ Quảng được tái bản nhiều lần và nhanh chóng được tiêu thụ.

Trước kia trong thời kì thực dân Pháp đô hộ, ông hoạt động cách mạng chống Pháp. Năm 1941 ông bị thực dân Pháp bắt giam. Sau Cách mạng tháng Tám, ông phụ trách chính quyền Đà Nẵng, phụ trách việc xét xử ở các tòa án miền Trung. Từ năm 1957 đến nay, ông chăm lo công việc giáo dục thiếu nhi bằng các phương tiện văn học nghệ thuật.

Bản dịch bằng tiếng Pháp của "Quê nội" đáng tiếc là chưa thể chuyển đạt hết cái hay của ngôn ngữ địa phương mà tác giả sử dụng rất có tình

cảm. Bản dịch cũng không truyền đạt được chất nhạc trong ngôn ngữ độc đáo của câu chuyện. Độc giả Pháp có thể không đồng cảm hết với tác giả, một sự đồng cảm nảy sinh từ chất nhạc của câu văn. Võ Quảng trước tiên là một nhà thơ. Ông sáng tác cho các em những bài thơ đầy chất nhạc, đến độ các em bốn, năm tuổi cũng rất thích lặp đi lặp lại.

Sự đồng cảm về ngôn ngữ có phần hạn chế nhưng bản dịch ít nhiều cũng gợi lên được phong cảnh, những công việc làm ăn hằng ngày ở một vùng quê Việt Nam. Chúng ta hi vọng tài năng của tác giả trong việc sáng tạo những hình tượng văn học, trong việc tạo ra sự sống động của các nhân vật. Không phải không được cảm nhận ở đây. Làm sao người ta có thể quên được quang cảnh những ngọn đèn trời dọc bờ rào của những người đi học lớp xóa nạn mù chữ trong đêm tối, quên được những con gà trống ở Hòa Phước, con trâu Bình bước giữa ngàn sao, quên bà Hiến... Chúng ta hi vọng tính chất kín đáo rất mực tinh vi của những tình cảm bộc lộ trong câu văn sẽ được truyền qua bạn đọc. Chú Hai Quân bị lí trưởng đánh đòn huộc phải bỏ làng ra đi. Trước khi đi chú sửa lại tao nôi của đứa bé gái con của chú. Những lời từ biệt của Cục và Cù Lao được thể hiện qua tiếng hát của các cô lái đò xuôi Hội An. Lần chia tay thứ hai trái lại là một sự rút ra đột ngột vào lúc bến đò Hòa Phước nhốn nháo giữa chiến tranh. Và câu chuyện của Cục và Cù Lao

cũng kết thúc ở đây.

Các độc giả phương Tây có lẽ sẽ ngạc nhiên trước bao nhiêu khía cạnh dân tộc của người Việt Nam. Chẳng hạn sự say mê xem hát tuồng của dân làng và vai trò quan trọng của sân khấu trong đời sống của họ, cảnh chạy trốn chiến tranh hay chạy trốn đói nghèo kéo dài suốt lịch sử đất nước Việt Nam qua bao thế kỉ đã từng tạo nguồn cảm hứng cho bao nhiều bài hát dân gian.

Về phần tôi, tôi mong muốn trước hết được Cục và Cù Lao đưa lại cho chúng ta một sự hiểu biết nhiều hơn về một nước Việt Nam hầu như còn hoàn toàn xa lạ đối với người Pháp. ()*

1987

(*) Tác phẩm "Quê nội" của nhà văn Võ Quảng đã được nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học Việt Nam bình luận. NXB Kim Đồng đã có dịp giới thiệu những ý kiến đó. Trong lần xuất bản này, chúng tôi xin dành việc đánh giá tác phẩm "Quê nội" dưới cách nhìn của một người nước ngoài.



PHẦN THỨ NHẤT

1

Sau ngày Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám, tôi thường thức dậy sớm. Khi thức giấc, tôi cứ tưởng mình như vừa chớp mắt, tai tôi còn nghe tiếng hô tập tự vệ của chú Năm Mùi:

- Tất cả quay bên phải! Bên phải là bên tay ta cầm dũa, nghe chưa?

Chị Ba tôi đang tập liền hỏi to:

- Tôi cầm dũa tay trái, tôi quay bên nào?

Chú Năm Mùi quát:

- Đây không phải việc cô giỡn đâu! Đây là việc quân! - Chú quắc mắt, hô đúng là to: - Nghiêm! Quay!

Tôi nằm nhớ lại từng động tác luyện tập của đội tự vệ, chợt con gà trống ở phía nhà bếp nổi gáy. Tiếng nó lanh lảnh. Tôi biết đó là gà của anh Bốn Linh. Con gà này có bộ lông mã tía, cổ bạch, mào hạt đậu. Tiếng nó dong dạc nhất xóm. Nó thường làm tôi chú ý. Nó nhón chân, bước từng bước oai vệ, ưỡn ưỡn ra đằng trước, có gan nhảy lên

lưng trâu Bỉnh, vỗ cánh phành phạch rồi gáy như thét vào tai trâu. Bị chó Vện đuổi, nó bỏ chạy. Đột ngột nó quay lại nện cho chó Vện một đá vào đầu rồi nhảy phốc lên cây rác đứng nhìn xuống vẻ phớt lờ, nổi gáy như thách thức:

- Tao không sợ ai hết!

Sau gà anh Bốn Linh, gà của ông Kiếm Lài gáy theo. Tiếng của nó nghe khàn khàn làm tôi nhớ đến tiếng rao của ông thợ hàn nôi khi đi qua xóm:

- Ai hàn nôi không?

Con gà của ông Kiếm Lài hay bới bậy. Nó có bộ mã khá đẹp, lông trắng, phao to, mỏ búp chuối, mào cờ, hai cánh như hai vỏ trai úp, nhưng lại hay tán tỉnh lão khoét. Nó đến chỗ bờ tre mời bọn gà mái theo nó để nó đái giun. Bới được con giun, nó lấy mỏ kẹp bỏ ra giữa đất, kêu tục tục mời bọn gà mái đến xơi. Bọn này vừa xô tới, nó đã nuốt chửng con giun vào bụng. Nó còn giả vờ nghenh cổ kêu oác như phân bua: "Ủa! Chớ con giun đâu mất rồi hề?" Bọn gà mái tung hứng nhưng vốn dễ tính nên bỏ qua. Nó còn ra nường bẻ bắp bị tôi bắt quả tang, xuýt chó cắn cho một trận. Chó vật mất túm lông đuôi. Một con gà trống bị mất túm lông đuôi trông cụt ngủn, đầu như bị chúc về đằng trước, nom hết sức buồn cười. Sau gà ông Kiếm Lài, gà bà Hiến nổi gáy theo. Nó phóng ra ba tiếng không đều nhau éc, e, e. Gà bà Hiến là gà trống tơ, lông đen, chân chì, giò cao, cổ ngắn. Tiếng nó gáy còn vương trong



cổ, chưa ai mê được. Mấy lần tôi gặp nó nhảy tót lên cây rác thật cao phóng tầm mắt nhìn quanh như muốn mọi người hãy chú ý, nó sẽ gáy một hơi thật to, thật dài. Nó xòe cánh, nghênh cổ, nhưng rốt cục chỉ rạn ra ba tiếng éc, e, e cụt ngắn. Nó ngượng quá đỏ chín mặt, hấp tấp nhảy xuống đất. Gà thầy Lê Hảo, gà ông Tư Đàm, gà chú Năm Mùi cũng thi nhau gáy. Gà trong làng nổi gáy loạn xạ. Tôi nghe loáng thoáng gà ông Bốn Rì bán thịt chó ở dưới xóm, gà dưỡng Hương Thư và gà ông Hoạt ở ngoài vạn Hòa Phước cũng gáy theo. Ông Hoạt và dưỡng Hương Thư ở thuyền, nhốt gà trong một chiếc lồng tre, chiếc lồng treo bên mạn thuyền, nom xa giống như quả lựu đạn. Mỗi lần dưỡng Hương Thư rải thóc cho ăn, bọn gà tranh nhau phóng cổ ra ngoài. Cái lồng bỗng nhiên mọc đầy mũi nhọn. Ăn xong, những mũi nhọn đó lại thụt đi mất. Dưỡng Hương Thư mở lồng, bọn gà bay ra tứ tung, tiếng oang oác nổ ra inh ỏi. Chúng bay xuống đậu chỗ mé nước, có con nổi gáy năm ba tiếng.

Ông Hoạt đậu thuyền bên cạnh nhờ cái đầu có búi tóc ra khỏi khoang, nói với dưỡng Hương:

- Giống gà rừng của anh tốt thiệt! Lần sau đi Dùi Chiêng nhờ mua cho một đôi. Tôi nuôi thiện vài con ăn Tết.

Thật ra gà dưỡng Hương Thư không phải giống gà rừng. Chúng cũng là giống gà nhà. Dưỡng Hương thường mua gà ở trên rừng, xứ Dùi Chiêng, vì quê dưỡng trên đó!

*
* *

Dưới nhà bếp, chị Ba tôi cũng thức dậy nhóm lửa. Bóng chị chập choạng trên vách bếp. Chị đang đưa tay vuốt tóc. Chị Ba vừa cắt tóc ngắn. Các chị thanh nữ làng tôi, sau Tổng khởi nghĩa, đều cắt tóc ngắn, nói là để cắt đứt với phong kiến. Chị Ba cầm đèn bước lên nhà trên vớt cái yếm thao và khăn ăn trầu đem nhét vào gói mẹ tôi. Chị nói với mẹ là chị không dùng những thứ lạc hậu đó nữa. Chị đã mua thuốc cạo hết răng đen. Răng chị hóa trắng nõn. Mẹ tôi kêu lên, vẻ thất vọng: "Răng mày trắng, tao thấy như răng chó!"

Chị Ba đưa cây đèn về phía tôi, gọi:

- Cục ơi! Trời sáng trắng rồi! Dậy đưa trâu đi ăn!

Tôi rướn người nhóm dậy bước ra chuồng trâu, mở dây mũi đưa con Bình đi gặm cỏ ngoài bờ sông.

Ra khỏi xóm, sao Mai trên trời đã bạc thếp. Bóng tối bắt đầu rời khỏi cây sung đầu làng. Một con chèo béo đứng trên nóc miếu Bà Tằm đập cánh kêu mấy tiếng choẹt choẹt! Từ chỗ sân đình vang lên tiếng hô của đội tự vệ. Anh Bốn Linh làm đội trưởng có tiếng hô tốt lắm. Đây là đội tự vệ nòng cốt, chọn toàn những trai tráng khỏe mạnh trong làng. Buổi sáng sớm họ tập những động tác cơ bản, sau đó còn luyện nhiều miếng võ dân tộc. Anh Bốn Linh dạy luyện còn. Cây còn trong tay anh quay vun vút. Anh quát chúng tôi



phải tránh thật xa, nhờ cây côn va phải thì đầu chúng tôi bay mất.

Tôi ngồi trên lưng trâu Bỉnh ra đến chỗ cây bàng, tôi nhón người, bắt tay lên miệng làm loa gọi to: Hu hu, hu hu! Đó là hiệu lệnh của tôi ra quân, báo cho bọn chẵn trâu trong xóm biết là tôi đã sẵn sàng "xuất trận" để chơi trò giật lá.

Về phần lũ trẻ cũng phải mau mau đưa trâu ra sông để đánh bại bọn chẵn trâu xóm dưới. Chư tướng của tôi vừa nghe tiếng gọi liền trả lời bằng hai tiếng hu, hu! Như vậy có nghĩa là: Xin tuân lệnh!

Sau ngày cướp chính quyền, môn chơi giật lá ở quê tôi hóa thịnh hành. Chơi giật lá phải chia làm hai phe. Người tham gia giắt sau lưng một que dâu dài chừng bốn tấc. Phải xông ra giật cho kì được que dâu của đối phương. Đứa nào bị giật mất que dâu thì xem như đã bị chặt mất đầu, tức khắc phải nằm lăn ra, mặt úp xuống đất không được ngo nguậy. Bên nào bị chặt đầu nhiều nhất là bên đó bị bại. Tôi được phong làm nguyên súy. Không phải vì tôi đánh giặc giỏi mà vì tôi thuộc nhiều tích tuồng. Ở chợ Quảng Huế, gần làng tôi, có một rạp hát tuồng. Thịnh thoảng chị Ba cho tôi hai xu để mua vé vào xem. Do đó tích tuồng tôi đều biết hết. Phe chúng tôi có năm đứa, tôi gọi là năm tướng Ngũ Hổ. Tôi tự xưng là Triệu Tử Long. Dưới trần này tôi chưa thấy ai vừa đẹp vừa oai như vị tướng đó. Mặt đỏ như son, mắt sắc như gươm, xiêm giáp rực rỡ đủ màu, sau lưng còn cắm

bao nhiêu cung tên cờ xí. Khi Triệu Tử Long bước ra sân khấu, tôi choáng ngợp vì vẻ oai phong lâm liệt. Bốn đứa khác, tôi cũng phong cho mỗi đứa một tên. Tướng Trương Phi có những cơn thịnh nộ khủng khiếp. Tướng Lưu Khánh biết bay trên trời như chim. Tướng Hạng Võ có sức mạnh vô địch. Tướng Quan Công vượt năm cửa ải chém sáu tướng của Tào Tháo. Tôi chống hai tay lên hông thét vào mặt bọn chân trâu xóm dưới:

- Hỡi quân Tào tặc! Ta đây là Triệu Tử Long! Chỉ cái tên của ta cũng đủ làm bọn bay khiếp vía. Hãy mau mau giải giáp quy hàng thì ta tha chết!

Bọn chân trâu xóm dưới rống to không kém:

- Chúng bay là những thằng đui! Chúng tao là Lúa đây. Không phải Tào tặc nào cả.

Một thằng mắt gườm gườm chỉ vào đầu của mình:

- Hãy xem quả chùy của tao đây! Nó nặng nghìn cân. Cho một chùy là bọn Ngũ Hổ chúng bay hồn về chín suối!

Thằng này chiến đấu khá lợi hại. Nó tên là Thân ở xóm chợ, có cái đầu trọc lóc. Khi xáp trận, nó liều mạng húc đầu vào bụng chúng tôi làm nhiều đứa ngã ục. Một thằng khác vỗ hai tay đánh đét, thị uy:

- Còn tao là Võ Tòng, Võ Tòng đá hổ đây! Tao từng nhai hổ nghe rau rầu. Sá gì những mèo ướm chúng bay!

Nói xong, nó nhón một chân, quay vòng, trề môi, méo mồm, điệu bộ phách lối đến cực độ.



Những đứa khác cũng nhảy ra phùng mang trợn mắt tự xưng mình là Cốt Đột, là Thiên Lôi. Có đứa còn xưng mình là quý Đầu Trâu, phen này chúng phải bắt cho hết bọn Ngũ Hồ đem làm gỏi ăn cho sướng. Tôi cố giữ nhuệ khí:

- Bọn bay là lớp sinh sau đẻ muộn, miệng còn hôi sữa, sao dám ngạo mạn với các tướng Ngũ Hồ chúng tao!...

Tôi nói chưa dứt lời, thằng Cốt Đột đã nhảy xổ ra. Nó làm điệu bộ như xách chiếc đèn soi vào mặt chúng tôi, cười hề hề đầy vẻ khiêu khích:

- Tưởng là Triệu Tử Long nào, té ra mày là thằng Cự! Nguyễn Văn Cự hái trộm ổi của ông Bảy Hóa là mày! Mày là thằng miệng hùm gan sứa. Bị chó đuổi, mày bỏ chạy vấp gãy một chân. Còn một chân tao vạt hết lia chó gặm. Còn thằng này, mày không phải Quan Công Quan Kiế nào cả. Mày là thằng Kề có cái bụng chừa to như cái cối. Mày ăn thịt chó bị đau bụng kinh niên, nước da vàng như nghệ. Còn mày là Hạng Võ! Hạng Võ bị mọt⁽¹⁾ chùm bao, chân đi cà nhấc, sức không trối nổi con gà. Còn mày nữa - nó vừa nói vừa chỉ vào mặt Trương Phi - mày là thằng hỗn ăn, tọng bánh bèo nóng bị rụng hết răng cửa:

Hạ uy thế chúng tôi xong, nó hô to:

- Hồi chư tướng! Hãy xông lên chém đầu bọn Ngũ Hồ. Bọn chúng là phát xít Nhật đã bắn vào đồng bào ta ở Ái Nghĩa hôm cướp chính quyền.

1. Nhọt. Mọt chùm bao: nhọt làm mũ lâu không lành.

Tôi lấy hết gân cổ, cố giảng giải:

- Chớ nói bá láp! Bọn thằng Lía chết đời tu huyết tu lai, còn bọn phát xít đang sống sờ sờ. Nếu chúng tao là phát xít thì làm sao đánh nhau với thằng Lía được?

Tôi chưa nói xong, bọn chúng đã ào lên như nước lũ. Phe tôi phải nghênh chiến. Thế trận diễn ra vô cùng ác liệt. Cát bụi trên bờ sông Thu Bồn tung bay mù mịt. Tiếng reo hò của ba quân dậy đất. Trương Phi gạt tất cả những đòn chùy lợi hại của thằng Thân đầu trọc. Có lúc bị ngã tênh hênh, một tay phải ôm quần, Trương Phi bỗng đứng lên vô cùng mau lẹ. Bọn giặc mất đà ngã lăn lông lốc. Hạng Võ đúng là một hổ tướng, biết giương đông kích tây dồn bọn thằng Lía vào thế bí. Nhưng Hạng Võ chỉ mới đánh vài ba hiệp, mồ hôi mồ kê đã đổ ra như tắm. Tôi ra hiệu cho các tướng Ngũ Hổ vừa đánh vừa rút lui. Đợi địch xông đến, chúng tôi rẽ ra hai bên, ép địch vào giữa. Bọn thằng Lía không đòi hỏi gì hơn vì chúng sẽ có dịp cắt các tướng Ngũ Hổ ra làm đôi. Chợt Trương Phi ngã quay lơ, chưa kịp đứng dậy, cành dâu vắt sau lưng đã bị cướp mất. Bọn thằng Lía reo hò:

- Trương Phi chết rồi! Hãy lấy đầu Triệu Tử Long. Đừng để nó múa mép!

Thằng Lía hét một tiếng to, ném người vào bụng tôi. Tôi chưa kịp tránh, hai cánh tay của Lía đã móc chặt ngang hông, quật tôi ngã xuống đất. Hai tay tôi giữ chặt que dâu sau lưng, hai chân đạp loạn xạ. Tiếng reo hò lại nổi lên:



- Hạng Võ ngoan rồi! Chặt lấy thủ cấp!

Tôi cố ngoi đầu nhìn lên. Cả Quan Công cũng đang giãy giụa. Quan Công đang bị quỹ Đầu Trâu đè ngang bụng lấy tay bóp cổ. Chỉ còn Lưu Khán lạch bạch đang bỏ chạy. Tình thế rất khó chuyển bại thành thắng. Việc thua trận của phe Ngũ Hổ đã hiển nhiên. Trong năm tướng Ngũ Hổ thì Trương Phi và Hạng Võ đã bị mất đầu, các tướng còn lại cũng sắp bị chặt mất thủ cấp.

*

* *

Chợt không hiểu vì sao thằng Lía đang vít chặt lấy tôi bỗng buông tôi ra. Nó đứng phắt dậy, nhìn nhìn rồi ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Có tiếng kêu to:

- Chúng bay ơi! Có thằng mọi biển! Mau ra coi!

Bọn Cốt Đột, thằng Lía, bọn Thiên Lôi bỏ chạy. Trương Phi, Hạng Võ, Quan Công bỗng đứng lên. Tất cả chạy đến vây quanh một thằng mặt mày nom kì dị. Nó có cặp mắt xếch, nước da nó đen thui. Chừng bao nhiêu tuổi, tôi không đoán được. Có thể mười tuổi, có thể mười hai, mười ba tuổi gì đó. Nó gầy đét. Đầu nó đội cái mũ giống chiếc mũ nồi, đủ màu xanh đỏ từng khoanh ghép lại. Ở làng tôi cũng có những người ở Sài Gòn, Lục Tỉnh về. Họ đội nhiều cái mũ nom rất lạ. Nhưng tôi chưa hề thấy một chiếc mũ nào lại có nhiều màu sắc sặc sỡ như vậy. Bọn trẻ đứng vây quanh, đi qua đi lại - dòm dòm ngó ngó như

những lái mua trâu. Một đứa chột nói toạc:

- Đen quá hè!

Tất cả nổi cười ồ. Một đứa hỏi:

- Tên mày là chi?

Thằng lạ mặt đứng lặng thinh. Nó hơi núng vì thấy đứa nào cũng có vẻ hung tợn. Sau cuộc chơi giật lá, mặt mày bọn chăn trâu đang đỏ lửa phừng phừng.

Chột thằng Thân ở xóm chợ nhảy ra:

- Tên là Cù Lao đó!

Nó huơ tay ra sức giảng giải:

- Nó ở xứ cù lao Chàm ngoài biển Đông. Tên nó cũng Cù Lao, tên mới dị chứ! Nó về đây hôm qua. Ở xứ biển Đông có con cá Ông to lắm, bằng cái đình vậy! Khi giông tố, ghe thuyền bị chìm. Người ăn ở có hậu đã có Ông công vào, không chết đâu mà sợ. Khi Ông chết, trời cũngมืด mù...

Thân đầu trọc còn định nói dài nữa, nhưng đứa khác đang nóng ruột muốn hỏi thằng Cù Lao.

- Phải vậy không? Có phải tên là Cù Lao không?

Thằng lạ mặt bước thụt lui hai bước, quay lưng đi về phía bờ cây bã đậu. Nó quay lại nhìn nhìn rồi co giò bỏ chạy. Bọn chăn trâu nổi cười ồ.

Thân đầu trọc nói át tất cả:

- Nó ở dưới biển Đông. Biển Đông là chỗ mặt trời mọc. Ở đó gần mặt trời, nước nóng lắm!

- Hèn gì! Mặt trời đốt nó cháy đen thui. - Một thằng vừa nói vừa gật gù như vừa khám phá một điều bí mật.



Tất cả những đứa khác cũng gật gù theo.

Thân đầu trọc càng quả quyết:

- Tao xem đi xem lại, thằng đó cũng là mọi biển. Mọi biển thằng nào cũng đen như dít trã. Mọi núi cũng đen. Bọn ở cao càng đen, vì gần mặt trời. Mọi cao cổ giống có đuôi. Chúng có một thứ "ngải" kinh lắm!

Nó kể lại một lần đi theo cha nó lên nguồn gặp mọi có đuôi biết bỏ ngải. Bị bỏ ngải là bỏ xừ! Cái bụng sẽ phình lên, to mãi, căng mãi rồi, đoàng! Bụng nổ như pháo cối, ruột gan văng tung đi hết...

Nhưng chuyện bụng nổ như pháo cối không hấp dẫn bằng chuyện cái đuôi. Một thằng hỏi:

- Nhưng tao muốn hỏi cái đuôi đó mọc chỗ nào? Có phải mọc chỗ này không? - Vừa hỏi nó vừa sờ vào chỗ mông của thằng đứng bên cạnh. - Nó to hay nhỏ, giống cái đuôi lợn lảng quăng hay cái đuôi trâu? Như vậy nó cứ cộm, làm sao ngồi dặng?

Thân đầu trọc giơ ngón tay út:

- Bằng cái lông tay này nè. Ghế ngồi đều phải đục một cái lỗ trống.

Một vài đứa tiếc rẻ là lúc nãy quên xem thằng mọi biển có cái đuôi hay không.

Thân đầu trọc quả quyết:

- Làm gì có đuôi! Nhưng nó biết uống nước bằng lỗ mũi, uống được nước mặn!

Một thằng ở xóm dưới bỗng nổi cười lăn cười lóc:

- Bay nè! Tao gặp nó ngoài chợ. Ai đời, hì hì! Cái "dung" đây cái nôi mà nó nói là cái vung. Cái trã nó gọi là cái trách. Có trách móc ai đâu. Hì, hì! Nó nói với bà bán nôi: Bán cho tôi cái vung để đây cái trách. Bà bán nôi chịu chết, không biết nó nói cái chi chi, hì, hì! Đi "dề" nhà, nó nói đi huề nhà, hì hì! Nó uống nhiều nước mặn nên bị cứng lưỡi! - Nói đến đây nó ngã lăn xuống đất, ôm bụng cười rũ rượi.

Một đứa khác phụ họa:

- Nó chẳng biết móc gì cả. Hôm qua tao lại chồ nó. Nó lấy tay đánh đốp, đập chết con muỗi. Nó lượm con muỗi đem ra sân ngắm nghía như một con gì lạ. Thấy người ta ăn nhộng, nó sợ mất máu. Nó nói là ăn sâu.

Một thằng khác chép miệng tiếc rẻ:

- Úy! Nhộng ngon vậy mà không biết ăn! Nó ăn cái chi?

- Tao thấy nó mua đường với mắm cái.

- Úy mẹ ời! Kinh lắm! Ăn đường với mắm cái phải ọe ra hết.

Một vài đứa khác nhỏ rồi nôn ọe như chính mình vừa ăn đường trộn với mắm cái.

- Thấy con ngỗng, nó không biết con chi. Gặp trâu nó tránh xa, giương mắt ếch. Nó nhát như cáy. Gặp nó, tao thét một tiếng, nó hoảng cái chơi!

Một đứa đây vẽ quan trọng:

- Tao xem thằng này dị tướng! Nó lại ở xứ biển Đông, chỗ mặt trời mọc. Thầy Lê Hào nói phát xít

Nhật cũng ở chỗ đó. Ở cùng một chỗ, chúng phải quen nhau. - Nó hạ thấp giọng: - Phải coi chừng mới được!

Đến đây không khí bỗng đổi khác. Đứa nào cũng hóa nghiêm nghị tưởng như mặt thám Nhật đã đột nhập vào sông Thu Bồn. Một đứa nhìn khắp chung quanh:

- Phải báo Ủy ban bắt quách!

*

* *

Trưa hôm đó, đưa trâu về nhà, tôi thuật lại với chị Ba tôi vừa gặp một thằng mọi biển. Tên nó là Cù Lao, ở ngoài cù lao Chàm mới về. Thấy chị Ba nghe có vẻ chăm chú, tôi càng nhấn thêm một vài chi tiết có vẻ giật gân. Nào là thằng Cù Lao đó trông rất gớm ghiếc. Nó biết uống nước bằng lỗ mũi. Cặp mắt nó con nhỏ con to cứ lăm lét. Chị Ba nghe xong xì một tiếng:

- Làm gì có mọi biển mọi núi! Họ cũng là người như ta cả. Thằng Cù Lao đó là con của chú Hai Quân. Chú Hai Quân ở ngoài cù lao Chàm về đây hôm qua. Trước kia bị lí trưởng đánh, chú bỏ làng đi mất. Chú cùng họ với nhà mình, chú của anh Bốn Linh đó. Chú có đứa con trai, chắc là thằng mày gặp. Chúng mày ma cũ chớ ăn hiếp ma mới. Chớ bịa đặt những chuyện bậy bạ!

Cách nói của chị Ba có một cái gì quả quyết làm tắt cả những điều tôi tưởng về thằng Cù Lao bỗng tan ra mây khói. Chị Ba bảo tôi đi xúc ngô ra giã. Tôi xách mủng leo vào cút xúc một mủng

bắp đổ vào cối. Chị Ba hứa sẽ làm món lớ bắp. Nghe vậy tôi già càng nhanh. Chợt chị Ba ra hiệu bảo tôi dừng chày:

- Im để nghe thử!

Hình như có tiếng ai khóc. Tôi dừng chày lắng nghe. Rõ ràng có tiếng kể lể từ phía nhà anh Bốn Linh đưa lại. Chị Ba gác chày lên cối, bỏ chạy. Tôi vút chày chạy theo.

Trước nhà anh Bốn Linh, bọn trẻ con đang nhón nháo. Trong nhà có tiếng khóc ồ ồ và tiếng kể lể:

- Ối trời ơi! Chị chết đi bỏ một mình anh ở lại... sống một ngày dương gian bằng nghìn ngày âm phủ...

Quái! Chị Bốn Linh hôm qua bị cảm đã nhờ chị Năm Như cào xông. Sau đó lại làm thêm mấy bát cháo hành. Không nhẽ chị Bốn lại đành bỏ anh Bốn về với ông bà đột ngột như vậy? Tôi nhìn quanh trong nhà cũng chẳng có ai nằm im đắp chiếu, cũng chẳng thấy có cỗ áo quan nào cả. Bác Úc ngồi xếp hàng trên phản cười tủm tỉm. Thầy Lê Hảo cười hà hà. Chú Năm Mùi cười hì hì. Ông Bảy Hóa cười như người ta ho khếch, khếch! Ông vừa cười vừa vuốt râu ra bộ khoan khoái lắm. Bộ râu của ông Bảy vừa rậm vừa dài tỏa xuống đến rốn. Xem điệu bộ ông vuốt râu, người ta tưởng ông còn muốn kéo râu ông dài đến đất. Một người lạ mặt, tóc hoa râm ngồi cạnh bác Úc. Tiếng khóc và tiếng kể lể nổi lên:

- Ối chị Hai ôi! Anh Hai đã về đó mà chị đi



đâu?...

Thì ra bà Hiến đang ngồi khóc. Bà là người khóc to nhất. Chị Bảy Có, chị Năm Như ngồi chung quanh cũng thút thít. Tôi rất lạ là trong lúc các bà đang khóc lóc thì bên nam giới lại cười nói ồn ào. Từ nhỏ đến lớn, tôi chưa hề thấy một cảnh vừa cười vừa khóc như vậy. Trong những hội hè đình đám tất cả đều uống rượu, ăn thịt, đều cười hể hả, không ai khóc. Tôi cũng có đi xem những đám ma, nhiều đám to lắm, cũng chỉ thấy người ta khóc. Nếu không khóc cũng làm ra vẻ buồn, chẳng có người cười người khóc bao giờ cả. Bà Hiến nấc lên:

- Khi anh Hai bỏ làng ra đi thì chị Hai cũng đi biệt tích. Chị em thương nhau từ thuở ể chớm. Con rận, con chí cũng cần làm đôi, không nhớ không thương sao được!

Ông Bảy Hóa lại vuốt râu dài cười khếch khếch:

- Ôi cái bà này! Trước đây anh Hai bị đế quốc phong kiến áp bức, cực chẳng đã phải bỏ làng ra đi. Nay Cách mạng lên rồi. Đất đã lành thì chim phải bay về đậu. Anh Hai về tìm lại quê cha đất tổ, bà con ta phải mừng chứ làm răng bà lại khóc?

- Ông bắt chước cách nói lối của hát tuồng - Anh Hai giận làng ra đi, bỏ chị Hai ở lại. Ra ngoài cù lao Chàm lại lấy được một bà khác. Bà sau sinh được một cậu quý tử. Thật là hạnh ngộ!

Ông Bảy Hóa đưa mắt nhìn quanh. Chợt ông chỉ tay vào chỗ góc cột:

- Có phải nó kia không?

Tôi nhìn theo ngón tay chỉ của ông Bảy Hóa. Thì ra thằng Cù Lao đang đứng nép sau gốc cột.

Ông Bảy Hóa đưa tay vẫy vẫy:

- Ra đây. Mày ra đây để bác xem cái tướng mày ra sao? Ái chà! Trán cao, mắt xếch, tai xù, đường đường như Lục Vân Tiên. Lại đen thui đen thui! Úy, có cái mũi khéo đã hung! Cho bác mượn bác đội một chút cho sướng. - Ông quay về phía người lạ mặt: - Nè anh Hai, đã về đến đây, anh để cho em nó ăn mặc chi lạ vậy? Quần dài không ra quần dài, quần xà lỏn không ra quần xà lỏn. Phải sắm cho em nó một bộ đồ tây, có cái ca-vát hẳn hoi, đội cho nó cái mũ phớt, ngó mới được!

Thằng Cù Lao mắc cỡ lại thụt vào sau gốc cột.

Ông Bảy Hóa cười to:

- Con trai sao lại thậm thà thậm thụt làm vậy! Phải can trường lên chứ! Lục Vân Tiên tuổi vừa đôi tám đã đánh được bọn lâu la. Về đây, nên dùi mài kinh sử. Cách mạng đã thành công, phong vân ta đã gặp hội!

Ông Bảy Hóa quay sang phía thầy Lê Hảo:

- Sân đây có thầy Lê Hảo, anh Hai nên nhờ thầy lo bề đèn sách cho em nó. "Danh con đang rạng thì tiếng thầy đồn xa" đó thầy!

Anh Bốn Linh ở dưới nhà bếp bước lên nói liền theo:

- Tôi phải lo cho nó học tập cái đã. Chú tôi về được đây, ổng chẳng phải lo cái chi cho mệt. Mất cha còn chú. Chú cũng như cha. Vợ chồng tôi sẽ lo hết cho chú. Chữ hiếu trung bọn này giữ trọn.

Ông Bảy Hóa khếch khếch to hơn:



- Vậy mới phải đạo chứ! Tôi còn muốn hỏi, vậy cái khoản mừng anh Hai về làng, anh chị Bốn định sao?

- Trưa nay tôi có con gà, làm bữa qua loa. Mời ông Bảy ở lại với chú tôi cho vui, không mấy khi hai ông gặp lại. Ngoài chuồng, tôi còn con heo. Tôi bảo mẹ Bốn thúc cho nó béo ú ừ, rồi mời bà con đến cầm... chén rượu!

Dưới nhà có tiếng gà bị bắt kêu oang oác.

Chợt con Vện nhà anh Bốn Linh sủa ran. Con Vàng nhà tôi cũng sủa. Chó nhà bà Hiến sủa rộn lên. Ông Kiểm Lài bên hàng xóm chạy qua, chú Năm Mùi, dưỡng Hương Thư, ông Bốn Rì ở xóm dưới chạy đến. Ông Kiểm Lài vừa bước vào cửa đã oang oang:

- À anh Hai! Anh về đó hả? Anh giận có người, chứ sao lại giận cả bà con, bỏ đi biệt tích. Sáng nay anh về... Hèn gì con chim khách cứ bay qua bay lại kêu choẹt choẹt. Tưởng có khách lạ. Té ra anh Hai về.

Ông Bảy Hóa về râu:

- Sáng nay tôi cứ hắt xì, hắt xì, đoán có điềm lành. Hóa ra thật!

Bác Úc cười:

- Bữa nay mà ông Bảy còn nói chuyện mê tín. Sách của ông Bảy cũng phải đốt đi.

Ông Bảy nửa đùa nửa thật:

- Thế tôi xem tướng có sai không nào? Khi anh Sáu còn bị đế quốc làm tù, tôi xem tướng biết cái hậu vận của anh sẽ làm ông lớn. Nay nghe nói anh làm đến chức gì rồi đó! Có đúng không nào?

- Ông quay sang phía chú Hai Quân chỉ vào cái cầm của chú: - Theo sách tướng, người có cái cầm dài và nhọn như thế này thì cả đời lao khổ. Nhưng được một cái thượng đình⁽¹⁾ bằng bằng như anh Hai thì hậu vận về sau phú quý.

Bác Úc cười tò hơn:

- Nước nhà độc lập, rồi đây ai chẳng phú quý. Đoán như vậy cũng chẳng khác chi thầy bói "đoán cho một quẻ trong nhà, vợ chú đàn bà chẳng phải đàn ông".

Mọi người cùng cười. Bà Hiến nín khóc cười theo:

- Còn cái hậu vận của tôi nè?

- Bà hử? Bà có hai tai to, hai má bầu bầu. Như vậy tướng bà đúng là tướng phật. Tiên phật ra đời phải nếm đủ mùi cay đắng. Đức Quan âm cũng vậy, phải chịu hết oan khiên. Lửa thử vàng gian nan thử sức, sau đó mới ngồi được trên tòa sen. Bà từ nhỏ đến già, không nơi chui rúc. Nhưng nhờ cái hiếu trung giữ trọn nên đã đến lúc... thái lai. Vài ngày nữa bà có một gian nhà mới, có hai trái tám cột đằng hoàng!

- Phải chịu thầy coi tướng giỏi! Ủy ban đã cấp đủ tranh tre kèo cột. Đợi vài bữa sẽ có nhà mới.

Tiếng cười như pháo nổ. Ai cũng muốn hỏi chú Hai rất nhiều chuyện, mời chú Hai về nhà mình chơi. Cho đến lúc chị Bốn Linh nhắc chõng quét bàn để dọn cơm, mọi người mới lần lượt giải tán.

1. Phần trên của mặt.



2

Chú Hai Quân là người làng Hòa Phước, nằm trên bờ sông Thu Bồn, hình thế giống như một con rùa nằm cạnh bờ bể. Bể đó là một rừng dâu xanh.

Chuyện kể lại rằng:

Lúc khai thiên lập địa, trời đất còn hỗn mang, chưa có sông Thu Bồn. Tất cả nguồn nước không chảy về phía đông mà cứ chảy loanh quanh ở phía tây, vì ở đó có con giao long khổng lồ hút hết nước. Thuở ấy thần Mưa tính hay lơ đãng, có lúc quên cả những việc có thể gây ra cái chết cho cả trăm loài. Một năm thần Mưa quên gọi Mây tưới nước xuống phía đông, gây ra những cơn hạn hán khủng khiếp. Ao hồ cạn nước, cây cối khô queo. Lưới lửa suốt ngày cứ bập bùng. Loài biết bò và loài biết bay, loài có râu và loài không râu đều cháy ra tro bụi. Hồi đó trên non cao có một vị thần tên là Thượng Ngàn. Ngài cao to khác thường. Người đời phải có tầm mắt thật xa mới nhìn thấy được ngài trong ráng chiều lộng lẫy. Ngài hay qua lại giữa khoảng trăng sao. Một hôm

nhìn về hướng đông, biết có cơn hạn lớn, ngài vội vã đi tìm con giao long hút nước. Ngài nhổ sẵn nhiều cụm núi rồi đứng đợi. Giao long vừa há mồm, ngài lập tức tọng nhiều quả núi vào họng nó. Nó giãy lên làm núi non ào ào sụp đổ. Một phen đất chạy đá bay! Giao long bị quật chết, ngã sóng sượt, xương xẩu nanh vuốt của nó chất thành núi như núi Mĩ Yên, núi Lập Thạch trùng điệp và lởm chồm đến vài mươi dặm, hiện nay còn thấy. Nước không bị giao long hút cứ tràn ra. Vị Thượng Ngàn phải chẻ núi, vạch nguồn Chiên Đàn, nguồn Thu Bồn, và nguồn Ô Da. Tất cả ba nguồn Chiên Đàn, Thu Bồn, Ô Da ngài cho nhập lại thành một con sông to. Đó là sông Thu Bồn ngày nay. Sông Thu Bồn chảy đến Văn Li, ngài Thượng Ngàn cho chẻ ra làm đôi như đôi tay ôm lấy khu Gò Nổi. Vị Thượng Ngàn còn vạch dọc theo bờ bể sông Trường Giang, sông Tam Kỳ, sông Bàu Bàu... Ngang dọc chỗ nào cũng có sông, có nước, đủ cho dân cư nẩy nở.

Nhưng việc mới lại dễ ra.

Dân cư trên sông Thu Bồn hóa đông đúc. Số người dễ ra nhiều thì số người chết không ít. Nhà cửa dưới âm phủ ngày càng thấy thiếu, mọi việc trở nên phiền phức. Vua Diêm Vương thấy cần thiết phải xây dựng thêm nhà cửa và cung điện. Ngài sai bọn Hà Bá mang theo bọn Thuồng Luồng, Bạch Tuộc lên nguồn đốn gỗ. Chúng ngược sông Thu Bồn, hô mưa gọi gió gây ra những bão táp dữ dội, vạt hết gỗ tốt. Vị Thượng



Ngàn phải đánh trả. Ngài nhỏ những núi to ném xuống. Bọn thủy quái chết có hàng triệu, thây đặc cả nước. Núi rơi loạn xị cấm xuống đất, có hòn cao ngất như Núi Chúa, núi Cu Đê, núi Phò Nam. Có hòn làm thành những hình thù kì quái: Hòn Nghê giống như con sư tử đứng chồm ra biển, cụm Ngũ Hành Sơn giống như năm ngọn tháp chọc trời xanh, núi Quắp giống như một cái vuốt hổ, dãy Phò Nam giống như đàn cá kình vùng vẫy...

Như vậy sau những cuộc chiến đấu ác liệt, núi cũng như sông ở quê nội của thằng Cù Lao đã hình thành, hiện nay còn nguyên như cũ.

*

* *

Câu chuyện vẫn tiếp tục.

Nhờ những trận đánh trả quyết liệt của vị Thượng Ngàn, nhân dân đã sống sót. Nhưng sau trận lụt bão, nạn dịch tả lại hoành hành. Một năm bệnh đậu mùa làm người chết như rạ. Viên quan dưới âm phủ lo về nhân thế bộ không ghi hết danh sách. Một số cô hồn phải ở lại trần gian. Chúng nổi lên phá phách, bắt mọi người phải cúng lễ. Một số thay đổi hình dạng. Có lúc chúng biến thành chim, thành cá hoặc hóa thành những ông già, hoặc những người bạn thân thiết. Có người đang ngồi nói chuyện với một người bạn, chợt người bạn đó hóa thành hai, giống nhau như đúc. Người nào cũng cho mình là bạn thật, làm không biết đâu là thật, đâu là giả. Bọn ma quỷ gieo rắc

hoang mang giữa bạn bè, anh em, cha con. Cuộc sống bị đảo lộn. Vừa lúc đó có một vị đạo sĩ ra đời. Ngài biết con đường đi vào trăng sao và con đường đi vào lòng người. Do đó thật hư ngài đều hiểu rõ. Ngài cầm chiếc quạt nan, mặc áo vải, đi chân đất, nhưng đến đâu bọn ma quỷ đều khiếp sợ. Vị đạo sĩ dùng bùa chú, tập hợp các loại âm hồn giảng giải:

- Ta không hiểu sao các người cứ làm tổn hại đến sinh linh. Nếu người sống còn lại ít thì tất nhiên việc lễ bái cũng sẽ ít đi. Số chết đi biến thành ma quỷ ngày càng đông, thì cái ăn của các người càng bị thiếu. Cái ăn càng thiếu thì dễ sinh làm bậy. Ta khuyên các người nên tập hợp lại, làm giấy khai với Diêm Vương để xin hóa kiếp. Kẻ vì việc nghĩa phải chết, đầu thai làm bậc thánh hiền hoặc làm thành cây tùng cây bách đũa reo với gió. Kẻ vô tội sẽ hóa kiếp làm người đi cày đi cấy. Kẻ phạm tội sẽ đầu thai vào muôn loài điều thú, tự tìm lấy mà ăn, ung dung ngày tháng. Có cần gì phải làm điều phi nghĩa. Ta có thể tâu với Nam Tào giúp các người làm việc đó. Nếu các người trù trừ, sẽ mang lấy họa!

Bọn ma quỷ nổi lên hú hí om sòm: Rốt cục chúng chia làm hai phe: một phe đi đầu thai hóa kiếp, một phe chúng nào tạt ấy cứ phá phách trong nhân dân. Vị đạo sĩ luyện tay ấn, dùng bùa phép đôn chúng lại ở những nơi hoang vắng. Ở quê tôi, bọn cứng đầu cứng cổ đó bị nhốt lại ở chòm đa Lí. Đó là một mảnh đất hoang có nhiều



cây đa âm u cao vút. Gốc đa sù sì đầy hang hốc, cành đa cao to, lông lá chéo nhau thành một vòm kín mít. Chốc chốc vài quả đa rơi lộp độp. Có tiếng rào rào như có ai đang nhảy nhót trên cao, kẻ bạo dạn nhất qua đây cũng phải co giò bỏ chạy. Vào lúc trời hửng sáng hoặc lúc có mưa lâm thâm, có người đã thấy bọn quỷ Bạch Thổ Năm Nanh ngồi đu đưa trên cành cây vừa ru con vừa chải chấy, tóc xõa dài tới đất. Ai chẳng may nhìn thấy chúng đều bị nổ mắt hoặc phải học máu trào cơm. Trước ngày Tổng khởi nghĩa, đêm đêm những ngọn lửa ở đó cứ chập chờn, lúc phụt tắt như ma trời trông rất ghê sợ!

Vị đạo sĩ đẹp xong bọn ma quỷ, nhân dân yên ổn làm ăn. Lúc đầu họ chỉ biết trồng ngô và cấy lúa. Một hôm có vị tiên nữ tên là Tây Lăng đang đi du sơn du thủy, chợt thấy trước mắt phong cảnh hữu tình. Đó là con sông Thu Bồn giống như dải thất lung của tiên nga múa lượn. Hoa màu trải ra như gấm vóc. Nhớ đến cảnh những nàng tiên ngồi quay tơ ca hát, bà Tây Lăng nghĩ nên bày cho nhân dân ở đấy trồng dâu và nuôi tằm. Nhờ bà Tây Lăng, bãi dâu dọc sông Thu Bồn trải ra xanh ngút. Tiếng thoi reo vui, lụa phơ óng ánh. Dân vùng tôi lập miếu thờ bà. Hai chữ Tây Lăng hơi khó nhớ nên mọi người đều gọi là Bà Tằm. Hôm nào cúng tế, miếu Bà Tằm mở cửa. Lệ làng cứ ba năm một lại tổ chức hát hội để tế bà. Đó là những ngày hội lớn, không có vui nào sánh với cái vui đó được!

*
* *

Khi chú Hai Quân ra đời rồi lớn lên, chú thấy đã có miếu Bà Tầm dựng lên thuở nào không biết. Cũng đã có sông Thu Bồn, có chòm đa Lí. Trời đất bốn mùa vẫn thay đổi. Mùa xuân dâu non xanh mướt. Cũng là mùa tầm tơ rộn rịp. Mùa hè bãi dâu chuyển màu xanh đậm. Nắng to. Đất nứt. Đỗ nở. Vùng nổ. Cho đến tháng chín trời bỗng âm u, rồi những cơn mưa tối đất. Con sông Thu Bồn duyên dáng bỗng phình to vùng lên gào thét, giống như con bạch tuộc giương những vòi dài vào các làng xóm, đìm tắt cả xuống nước. Giữa dòng nước cuộn cuộn đục ngầu, những cây to bị vật, kết bè trôi xuôi vun vút. Chú Hai tin đó là Diêm Vương sai bọn Hà Bá lên nguồn vật gỗ đem về làm cung điện. Chú Hai lớn lên, biết trồng dâu nuôi tầm. Chú Hai tin là ở trên trời chỗ xanh xanh kia có các vị Thượng Đế đã định trước số mệnh con người. Chú Hai lớn lên lấy vợ. Hai năm sau chú sinh được một bé gái đầu lòng. Và sau khi mặt trời mọc ở phương đông và lặn ở phương tây ba trăm sáu mươi lần thì bé gái của chú cũng vừa tròn một tuổi. Vừa lúc đó làng tôi có tổ chức hát bội ở miếu Bà Tầm. Cả làng bỗng rộn lên, cái vui không biết để chỗ nào cho hết. Trẻ con đứa nào cũng hóa nhanh nhẹn. Người lớn động viên:

- Làm cho giỏi đi! Tao cho đi xem hát bội!

Những đứa lì lợm nhất cũng hóa nhanh chân nhanh tay, mọi khó khăn đều vượt được tuốt. Một

thiên đàng sắp mở cửa.

Chó sủa gâu gâu như đoán biết một ngày hội to sẽ mở. Lợn đang ngủ trong chuồng bỗng bị gây thọc vào bụng bất đứng dậy để xem được bao nhiêu mỡ. Trâu cũng nhón nhác lo cho số phận của mình. Quán thịt chó bắt đầu dựng. Bọn cờ bạc mang thùng mang đĩa kéo đến. Ngoài đình tiếng lợn rống, tiếng trâu bò bị chọc tiết ậm ồ. Dao mác chặt xương nghe lóc cóc. Đến lúc đào kép tề tựu thì cái vui lên đến cực độ.

Chú Hai Quân cũng háo hức như mọi người. Chú thuộc vào hạng giáp phe trong làng, nên càng phải làm việc tới tấp trong ngày lễ hội. Ông xã gọi, ông hương kêu, chỉ dậm dậm vâng vâng cũng không kịp. Ông bảo đảng này, ông sai đảng nọ, mọi việc càng thêm rắc rối. Đêm đầu, làng hát tuồng Ngũ Hồ bình Liêu, hôm sau hát tuồng Sơn Hậu. Chú Hai ngồi bặm thịt, bụng dạ cứ để đâu đâu. Người lại người qua bên cạnh luôn luôn tán thưởng:

- Ôi chà chà! Vai Đồng Kim Lân hay nổ trời nổ đất!

- Thằng Côi tài quá! Tuyệt diệu! Tuyệt diệu!

Trống châu giục giã. Loáng thoáng một vài câu hát nam hát khách từ rạp đưa sang. Chú Hai biết đó là lớp Đồng Kim Lân và Khương Linh Tả thử lòng trung nghĩa của Tử Trình. Đó là lớp Đồng Kim Lân chém tên cai ngục để đưa bà Phi bế con chạy thoát.

Tiếng trống châu càng dồn dập. Phạt đang ngồi

Võ Quảng

trên bàn cũng phải nhảy xuống đi xem. Chú Hai chịu không được nữa, buông con dao chạy sang rạp hát lúc nào không biết.

Người xem không chen lọt. Chú Hai trèo lên một cành cây thả người xuống mái rạp, vạch tranh dòm xuống. Trên sân khấu, một tướng mặt đỏ, mắt sắc, đầu đội mũ văn có cắm hoa đỏ, mặc áo có rồng thêu, chân đi hia, tay cầm giáo đầy vẻ uy nghiêm. Đó là Đồng Kim Lân đang phò bà Phi chạy trốn. Bà Phi trong bộ đồ tang màu trắng, tay ôm hoàng tử vừa lọt lòng mẹ. Đồng Kim Lân giục:

- Xin bà rời chỗ chết, mà lên ngựa cho mau!

Đồng Kim Lân đỡ lấy hoàng tử, ôm hoàng tử vào lòng, trao cho bà Phi cây kiếm. Đồng Kim Lân mời bà Phi lên ngựa:

- Chờ khi nguy biến, ngăn bọn tặc binh, bà kíp thượng trình, đêm thời đã đến!

Đồng Kim Lân cũng lên ngựa rồi hát câu nam chạy:

- Đêm đến mau mau tị nạn. Nát gan vàng đòi đoạn chua cay!

Bà Phi hát tiếp:

- Mấy phen trời đất đổi thay! Càng cao danh vọng càng dày gian nan.

Cả rạp rào rào. Tiếng trống châu đồn dập.

Đồng Kim Lân vượt qua ải. Đêm tối trập trùng. Chợt bà Phi bị lạc mất. Khương Linh Tá, bạn sống chết của Đồng Kim Lân vừa sa cơ bị giặc giết. Trên tay Đồng Kim Lân, hoàng tử khát sữa



nổi khóc. Bọn giặc hò hét đuổi sát sau lưng. Đồng Kim Lân bị lạc giữa rừng sâu, đêm tối mịt mùng không tìm ra phương hướng. Bỗng một cơn gió thổi, rồi một ngọn đèn bỗng chập chờn bên khe núi. Đó là hồn của Khương Linh Tá vừa hiện lên:

- Em đây là Khương Linh Tá!

Xung tên xong, Khương Linh Tá chỉ về phía trước:

- Không quên lời thề ước, chân trời góc bể phải có nhau. Giặc đang đuổi gấp. Nhắm thành Sơn Hậu khá đi mau!

Đồng Kim Lân bàng hoàng hỏi:

- Tôi vừa chôn anh đó, vậy trần gian âm phủ xa cách thế nào?

Chú Hai Quân bị hút theo Đồng Kim Lân đang gập ghềnh bước theo bóng ma của Khương Linh Tá. Đồng Kim Lân hát:

- Vin cây, leo đá ngại gì. Đèn soi chính nghĩa, non ghi cảnh tình!

*

* *

Chợt chú Hai Quân nghe có ai nắm chân kéo. Chú với tay không kịp, ngã quay xuống đất. Chú nổi quát:

- Chơi cái mà tổ bay hả?

Chú chưa dứt lời thì hai bạt tai nẩy lửa văng vào mặt chú. Chú Hai nhào sấp xuống đất, la to:

- Bớ làng! Bớ làng! Du còn đánh tôi!

Đốp, đốp! Những bạt tai khác nện vào mặt, vào tai túi bụi:

- Á! Tao là du côn hủ! Mày chửi tao là chửi tiên sư làng này.

Chú Hai cố mở mắt. Thằng lí trưởng mặt đỏ như lửa, quát:

- Việc cúng tế, việc trên đầu trên cổ. Mâm cúng chưa xong, mày dám đi mất. Gọi mày xuống, mày chửi. Dân đầu! Trói nó lại! Căng nó ra giữa đình cho tao!

Nó chỉ vào bọn thủ hạ, gầm lên:

- Trù trừ gì? Mau lên!

Bọn thủ hạ xông vào. Chú Hai la làng inh ỏi:

- Bớ làng! Xã Cống giết tôi! Bớ làng...

Chú vừa hét vừa đâm đá, giãy giụa. Bọn anh em xã Cống ập lại vật chú ngã xuống, đè lên người, cởi dây thắt lưng trói quặt hai cánh tay và hai chân chú lại.

- Bớ làng bớ xóm! Cứu tôi với! Nó giết tôi rồi! Tổ cha mày!

Thằng xã Cống chạy rút chiếc roi mây, quát tới tấp:

- Chửi này! Chửi này! Phản này! Nghịch này!

Chiếc roi trên tay xã Cống đã nát. Quần áo chú Hai rách bươm, khắp người rớm máu. Xã Cống vút roi, đi thẳng vào rập hát, cầm dùi đánh châu bảo cứ tiếp tục hát.

Khắp sân đình người đổ ra đông như kiến. Họ dón dác gọi nhau, chen lấn, xô đẩy, cố xem tận mắt người bị đánh:

- Bà con ơi! Có người bị giết!

- Ố làng nước ơi! Có kẻ giết người!



- Nó sắp chết rồi! Có án mạng rồi!
 - Nó phá làng không cho hát!
 - Mặt mày nó hung ác lắm!
 - Nó là thằng Hai Quân, du côn làng này đó!
- Có người bị đẩy ngã ập lên trên chú Hai.

Chú Hai bị trời phoir giữa sân đình. Đến chiều tiếng rên rĩ của chú yếu dần, cặp mắt chú cứ nhắm lại. Thím Hai hoảng sợ chạy lên chạy xuống kêu khóc ầm ĩ. Việc đã khẩn cấp. Có người bày cho thím Hai đặt một khay trầu cau đến xin xã Cống tha cho chú. Bọn hào lí bàn ra bàn vào cho là kẻ quân tử không nên chấp đũa tiểu nhân. Thím Hai phải lay mấy lay, xã Cống chịu cho chú Hai cời trời.

Bà con cõng chú Hai về nhà, tìm ngải cứu dầm với rượu đắp vào những chỗ toạc máu. Mười lăm hôm sau, chú Hai ngồi dậy được. Ngoài làng, cột cờ dựng giữa sân đình đã hạ xuống, rạp hát từ lâu đã dỡ đi, cuộc sống đã trở lại như cũ. Mỗi buổi sớm, vẫn bọn bồ chao hú gọi ngoài bờ tre làng. Chiều tối, vẫn tiếng trống thu không khác khoải. Mọi vật đâu đó vẫn y nguyên. Nhưng trong lòng chú Hai đã có cái gì rạn vỡ. Chú không còn cái vui làm lụng để nuôi vợ nuôi con. Chú dừng dừng với nụ cười của bé gái. Thím Hai nói động gì là chú nổi lên quát mắng. Cuộc sống chung quanh trở nên bức bối. Những cảnh áp bức bị xóa mờ nay lại hiện lên. Chú nhớ lại có lần chú đi khiêng đám ma, chú khiêng chống đòn vì người chú cao. Người chú cao hay thấp, cái đó do bà mẹ nặn ra,

nhưng chú bị bọn lí hương quát mắng. Chú nhớ lại tháng nào trong làng cũng có tiếng trống mõ báo động, việc đốt nhà trộm trâu xảy ra liên tiếp. Người bị cùm kẹp ở điểm canh gào khóc trong mùa sưu thuế! Kẻ bắt ốc mò cua lòng sục trong ao sình vào những tháng đói. Những ma đậu mùa, dịch tễ gào rống. Chú Hai không hiểu vì sao một khi con người sinh ra phải chịu bao nhiêu tai họa. Chú nhớ đến Đồng Kim Lân, tai họa cứ đồn dập kéo đến. Đồng Kim Lân còn được hồn Khương Linh Tá hiện lên soi đường. Còn thân phận của chú!... Khi nhớ lại mình bị cột ở sân đình dưới cặp mắt chê cười của thiên hạ, chú nghe hoảng hốt. Một tiếng gà gáy. Chú Hai giật mình biết suốt đêm chưa ngủ. Chợt một ý nghĩ bật sáng:

- Phải bỏ làng ra đi!

Cái ý nghĩ đó cứ bám riết lấy chú.

*

* *

Chú Hai hóa làm lì. Một hôm chú cầm cùi lột lá mía đem giọt lại chỗ dột trên mái nhà, che lại tám phen để gió khỏi lọt, sửa lại cái vành nôi của con bé. Chiều đó, chú bỏ thêm gạo vào nôi. Ăn xong còn gói một gói, nói là sớm mai vào rừng đốn củi. Tối, chú đi nằm sớm. Một chốc sau quanh làng đã im lặng. Chú Hai khe khẽ ngồi dậy, chú cột mo cơm trên cây đòn xóc, đẩy cửa bước ra. Bên ngoài, trời tối như mực. Trên trời không một vì sao. Vài con đom đóm kéo những vệt sáng nhè nhàng. Cơn mưa đã tạnh, nhưng tiếng động cứ



vang lại từ xa. Chú Hai ra khỏi làng. Chú vừa đi vừa chạy. Đi đâu chú cũng chưa biết, chỉ biết cần xa làng, xa cuộc sống chung quanh cái đã. Có thể đến một người bà con cũng bỏ làng ra đi, hiện nay đang làm nghề trồng chè đầu ở vùng núi Trường Định, Phò Nam bên kia núi Chúa. Đến đó cái đã, đi đâu hầy hay. Chú tránh những con đường lớn. Trên những đường đó có vô số điểm canh. Ra khỏi làng không có giấy căn cước sẽ bị bắt. Chú men theo những con đường nhỏ, vượt qua cánh đồng đầy tiếng ếch nhái van vơ. Chú xuống một cái dốc, vượt qua một bãi dâu. Một con sông hiện ra trước mặt. Giữa khuya, sông không có đèn. Trời bắt đầu sáng. Chú Hai chui vào giữa một bãi mía ngồi nghỉ. Những xúc động làm chú mệt nhoài. Chú chợp mắt ngủ lúc nào không biết. Khi tỉnh giấc, trời đã xế chiều. Tiếng con bìm bịp nghe rờ rạc. Trên trời, một vài con dơi đen bay chấp chới. Chú Hai chui ra khỏi đám mía, lại tiếp tục đi. Người ta bảo Trường Định, Phò Nam ở bên kia núi Chúa. Đi hết đêm thứ ba, chú dừng trước một con sông. Trời vừa sáng, đèn bên kia sông vừa sang. Chú ngồi nép sau một bụi dừa, có tiếng người bảo nhau đây là đèn Ái Nghĩa. Chú ngạc nhiên, đứng nhìn lên. Đứng bên kia sông là Gò Mùn, trước mặt là sông Ái Nghĩa. Thì ra trong đêm tối, chú đã lạc đường, đi quay trở lại. Sang bên kia đèn, đi sáu cây số lại lộn về thôn cũ. Ở đấy thím Hai và bé gái đang đợi. Một ý nghĩ vụt ra: Hay là ta quay về với vợ con! Chú bước ra khỏi

bụi dứa, toan gọi đồ. Nhưng chiếc đồ đã xô ra khỏi bến. Chú đã lỡ đồ! Chú Hai tin lỡ đồ là điềm không tốt. Chú lưỡng lự rồi quay gót đi luôn, đi một mạch không nhìn lại.

Chú Hai nhắm hướng mặt trời lặn đi thẳng. Chú đi mãi đến sát những dãy núi phía tây. Đi lẫn vào những nơi có cây cối rậm rạp. Gặp rẫy sắn rẫy khoai, chú dừng lại moi mấy củ ăn để đỡ đói. Nửa tháng sau, chú Hai biết mình đã ở bên kia núi Chúa. Vì khi ở nhà, ánh điện ban đêm của xứ Hàn ở về phía bắc. Nay cũng ánh sáng đó đã nằm về phía đông nam. Như vậy Phò Nam, Trường Định, nơi có người bà con trồng chè cũng không còn xa nữa.

Trước mắt là một cánh rừng. Vượt qua cánh rừng, chú Hai sẽ men theo những sườn đồi thoải thoải đi xuống phía đông. Nơi đây đã xa nhà, không còn lo sợ có người rượt theo đuổi bắt. Buổi sớm sương xuống dày đặc, đọng mãi đến nửa buổi chưa tan. Chú Hai nhớ mình đi đã lâu nhưng bụi bờ gai góc cứ trải ra như không bao giờ hết. Chợt rừng núi chung quanh trở tối mịt. Gió thổi ào ào. Một tia chớp sáng lóa. Sấm nổ! Mưa! Một trận mưa to chưa từng thấy, tưởng như có hàng vạn chiếc chum đang trút nước trên cao! Đói rét và gió mưa đã làm chú Hai kiệt sức. Chân tay tê cứng, chú Hai bước chập choạng. Chợt chú có cảm giác như mình vừa bị rơi vào một chỗ nào đó, sâu lắm, sau đó không còn biết gì nữa!



Chú Hai bừng mắt, thấy mình đang nằm trong một căn nhà nhỏ. Khắp nhà vắng tanh, xa xa một bóng đèn leo lắt. Có tiếng hỏi:

- Đã tỉnh chưa?

Chú Hai mở mắt thấy một ông già. Ông già hỏi:

- Có biết tôi là ai không?

Chú Hai nhìn chăm chăm rồi lắc đầu. Ông già bước tới cầm tay chú. Ông lấy ngón tay trỏ và ngón tay giữa bấm vào cổ tay chú Hai xem mạch. Chú Hai dần dần nhớ lại những việc đã xảy ra. Một vị quế cay cay đọng lại trong mồm. Ông già lấy cháo loãng đút cho chú mấy thìa, chú Hai tỉnh hẳn lại. Ông già nói rõ từng tiếng:

- Cha mẹ ở hiền thì con cháu gặp lành. Làm điều ác thì ác báo, làm điều thiện thì thiện báo. Tôi đi với mấy người tìm cây tìm lá, tưởng đã gặp người nào bị hổ tha. Khi đến gần thì ra gặp chú, mình thấy vẫn còn nguyên, ngực nghe còn âm ấm. Tôi nói với anh em nên cứu người để lưu cái phúc cho con cháu. Họ cũng chú về đây, may chú sống được!

Ông già hỏi chú Hai ở đâu đến và đến đây có việc gì. Chú kể dần đầu đuôi mọi việc. Ông già thở phào:

- Thế thì Trường Định cũng gần đây thôi. Ở đây nhiều chè. Người bà con trông chè ở đâu không biết.

Ông già khuyên chú Hai nên ở lại với ông, đợi ít lâu, thế nào chú cũng gặp được người bà con

của chú.

Chú Hai đã ở lại với ông già. Chú Hai tính vốn chịu khó, chú cất tranh lợp lại mái nhà, đốt rẫy trồng khoai, đan thúng mùng. Chú tìm đá đục được một cái cối giã gạo. Ông già rất mến.

Ông già cho biết tên mình là Tùng Sơn. Bác Tùng Sơn nguyên là người dưới xuôi lên đây làm rẫy. Một người cháu trai lên đây với bác, nhưng người đó đã bỏ về làng vì không chịu nổi cái buồn ở rừng núi. Khi trò chuyện, bác Tùng Sơn hay dân nhiều chữ nho. Bác từng thi đỗ tam trường gì đó, sau về làm ruộng. Bác thuộc lâu các sách sử. Những đêm trăng, giữa tiếng cây lá rì rào, bác kể chuyện đời Xuân thu Chiến quốc, chuyện tướng này đánh với tướng khác, vua này đánh với vua khác, đánh ở đâu, vì lẽ gì, ai thắng, ai bại, bác đều nhớ hết. Bác Tùng Sơn giảng giải:

- Đời nào cũng có anh hùng. Đời nay cũng không thiếu. Họ thường ẩn núp chốn núi non.

Chú Hai đánh bạo:

- Gặp được họ, ta đi làm giặc coi cũng sướng! Nghiệt nổi ta không có súng!

- Không có súng là tại ta! Ta học hành lèm nhèm quá. Nếu ta biết hết được những lẽ huyền vi trong kinh điển ta cũng đúc được súng. Như trong Kinh Dịch, phép đúc súng, đúc máy bay đều có dạy. Lời lẽ thánh hiền thường khó hiểu, không thể biết được!

Bác Tùng Sơn còn thuộc vô số những bài thơ cổ. Bác thuộc lâu lâu, không chỉ biết tên tác giả

mà còn biết tên người chú thích. Nhiều câu hát tuồng, chú Hai chưa hiểu nghĩa, bác Tùng Sơn giảng giải cho chú nghe rất rõ ràng. Chú Hai hỏi:

- Bác nhớ nhiều lắm chi cho nặng bụng?

- Có muốn vậy đâu. Nhưng đọc đâu nhớ đó, cạy không ra nữa. Một lần tôi đi thi, quan chủ khảo ra bài phú có chữ "lăng", nghĩa nó là sóng. Tôi thuộc từ điển văn, biết đó là chữ "lang" chứ không phải là chữ "lăng". Khi làm bài tôi gieo vần theo vần lang. Bọn chấm thi là đồ ngu dốt. Tôi bị đánh hỏng.

Chú Hai cười:

- Sao bác không làm ông kí ông thông cho sướng? Lên rừng làm rẫy chi cho mệt!

- Cực chẳng đã tôi phải bỏ làng!

Chú Hai ngờ bác Tùng Sơn cũng từng chạm trán với lí trưởng:

- Bọn lí trưởng đánh người.

Bác Tùng Sơn liền nghiêm nét mặt:

- Chúng không dám động đến cái lông chân tôi đâu! Bọn quan trên cũng phải nể mặt...

Thì ra không chỉ những người bị đánh đập mới bỏ làng ra đi. Cả những người học giỏi, thông minh, được vị nể cũng phải bỏ đi lên núi.

Bác Tùng Sơn như ôn chuyện cũ:

- Tôi như nghet thở! Đến đâu cũng gặp những trò chướng tai gai mắt. Nhân tâm thay đổi, thế sự đảo điên. Bọn tiểu nhân gặp thời đắc chí lên mặt. Kẻ quân tử bị tai họa gông cùm. Bọn gian nịnh vinh thân phì gia. Người nghĩa sĩ mắc vòng hoạn

nạn. Hứa Do ngày xưa vì nghe một lời vô đạo phải ra suối rửa tai. Bá Di, Thúc Tề phải lên núi ăn rau mà sống...

Bác Tùng Sơn ngừng một lúc lại tiếp:

- Chung quy cũng vì ta mất nước. Nước mất thì nhà tan. Tôi bỏ làng ra đi... Kể quân tử lúc thời loạn phải thích rừng núi. Tôi cũng muốn gặp một người "chơn nhơn" nhưng chưa gặp được!

Bác Tùng Sơn còn biết rất nhiều cây lá dùng để chữa bệnh. Bác hái về, chỉ tên từng loại, bày cho chú Hai cách sao chế dùng để hộ thân và để cứu người. Bác đem tiền lo lót lí trưởng trong làng mua cho chú một thẻ thuế thân có đóng dấu và có chữ kí hắc hoi. Nhờ đó chú đi khắp vùng Trường Định hỏi thăm tông tích người bà con trông chờ. Có lúc chú gánh một gánh chè xuống tận vùng xuôi để bán. Thỉnh thoảng bác Tùng Sơn cũng "xuôi" một chuyến, có khi nửa tháng mới về.

Một chuyến bác Tùng Sơn về thăm làng, mãi không thấy quay lại. Một tháng, hai tháng... Bác Tùng Sơn đi biệt. Quê bác ở đâu, chú Hai không rõ.

Vắng bác Tùng Sơn, chú Hai quay ra quay vào cũng chỉ một thân một bóng. Rừng núi càng hóa quạnh hiu. Suốt đêm vượn hú. Chú Hai trần trọc nhớ nhà. Một tiếng động rất khẽ. Chú Hai nhìn ra ngoài thấy một vành trăng như gần lắm. Chợt chú thấy thím Hai bước vào. Thím mặc chiếc áo mới. Chú Hai ngờ ngợ hỏi thím đi đường nào. Thím Hai bảo thím đi đường thẳng, đi theo đường chim

bay thì gần.

Chú Hai hỏi:

- Thế ở làng ra sao?

- Người đói rất nhiều. Mình bỏ làng ra đi là phải. Còn tôi, tôi đã về rồi!

Thím Hai khóc thút thít.

Chú Hai bừng mắt. Thì ra chú vừa nằm mơ. Bên ngoài gió bẻ một cành cây kêu rãng rặc. Chú Hai nghe bàng hoàng, biết là thím đã về báo mộng. Chú nhớ câu thím Hai vừa nói: "Tôi đã về rồi!" Xưa kia thánh hiền đã nói "Sống chỉ là ở tạm, chết mới thật là trở về". Như vậy thím Hai đã chết! Mưa đổ ào ào. Mùa mưa đã đến. Nhớ đến thím Hai, nhớ đến con đại, chú Hai nghe đau như cắt.

Ròng rã hai tháng, rừng núi như trải qua một cơn điên loạn. Tất cả đều ngập ngụa, cây lá ngổn ngang. Cảnh hoang tàn bày ra khủng khiếp. Chú Hai thấy mình đã lạc vào một thế giới xa lạ. Cảm giác đó lớn dần làm chú hoảng sợ, chú thấy rõ không thể ở lại...

*

* *

Mưa chưa dứt hẳn, chú Hai đã chuẩn bị đi bán chè. Chú Hai còn mang theo cây lá chữa bệnh và mấy liễn trầu nguồn để biếu những nhà quen biết. Chú Hai bán loại chè ngon. Uống một bát, ai cũng khen đúng là chè nguồn, vừa thơm vừa ngọt. Có ai đau đầu sổ mũi, chú biếu cho vài vị thuốc, trong uống ngoài xoa, bách bệnh tiêu trừ, hiệu

nghiệm như thần như thánh. Một vài bà ở Nam Ô nhận thấy một việc lạ. Người nào về Nam Ô cũng phải mua một chai nước mắm ngon về cho vợ. Đằng này chẳng thấy chú Hai làm việc đó. Có bà dò hỏi:

- Này anh Hai, phải mua cái chi cho chị Hai chứ?

Chú Hai vẽ mặt rầu rầu:

- Nó bỏ tôi rồi!

- Thế cô ta lại có một nơi mô rồi hả?

- Nó chết, tôi mới tiếc chứ!

- Úy! Lâu chưa?

- Bốn năm!

- Vẫn ở vậy?

- Chờ ở với ai?

- Tội nghiệp chưa! Nhưng rồi cũng phải kiếm nơi mô chứ!

- Chưa dám.

- Hừ! Tại sao?

- Chưa có ai nhờ đỡ một tay.

Các bà nổi cười:

- Vì mình chưa nhờ đó thôi! Một cô chưa chồng ở làng này có thể lấy một ông chưa vợ ở xã khác chứ!

- Nhưng đi theo tôi thì phải rúc núi! Họ có sợ hùm beo hay không?

- Ủ, đàn bà xứ này sợ hùm lắm. Hay là cưới xong, anh về ở quách dưới ni. Thế gian cũng lắm người ở theo quê vợ.

Các bà quả quyết:

- Về dưới ni, hay đó! Vượt suối băng ngàn chi



cho mệt! Về dưới ni, ra khơi, một chuyến được ông bà phù hộ, của tiền không để đâu cho hết. Không ra khơi thì muối mắm, đóng bộng đóng thùng. Thiếu chi việc. Bất mạch bốc thuốc cũng được...

Nói vậy cho vui chứ thâm tâm chú Hai không dám nghĩ đến những chuyện đó. Chú là một thằng trốn làng, quan trên bắt được không thoát tù tội. Chú nghĩ còn phải bay xa. Cây cung còn đang chờ chú. Chú nói cho qua chuyện:

- Muôn sự rồi đây phải nhờ cô bác...

Mỗi lần về Nam Ô bán chè, chú Hai thấy nhiều thuyền đánh cá ra khơi. Chú nghĩ: Nếu mình được vượt biển đến một nơi xa lạ! Giữa một đảo vắng, trời biển mênh mông, còn ai biết được. Một chuyến xuống Nam Ô, chú Hai gởi chuyện với các bà quen biết, muốn ra ngoài đảo một chuyến để kiếm đồng lời. Bà Hương Quý buôn trầu cho biết bà sẽ đi cù lao Chàm thăm người bà con ngoài đó. Chú Hai muốn đi, sẽ theo thuyền đánh cá cùng đi.

- Chị em mình ra ngoài nớ thăm chơi. Ngoài nớ, tôi có con cháu gọi tôi bằng dì. Nó đẹp nét, siêng làm, chỉ phải cái hay kén chọn. Nói đến chồng con là nó cứ giã nẩy.

Chú Hai nửa đùa nửa thật:

- Thế phải nhờ mối lái thật giỏi. Bà chị phải ra tay, mọi việc mới xong được.

*

* *

Một con thuyền ra khơi đánh cá, nhân tiện đưa bà Hương Quý và chú Hai ra cù lao Chàm. Trời bể mênh mông, chiếc thuyền như nô đùa trên sóng. Chú Hai đang vượt trùng dương để đi biệt tích đến một nơi xa lạ. Từ lúc bỏ làng ra đi, chú chưa bao giờ thấy một cảm giác bình tĩnh dễ chịu như lúc đó.

Bà Hương Quý giới thiệu với mọi người bà có người em bên chồng ra thăm bà con ở đảo. Nhân tiện em chồng của bà có mang theo nhiều "linh đơn" để cứu nhân độ thế. Bà mở đôi bầu, lấy ra từng vị thuốc. Ai cũng xúm lại kề mũi hít hít. Nó thơm tho, không giống những rễ cây đa cây đề của những ông lang dưới biển. Chú Hai tặng cho bà con mỗi người một thứ. Uống lành được bệnh, sau này hãy mua, nay chú không lấy tiền, đừng đưa vô ích. Hôm đó, có một đứa bé cứ kêu đau trong cổ, nước bọt cứ trào ra. Chú Hai lấy nắm lá rẻ quạt tán nhỏ đem rà vào họng cho nó. Hôm sau, đứa bé đã lành. Chú Hai không ngờ thuốc mình lại hiệu nghiệm đến thế. Bà Hương Quý đưa chú đến gặp cô cháu gái. Cô không đẹp lại bị gù lưng. Chú Hai nghĩ chưa phải cô chê chồng mà cô bị chồng chê. Chú Hai bụng mừng vì cô có gù lưng thì đi của cô là bà Hương Quý mới hết lòng giúp đỡ nên đôi nên lứa. Chú Hai bảo sau này sẽ cho cô vài lá cao là cái lưng gù sẽ biến mất. Bà Hương Quý đang lo có thật chú Hai góa vợ hay không? Bà hỏi lại kĩ. Chú Hai nói chú sẽ sắp xếp về ở quê vợ, như vậy để bà con hiểu rõ bụng chú.



Chú Hai cóp nhật được số tiền đem đưa cho bà Hương Quý nhờ bà lo việc cưới xin. Nhờ bà Hương Quý, mọi lễ nghi đều được miễn giảm. Bên nhà trai chỉ ông Hương Quý về dự.

Chú Hai đã ra giầu tông tích ở cù lao Chàm. Những hôm tạnh trời chú nhìn ra xa, rất xa về phía đất liền, lòng chú nao nao, bao nỗi nhớ thương dâng lên cuồn cuộn.

Hơn một năm sau, thằng Cù Lao ra đời. Tiếng khóc của nó hòa lẫn với tiếng sóng đại dương. Nó lớn lên giữa bao la trời biển. Lên ba, mẹ nó mất giữa một đêm giông bão. Hồi đó nó đã biết chạy chơi trên bãi cát trắng. Năm tuổi, nó tập đùa nghịch với sóng. Tám tuổi, nó tập đi khơi. Mặt trời và nước biển đã làm da nó đen kịt, thịt xương nó quánh lại. Đã mười hai tuổi nhưng người nó bé tí tẹo như đứa lên chín lên mười. Khoảng rộng đã làm đôi mắt nó hóa tinh. Nó nhìn thấy một đàn chim én bay lẩn trong mây không ai thấy được. Cho đến Tổng khởi nghĩa! Ở ngoài cù lao Chàm, cờ đỏ sao vàng phấp phới. Các ủy ban được thành lập. Chú Hai nhận ra một việc kì diệu: biển cả không còn là nơi cách biệt. Con đường về làng từ lâu bị cắt đứt bỗng nhiên nối lại. Con sông Thu Bồn, bỗng thấy gần đâu đây. Chú Hai biết rõ cơn bão táp dữ dội đã quét sạch mây mù ở quê. Đất đã lành, chim bay về tổ cũ. Chú Hai dắt thằng Cù Lao lên thuyền. Thuyền rẽ sóng bay về Cửa Đại. Chú lên phố Hội An rồi vội vã thuê đò về ngay Hòa Phước.

*

* *

Chú Hai Quân và thằng Cù Lao đã về ở với anh chị Bốn Linh. Nhà tôi với nhà anh Bốn Linh chỉ cách nhau một cái vườn. Ngồi ở nhà tôi thấy đàn gà đang bới ở nhà anh Bốn. Ra vào, tôi thường gặp thằng Cù Lao. Tôi biết nó muốn làm thân với tôi. Thật bụng tôi không thích chơi với nó. Không phải tôi muốn đòi hỏi gì, nhưng nom nó buồn cười quá. Chỉ cái mũ nhiều màu và cái quần có quai của nó cũng đã làm cho bọn trẻ cười bò. Lại còn tiếng nói của nó trọ trẹ, đầu nó lại trọc lóc, thì bảo đứa nào muốn gần nó?

Những việc tôi làm dễ như chơi, thằng Cù Lao xem như việc phi thường dưới trần này chỉ có tôi mới làm nổi. Được nó thán phục, tôi càng ra mặt tài giỏi. Thường lúc lên lưng trâu, tôi trèo đăng hông, hai tay cố bấu vào sống lưng trâu, một chân đặt vào khuỷu chân trâu, lấy đà trèo lên. Nhưng khi có thằng Cù Lao, tôi lại lên đăng đầu. Tôi nhảy lên ngồi trên đầu trâu Bính giữa hai cái sừng nhọn hoắt, sau tôi mới nhảy lên lưng trâu. Thằng Cù Lao nhìn tôi, lắc đầu phục lăn phục lóc:

- Tui không làm nổi!

Tôi hỏi:

- Thế sao tao làm được?

Nó cứ trầm trồ là ở đây ai cũng giàu, cũng nhiều đồ dùng, nhiều của. Cái gì nom cũng lạ, khác chỗ nó ở, chỉ thấy lưới với thuyền. Thuyền nào cũng giống như nhau cả. Ông Kiểm Lài làm



nghề tráng bánh đa, nghèo xơ xác, nó cũng cho là giàu, vì ông có nào là cối xay bột, nồi tráng bánh, cái sấy bằng tre, màn bằng nan. Nó cho anh Bốn là người giàu nhất, vì anh có đến hai mươi cái nong, bảy cái nia, một cái đuối để tầm. Ngoài hè còn nào là cây chống, nẹp tre. Giỏ tre cái nào cũng to bằng vại muối mắm. Cả bà Hiến nghèo chấy gắp nó cũng khen nhà bà có lắm cái đẹp. Bà có một tờ tranh in hình hai ông Tây. Một ông có râu, một ông không râu, hai người đang cầm li rượu mời nhau uống. Xung quanh nhà bà có vô số những chum vố, lọ vố, ống bơ, những đồ người ta vứt đi, bà Hiến nhặt về, thằng Cù Lao nhìn nhìn ra vẻ thích thú. Một hôm nó chạy về thờ hồn hên. Nó cho biết nó vừa thấy hai cái che ép mía ở nhà ông Tư Trai.

- Thế mà thấy cái phủ đặt trên đầu ông che chưa?

Nó lại chạy sang nhà ông Tư Trai hỏi cái phủ. Bọn chó thấy nó đội cái mũ lạ lạ xông ra đuổi cắn.

Tôi hứa theo bọn chăn trâu trâu nó:

- Này Cù Lao, bọn chăn trâu nói mà là mọi có đuôi đó!

Nó cười thản nhiên:

- Ủ, có một cái đuôi thì tôi thiệt thích! Được một cái đuôi dài như đuôi ngựa, phát qua phát lại mà hay!

Nói xong nó cười hì hì ra vẻ khoái trá.

Tôi nói thẳng:

- Chúng cho mày là dân dã man uống nước bằng lỗ mũi đó.

- Uống nước bằng lỗ mũi! Phải tập lâu mới uống được chứ! Uống được bằng lỗ mũi thì được vào làm xiếc, sang trọng lắm!

Tôi ngờ ngờ thấy thằng Cù Lao nói có lí. Giả sử tôi có một cái đuôi và uống nước bằng lỗ mũi thì sẽ được mọi người trầm trồ, chẳng có gì dã man cả.



3

Hôm chú Hai Quân và thằng Cù Lao vừa về, anh Bốn Linh hứa với ông Bảy Hóa sẽ giết lợn cúng mừng. Tưởng anh nói chơi, té ra anh làm thật. Anh Bốn có một con lợn. Lúc mới mua về, nó bằng bắp chân, gầy gơ xương, nằm ép trong một cái rọ. Thức ăn thừa, chị Bốn đôn hết cho nó. Cách biệt đãi như vậy đã làm chó Vện tức lợn ruột. Nó đứng nhìn lợn ăn, cặp mắt nảy lửa. Hễ gặp chị Bốn đâu con lợn cũng kêu ụt ịt, cái đuôi giống con giun càng ngúc ngoắc. Nó theo chị Bốn đi vào buồng, lên nhà trên. Nó còn cả gan đi ngang trước bàn thờ. Hễ chị Bốn sờ đến, nó liền nằm duỗi chân, mắt nhắm lại. Chị Bốn lấy ngón chân thọc vào hông nó. Nó bảo:

- Chớ chọc, chớ chọc!

Nó lớn lên như thổi. Sau nó đồ đốn không giữ vệ sinh. Chị Bốn phải tống nó vào chuồng. Anh Bốn bảo nhân dịp chú Hai về làng, nên bày tiệc mừng, mời bà con nhậu một bữa:

- Mấy lâu nay mình vác miệng đi ăn của nhà khác cũng nhiều! Nay nên trả lại. Ai chớ ban chỉ

huy dân quân phải mời hết, vì mình cũng là chi huy.

Chị Bốn tuy lòng dạ rộng như biển, nhưng giá làm thịt con lợn nhỏ bằng nửa con lợn nhà thì vẫn hơn. Gặp bác Úc, bác Úc mách nước:

- Họ Nguyễn nhà mình trước đây lép quá! Nay đã mở mày mở mặt. Anh Sáu đã làm nên. Trong họ, có đứa làm ở cấp huyện, cấp xã, nay chú Hai về, làm tiệc cũng phải. Nhưng làm vừa vừa, phải luôn luôn giữ chữ cần, chữ kiệm. Dem bán quách con lợn cho bọn hàng thịt, ta chia lại nửa. Vậy cũng đủ. Nhà tao và nhà con Ba làm vài thứ bánh. Tốt lắm rồi!

Bác Úc còn dặn:

- Chẳng nên nói cúng mừng cúng miếc chi cả. Nói có đám giỗ mời bà con đến uống rượu, vậy thôi!

*

* *

Chị Bốn lấy nếp ra hong. Anh Bốn đi tập tự vệ về chưa kịp đặt cây côn đã vác búa ra sân bửa củi. Nhà cửa quét dọn sạch sẽ, bàn thờ lau chùi sạch bóng. Cối chày nôi niêu nhà tôi và nhà chị Bốn cứ lịch kịch lốc cốc. Tôi nói với thằng Cù Lao:

- Mày về làng sướng chưa? Được tiếp như vua Bảo Đại!

Tôi đang đợi một sự kiện lớn xảy ra. Nhà tôi đóng góp vào bữa tiệc một khay xôi ngọt. Tôi được chị Bà giao việc giã nếp. Tôi giã hăng đến nôi chị Ba phải giật chày bắt thôi, vì nếp đã trắng

quá. Chị Ba vuốt nếp, hông xôi, nấu đỗ, trộn vào nhau, xéo với đường làm món xôi ngọt. Chị Ba bới tất cả vào một cái khay, ép xôi lại, rắc vừng. Mùi thơm của xôi bay ra, tưởng không có mùi thơm nào thơm hơn được. Tôi ngồi nhìn. Chợt tôi gọi chị Ba khe khẽ:

- Chị Ba! Chị coi có miếng cháy...

Chị Ba quắc mắt:

- Đồ để cúng mà mày định ăn trước hả?

- Một miếng cháy nho nhỏ thôi.

Chị Ba càng la to:

- Không có miếng cháy nào cả!

Làm món xôi ngọt xong, chị Ba còn làm giúp bác Úc món bánh giò. Chị vuốt nếp, hông đỗ, lấy lá dong gói thành những chiếc bánh vuông vức to bằng đầu gối. Chị Bốn lấy ra một bó vải sợi, vác thang ra vườn chặt ba trái mít, đem đi chợ bán để sấm hương đèn mắm muối. Tôi cùng đi chợ để gánh giúp cho chị Bốn. Anh Bốn cho thằng Cù Lao cùng đi theo.

Tôi với chị Bốn mỗi người gánh một gánh nhẹ đi trước. Thằng Cù Lao theo sau. Ra khỏi bờ keo vườn bác Úc, con đường hóa thành thang. Bên trái là bãi dâu trải ra lớp lớp. Dọc đường, chốc chốc một hồ nước hiện ra như một tấm gương sáng quắc. Quanh hồ, những bụi tre xanh nghiêng nghiêng trên nước. Đường vào chợ càng rộn rịp. Gặp nhau ai cũng hỏi han chào đón. Chị Bốn khen:

- Độ rày đi chợ sướng lắm! Ăn mày, ăn cắp bỏ

nghe đi đâu mất!

Chị Bốn lo bán vải sợi trước. Bàn hàng từ Bảo An lên mua sợi đi một hàng dài. Người nào cũng có một cái cân móc trên khuy áo trước ngực, trên vai vắt một khăn vuông to. Cuộn sợi nào cũng được người mua sờ bóp, được vạch ra xem rồi bị chê là sợi chưa nhỏ chưa đều. Cái khăn vải vắt vai của người mua phồng đàn to bằng quả bưởi, sau to bằng cái cối. Bán vải xong, chị Bốn rẽ sang hàng hoa quả. Mít chắt thành đồng, có trái to bằng cái lu. Người mua lấy tay vỗ về. Bà hàng mít cầm con dao to, cắt phảm phạp thành từng miếng hình lưỡi búa. Mít nghệ múi vàng hươm. Mít dừa múi trắng bạch. Mít dai hay mít mật mùi thơm đều thơm ngát. Bí với dưa gang gánh đến hàng giỏ. Bà bán hoa quả thấy thằng Cù Lao đội cái mũ nồi lạ lạ, liền nhặt dưa cho nó hai quả ổi nếp, hỏi thăm có phải nó ở Lục Tỉnh về không. Ai cũng tốt bụng, cũng muốn cho người khác một vật gì. Mọi người trong chợ đều vui vẻ. Ngay cả mẹ Búp, mẹ Xù trước đây hay gây gổ, chuyên nghề đánh cắp thịt cá, cũng trở nên hòa nhã hiền lành.

- Mình là dân nước độc lập, Cách mạng lên rồi, "xớ" thịt cá của bà con chi nữa!

Chị Bốn đứng trước đồng dưa Chiên Đàn ngọt nổi tiếng. Cầm lòng không đậu, chị mua chục quả về bỏ mắm. Chị mua cho thằng Cù Lao một chùm lòn bon ăn cho biết. Lòn bon rất quý, trước Cách mạng chỉ dành dâng vua. Chợ có chỗ bán tranh tre,



than củi. Các bà bán than mặt mày đen thui. Những chú bán tre chân tay bị gai cào sây sát. Dây dừa khoanh thành khoanh. Dầu rái đựng thành gàu. Chè tươi bó thành bó. Ngô khoai vừng đỗ phơi đủ màu sắc. Thằng Cù Lao đứng trước hàng cá biển, nhìn chăm chăm, miệng há hốc. Không ngờ những loài vật nó thường vọc, thường bị kẹp, ở đây đều có đủ. Từ những con cua lớn tuy bị trói chặt nhưng vẫn ngo ngoe, những tôm hùm lấm râu lấm càng, cho đến các loại cá cơm, cá nhám, cá chim, cá sòng sắp đầy mặt đây rồi. Thằng Cù Lao tưởng thấy lại mùa cá ở biển. Chúng tôi kéo sang hàng bán bánh đây hấp dẫn. Bánh nậm bột mịn, nhân tôm sắp thành chồng. Bánh ú, bánh gio gói lá dong buộc thành chùm. Bánh bèo đổ trên bát, bát nào cũng nhảy mỡ, rắc đây nhân thịt với tôm. Bà bán bánh xèo đổ bột vào chảo chóc chóc nghe "xèo". Bà bán bánh đa phe phẩy chiếc quạt tre, trở cán quạt ép bánh vào nôi lửa, bánh phồng giòn tan. Các cô hàng xén đến chợ chỉ gánh một gánh trên vai. Gánh đặt xuống biến thành cả một quầy hàng, hai đầu gánh lắp không biết bao nhiêu là mủng, cái nhỏ lắp trong cái lớn, đựng đủ các thứ trên đời, từ cây kim sợi chỉ, bánh xà phòng, mớ bồ kết, cho đến tiêu, hành, tỏi, ớt, hương, đèn, giấy mã, không sót thứ gì. Dù ai đã đi khắp thiên hạ, đọc hết sách vở, nhưng nếu chưa đến thăm chợ Quảng Huế thì trình độ vốn hiểu biết vẫn còn thấp.

Chị Bốn mua mắm, muối, đầu lạc, đầu dừa, thứ

nào cũng chỉ đùm trong lá chuối hơi lửa, không biết bao nhiêu là đùm to nhỏ, chẳng cần phải chai lọ linh kinh phiền phức.

Tôi và thằng Cù Lao dạo chơi quanh chợ. Ở góc chợ là hiệu thuốc bắc. Tôi chỉ cho thằng Cù Lao thấy bức tranh vẽ một người trần truồng bị hàng trăm cây kim đâm vào đầu, vào tim, vào bụng. Thằng Cù Lao không hiểu người đó bị tội gì mà phải chịu một nhục hình ghê sợ vậy. Tôi giảng cho nó biết, đó là hình vẽ những huyết trong thân thể người ta. Ai cũng có trăm thứ bệnh, chỉ cần lấy kim chích vào những huyết đó thì bách bệnh sẽ tiêu tan. Trên một cái tủ đầy những học, tôi chỉ cho thằng Cù Lao thấy ba ông phúc, lộc, thọ làm bằng sứ. Ông nào trông cũng phương phi, cũng có vẻ thần nhiên phớt lờ. Đối với họ, chợ Quảng Huế đông hay không đông, thằng Cù Lao đội mũ nời hay không đội mũ nời là điều không cần biết đến. Tôi dẫn thằng Cù Lao lượn qua chỗ bán chiếu, chỗ bán nời đất, các quán bán mì quảng, nhìn ngang nhìn ngửa cốt để khoe với thằng Cù Lao cái hay cái lạ bày trong chợ.

*

* *

Lúc quay về nhà, trời đã xế. Đến tối, lợn đã mổ xong. Bà con đến giúp việc nấu nướng đều có mặt. Tất cả nời niêu bát đĩa nhà tôi và nhà bác Úc đều được đem ra, gánh về nhà anh Bốn. Tiếng giã giò lớp lớp, Tiếng băm thịt lóc cóc suốt đêm. Lửa bếp sáng tận ngoài bờ tre. Chị Ba, chị Bốn hết hỏi

món này đã giã hành chưa, món nọ đã rắc tiêu chưa, lại gọi tôi và thằng Cù Lao sai mức nước, lấy củi, kêu đèn, đánh chó. Các chị thò đũa vào nồi để khuấy. Hết khuấy lại ngửi, lại ném. Lúc trời sáng, anh Bốn giao tôi đi mời khách trong làng. Anh Bốn mượn sẵn cho tôi cái áo dài đen. Cách đi đứng của tôi hóa khác. Bọn chó thấy tôi ăn mặc lạ lạ nổi sủa rất dữ. Tôi dắt thằng Cù Lao đi theo. Hễ gặp khách phải mời, tôi khoanh tay trước ngực lặp lại lời anh Bốn dặn:

- Hôm nay nhà anh Bốn Linh tôi có giỗ, nhân cũng để mừng chú Hai tôi về làng, mời bác đứng giờ ngo lại nhậu rượu!

Đi hết xóm trên, tôi ra ngoài vạn để mời ông Hoạt. Ông Hoạt đang ngồi trong thuyền. Tôi không thể đứng khoanh tay, phải chui vào thuyền, phải ngồi xếp lại nên gặp nhiều lúng túng. Ông Hoạt đang nói chuyện với ông Mười Ý. Ông Mười Ý hỏi to:

- Mà mời ông Hoạt, thế có mời tao không?

Tôi không biết nên giải quyết thế nào. Nhớ rõ anh Bốn không dặn mời ông Mười Ý, tôi nói dứt khoát:

- Không mời.

Cả thuyền cười ồ.

Chui ra khỏi thuyền ông Hoạt, tôi đến xóm giữa để mời ông Bảy Hóa.

Tôi sực nhớ ông Bảy vừa mua đầu về một con chó mun rất dữ. Phen này thấy tôi xúng xính trong chiếc áo dài, chắc nó không tha. Tôi sợ chó

cẩn, cái sợ tăng dần. Tôi quay lại gạ thằng Cù Lao:

- Mà biết ông Bảy Hóa không?

Nó trả lời liền thoảng:

- Ngày bữa gì, ông Bảy Hóa có một vết sẹo trong mõng.

Nghe nói chuyện lạ vậy, tôi bực mình nói xằng:

- Cái vết sẹo đó có trời biết! Tao biết ông Bảy Hóa có râu thôi.

Nhưng nghĩ đến con chó dữ của ông Bảy Hóa, tôi dịu giọng:

- Thôi được. Áo dài đây, cho mày mời ông Bảy một cái cho sướng!

Tôi vừa nói vừa cởi áo dài đưa cho thằng Cù Lao. Nó sướng ra mặt vì nó cũng thích được đi mời như tôi.

Thằng Cù Lao vào nhà ông Bảy. Tôi ngồi đợi ngoài ngõ. Đợi mãi chẳng thấy nó quay ra, tôi buộc phải gọi to. Con chó mun của ông Bảy chạy vụt ra, thấy tôi thập thò, nó xông vào đuổi cắn.

Tôi phải vừa bước thụt lùi vừa chống đỡ. Một lúc sau thằng Cù Lao mới chịu hiện ra. Nó còn khoe với tôi là nó được ông Bảy đãi mít. Sau khi ăn mít, nó còn được xem tranh vẽ Thập Điện Diêm Vương trên bàn thờ thần trong nhà ông Bảy.

*

* *

Khi tôi và thằng Cù Lao quay về đến nhà, cỗ bàn đã dọn sẵn. Khách khứa đến đông đủ.

Anh Bồn Linh, khăn áo chỉnh tề, thấp hương

đèn bắt đầu làm lễ. Tôi đang chờ anh Bốn bái hai bái rồi thụp xuống lạy như mọi khi. Nhưng anh Bốn đứng yên, hai tay buông thõng, cúi đầu nhăm mắt. Chợt anh ngẩng lên nói oang oang:

- Thừa bà con cô bác, thôn Hòa Phước chúng ta thiệt đáng tự hào! Xưa kia có ông Bùi Kiệt theo đảng Cần Vương bỏ nhà ra đi mưu đồ việc lớn. Ai cũng tưởng ông bị Tây giết. Vừa rồi mới biết ông thoát lên núi. Con cháu của ông còn sống ở Dúi Chiêng. Sau hôm cướp chính quyền, cháu nội của ông là ông Hội Hiệt về đây tìm lại họ hàng tông tích. Như vậy Cách mạng đã trả lại làng xóm tổ tiên... Chú Hai Quân chúng tôi trước đây không chịu áp bức, bỏ làng ra đi, bụng dạ luôn luôn hướng về Cách mạng. Nay nước nhà độc lập. Đất lành chim bay về đậu. Về đây chú thấy bà con ai cũng tham gia Cách mạng, vui đó không chỉ sánh kịp. Hôm nay nhà có giỗ, lại có chú Hai chúng tôi về, mời bà con đến cầm chén rượu nhậu...

Chợt anh Bốn Linh vung cao nắm đấm hô to:

- Cách mạng muôn năm!

Tiếng hô bất ngờ, chỉ thầy Lê Hảo hô theo.

Trên bàn thờ, hai ngọn nến run run. Như vậy, theo mẹ tôi, là vong linh ông bà đã về hưởng. Tôi đợi anh Bốn tắt đèn, cho hạ cổ bàn. Anh Bốn vẫn nghiêm trang:

- Xin mời chú Hai phát biểu ý kiến.

Chú Hai bị gọi bất ngờ, giật thót. Chú đứng lên dặng háng đã mấy lần nhưng chỉ lí nhí được mấy tiếng:

- Chúc bà con hai chữ khương ninh.⁽¹⁾

Anh Bốn Linh sai dọn cỗ, mời khách ngồi vào mâm, bắt đầu rót rượu. Tiếng so đĩa, tiếng mời nhau rộn lên. Ông Tư Trai ngồi ở mâm trên hỏi to:

- Anh Hai và cháu nhỏ đâu rồi? Mời ngồi lên mâm trên này.

Chú Hai xin từ chối, liền bị mọi người phản đối. Thằng Cù Lao cũng bị đẩy ngồi lên mâm trên. Nó đưa tay vẫy tôi lên, nhưng đợi mãi chẳng có ai mời tôi lên cả.

Ông Bảy Hóa thò đĩa gấp một cục chả giò to tướng, chấm nước mắm, bỏ gọn vào mồm. Cả bộ râu dài của ông Bảy nhảy nhót theo nhịp quai hàm đang làm việc khẩn cấp. Chưa nuốt xong, ông lại đưa đĩa kẹp luôn cả hai khoanh chả giò nữa, đưa ra trước mắt nhìn nhìn như xem thử nó có quá to không. Chợt ông thả gọn cục chả vào bát thằng Cù Lao. Ông Tư Trai càng tỏ ra cương quyết. Ông bung cả bát chân giò lấy đĩa bới tìm miếng to nhất, chấm nước mắm cẩn thận, bỏ vào bát của thằng Cù Lao. Đến lượt thầy Lê Hảo cũng gấp bỏ cho nó nửa cái bánh giò. Dượng Hương Thư dành cho nó cả một đĩa xôi ngọt. Thằng Cù Lao vừa nhai vừa nuốt, cặp mắt sáng rực. Thanh toán xong món chả và chân giò, nó còn ăn thêm cả nửa bát mọc. Nó ra tay bóc bánh và ăn xôi ngọt. Quả là thằng ngốc, không biết tính toán gì cả. Cứ để bụng ăn cho hết các món xào nấu trong

(1) Mạnh khỏe, bình yên.

mâm cái đã. Còn bánh giò và xôi ngọt cứ giữ lại rồi làm một tiệc nữa có sướng không? Tôi nháy mắt bảo nó khoan đã, nhưng nó cứ nuốt. Thỉnh thoảng anh Bốn gọi:

- Thêm đây một đĩa bánh, nghe!

- Thêm một đĩa thịt đây, nghe!

Ở nhà dưới, chị Bốn cũng dạ to không kém. Phải dạ to để được rôm rả.

Khách khứa cười nói vui vẻ. Câu chuyện xoay quanh những việc hôm cướp chính quyền. Làm sao ta cầm được cây cờ đỏ sao vàng trên ngọn cây sung chót vót? Vì sao ai nấy cũng đều râm rắp? Ai cũng muốn biết việc cướp chính quyền ở ngoài biển ra sao.

- Ngoài nó cũng dữ như trong ni chớ?

- Cũng kinh thiên động địa vậy!

Câu chuyện chuyển sang việc ông Hội Hiệt, cháu của ông Bùi Kiệt ở Dùi Chiêng về tìm tổ tiên ở Hòa Phước. Trước đây khi bọn Pháp đưa ông Bùi Kiệt đi giết, ông xin một vuông vải đỏ. Ông cầm vuông vải niệm câu thần chú. Vuông vải bỗng biến thành con rồng. Rồng bay mang ông về núi.

Ông Kiêm Lài vừa nhai vừa nói:

- Con trai ông Kiệt là ông Bá Hoàn. Con trai của Bá Hoàn là ông Hội Hiệt sắn cạp tài lắm!

Ông Kiêm rút khăn lau mồ hôi trán, dừng lại thở, nói tiếp:

- Ông Hội Hiệt hôm về làng có biếu bà con mấy chai rượu hổ cốt, trị bệnh đau xương như

thần. Ông nói dưới ni ít gỗ. Ta làm trường học thì cứ lên Dùi Chiềng lấy gỗ. Có phải vậy không, anh Hương Thư? Anh ở trên nhớ chắc rõ.

Dượng Hương Thư ngừng gấp:

- Dạ, thiệt vậy! Chú Hội Hiệt có bè gỗ tốt.

Rượu với tiêu ớt đã làm mặt mày thầy Lê Hảo đỏ như gấc. Thầy phải nghỉ gấp để kịp đưa ý kiến của mình:

- Nghe nói đến làm trường là tôi lo ngay ngay! Tôi phải đi Đà Nẵng một chuyến. Ra ngoài mượn anh Sáu quyển sách của ông Lê-nin. Tôi phải xem cho rõ đoạn ông bày về cách dạy dỗ trẻ con thế nào. Nếu anh Sáu không có sách của Lê-nin thì phải mượn cuốn của ông Mác. Các vị cũng là bậc thánh cả.

- Nên mượn lâu lâu. - Ông Bảy Hóa vừa nói vừa đặt đũa để vuốt râu. - Độ này cặp mắt tôi nó lem hem quá, thấy một bông đèn hóa hai bông đèn. Tôi cũng đọc để biết tại sao ông Lê-nin nói gì là tứ xứ làm theo hết thầy.

Ông Tư Trai tiếp theo:

- Thầy Lê Hảo cho tôi mượn đọc vài hôm. Tôi muốn xem chỗ ông Lê-nin giảng giải vì sao tôi với ông Thiệp cứ kiện nhau. Sau Cách mạng, tôi như tỉnh lại. Nhà có con heo, phải xẻ thịt, mời bà con nhậu, tôi bỏ cái trò kiện tụng.

Cả nhà cười ồ. Mọi người đều nói ồn lên, không còn nghe rõ được gì nữa.



4

Chú Hai Quân đi thăm bà con trong làng. Từ hôm về quê chỉ mình thằng Cù Lao đến chơi quanh xóm. Nó để ý xem xét từng nhà. Nhà cửa trong ni rất khác ngoài nớ. Nhà nào cũng có lăm cột, phía trước có ba cửa chống. Cửa chống lên làm thành một hàng hiên che nắng. Trẻ con khiêng chõng ra hiên nằm mát, người lớn ngồi trảy ngô hay quay thao, kéo sợi. Nhà anh Bốn Linh có cái giường thùng, nó chiếm non nửa gian nhà. Đó vừa là cái giường vừa là cái thùng... vĩ đại. Tất cả đồ đạc của anh Bốn Linh đều ném vào giường thùng. Anh leo lên đó nằm ngủ. Bọn trộm chỉ còn cách dùng búa bừa giường may ra mới cướp được của. Sau ngày cướp chính quyền, anh Bốn chẳng cần nằm trên giường thùng nữa. Anh nói:

- Trộm cướp hết rồi! Ra nằm ngoài này cho mát!

Anh xách chiếu ra nằm trên chõng tre đặt ngoài hiên, ngủ thả cửa. Ban đêm không cần vắc côn chạy đi đuổi trộm.

Nhà nào cũng có vườn, cũng có hàng cây keo quanh nhà kín mít. Từ nhà này muốn sang chơi nhà khác phải đi ra ngõ, ngõ có cổng đóng. Ở ngoài biển không vậy. Thằng Cù Lao có thể chạy thông thống từ nhà này đến nhà khác, không phải qua ngõ qua ngách nào cả. Ở ngoài đó, nhà ông Đậu ở liền phía sau bếp. Nhà anh Hường ở sát phía trước, có rào giậu gì đâu! Ông Đậu ăn gì nó đều biết hết, nói gì nó đều nghe hết. Ở đây, nhà nào cũng lắm thứ chuồng: chuồng trâu, chuồng lợn, chuồng gà. Nhà anh Bốn Linh có một cây rác cao bằng cái cột buồm, chất toàn củi mía và rác mía. Chị Bốn rút củi đun làm cây rác có một lỗ tò vò, con trâu rúc lọt. Riêng nhà bác Úc có một bụi bông trang, có bướm đủ màu lăng xăng đến đậu. Khắp vườn tràn đầy tiếng động. Không chỉ tiếng chó sủa, heo kêu, gà gáy, chim hót, tiếng trẻ nô đùa, mà còn nhiều tiếng lạ khác: tiếng lách cách thoi đưa dẹt củi ở nhà ông Cửu Sang, tiếng mõ lốc cốc của bọn trẻ đuổi vệt ở ngoài đồng. Chiều xuống, khắp vườn ve ran, cỏ cây hoa lá sột soạt nở xòe. Thằng Cù Lao thấy rất buồn cười là ở Hòa Phước, người ta không gọi lợn bằng ba tiếng ẹc, ẹc ẹc mà lại gọi ịt, ịt. Người ta không gọi gà: cục cù, cục cù, mà lại gọi là cục, cù cù. Hễ nghe gọi cục, cù cù là bọn gà què chạy văng te lảnh phần ngô thóc. Nó cho chính ở Hòa Phước bà con nói tro tro rất khó nghe, còn dân ngoài cù lao Chàm nói gì nghe cũng rõ ràng rành mạch.

*

* *



Chú Hai Quân dắt tôi và thằng Cù Lao đi qua làng. Người gặp thằng Cù Lao cứ nhìn nhìn. Họ không biết chú Hai là ai cả. Chú Hai thấy cây sung đầu làng vẫn như cũ. Cây đầu lại mọc bên cạnh thấy cao hơn. Cái thớt đá đặt trên đầu dốc giữa con đường ra sông vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Trước kia, khi đi ra đồng, chú Hai thường mài lưỡi mác ở đấy. Con đường đất chạy qua làng mọc đầy cỏ chỉ với cỏ may, rải rác đó đây có dăm bụi duối, vài cây bồm bộp. Chú Hai từng qua lại có vạ lẫn trên con đường đó. Xưa kia, chú gánh dậu đi trước, thím Hai tay kẹp chiếc nón chạy theo sau. Cũng vẫn ngôi đình cũ nặng nề và meo mốc. Cũng vẫn cái miếu Bà Tầm lạng lẽ. Cũng vẫn cây đa đứng cạnh miếu như chiếc lọng che. Cũng vẫn cái bình phong có đắp con hổ vằn vện, cặp mắt thao láo. Chú Hai cảm thấy rất rõ khi con người đi qua thì mái đình, cây đa vẫn còn lại. Con người chết đi, nhưng bãi dậu, con sông, đồng ruộng không bao giờ mất. Lớp người này mất đi, lớp người khác thay thế, những núi Chúa, hòn Cà Tang vẫn y nguyên.

Chú Hai mờ mờ nhận thấy ý nghĩa chữ đất nước và sông núi. Tại sao chỉ một làn mưa thưa mờ mịt trên ngàn dâu, một làn khói lam phủ trên mái rạ, một bóng đa mát, một hòn đá mài, khi đi xa chú Hai cứ nhớ day dứt. Có lúc chú thức giấc bàng hoàng như vừa nghe tiếng tre kiu kịt hoặc một giọng hát ru con sau cơn mưa chiều tạnh. Chú Hai nghe đứt gan đứt ruột. Chiều xuống vẫn

huy hoàng như mười lăm năm về trước. Một làn sương phủ nhẹ trên mặt sông. Núi Cà Tang và núi Chúa mờ mờ xa. Một mảnh trăng rời rọi móc vào cành tre đung đưa theo gió nồm từ phía biển thổi tới.

Chú Hai tạt vào thăm ông Bảy Hóa. Ông Bảy vừa thấy chú bước vào đã kêu lên:

- Ài chà chà! Chà chà!

Như vậy có nghĩa là: "Ôi sung sướng quá! Sung sướng quá!"

Ông vội vã nhắc bổng chiếc giường tre trong nhà đem đặt ra ngoài sân để ngồi chơi cho mát.

Chú Hai nói là về được mấy hôm, nhưng hôm nay mới đến thăm ông Bảy được. Ông Bảy vừa cười vừa nói:

- Mới về cứ nghỉ cái đã. Vội vội vàng vàng làm chi cho mệt! Phải dưỡng sức cho khỏe, ông với tôi sẽ đi quyền và chơi đẩy cây như lúc nhỏ. Ông đi vắng, làm tôi thiếu người vật lộn.

Tôi và thằng Cù Lao cứ thích nhìn. Nhà ông Bảy có đến ba cái bàn thờ. Ông Bảy thờ Phật. Ngày rằm, ngày mùng một ông không ăn mặn vì sợ sát sinh. Trên bàn thờ giữa, có tranh đức Phật tổ ngồi trên tòa sen mắt nhìn xuống rốn. Trước mặt Phật tổ đặt một cái chuông và một cái mõ miệng rộng như miệng cóc, bên trên treo những con long, con lân bằng gốc tre. Ông tìm đâu ra những gốc tre vụn vẹo đầy lông lá, chấp thêm những tóc, những râu thành những con vật kì quái. Bàn bên tả thờ Thập Điện Diêm Vương.



Quanh bàn treo những bức tranh vẽ những cảnh rừng rợn ở âm ti. Trong những tranh này, tuy người chết đã chôn xong nhưng họ sống lại, bước ra khỏi mồ, đến mười cửa điện của Diêm Vương để chịu những cực hình ghê sợ. Tranh thứ nhất vẽ một bếp lửa hừng hực. Trên bếp lửa, một vạc dầu đang sôi. Hai con quỷ mắt trắng nanh dài đìm một người bị tội vào chảo dầu sôi. Trước đây, ông Bảy cho tôi biết kẻ bị tội đó đã từng nói láo trong lúc còn sống trên dương gian. Nói láo chỉ một lần cũng bị đem đun như vậy. Thật quá khủng khiếp! Có lần tôi đã nói láo với chị Ba là tôi đưa con trâu Bình đi gặm cỏ, kì thật tôi đã rủ lũ chần trâu đi chơi giật lá. Nếu vậy, Diêm Vương sẽ tặng cho tôi một vạc dầu sôi. Còn như ông Tư Đàm ở làng tôi nói láo có sách thì phải bị đìm mấy lần vào dầu sôi như vậy!

Tranh thứ hai vẽ cảnh một con quỷ đầy lông lá đè cổ một người đang giãy giụa. Một con quỷ khác dùng một cái cưa cưa người bị tội ra làm hai. Ông Bảy cho tôi biết, người bị cưa như vậy vì lúc sống trên trần thế đã vào vườn hái trộm hoa quả của người khác.

Vườn nhà ông Bảy có một cây ổi quả chín nhỏ bằng ngón chân nhưng hương thơm ngào ngạt. Ruột ổi trắng phau, đã ăn một quả thì đầu tiên phật cũng muốn ăn thêm quả nữa. Chính tôi là người đã vào vườn ông Bảy hái ổi, lại còn đem cho các bạn. Đã bị nấu dầu, nay tôi lại bị cưa làm đôi một lần nữa.

Đến bức tranh thứ ba. Người phạm tội ngồi trên một miếng sắt nung đỏ, mông dít để hơ, lửa bốc làm tóc trên đầu quần quai muốn cháy. Ông Bảy bảo tội đó là tội sát sinh trong những ngày rằm, ngày mùng một. Kẻ giết rận rệp cũng bị khép vào tội này. Nhất định mẹ tôi và chị Ba sẽ phải bị nung trên sắt. Vì bất kể ngày nào, bắt được con cá là họ nổi lửa kho nường.

Tranh thứ tư vẽ bọn quỷ sứ tay cầm kìm xông vào móc lưỡi một người đang bị trói. Lưỡi kẻ phạm tội bị bọn quỷ sứ kéo khỏi mồm đến một tấc. Ông Bảy bảo đó là người đã từng chửi Trời chửi Phật. Nếu vậy thì mọi người trong xóm sẽ bị rút lưỡi vì họ đều có chửi Trời, nhất là lúc nắng lâu hay mưa lâu quá:

- Mẹ cha thằng Trời không mưa xuống! Phải vác sào đâm nó lủng bụng!

Anh Bốn Linh càng không tin có Trời có Phật mà chỉ có sức mình. Thế thì rút mấy lưỡi của anh cho đủ. Những nhục hình khác như moi mắt, moi gan, vớt người cho cạp nhai, voi xé rùng rợn, không kể xiết. Thằng Cù Lao xem tranh Thập Điện, thú nhận là nó có tội tày trời. Lúc còn ở ngoài biển, bất kể ngày nào nó cũng bắt cá. Nó còn nói láo với cha nó để được đi chơi. Việc chửi Trời, ít nhất nó phạm đến năm mươi lượt.

Những hôm đầu xem tranh Thập Điện, tôi hơi khiếp. Sau tôi hóa dày dạn, hóa chai, không sợ nữa. Có lúc đến chơi nhà ông Bảy, tôi đem cho ông vài hạt đỗ dũa hoặc vài hạt mướp làm giống.

Ông Bảy cho những đứa trẻ tốt bụng như tôi thì Trời Phật sẽ xét lại, những tội lỗi sẽ được miễn giảm. Và nếu tôi khen ông Bảy một việc gì đó thì tôi có thể trèo lên cây ổi của ông, hái một bị đây cũng được!

*

* *

Ông Bảy vừa sực nhớ có tôi và thằng Cù Lao cùng đến với chú Hai Quân. Ông đưa chúng tôi ra sau bếp. Ông rút nắm củi mía, nhờ sắc một nồi nước chè. Chú Hai ngăn lại:

- Đừng có mệt. Không uống đâu!

Ông Bảy ngồi xuống:

- Tôi một mình đơn chiếc ở cái am này. Con vợ tôi bị bệnh phù, sau đó nó nghèo. Còn thằng con, nó vô làm ở hãng Ba Son, Ba Siếc chi đó, rồi cũng biệt tích, không biết chết đàng chết sá chỗ mô!

Ông Bảy kéo thằng Cù Lao đứng sát bên cạnh. Ông xì mũi, hỏi chú Hai Quân:

- Làm ăn ngoài nớ ra rãng? Nghe nói ngoài nớ có món yến sào ngon lắm. Sao không mang vài chục cân về đãi bà con?

- Ở ngoài nớ cứ nhớ nhà đêm không ngủ được! Làm ăn bữa đói bữa no, chẳng hơn chi xứ mình cả.

- Vậy hè! Tôi cũng bắt chước bỏ làng đi tận Phan Rang, Phan Thiết, mò tới Đồng Nai. Đất nước ông bà thật là mệnh mông chi địa, nhưng chỗ nào cũng chen chân không lọt. Kiếm được cái

chỉ để bỏ bụng thiệt khôn khổ!

- Nghe đâu làng ta có năm đói lắm?

- Năm đói mẹ con bà Hai Quân cũng bỏ đi biệt tích!

Chú Hai ngồi lặng một hồi lâu, chợt như tỉnh lại. Tiếng ông Bảy nghe loáng thoáng:

- Khi con cá con tôm, cái rau cái rác đã kiệt, tôi cũng bỏ làng đi kiếm ăn xứ khác.

- Làm nghề chi?

- Một trăm thứ nghề. Bá nghệ là bá láp. Gặp chi làm nấy. Bán thuốc cao, giữ chó, giặt áo quần, làm thuốc nam, cúng phù thủy. Khi đói đầu gối hay bò, cái chân hay chạy, cái giò hay đi... là vậy!

- Thế ai bày ông cúng phù thủy?

- Cái đói nó bày. Chủ nhà tôi ở bị đau thất chỗ bụng. Lão tin là bị động mả động mồ, cần có thầy cúng. Tôi tìm việc không ra, liền tự nhận là thầy cúng vào loại cao tay ẩn. Tôi bắt chủ nhà sắm bút mực, giấy đỏ, giấy vàng. Tôi vẽ nguệch ngoạc những đầu trâu mặt ngựa. Vẽ người ta mới khó, vẽ ma quỷ có khó chi đâu! Khi lễ vật đã bày lên bàn, tôi bắt chủ nhà nằm phục xuống đất. Tôi nổi thét: "Áy phà! Áy phà! Úm ba la!" Xong đó, tôi nổi lên ê a: "Này ta đến cửa Nam phương có chàng Ba Long Vương. Này ta đến cửa Bắc phương, có chàng Tư Long Vương..." Hết ê a, tôi nổi lên hú gọi toàn những tiếng rất bí hiểm "Úm! Ôi! Đà ha, ma ha, tác, tác!" Cũng may! Sau đó, chủ nhà đỡ đau. Nhiều người khác mời cúng. Nghề dạy nghề, tôi học thêm những bài tấu, bài nương. Tôi học



vẽ bùa, làm đồ mã. Sau đó tôi để râu. Một bộ râu dài rất cần cho ông thầy cúng. Bộ râu dài làm cho tôi có cốt tiên cốt Phật, trị được bọn quỷ dữ.

Ông Bảy có một bộ râu dài đến rốn, nó mọc quanh mép dưới cằm, thông dong như râu các vị quan văn trong tuồng hát bội. Khi nào đến chơi nhà ông Bảy, tôi cũng bắt gặp ông đang tỉa tóc vuốt ve, ra dáng hãnh diện về bộ râu đó lắm.

- Móng tay, tôi cũng để dài ra.

- Úy! - Chú Hai nói nhanh - Cách mạng lên rồi! Phải cắt bớt thứ đó đi! Cách mạng có phải chuyện chơi đâu!

- Tôi cũng nghĩ như ông. Trước đây vì túng thiếu... Nay nghe thằng Bốn Linh nói, mình thấy thẹn.

- Những thứ vẽ Thập Điện Diêm Vương phải đem đốt hết!

- Phải! Vì còn có ai cúng kính chi đâu. Bọn thanh niên không tin quỷ thần nữa. Chúng bảo nhau phải quét hết ma quỷ, ma quỷ làm cho người ta cứ nơm nớp lo sợ.

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao nấu niêu nước chè đã sôi. Ông Bảy múc hai bát nước lạnh, lấy kẹp tre cặp niêu nước chè rót vào hai bát. Nước chè nổi bọt trong thật ngon lành. Chú Hai uống một mạch. Hai người im lặng. Quanh làng đã yên tĩnh. Chỉ vài tiếng chó sủa lơ mơ. Mơ hồ phía ngoài sông có tiếng rao đồ: "Ai đi đồ!" Chú Hai nói như vừa

tỉnh giấc:

- Mới mà mau thật! Tôi cứ nhớ ông bày cho tôi cái kế để được ăn cá nhám! Tôi nhai cỏ trộn với cơm nhả vào trã cá nhám. Chủ nhà tưởng mèo nôn muốn đổ. Thế là, hà hà, tôi xực hết. Với kế lạ như vậy, tôi tưởng ông đã thành Trương Lương, Hàn Tín mang ấn công hầu. Không ngờ mang về nghề thầy cúng.

- Ấy chết! Ông không biết công hầu là phong kiến gốc đó hả? Cách mạng đánh đổ đế quốc phong kiến. Tôi mang cái thứ đó về hại bà con hả? Trước đây tôi tìm không ra Cách mạng. Bây giờ Cách mạng đã có rồi...

- Tôi nghĩ phải gặp anh Sáu hoặc hỏi thằng Bốn Linh nhận một công tác. Bữa nay, mình đứng ngoài, thấy khó khó...

Chú Hai hỏi những chuyện xảy ra trong làng trong lúc chú đi vắng. Ông Bảy thuật lại nạn mất mùa, nạn đói, chuyện Tây đến dựng nhà máy ươm trong tổng, chuyện quan trên bắt dựng vọng lâu và vào làng bắt cộng sản, chuyện đốt nhà, trộm trâu. Chuyện đói kém là chuyện ông Bảy nhớ nhiều nhất.

- Con người ta sinh ra ở đời ai cũng có cái vui buồn, cái lo, cái ghét. Nhưng nghĩ cho kĩ, thì cái sợ là nhiều nhất. Trong các cái sợ, có cái sợ đói là ghê gớm nhất. Từ lúc cha sinh mẹ đẻ cho đến lúc chết, người ta chỉ lo một việc. Đó là lo đói. Lo ngày lo đêm, dồn hết sức mình tài mình vào cái đói, thế mà vẫn đói. Tróc nã cho được miếng ăn

thật là khốn khổ. Làng ta bỏ đi tha phương cầu thực cũng nhiều. Ban đầu có người đánh thư về nhà, nhưng sau không còn thấy tăm hơi đâu nữa.

Chú Hai hỏi:

- Vậy sau sợ đối là sợ cái chi?

- Là sợ ma! Ma đủ loại. Ma rà đim người xuống nước. Ma le công người nhét giữa bụi tre. Ma trời chập choạng. Ma đuốc lập lòe. Ma đậu, ma xó, ma hời, ma trâu, ma lợn... Khắp bờ khắp bụi dày đặc những ma. Riêng quanh vườn đã có mười loại cô hồn như ta thường vái. Còn quý thì chỗ nào không có. Hòa Phước có hai bãi tha ma đây ma quý. Chỗ cây cao bóng mát đều có quý. Hời ở đây có nhà nào lại không cúng, không vái, vái ma vái quý. Ông có nhớ năm ma đậu hoành hành, người chết như rạ. Kẽ nào làm cho hết ma, tôi cho là thánh sư bồ tát.

Một ngọn gió từ phía sông ập vào vườn, rung những tàu lá chuối nghe lộp độp như mưa. Có tiếng gọi đồ, tiếng vang xa như từ một thời xa xôi nào dội lại. Bên kia sông, một ngọn lửa bật sáng. Ông Bảy chợt nói:

- Tôi nghĩ đi nghĩ lại, ông trời thế mà có mắt! Ông về được đây, còn mang theo thằng nhỏ để làm vốn liếng!

Ông Bảy kéo thằng Cù Lao ngồi sát bên cạnh.

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao đến chơi nhà bà Hiến. Bà đang ngồi kéo vải, cái xa kéo cứ quay rề rề. Một

sợ chỉ như từ đâu trong con cúi cứ tòi ra mãi. Ban cứu tế sẽ dựng cho bà một ngôi nhà mới. Không biết ngôi nhà mới sẽ thế nào. Quả thật tôi thích cái nhà cũ của bà hơn, vì nó vừa thấp vừa tối. Mỗi khi đến nhà bà, tôi được cái thú khom người chui dưới mái tranh như chui vào một cái hang lạ. Dọc phen, bà Hiến treo những chổi cùn bằng tre, bằng rơm, dài ngắn đủ cỡ. Bà rất giàu về các loại chai vỡ, hũ vỡ, nồi vỡ, đặt thành một hàng dài trông rất lạ mắt. Nhà bà giống như một cái hang chứa chất đồ cổ. Thằng Cù Lao khen những nhãn pháo, nhãn chè dán trên cột, vẽ hình hổ báo vân vân, những tượng râu ria cầm chùy, cầm xà mâu đứng múa. Trước đây, lúc rảnh tôi hay đến chơi đàng bà. Bà cho biết ngay trong xóm có một con rùa vàng. Nó là đồ thờ của người Chăm chôn dưới đất. Có lúc rùa vàng bò lên mặt đất đi ăn. Hễ gặp rùa vàng, ta phải lấy cái khăn có trát máu chó chụp ngay lên mình nó. Máu chó làm rùa không thể biến mất. Bắt được rùa vàng, bà sẽ giàu sang sung sướng. Bà sẽ làm một cái nhà toàn bằng gỗ lim. Bà sẽ sắm kiềng vàng, vòng vàng. Bà mặc toàn gấm vóc. Chỗ nào có đói, bà sẽ đem gạo, tiền đến phát, bà sẽ được mọi người chiều chuộng. Bà Hiến kể cho tôi nghe chuyện nàng Phấn Diệp:

- Nàng Phấn Diệp xưa kia đẹp như Hằng Nga. Việc bánh trái thù thừa không ai bì kịp. Nàng còn biết đánh đàn. Tiếng đàn của nàng nghe róc rắt như gió thoảng mây bay, lúc reo vui, lúc xót

thương, tủi hổ.

Tôi bắt bẻ:

- Bữa trước, bà nói nàng đẹp như Tây Thi, bữa nay bà lại nói đẹp như Hằng Nga. Cũng nàng đó hay nàng nào?

- Cũng nàng đó.

Bà kể tiếp:

- Cách ăn ở của nàng làm ai nấy đều mến phục. Một hôm có một người sang trọng đến xin gặp nàng. Trong lúc trò chuyện, người đó giả bộ vô ý đưa tay chấm vào trán nàng. Chỗ chấm đó trở thành một cái vết. Cái vết đó rộp lên rồi đen lại. Vết đen đó loang ra khắp mặt, loang khắp mình mẩy chân tay. Vừa lúc đó cha mẹ anh em của nàng đều chết hết. Nàng bơ vơ không nơi nương tựa. Những người trước kia muốn gần nàng bao nhiêu thì nay lại tránh nàng bấy nhiêu. Cuối cùng nàng chết ở xó chợ giữa đêm mưa gió.

Kể đến đây bà Hiến khóc thút thít. Đó là chuyện nàng Phấn Điệp bà Hiến kể tôi nghe trước Tổng khởi nghĩa. Khi tôi và thằng Cù Lao đến chơi, bà kể thêm:

- Về cái chết của nàng Phấn Điệp, bà đã kể sai. Nàng vẫn còn sống. Chính trong cái đêm mưa gió nàng sắp chết liền có một người hiện ra. Người đó lấy ngón tay chấm vào trán nàng. Cái chấm đỏ trắng dần, lan ra dần. Lan ra đến đâu, da dẻ của nàng trở lại trắng trẻo hồng hào đến đó. Phấn Điệp trở lại xinh đẹp như xưa. Tiếng đàn của nàng trở lại réo rắt. Nàng lại được mọi người tôn trọng,

quý mến.

Tôi thúc vào hông thằng Cù Lao:

- May phước, không thì bỏ mẹ!

Theo bà Hiến thì chuyện Phấn Điệp không phải là chuyện bịa vì nàng Phấn Điệp có thực. Nàng đã từng ăn xin trước đây ở chợ, chính bà Hiến có trông thấy. Sau khi trở lại trắng da dài tóc, nàng không già mà cứ trẻ mãi, cho đến một lúc nàng hóa thành một con bướm trắng rồi nhẹ nhàng bay đi đâu mất.

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao thấy rất rõ bà Hiến cần chúng tôi đến chơi để bà kể chuyện Phấn Điệp. Vì vậy chúng tôi thường đến chơi nhà bà. Tôi đứng sau nhà bà gọi to:

- Bà Hiến ơi!

- Đứa nào đó?

- Tôi đây. Chúng tôi đến để bà kể chuyện Phấn Điệp đây. Phải mở cửa mau mau ra đón.

Gặp thằng Cù Lao, bà nói:

- Tao nhớ đến thằng con của tao. Nó cũng tương đối như mày.

Bà thò tay lên cái gáo trên giàn. Bốn quả bồ quân theo tay bà xuống nằm trên cái bát. Bà bốc hai quả đưa cho tôi. Tôi lắc đầu không ăn. Chị Ba đã dặn không được ăn bồ quân của bà. Chị Ba giảng giải:

- Bà Hiến không chết là nhờ cây bồ quân. Bà hái bồ quân đi đổi gạo. Mày ăn bồ quân của bà thì



bà chết đói.

- Ăn một vài quả thì răng?

- Một quả cũng không được ăn. Bà nghèo lắm!

Bà Hiến bốc hai quả đưa cho thằng Cù Lao.

Tôi nháy mắt ra hiệu nó đừng ăn. Nhưng nó đã bỏ một quả vào mồm. Tôi trợn mắt ra hiệu rõ hơn. Thằng Cù Lao bỏ nốt quả thứ hai vào mồm nhai rau rầu, nuốt nghe ừng ực, ăn nhanh như cọp đói. Bà Hiến lấy thêm cho nó năm quả. Lần này, tôi phải ra hiệu bằng cách lắc đầu, giậm chân. Nhưng chỉ trong nháy mắt, tất cả bò quân đã biến mất. Lúc về, tôi thấy cần phải cho thằng Cù Lao một bài học:

- Nè Cù Lao! Mày làm bà Hiến chết đói rồi!

Nó mở tròn mắt:

- Răng?

- Bà chết đói chớ răng nữa! Mày ăn hết bò quân của bà. Bà chẳng còn gì để đổi gạo. Bà chết đói là tại mày!

- Thế tui đã lỡ thì răng?

- Mày phải mua bò quân đem trả lại bà. Từ rày không được ăn cái gì của bà, nghe không! Ở đây người ta bảo "ăn phải coi nời" là vậy đó. Tuy bụng mình đói meo, nhưng phải nói: "Tôi no quá, ăn không được nữa". Có muốn ăn cũng phải thông thả. Bụng có cồn cào cũng phải đợi người ta mời năm lần bảy lượt mới cầm đũa. Khi cầm đũa phải gấp ít ít, không được luôn luôn thò vào món ngon. Đó là lễ nghĩa, chị Ba dạy vậy, nghe chưa?

Thằng Cù Lao vênh tai nghe. Nó đồng ý là về

làng, nó phải giữ lễ nghĩa. Lúc còn ở ngoài cù lao, cha nó đã từng dặn: Tuy về quê cũ, nhưng cũng như lội sông, chớ có lấu tấu, người ta chê cười cho đó!

*

* *

Ban cứu tế cũng đã dựng xong cho bà Hiến một cái nhà một gian hai chái. Cái nhà mới của bà trông bề thế nhưng chẳng có gì hấp dẫn đối với tôi. Nó giống như mọi nhà khác trong làng. Tôi ngồi chéo chân chỉ lên nóc nhà:

- Nhà mới này chẳng thích đâu. Bảo làng làm lại cái nhà như nhà cũ. Cái nhà cũ thích hơn.

Tôi chỉ lên gian giữa:

- Sao không đem nhãn chè, nhãn chai dán lên như cũ?...

- Chỗ đó tao sẽ dán ảnh một người...

- Người nào?

- Người đã cứu nàng Phấn Diệp.

Thằng Cù Lao rất thích đến chơi nhà bà Hiến. Đến đây được ăn nói tự do. Nó nói thẳng với bà là từ nay trở đi nó không ăn gì của bà nữa, dù chỉ một trái bồ quân. Ăn như vậy, bà sẽ lăn đùng ra chết đói, nó phải vạ lây. Tốt nhất là đừng ăn. Bà Hiến bảo nó cứ ăn, bà không chết đâu mà sợ. Xưa kia nhiều lần bà muốn chết, nhưng bây giờ bà muốn sống. Thằng Cù Lao hỏi lúc bà muốn chết có phải là lúc bà bị cái chấm đen lan dân hay không? Nó còn biết xưa kia bà Hiến rất đẹp. Bà cũng giỏi nghề canh cửi vá may. Có lúc nhà giàu



đã thuê bà khóc mướn. Nó hỏi nhỏ bà:

- Có phải người ta thuê bà đi khóc mướn không?

Bà cười héo hắt:

- Mày ở cù lao Chàm làm răng biết được? Ở đây nhà giàu khi chết đưa ma to lắm. Họ thuê bọn con gái diện bảnh theo sau linh cữu để khóc lóc. Tao đã khóc như khóc cha mẹ mình chết vậy!...

- Thế còn ông Hiến đánh bà thế nào?

- Ông cột tao vào chân giường, đánh nổi lần khắp mình mẩy. Trước kia ông rất hiền lành, ăn ở phải đạo. Sau đó ông bỏ làng ra đi. Ông nói sẽ mang tiền về làm tòa ngang dãy dọc. Nhưng ông về với một hình ma tướng cóc. Tao phải nuôi cho đến khi ông chết.

- Thế khi ông chết, bà có khóc không?

- Tao khóc mãi. Ông bỏ tao! Tao nhớ, tao thương ông lắm!

Nói đến đây, bà Hiến lại khóc thút thít.

Bọn chẵn trâu đôn thằng Cù Lao là thằng ngốc. Tôi cho là đúng. Chú Hai sai nó quét nhà. Nó không làm như tôi chỉ xách chổi quét qua quýt là xong. Đằng này nó dọn tất cả ghế bàn về một phía, múc nước phun khắp nhà. Nó bò như cóc chui xuống các gầm giường quét sạch tàn thuốc lá, quét không sót một lông tơ. Tất cả rác rưởi nó đôn lại một đống ở góc sân, nhóm lửa lên đốt. Thằng Cù Lao phí công vô ích. Chỉ nội ngày mai đâu lại vào đấy, nhà sẽ dơ lại như cũ. Nhưng anh Bốn lại khen nó quét sạch, không như tôi hay làm dối. Chị Bốn còn bảo quét nhà như vậy sẽ trở thành một tay nuôi tầm giỏi. Chị Bốn đưa cho nó cái chổi nhờ nó quét buồng tầm. Nó giở mảnh lách vào buồng, quét không sót một chỗ. Nó moi được một con cóc xách ném ra sân, tìm ra được một con ruồi lấy chổi đập chết. Nó bảo cóc thích ăn tầm, ruồi sẽ làm tầm đổ bệnh. Ở ngoài cù lao Chàm, không ai nuôi tầm, nhưng không hiểu sao, nó tỏ ra rất thông thạo. Chị Bốn còn nhờ nó xem tầm. Ai nuôi tầm cũng phải nhờ các thầy tầm xem



tầm tốt xấu. Họ bốc một nhúm tầm bỏ trên chiếc mo cau đưa ra ngoài sáng, trịnh trọng xem xét từng con, lật tầm chia ra từng nhóm. Sau khi xem kỹ, thầy tầm phán con nào bị bệnh quân, bị bệnh đỏ đầu. Phải nhiều kinh nghiệm mới làm được việc đó. Chị Bốn bốc một nắm tầm gọi thằng Cù Lao:

- Cù Lao ơi! Lại đây xem tầm giúp chị.

Nó bắt chước người lớn, cũng rút tầm, cũng phân ra từng loại. Nó bảo con này lớn, con kia nhỏ, con này dài mỏ, rồi kết luận:

- Tầm chị tốt lắm!

Chị Bốn rất thích, khen nó xem tầm khá lắm.

Tôi phì cười:

- Mày ở biển, biết được cá song, cá trích, chớ làm chi biết được tầm tốt tầm xấu?

Nhưng chị Bốn cứ bênh nó, cho nó có cặp mắt tinh. Hễ có cặp mắt tinh thì xem tầm không sai. Với lại nó sáng dạ. Đứa sáng dạ cái gì cũng biết. Chị mỉm cười:

- Thế mà anh Bốn mày cứ bắt tao phải đem đồ. Tao tiếc quá, cứ giữ lại.

Thằng Cù Lao nói như một ông thầy tầm lão luyện:

- Tầm vậy mà đỏ đi, rất uống!

- Anh Bốn bảo công tác của anh lu bù, bão lụt đã đến... Tốt nhất đem đồ quách!

- Ấy! Ai lại làm như rứa! Phải gột dầu rươi cho tầm một nước. Tầm qua ăn một, lên ăn hai... ngủ lớn lên. Tầm sẽ tin, sẽ chộ, sẽ lớn, phải làm búa

cho tầm rúc, tầm vầy chớ!

Tôi ôm bụng cười lẫn lóc, không hiểu nó học được những tiếng lóng đó ở đâu, nói nghe như vẹt.

*

* *

Cặp mắt thằng Cù Lao thật tinh. Buổi chiều thả trâu ăn ngoài bãi, nó chỉ cho tôi thấy những đóm sáng thật xa:

- Kìa, có ai nổi lửa bên kia sông kia kìa!

Tôi nhìn mãi mới thấy. Chúng tôi nằm ngửa nhìn lên trời. Nhiều chòm sao thưa hiện ra, nó chỉ cho tôi thấy trước. Nó chỉ hết chòm sao này đến chòm khác, đến một lúc tôi thấy trời đã đầy sao. Con trâu Bình bước gập ghềnh trong sao đưa chúng tôi về nhà. Chốc chốc nó gọi to:

- Tránh một bên! Có trâu đuổi!

Cặp mắt thằng Cù Lao nhìn xuyên qua bóng tối. Nhưng cặp mắt của nó đã làm tôi ngại ngại. Rõ ràng đôi mắt của nó thuộc về loại "lưỡng nhãn bất đồng", con to con nhỏ. Ông Bảy Hóa là thầy xem tướng, đã bảo: kẻ bị cặp mắt "lưỡng nhãn bất đồng" là kẻ ăn gian nói dối, lừa thầy phản bạn. Chơi với nó, nhờ nó đặt điều nói xấu tôi ăn vụng... Tôi lại hay đi tắm ngoài sông, nhờ cái "phản bạn" của nó nổi lên, nó dìu tôi xuống nước thì sao? Tôi nghĩ vậy nhưng tôi vẫn... thích chơi với nó. Vắng nó, tôi cứ thấy thiếu. Nó cũng hay hay, tôi bảo gì nó đều vâng theo răm rắp. Công việc của tôi là chăn con Bình. Chăn nó có mệt hơn trước nhiều.

Sau ngày cướp chính quyền, cha tôi đi vắng, không ai đưa con Bình đi cày. Nó có béo ra nhưng hóa đồ đốn. Tính tự do quá trốn nổi lên. Hễ ra khỏi nhà là nó đâm đầu chạy. Ra đến sông, nó nghênh cổ thách những trâu khác húc lộn. Tôi bắt thằng Cù Lao bẻ roi dâu xông vào đánh thẳng cánh. Trâu húc phải buông nhau ra.

Hễ thằng Cù Lao giữ con Bình không chạy bậy, thì lúc về tôi cho nó ngồi lên lưng trâu. Tôi thúc con Bình chạy. Thằng Cù Lao ngồi sau lưng tôi nổi kêu é é, hai tay ôm chặt bụng tôi. Hễ hai đứa không bị ngã, tôi cho tôi có tài đánh trâu chạy như ngựa. Nếu hai đứa bị ngã, tôi kêu ầm là nó đã làm tôi gãy xương sống. Đi chăn trâu về, mỗi đứa thường mang theo cục u. Những cục u đó càng ngày càng nhiều, Chị Ba bảo tôi lêu lổng ngoài sông, chơi những trò chơi của phong kiến. Nếu tôi không chữa, chị sẽ viết thư mách cha tôi. Cha tôi sẽ thưởng cho tôi vài chục roi để tôi hết lêu lổng và thằng Cù Lao hết bị những cục u trên trán.

*

* *

Số lượng những cục u trên trán của tôi và thằng Cù Lao cứ tăng dần đến mức báo động! Anh Bốn Linh nhận thấy chúng tôi phải cấp tốc đi học. Tôi đã đi học một lần, nay phải học lại. Bác Úc cho rằng nước nhà độc lập, không thể làm anh dân ngu khu đen, mà phải... khai thông dân trí, mở mày mở mặt với khắp thiên hạ. Chị Ba bảo tôi và thằng Cù Lao thế nào cũng phải làm cán bộ. Cán

bộ mà dốt đặc thì làm gì! Trong lúc chờ đợi trường mới, tôi và thằng Cù Lao đến học ở thầy Lê Hảo. Thầy ở xóm dưới, cũng gần. Tiền học trả bao nhiêu cũng xong.

Anh Bốn Linh bàn với chị Bốn:

- Thằng Cù Lao đi học thì phải đặt cho nó một tên khác. Có được cái tên cho thật hay thì làm ăn mới nên nổi.

Chị Bốn cũng nhận ra cái tên Cù Lao nghe là lạ, vì cù lao là cái cục nhô lên ở đáy chai. Phải đặt cho nó một tên có chữ lót hắc hoi. Anh Bốn bảo cái tên của nó phải nghe cho oai cái đã. Tên nó sẽ là Nguyễn Tuấn Kiệt hay Nguyễn Cao Hùng hoặc Nguyễn Đông Hải chẳng hạn. Chú Hai cho biết tên nó là Nguyễn Biển. Không hiểu sao khi về đây ai cũng gọi nó là thằng Cù Lao. Bác Úc cho cái tên Cù Lao nghe cũng hay. Cù Lao không phải là cái đáy chai, mà là một hòn đảo giữa biển. Nó gọi cho thằng Cù Lao nhớ lại nơi nó sinh ra. Và trong sách cũng có câu: "chín chữ cù lao" để chỉ công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ. Mọi người trao qua đổi lại không ngã ngũ ra sao cả. Cuối cùng cái tên Cù Lao ở lại với nó.

*

* *

Vào một buổi sáng đẹp nhất, tôi và thằng Cù Lao đến học ở nhà thầy Lê Hảo. Thằng Cù Lao vẫn giữ cái quần treo. Nó cũng không chịu từ giã cái mũ nồi quý hóa, bảo đó là chiếc mũ của khách quý trên một chiếc tàu đánh rơi ngoài biển. Nó



nhặt được trong chuyến đi khơi. Hôm đầu nó đến lớp, bọn trẻ con cứ xì xào. Có đứa dòm vào mũi nó, xem thử bên trong có cái vòi hay không. Chúng còn đợi xem thằng Cù Lao đi uống nước để biết rõ nó uống nước cách thế nào.

Thầy Lê Hảo dạy cho thằng Cù Lao học chữ a rồi đến chữ b. Sau đó nó học chữ o, chữ ô. B ghép với a thành ba, b ghép với o thành bo, thêm dấu hỏi thành bỏ. B ghép với ê thành bê, thêm dấu hỏi thành bể. Thầy bảo đọc: Ba ba bỏ bể. Thầy Lê Hảo bảo tôi:

- Trước đây, mày học đến vần tr. Tr ghép với ê thành tre. Mày đã học vần ph. Ph ghép với a thành pha, thêm dấu sắc thành phá.

Thầy bảo đọc: Cá tre phá nhà.

Thằng Cù Lao đọc trọ trọ, ba ba bỏ bể nghe như ba ba bò bể. Cả lớp cười ồ. Thầy Lê Hảo quát:

- Cười cái gì! Đọc to lên đi!

Tất cả chúng tôi nổi rống như ếch ương. Miệng đọc nhưng mắt vẫn liếc về phía thằng Cù Lao. Ra về, thằng Cù Lao bảo nó chưa hề thấy người nào bắt được con ba ba lại đem thả xuống bể. Hễ bắt được ba ba, là phải đem làm thịt để chén. Ba ba nấu với lạc ăn rất ngon. Tôi hiểu câu "ba ba bỏ bể" có một nghĩa khác. Nghĩa là ba ba khi rơi xuống đất phải nát ra từng mảnh. Bể có nghĩa là nát, là vỡ ra. Thằng Cù Lao có vẻ chưa thông vì nó biết cái mai của ba ba rắn lắm. Tôi tiếp luôn:

- Nếu thả rớt không bể, thì phải ném thật mạnh.

Mai nó phải bể toang ra chớ!

Thằng Cù Lao còn quả quyết là nó biết tất cả những loài bơi lội dưới nước. Cá trê không bao giờ phá nhà cả. Tôi phân tích cho nó thấy giống cá trê thường thích chui rúc trong hang. Lúc lụt to, cá trê sẽ chui vào các lỗ cột. Cột nhà bị long, nhà phải ngã. Cách giải thích của tôi cũng chưa thỏa đáng. Rốt cục chúng tôi phải tưởng tượng một con cá trê to bằng cái đình làng, có đôi ngạnh to bằng cây cột. Nó lách đến đâu thì nhà cửa sụp đổ đến đó. Có một con cá trê như vậy nom cũng rất lạ. Dần dần chúng tôi tin nhất định phải có một con cá trê to như vậy. Câu chuyện đến tai chị Ba. Chị Ba giảng giải:

- Ba ba là ba ba. Bỏ bể là bỏ bể. Đó là những chữ riêng rẽ không dính dáng chi nhau cả. Cũng như cá trê là cá trê, phá nhà là phá nhà. Những chữ đó không ghép thành câu mà chỉ để đánh vần. Chị đã học những chữ đó trong quyển quốc văn lớp đồng ấu.

Nghe chị Ba giải thích xong, chuyện ba ba, cá trê chẳng còn thú vị gì nữa. Cách giải thích của chị Ba đã quét sạch cái màn sương kì diệu bao phủ chung quanh cái kì lạ. Những chữ "ba ba bỏ bể", "cá trê phá nhà" bỗng chốc hóa trở trụi, khô héo, không có ý nghĩa gì nữa.

*

* *

Chợt một hôm, thầy Lê Hảo cải cách hoàn toàn nội dung giảng dạy. Thầy tuyên bố với cả lớp

những chuyện "ba ba", cá trê" là những chuyện của sách thời đế quốc phong kiến. Từ nay trở đi, tất cả học trò sẽ học những bài hoàn toàn mới. Thầy bảo cả lớp nộp vở xếp vào thành một chồng để thầy chép bài thơ hay. Những đứa chưa biết đánh vần cũng phải học thuộc bài thơ cái đã. Thuộc thơ trước, đánh vần sau. Một số bài thơ yêu nước của các nhà chí sĩ được thầy Lê Hào dạy, chúng tôi đọc to khắp làng xóm:

*Ngồi ngắm chuyện năm châu trên trái đất
Sóng văn minh dòn dập cả phong trào
Kìa như ai, sức thì mạnh, của thì nhiều
Trời há lẽ riêng yêu chỉ một cõi
Sao ta cứ đã man quen thói...*

.....
*Á té á năm châu là bậc nhất
Người nhiều hơn mà đất cũng rộng hơn.
Cuộc đời mở hội doanh hoàn
Anh hùng bốn bể giang san một nhà...*

Đại để bài nào cũng có những năm châu, bốn bể, có sóng, có bão táp, phong ba. Cái đó thằng Cù Lao rất thích, vì nó từng thấy ở cù lao Chàm. Nó đọc thật to, khắp xóm đều nghe rõ. Tôi và thằng Cù Lao thấy mình như đang lướt quanh bốn bể, giữa mưa Âu gió Á. Ai cũng khen thầy Lê Hào cho ra những bài học nghe réo rắt, quả là hay! Chị Bốn, chị Ba nghe qua là thuộc như cháo, bảo tôi xin thầy chép thêm nhiều bài nữa.

Mẹ tôi cũng khen:

- Ủ, nghe thiệt là hay!

Thằng Cù Lao thích thú thả hết giọng, rống võ nhà võ cửa.

Mẹ tôi còn dặn chị Ba, chị Bốn:

- Chúng nó đã là học trò. Từ rày chớ sai chúng nó nấu cơm rửa bát. Đó là chuyện của con gái đàn bà. Đừng để cái "tâm" của chúng bị mờ vì khói và bồ hóng ở nhà bếp. Phải giữ cho học trò sáng dạ để học trò học cho hay chữ, cái đó không chi bằng.

*

* *

Ở lớp học, chúng tôi thi nhau rống như ếch ương:

Sao ta cứ dã man quen thói

Khom thân nô mà luôn cúi dưới cường quyền?

Thầy Lê Hảo bày tiếp:

Hú hồn các chú thiếu niên...

Chợt thầy vùng dậy kêu thất thanh:

- Úy thôi rồi! Các trò ơi! Con heo của tôi nhảy chuồng!

Nghe tiếng gọi hoảng hốt, chúng tôi bật lò xo, vút sách vở phốc ra sân. Thằng Cù Lao phóng ra trước. Tiếng kêu la ầm ĩ tưởng có hùm vừa xông cũi. Đứa nào cũng sẵn sàng hi sinh tính mạng bắt cho kì được con lợn của thầy.

Con lợn đang ung dung bước đến chỗ hàng rào. Thầy chửi:

- Mẹ cha mày! Phen ni phải mời cho được lão bán thịt. Khôn vong thì quay về, không tao xuyt chó cắn chết!

Con lợn quay lại nheo mắt nhìn như muốn xem học trò có bao nhiêu đứa, và có đứa nào chạy giỏi không. Nhìn xong, nó ung dung ngoắt đuôi rúc rào chui sang vườn bên cạnh.

Chúng tôi gọi nhau chạy vòng ra phía trước. Con lợn như đoán được ý đồ của chúng tôi, liền chui một mạch ra bãi dâu. Chúng tôi vừa hét vừa rượt theo. Con lợn cứ chạy loanh quanh trên bãi cát. Có lúc nó đổi hướng bất ngờ làm nhiều đứa ngã ụch. Chạy được một lúc, đứa nào nghe cũng đuối sức. Có đứa mệt quá đã nằm dài. Chân tay duỗi thẳng, mồm thở hồng hộc. Thằng Cù Lao cứ phóng lên đón đầu. Chợt nó nhào về phía trước. Con lợn đã dính chặt trong tay nó, đang vùng vẫy la hét. Thằng Cù Lao hô to:

- Mau mau, nắm chân trước!

Chúng tôi cứ nhón nháo chạy chung quanh vì con lợn vừa thét vừa lồng lộn khiếp quá!

Thầy Lê Hảo chạy đến đề lên đầu lợn rồi trói lợn lại. Trói xong, chúng tôi mới dám ra tay.

Việc bắt lợn đã đánh dấu một giai đoạn chuyển biến của bọn trẻ. Chúng xầm xì:

- Thằng Cù Lao chạy tài quá!

- Nó mạnh thật, bay nè!

- Thôi chớ có chọc nó. Nó mà chụp được thì không thoát được đâu!

Chúng tôi rất mong cho lợn của thầy Lê Hảo vài hôm lại nhảy chuồng một lần để có dịp được chạy nhảy bắt lợn. Nhưng rất tiếc từ hôm gặp phải tay thằng Cù Lao, con lợn đã biết rút kinh

nghiệm. Ăn xong nó cứ ngủ ngoan ngoan trong chuồng, không thích nhảy cao và chạy viẹt dã nữa.

Thằng Cù Lao chịu đổi chiếc mũ nồi để lấy một đôi chim sẻ. Nó đến lớp, để đầu trần. Mất chiếc mũ nồi bỗng nhiên bọn trẻ thấy nó chẳng có gì khác những đứa nhỏ trong làng. Ngửi áo quần cũng chẳng còn cái mùi khét khét của lính Nhật. Chúng bảo nhau:

- Thằng Cù Lao không phải mọi biển. Nhưng không hiểu sao nó ở ngoài biển mà lại biết được trong mòng ông Bảy có một cái sẹ. Những bí mật đâu đâu nó cũng biết được. Nghề tầm tợ, nghề đường mía nó thuộc lòng.

Nó nói như một thợ nấu đường:

- Nước mía luộc xong phải lên lóng. Sau đó rút nỏ để xuống lóng. Uống một bát nước "chè hai" là khỏe ra ngay.

Nó giảng thêm:

- Chè hai không phải là nước chè đâu. Nó là nước mía đã luộc mức đổ vào thùng lóng để xuống lóng đó.

Nó chỉ lên cây sung, nói với bọn chăn trâu:

- Trên kia kia có cái hốc to lắm!

Bọn trẻ hỏi lại chú Năm Mùi và anh Bốn Linh. Quả thật ở chỗ chạc ba trên cây sung có một cái hốc rất to.

Nó đi chợ Quảng Huế về, bọn chăn trâu hỏi:

- Chợ Quảng Huế ra rặng? Có to không?

Nó làm như một cụ già từng sống lâu năm ở



quê đang kể lại chuyện xưa trước mặt con cháu:

- Chợ Quảng Huế to và đẹp hơn trước nhiều. Ngày trước đó là chỗ phát chẩn. Trước đây lúc trời nhá nhem, ở thôn mình có tiếng phèng la, rồi có tiếng rao inh ỏi: "Ngày mai quan trên về phát chẩn tại chợ Quảng Huế. Ai đói lên chợ Quảng Huế lãnh chẩn!". Dân làng lôi quần áo rách ra trông vào. Người chưa chết đói cũng làm ra bộ chết đói. Nhiều hình ma tướng cóc trông tội nghiệp lắm! Họ chen chúc dưới roi vọt để lọt qua được cái cổng tre vào lãnh chẩn. Người xét được lãnh phải nhận một vết nhọ nôi lên trán. Có được vết nhọ nôi, sẽ lãnh được một bát gạo.

Tất cả bọn trẻ reo lên:

- Ối! Nó làm như nó từng lãnh chẩn hồi trước!

Ban đầu chúng tôi chưa tin. Sau hỏi lại người lớn, những điều nó nói đều có thật cả.

*

* *

Lớp học thầy Lê Hảo càng ngày càng đông. Học trò phải trải chiếu ngồi tận ngoài hiên. Học hết những bài thơ yêu nước, thầy Lê Hảo chép những bài hát cách mạng cho học thuộc lòng. Đứa nào biết hát thì hát, đứa không biết hát cứ ê a vãn được:

Đoàn quân thiếu niên tiên phong chúng ta

Quyết đem xương máu để rửa thù xưa

Mau! Mau! Mau! Theo cờ đỏ sao vàng

Rút gươm, ta ghe giết quân tham tàn...

Không khí trong lớp càng sôi nổi. Bọn chần

trâu nhiều đứa xin được vào học. Cả lớp tiến bộ trông thấy. Thầy Lê Hảo nghiêm nét mặt:

- Tôi dạy các trò theo phép thánh hiền. Trước học lễ sau mới học văn. Các trò phải học lễ nghĩa trước, tức là phải học cái tinh thần cách mạng trước. Hiểu cái tinh thần cách mạng trước, sau học đánh văn thì tốt hơn.

Nói xong, thầy vừa ngâm vừa hát:

*Anh em ta mau hồng súng tiến ra sa trường
Khúc hát hành quân đang vang lừng trong bốn
phương.*

Chúng tôi vừa nhảy vừa hát theo. Đứa tôi dạn thuộc càng nhanh. Học xong có thể xin về trước. Đứa nào cũng có những việc ở nhà: gánh nước, mót củi, chăn trâu. Thường đến nửa buổi, tôi đứng dậy bước đến trước mặt thầy, vòng tay lên ngực:

- Thưa thầy, cho tôi về đưa trâu đi uống nước.

Thầy nhìn lên:

- Ừ, cho trò về.

Tôi ra hiệu cho thằng Cù Lao. Nó cũng đứng dậy đến trước mặt thầy chắp hai tay trên bụng:

- Thưa thầy, cho tôi về dắt trâu đi uống nước.

- Ừ, cho trò về.

Tôi đi trước, thằng Cù Lao theo sau. Nó hỏi:

- Cuộc ơi! Có đưa trâu ra bài không?

Tôi xằng giọng:

- Cuộc, Cuộc cái chi! Tên tao là Cự, không phải là Cuộc. Về đã hơn tháng nay mà cứ trộ trộ. Ra bãi phải nói ra bãi, chớ không phải ra bài.



Tôi bắt nó nói đúng giọng theo tôi. Về đến nhà, tôi bảo nó ra chuồng mở dây mũi cho trâu Bính. Trâu Bính độ này thích thằng Cù Lao lắm. Khi thằng Cù lao đến gần, nó không khịt, lại còn thè lưỡi liếm vào cổ nó. Thằng Cù Lao vuốt vuốt lưng trâu khen:

- Cái lưng mày láng quá! Mày hoàn toàn quá!

Người ta bảo ngực như trâu mà nó lại khen trâu là "hoàn toàn". Chợt chị Ba ở trên nhà nói xuống:

- Thôi đừng cho trâu đi uống nước nữa! Tao cho nó uống ở giếng rồi. Mày chớ rủ thằng Cù Lao ra sông đánh đá với bọn chân trâu xóm dưới...

*

* *

Từ hôm tôi và thằng Cù Lao bị mấy cục u trên trán, chị Ba tỏ ra nghiêm khắc. Thằng Cù Lao nghe chị Ba mắng, đã lặng lẽ bỏ đi. Tôi lên nhà trên thấy chị đang đếm tiền. Bạc giấy nhiều lắm. Chị Ba như đoán được ý nghĩ của tôi:

- Tiền cứu tế đồng bào bị đói. Không phải xin năm mười xu được đâu! Cha đi vắng, mày để trâu Bính giờ xương!

Tôi trả lời rành mạch:

- Phải bán con Bính đi chớ! Để làm chi nữa!

Ý kiến của tôi hơi đột ngột, làm chị Ba quay lại:

- Mày không thích giữ trâu nữa hả?

- Có thích hay không thích cũng phải bán.

Ngày mai ngày kia, máy cày máy gặt sẽ về. Không cày bừa bằng trâu đâu.

- Ai nói thế?

- Không phải bán trâu mà thôi! Còn phải dỡ nhà cho mau nữa!

Chị Ba mở tròn mắt:

- Là hề!

- Thế chị Ba không biết chi hết hả?

- Chẳng biết.

- Phải dỡ nhà cho mau để có chỗ xây dựng phố xá, kiến thiết lâu dài. Chị Ba tính, những ngôi nhà cao mười tầng, những lâu đài, những trường học đồ sộ! Nhà cao như vậy, làm sao leo lên leo xuống, chị Ba hở!

- Thế rồi chi nữa?

- Chị Ba bỏ cái nghề kéo thao lấy nước nhộng cho heo đi. Chị phải đi học để trở thành bác sĩ, kĩ sư, khỏi phải thức khuya dậy sớm, khỏi việc rau heo cám chó.

- Sướng quá hề!

- Cũng chỉ ngày mai ngày kia thôi, ruộng đất sẽ trở về tay nông dân, nhà máy, hầm mỏ về tay công nhân. Nhà ta khỏi phải ăn cơm gạo bắp. Chị Ba ăn cái gì chị Ba thích, cần xài bao nhiêu cũng được. Ăn tiêu tùy cần, làm việc tùy sức. Làm việc vài giờ một ngày cũng đủ sướng lắm! Chị khỏi ngủ gật.

- À tao hiểu rồi! Cái đó còn lâu kia, khi vào xã hội cộng sản kia. Từ đây đến đó còn phải gian khổ, còn phải nhiều năm, không phải ngày mai ngày kia mà được. Nhưng chị hỏi mày học lỏm đâu đó?



- Thèm học lỏm! Tôi ngồi chỗ cây cột nghe đàn hoàng anh cán bộ tỉnh về nói. Có anh Bôn Linh dự nữa. Anh cán bộ oai lắm, có đeo súng lục. Tôi nghe rõ anh nói: Ngày mai đây, chúng ta sẽ như thế này, chúng ta sẽ như thế kia, chỉ nay mai thôi!

Chị Ba quay sang phía mẹ tôi:

- Làm chi chỉ nay mai, mẹ nhỉ! Làm chi có anh cán bộ cỡ đeo súng lục lại nói như rứa? Cán bộ như rứa phải nói đúng từng li từng tí. Con đi dự lớp huấn luyện, anh cán bộ thuộc sách lâu lâu còn phải giở sách ra xem, coi đi coi lại từng chữ chớ mẹ!

- Anh cán bộ nói là ngày mai thôi...

- Ai nói vậy? Có mày phịa ra thì có!

- Có chị phịa thì có!

- Độ rày cha đi vắng, mày đi đánh lộn ngoài sông, hết xung là Triệu Tử Long, là Hạng Võ, bây giờ lại học thêm sách của ông Tư Đàm chuyên nói láo.

Ông Tư Đàm làng tôi nổi danh về tài nói láo. Tên của ông đã vượt ranh giới của xã, lên đến tổng và huyện. Ông nói láo có sách. Chị Ba vừa cười vừa kể chuyện với mẹ:

- Bữa trước con lại đằng nhà ông Tư Đàm. Con chó của ông nổi sủa. Ông nói: "Con chó của chú trước đây nó sủa, tiếng sủa nghe như tiếng chuông. Nhưng nó có cái tật hay sủa bậy. Chú giận quá lấy gậy đập vào đầu nó. Đầu nó tóe ra làm đôi. Chú phải lấy dây lạt cột lại. Bây giờ nó

sủa nghe cách cách, chẳng khác cái mõ bẻ".

Mẹ tôi vui miệng kể luôn:

- Trước đây ông nói với mẹ như ri: "Một hôm tôi cứ nghe buồn buồn trong bụng, không biết nhớ cái chi? Té ra tôi đang thèm thịt cạp. Tôi liền đi Dùi Chiêng để gặp Bá Hoành. Ông Bá Hoành ở Dùi Chiêng sẵn cạp nổi tiếng. Tôi rủ ông Bá cùng đi. Tôi bày cho ông ta mua thứ hương mê để xông hổ. Thứ hương mê hễ ai hít phải là lăn ra ngủ như chết. Chúng tôi đứng trên đầu gió xông hương mê cho cạp hít. Cạp lăn ra ngủ, tôi xách giỏ giỏ hết răng nhọn. Vuốt nhọn tôi cũng giỏ hết. Một con cạp mà răng với vuốt đã mòn thì chỉ còn là một con ghé con. Tôi trói cạp lại mang về. Bá Hoành phải phục tôi sát đất".

Chị Ba cười lăn. Mỗi tiếng cười của chị là một nhát kim đâm vào tim tôi. Tôi muốn xòe năm ngón tay như vuốt cạp để bấu cho chị Ba một cái. Tôi gầm lên:

- Chị Ba giống như ông Tư Đàm.

Để trả miếng, tôi cố moi móc những chuyện của chị Ba cho mẹ tôi nghe:

- Mẹ nè, chị Ba bẻ mít ngoài vườn đem đãi các bạn. Chị nói láo là mẹ bảo: "Cách mạng lên rồi, không nên tham ăn nữa. Phải bẻ vài trái mít đem đãi bạn. Mẹ cho bẻ hết mít đãi các chị". Chị Ba đưa các bạn vào ăn trong miếu Bà Tằm. Ăn xong, chị nhảy tót lên bàn thờ làm bà đồng cốt nổi ngáp ợ la lên: "Tà đảng vãn giá võ về đến đây. Ta là Bà

Tầm, là Tây Lãng Vương Nữ đây. Ta nói cho các người biết để liệu hồn! Đứa nào không mang xôi chuối đến cúng bà, bà sẽ vận cổ. Tầm của nó sẽ bị bệnh đỏ đầu, sẽ hóa con quăn, con hơi tuốt hết. Tao là thần, nhưng không phải không biết thù vật. Đứa nào nói gì tao ghim lại hết!

Chị còn chỉ vào mặt chị Bảy Có rống to: "Mày là con Bảy Có đó hử? Mày là con hay nói sau lưng dữ lắm! Có phải mày đã nhón mồm nhón miệng nói tao phen ni sợ Cách mạng. Mụ Tầm đã bỏ đi mất. Mụ về chốn Bồng Lai tiên cảnh để kiếm chút chồng. Gái già ở vậy buồn lắm! Chồng con chỉ hử con kia? Đứa nào nói chuyện chồng con là tao vận cổ chết ngay! Tao cấm không được nói đến chồng con. Phải lo cứu nước cái đã!"

Mẹ tôi nghe vậy hoảng quá van xin:

- Trăm lạy bà! Bà tha cho nó. Nó trẻ người non dạ!

Chị Ba thách tôi:

- Mách nữa đi!

Tôi chẳng chịu thua:

- Chị còn nói thế này nữa: Thằng con trai nào đến hỏi chị, chị sẽ bẻ cẳng. Chị phải lo cứu nước cái đã. Mười năm nữa mới lấy chồng. Chồng của chị sau này không phải là đám xoàng xoàng ở Hòa Phước này đâu, phải là một cán bộ quân sự đánh giặc giỏi, có súng lục hảnh hoi.

Tôi đã động đến những điều riêng tư của chị Ba. Những điều đó, chị chỉ nói với các bạn thân

trong lúc vui miệng. Chị Ba quay lại phía mẹ:

- Mẹ để nó nói như vậy hở? Mẹ không phết cho nó ít roi.

Tôi đứng dậy nhại lại, vừa nhại lại vừa đi ra chuồng trâu. Tôi mở dây mũi đưa con Bình ra sông uống nước.



6

Tôi ngồi trên lưng con Bính, lòng đầy ảm ức. Con Bính nặng nề bước từng bước chậm chạp. Tiết trời đã chuyển. Những trận gió nam từ lâu ngớt thổi. Khắp trời mù mịt. Ngàn dâu không xanh như mấy tháng trước. Khắp bãi dâu ngả màu trắng đục. Dâu trên cành chỉ còn những chùm lá li ti như tùm lông chim. Tôi nhớ lại rất rõ buổi nói chuyện của anh cán bộ với ban chỉ huy tự vệ. Anh nói đi nói lại mấy lần: Ngày mai ta sẽ kiến thiết như thế này. Ngày mai ta sẽ xây dựng như thế kia. Thế mà chị Ba dám bảo tôi đã học sách nói láo của ông Tư Đàm. Cái oan của tôi còn nặng hơn cái oan của Thị Kính. Mẹ thường bênh tôi, nhưng nay cũng về một phe với chị Ba, cho tôi nói láo. Con trâu Bính vừa đến bờ sông, tôi vụt cho nó một roi. Con Bính bị vố bất ngờ nhảy chồm ra sông, nằm mẹp xuống nước. Tôi thần thờ nhìn quanh. Một chiếc đồ nằm chờ yên lặng. Những cây đa bên kia sông nom xa giống như những cụ già râu tóc bạc. Tôi nhặt hòn sạn vút xuống sông. Chợt có tiếng chân bước. Tôi quay

lại. Thằng Cù Lao ở đâu đã tối. Nó cho biết là cha nó sẽ đi Đà Nẵng thăm anh Sáu. Nó muốn đi theo. Tôi buông cộc lốc:

- Đi Đà Nẵng hay đi đâu kè mầy!

Tôi nói là tôi đang tức lộn ruột. Tôi kể cho thằng Cù Lao nghe những việc vừa xảy ra.

Thằng Cù Lao như sừng sốt:

- Tại sao lại không như rứa? Phải có những nhà mười tầng chớ. Tui cũng nghe anh Thanh nói rứa. Anh nói trong ngày mai hay trong tương lai chi đó, rất gấp thoi. Ngày mai, chúng ta sẽ ấm no hạnh phúc ta sẽ xây dựng những ngôi nhà đồ sộ, những vườn tược thênh thang, những bể bơi, những bãi tập, sẽ đóng những tàu thủy đi khắp địa cầu...

Nó thêm:

- Có khó chi! Ta làm nhanh như chớp. Liên Xô sẽ giúp ta với gạch, sẽ đưa tàu bay đến chuyên chở. Máy móc nhà cửa họ đã làm sẵn. Ta chỉ còn có đào đất dựng lên. Năm bảy hôm là xong tất. Nhà không phải chỉ có mười tầng mà là hai ba mươi tầng. Lúc đó chị Ba sẽ thấy, sẽ tin bọn mình. Tức giận làm chi cho mệt?

Khi thằng Cù Lao nói xong, tôi ôm choàng lấy nó. Không ngờ ở đời này còn có người hiểu tôi như vậy. Thằng Cù Lao đúng là bạn tri âm của tôi. Nó thông minh quá, biết được việc tàu bay Liên Xô giúp ta kiến thiết nhanh chóng. Tôi nói nhà có mười tầng, nó thêm đến ba mươi tầng. Không chỉ kiến thiết nhà cửa, mà còn đóng tàu thủy, đào bể



boi, xây công viên đồ sộ.

Tôi nhìn lại mặt mày của nó. Cái trán nó trước đây tôi thấy dô ra, nay thấy cao rộng và thông minh. Cặp mắt của nó chẳng có gì là "bất đồng", là lừa thầy phản bạn, mà chỉ bị lác một tí thôi. Lỗ mũi nó hếch, chứng tỏ nó rất tốt bụng. Tôi hỏi:

- Làm sao Cù Lao biết được?

- Ngoài biển cũng có Cách mạng, cũng có Việt Minh, có lớp huấn luyện. Anh Thanh về mở lớp giảng nhiều cái hay lắm. Anh cũng là Việt Minh, giỏi không kém anh Sáu.

Tôi nhích gần lại thằng Cù Lao, quàng tay vào vai nó:

- Thế Cù Lao không hỏi anh Thanh bọn trẻ con mình sẽ làm chi?

- Bọn trẻ con sẽ mặc đồng phục, đi giày da.

Tôi chưa hề mặc đồng phục và đã thấy đôi giày da. Đó là đôi giày da của ông phán Ninh đi qua làng. Nó láng bóng.

- Thế anh Thanh có nói ta thành bác sĩ, kĩ sư cả không?

Thằng Cù Lao lắc đầu nói thẳng:

- Cái chi chớ bác sĩ, kĩ sư, tui chẳng thích.

Tôi cũng chẳng hiểu bác sĩ, kĩ sư sẽ làm gì. Chỉ biết đó là những người học giỏi, biết chữa bệnh bằng cách tiêm kim và biết vỗ trâu béo.

Thằng Cù Lao không úp mở:

- Tui chỉ muốn làm nghề bánh kẹo. Hai thứ đó ăn không bao giờ chán. Ai không thích bánh kẹo? Tui làm thứ bánh kẹo thật ngon, người ăn càng

thích.

Tôi tán thành Cù Lao làm nghề bánh kẹo. Tôi không rõ người ta làm các thứ bánh kẹo ở đâu. Có lần cha tôi xuôi phố Hội An, mua về mấy phong bánh in hiệu Phú Hòa. Bánh ngon tuyệt. Cha tôi bảo ở Hội An có nhiều nhà làm bánh ngọt. Như vậy thằng Cù Lao muốn làm bánh ngọt phải đến tận Hội An. Làm kẹo thì dễ hơn. Tôi mách đường chỉ lối:

- Hay Cù Lao học nấu đường. Vì kẹo cũng là đường đánh thành kẹo. Làng ta có ba lò đường. Sang nhà ông Tư Trai học nghề nấu đường. Thợ nấu đường ông nào mặt mũi cũng đen thui, nước da đen của Cù Lao rất hợp. Hơi đường thơm nức mũi. Uống bát nước chè hai khỏe ra như uống thuốc bổ.

Thằng Cù Lao chợt hỏi:

- Thế nấu đường có được đi đây đi đó không hở?

- Ấy! Đã nấu đường thì phải canh bên chảo! Phải bỏ vôi, phải múc nước mía, phải vớt bọt, phải khuấy đường. Lúc đường sắp quánh, lỡ một chút là đường khét ngay!

Thằng Cù Lao tỏ ra rất phân vân. Nghề gì bị cột chân một chỗ là nó xin vãi không làm.

Tôi nhắc đến các nghề khác. Nghề làm tầm cũng bận rộn xung quanh cái nong cái nế. Nghề kéo thao cũng phải ngồi bên nồi kén. Nghề chằm nón làm cho mọi người không bị cảm mạo, nghề bồi quạt làm cho mọi người có gió mát nghề thợ



nhuộm làm cho áo quần cũ trở nên mới, tất cả nghề đó rất khó đi xa. Cả những nghề nhỏ nhất như nghề đan phen, nghề đập ông tảo cũng không hợp với nguyện vọng đi đây đi đó của thằng Cù Lao. Tôi nhớ đến những người bán hàng chạy, đi từ làng này sang làng khác. Thỉnh thoảng ông bán nôi đất gánh một gánh nôi rao to: "Ai mua nôi không?". Một lát sau vang lên tiếng rao khác: "Ai mua mấm không?". Lại những tiếng rao bán chiếu, bán nong, bán vải, bán đầu rái. Tiếng rao của bác đầu rái giữa trưa vang lên cao vút. Trời càng nóng bác càng chạy nhanh. Trời nóng làm đầu rái lỏng ra, đông được lợi. Bác bán đầu rái không chỉ được đi, còn được chạy...

Cuối cùng, thằng Cù Lao thích bán đầu rái. Nhưng rất bí là không biết đầu rái lấy ở đâu. Tôi chợt nhớ ra ông thợ hàn nôi bịt bát. Ông thợ hàn nôi bịt bát đã từng làm tôi mê tít. Nghề bịt bát hàn nôi mới thật là nghề lí tưởng. Ông quảy một cái gánh. Ở một đầu gánh là một chiếc bầu, đầu bên kia là một ống bể. Ông đi khắp xóm làng, rao to:

- Trong nhà có ai bịt bát hàn nôi không?
- Vào đây, bịt cái bát.

Ông thợ bước vào, đặt gánh xuống, nhóm lò than. Ông mở bầu, bầu đựng cả một thế giới kì lạ: cái kéo nhỏ xíu, cái búa to bằng ngón chân, cái vò sò to bằng lòng bàn tay, cục hàn the, những miếng đồng, những mẫu thép sệt soạt. Ông kéo bể nghe phì phò. Ông nấu chảy cục chì óng ánh. Chấp, dán, mài, giũa, cái bát vỡ bỗng chốc lại lành. Ông

bịt thêm trên miệng một vòng dây đồng sáng chói. Cái bát lại được đặt lên vị trí cũ. Ông nhận tiền công, lại tiếp tục quảy gánh đi nơi khác. Tiếng rao hàn nôi bịt bát chỉ còn nghe mơ hồ sau bờ tre. Thằng Cù Lao nhất định phải làm nghề này, sẽ được luôn luôn đi đây đi đó.

*

* *

Chị Ba nhiều lúc tỏ ra rất đáng yêu. Đó là những lúc chị làm món bắp lớ, hay khuấy món bánh đúc. Chị để phần cho tôi cả một bát đầy. Có trái ổi chị cũng mang về cho tôi. Trước ngày cướp chính quyền, đi xem tuồng Phạm Công - Cúc Hoa đến đoạn Cúc Hoa hiện hồn về thăm con, chị ôm cột khóc rung rức, buồn suốt một ngày. Từ khi vào tự vệ, chị nói dứt khoát:

- Từ nay trở đi, không thể khóc! Nước mắt không làm cho người ta đỡ khổ. Phải như Bà Triệu, Bà Trưng mài gươm giết giặc mới hết cái khổ...

Chị vút cho mẹ tôi cái áo dài, không thêm dùng áo đó nữa. Ý chị còn muốn sắm một thất lưng da có đeo con dao găm lưng lẳng. Chị gọi tôi về bí mật:

- Anh Bốn Linh biết mày thích vào tự vệ. Mày lại gặp anh Bốn. Anh Bốn cho mày với thằng Cù Lao cái gì đó.

- Cái chi?

- Chẳng biết nữa.

Chị Ba tùm tùm cười như chị đã biết món quà



của anh Bốn sẽ rất khá, nhưng chị chưa muốn nói tôi biết.

- Thế chị Ba đã hỏi anh Bốn nay mai làm nhà mười tầng chưa?

- Hỏi rồi. Sẽ xây nhà mười tầng. Thôi đi đi! Anh Bốn đợi.

Con bìm bịp giống lên một hồi dài như giục chiều xuống. Cây sung như kẻ bằng mực tàu đang ngập trong ráng chiều đỏ. Tôi vừa đi vừa nghĩ bụng: "Anh Bốn cho mình cái gì hè? Chắc là con dao găm. Anh vừa được lên làm chỉ huy tự vệ ở xã, anh phải sắm súng lục. Con dao găm, chắc về phân mình. Được con dao găm, mình sẽ vào tự vệ. Thích quá! Thích quá!"

Nhà anh Bốn chưa đồ đèn. Anh Bốn và thằng Cù Lao đang hì hục đào lỗ chôn gốc tre. Tôi trầm trồ:

- Gốc tre to quá hè! Để làm chi vậy anh Bốn? Thằng Cù Lao vung tay:

- Để luyện gồng đó!

Nghe nói gồng là tôi đã nể. Người biết gồng, gươm chặt không đứt. Trước đây, anh Bốn thường dậy rất sớm, ra sân luyện gồng. Anh nện hai cánh tay vào cái cọc tre nghe đóp đóp. Luyện tay xong, anh luyện chân, luyện lưng, gọi là sơ bộ luyện gồng. Luyện xong anh xoa nước muối. Sau đó, anh luyện vác cối đá. Anh Bốn có một cái cối giã gạo bằng đá xanh, nặng hai người khiêng. Anh ôm cái cối đá đi quanh sân năm vòng. Cái cối đó còn dùng để dọa chị Bốn. Một lần, chị Bốn cãi

với anh Bốn. Anh Bốn nổi giận, vác cái cối đá đặt lên trên phản. Cái cối đá nằm trên phản đã gây bao nhiêu rắc rối cho chị Bốn. Chị bó tay, không còn dám giã gì được! Cuối cùng, chị phải bảo nhỏ để anh Bốn hạ cái cối đá xuống đất.

Anh Bốn chưa nói là sẽ cho tôi cái gì. Tôi nóng lòng không đợi được, liền hỏi:

- Chị Ba bảo lại gặp anh để anh cho cái chi?

- Ừ, tao sẽ thưởng! Bây giờ cùng đi tắm cái đã. Nước mương trong đồng gần cồn Quai Mỏ mát lắm!

Nghe đến cồn Quai Mỏ, tôi đã ngại. Cồn Quai Mỏ nằm gần chòm đa Lí, chỗ ấy nhiều ma lắm. Tôi gọi khéo anh Bốn:

- Anh không đi tắm sông cho sướng, lại tắm trong đồng?

Anh Bốn bảo luôn tiện anh đi chắm thì. Tôi hỏi thì gì, anh không nói. Tôi hỏi nhỏ thằng Cù Lao, nó chẳng biết. Anh Bốn châm điếu thuốc xong, bước ra trước. Tôi và thằng Cù Lao theo sau. Ra khỏi nhà, trời đã tối mịt, bóng đen từ các bụi rậm bò ra phủ kín cánh đồng. Một tiếng hú từ phía chòm đa Lí kéo dài nghe rờn rợn. Một ánh đuốc chỗ cồn Quai Mỏ lóe lên rồi tắt biến. Tôi bị vấp mấy lần, suýt ngã. Chợt anh Bốn dừng lại:

- Cồn Quai Mỏ đây rồi. Xuống mương tắm cái chơi cho mát!

Cực chẳng đã, tôi phải làm theo. Anh Bốn nằm dài kì cọ trong mương, tiếng nước nghe bì bõm. Thỉnh thoảng anh xuyết xoa:

- Ồ, mát quá! Mát quá!

Anh Bốn vụt nhảy lên bờ, gọi chúng tôi mặc quần áo. Tôi mới mặc được áo thì anh Bốn thét lên hoảng hốt:

- Ồi, nó hiện lên kia kìa! Nó hiện lên không đâu! Ồi! Chúng bay ơi!

Anh rú lên rùng rợn, vụt bỏ chạy. Hồn vía của tôi đã lên mây. Ba chân bốn cẳng, tôi chạy cuống cuồng theo anh Bốn. Tôi chạy như có nghìn âm hồn đang đuổi sau lưng. Tôi ngã uỵch nhiều lần, hai chân cứ dính lại. Khi thức vào lưng anh Bốn tôi mới rõ là anh đã dừng lại. Tim tôi đánh trống trện. Tôi hổn hển:

- Cái chi vậy anh Bốn?

Tôi nhìn lại, té ra tôi chưa kịp mặc quần. Anh Bốn cười hì hì:

- Tao đã chấm thi xong. Thành Cù Lao không phải thi lại.

*

* *

Anh Bốn tiếp tục tiến về phía chòm đa Lí. Tôi sợ quá cứ bước sát bên anh. Thành Cù Lao ung dung bước theo sau. Những hàng cây và bờ bụi vẽ ra muôn hình thù kì quái. Ở chòm đa Lí, ma còn nhiều hơn ở cồn Quai Mỏ. Anh Bốn từng nói ở đó bọn quỷ Bạch Thố, Năm Nanh ngày càng nhiều. Mọi người phải tránh cho xa để khỏi bị vạ cổ. Anh Bốn tiến đến chòm đa Lí, dừng lại thét to:

- Hỡi quỷ Bạch Thố, quỷ Năm Nanh! Ta đây! Ta muốn cùng chúng bay thử sức!

Trên cành cao, một tia chớp lập lòe. Khắp vườn đa rung lên. Cành cây gãy nghe răng rắc. Một tiếng hú dài như vang lên từ âm phủ:

- Ta là Bạch Thố đây. Mà đến nộp mạng cho ta đó hử? Mà đã trời trăng với vợ mà chưa?

Tiếng quỷ Bạch Thố cứ ồ ồ như có trăm ngàn bộ hạ đang lặp lại...

- Tao đã nói với mẹ Bốn Linh là tao phải bắt bọn mày về làm mắm đây!

Trên cây, một bóng đen bỗng ngo ngoáy rồi to dần, to dần. Tay chân nó mọc dài ra. Nó nhảy phóc xuống đất.

Anh Bốn đã đứng trụ lại, vung nắm đấm ra phía trước. Quỷ Bạch Thố nhảy chồm lên. Anh Bốn nhanh như chớp đã ngồi thụp xuống, né sang một bên. Quỷ Bạch Thố mất đà trượt ngã. Anh Bốn xông vào. Hai bên húc nhau, ghì nhau, ngã xuống đất ục ục! Người và quỷ vít nhau, quật qua, quật lại. Không biết anh Bốn đề được quỷ hay quỷ đề được anh Bốn. Hình như anh Bốn bị quỷ bóp cổ, tiếng thở khò khè. Tội thét lên kêu cứu inh ỏi.

Thằng Cù Lao xông vào cứu anh Bốn. Nó hết xông tới lại thụt lui. Cuối cùng nó ập vào thành một cục ba người vung vẩy la hét. Có tiếng chân chạy rầm rập. Một người reo to:

- Được rồi, cho đứng dậy!

Anh Bốn và quỷ Bạch Thố vụt đứng dậy. Quỷ Bạch Thố thở hổn hển:

- Mình bắt trượt, giận quá! Trăng lên hãy hay.



Quý Bạch Thổ quay sang phía thằng Cù Lao:
- Còn mày nữa! Mày đánh hơi giúp anh Bốn
mày hả?

*

* *

Người và quý, tất cả kéo nhau vào ngôi miếu giữa vườn đa. Tôi bước sát theo anh Bốn như đang chui vào một cái hang tối mịt. Một ngọn đèn lồng được thắp lên. Tôi lơ mơ thấy có anh Long, anh Lực, chú Năm Mùi, thầy Lê Hảo và ba người nữa vừa ngồi xuống trước ngạch cửa. Ánh sáng và tiếng người quen thuộc đã làm tôi đỡ khủng khiếp. Họ móc túi lấy thuốc lá ra hút, vừa hút thuốc vừa cười nói ồn ào. Qua câu chuyện, tôi biết tối nay họ hội họp ở đây để bàn việc kiện toàn các đội tự vệ, tập môn võ dân tộc, bàn việc làm trường. Trước Tổng khởi nghĩa cũng chính nơi đây họ hội họp nhiều lần. Họ may cờ đỏ, rèn những cọc sắt đóng vào cây sung làm thành những nấc thang leo lên cắm cờ đỏ sao vàng. Chính ngọn lửa lò rèn đã làm cho chị Ba khiếp vía. Họ cười ngặt nghẽo vì đã phao tin ma quỷ nổi loạn ở chòm đa Lí. Làm vậy để giữ kín những hoạt động bí mật. Việc xây dựng trường học được bàn trước. Trường sẽ dựng ở chòm đa Lí. Ở đấy có đất rộng lại có bóng mát, tha hồ làm chỗ cho các em chơi. Phải xúc tiến gấp. Trẻ con đang lêu lổng cần phải đi học gấp. Thầy Lê Hảo được tạm thời nghỉ dạy để lo việc xây trường.

Chợt anh Long nhắc mọi người phải bắt đầu

luyện võ. Trăng đã vén mây đã sáng ngoài cây đa.

Anh Bốn mời tất cả ra chỗ trăng sáng. Mọi người đứng dậy. Tôi và thằng Cù Lao đứng dậy theo.

Anh Long bước ra trước. Người anh vừa cao vừa gầy, điệu bộ linh lợi. Anh là một tay võ giỏi, có quả đấm thôi sơn và có ngón đá hậu ít ai sánh kịp. Trước đây, anh đã đấu với anh Bốn. Anh Bốn vừa chấp tay bái tổ, đã bị anh Long cho một đấm vào ngay giữa trán. Anh Bốn lăn quay. Anh Bốn đứng lên mời anh Long cứ tiếp tục. Anh Bốn lại lãnh thêm một quả đấm nữa. Nhưng anh Bốn và anh Long lại rất thân nhau. Anh Long xắn tay áo:

- Xin phép anh Bốn. Thế võ này gọi là thế trời. Tôi bắt đầu.

Nói vừa xong, anh Long đánh một phốc ôm sát thầy Lê Hảo. Tôi chỉ kịp nghe thầy kêu lên:

- Gãy tay rồi!

Thầy nằm quay lơ dưới đất. Anh Long tuyên bố:

- Tôi cho phép các đồng chí cứ đánh trả khi tôi xông vào. Cho phép dùng những miếng hiểm hóc nhất!

Chú Năm Mùi hỏi:

- Lỡ xuống âm phủ có về báo oán anh em không?

- Chết vì việc nước thì Long đây rất cam tâm. Việc chi báo oán!

Chú Năm vừa khép nắm đấm đứng khom khom hai tay chấp lên đầu gối thì anh Long xông



tới, quật nhào xuống đất.

Anh Long đứng dậy, vừa giảng giải vừa làm các điệu bộ:

- Trước tiên, các đồng chí phải chui sát bên vai địch. Phải làm như chớp vậy! Sau đó, các đồng chí móc một cánh tay của các đồng chí vào cánh tay của địch. Cách làm như thế này này, như ta móc cánh tay bạn cùng đi chơi... Như vậy ta đã dùng một cánh tay của ta. Còn một cánh tay nữa của ta, ta chưa dùng. Ví dụ: Ta móc tay trái của ta vào cánh tay phải của địch, thì ta còn rảnh cánh tay phải của ta. Ta dùng tay phải của ta bắt vào cổ tay phải của địch, dùng thế đòn gánh bẻ ngược cánh tay đó của địch. Địch cũng còn rảnh một cánh tay. Nó sẽ nện vào ta. Như vậy ta phải bẻ ngược thật đau. Đồng thời ta dùng cánh tay bị bẻ đó để đỡ đòn. Một chân của ta lót phía sau lưng địch, quật địch ngã xuống!

Anh Long mời anh Lực đứng ra để anh chỉ rõ những động tác cụ thể cho mọi người xem. Sau đó anh Bốn Linh bước ra để anh Long bắt. Anh Bốn không vội chống cự. Anh cố rùn xuống để khỏi hăng chân, và không vội đấm đá trả lại. Anh dùng tay trái bắt vào cổ tay mặt của mình, dùng hết lực co hai tay lại rồi húc mạnh vào ngực anh Long. Hai người cùng nhào xuống đất. Họ ghì nhau. Một phút trôi qua. Tiếng reo vang dậy:

- Cừ lắm! Cừ lắm!

Anh Bốn không giải được thế võ. Anh Long đứng dậy thở hổn hển:

- Anh Bốn khá lắm! Biết thế gỡ trói!

Cứ hai người ghép thành một cặp, luyện miếng võ trói địch. Tôi và thằng Cù Lao cũng được tham gia. Anh Long hướng dẫn chúng tôi tập đi tập lại, thật cụ thể. Lúc tôi quật thằng Cù Lao ngã xuống. Lúc thằng Cù Lao quật tôi ngã xuống. Học miếng trói xong, đến học miếng gỡ trói. Sau đó chúng tôi còn học miếng gói địch. Học những môn này, ai cũng kêu la: "Gãy hết xương rồi! Đau quá! Đau quá!"

Đến khi ra về trăng buồn ngủ đã ngả về phía núi.

7

Khi ở ngoài cù lao Chàm, một hôm chú Hai Quân nổi hát khe khẽ: "Làm tầm làm tầm, để lúa đầu năm, để tầm tươi tốt, tầm từ ăn mốt, cho chí thức lên. Vặn khá làm nên, tràn nong tràn đuối. Con tầm chắc nụi. Cái kén vàng hươm, cái bán cái ươm, tơ tơ, lụa lụa..."

Thằng Cù Lao hỏi:

- Làm tầm là làm chi?

Chú Hai nói:

- Ở quê mình trồng dâu nuôi tầm nhiều lắm.

Lúc ra cù lao Chàm, chú chưa kể cho thằng Cù Lao nghe chuyện nuôi tầm. Chú Hai nhớ lại rất rõ, cứ mỗi năm vào tháng chạp ở quê nhà, những trận lụt lớn chấm dứt. Màn mây được vén, trời hóa trong và cao. Con sông Thu Bồn trở lại hiền hòa. Trên cây sung, bọn ác là kêu to: "Tạnh rồi! Tạnh rồi!"

Khắp nơi chuẩn bị xuống đồng. Thợ đào dâu đến lò rèn tôi lại lưới mai thật bén và lắp một cán mai thật dài. Cán mai đào dâu dọc sông Thu Bồn phải làm bằng gỗ kiên kiên dài non hai sải. Lỗ

dâu có nơi phải đào lút cán. Đào một lỗ sâu đến hơn sải tay, rộng chỉ bằng hai bàn tay xòe, việc đó không phải ai cũng làm được! Thợ đào dâu đứng đợi bên kia sông trong sương sớm mù đặc.

Có tiếng bên này sông gọi to, tiếng kéo dài trên mặt nước:

- Cần hai mươi lưỡi mai. Mời qua đây!

Tiếng trả lời bên kia sông:

- Cần người gút dâu không?

- Thêm hai người gút.

- Hai mươi hai người, phải không?

- Phải!

Không thấy dò đầu. Chỉ nghe trong sương tiếng mái chèo đập nước. Một chốc sau dò dần dần hiện ra, ghé vào bến. Người lái dò gác chèo, rút cây sào tre ghim dò lại. Thợ đào dâu lần lượt nhảy xuống đất đi thành một hàng dài. Người đi giữa vác một chiếc nôi ba làm thành cái chằm đen giữa hàng dọc. Họ tiến vào đám dâu và bắt đầu đào. Phải đào đến lớp bùn phía dưới. Thợ đào dâu sắp thành một hàng ngang xén lưỡi mai nghe xoèn xoẹt. Họ nhổ nước bọt vào hai tay, nắm chặt cán mai rút đất từ sâu lên, động tác thật chính xác. Những lỗ dâu sâu thăm thẳm cứ nhiều dần, kéo thành những hàng thẳng tắp. Dâu trông phải chọn những cây dài nhất. Người gút dâu cứ để nguyên cây dâu đặt sát đáy lỗ, ngọn dâu ghim vào lỗ dâu ở ngay phía trước rồi lấp đất. Chỉ sau vài mươi hôm những chồi non phun lên một màu xanh non óng ánh. Ra giêng, khắp ngàn dâu bừng sáng.



Màu xanh non thấm dần, rồi bạt ngàn một màu xanh ngắt.

Thằng Cù Lao về quê đúng vào lúc anh chị Bốn Linh nuôi lúa tằm cuối mùa. Trong làng nhà có tằm cũng đã bắt kén. Sang tháng chín âm lịch, ngoài đồng chỉ còn dâu lông chim, lơ thơ từng chùm lá nhỏ. Nếu trời không dãi, có lụt sớm, sẽ gặp gay go. Ông Trùm Khéo, người bán trứng giống, đã thề độc với anh Bốn Linh đó là loại giống vô cùng quý giá mua từ Tiên Phước, nhất định tằm trứng một trăm phần trăm. Anh Bốn xắn tay áo:

- Cứ nuôi. Sợ chi!

Tằm ở trong trứng thì dùng một cái, Cách mạng nổ ra. Việc làng việc nước của anh Bốn cứ ùn lên lút đầu lút cổ. Anh làm việc bất kể ngày đêm, chỉ có thể ghé nhà một chốc rồi phải đi ngay. Nhớ đến tằm, anh Bốn cương quyết:

- Lúc này mà còn tằm tơ cái chi! Có biết mấy chuyện quốc gia đại sự. Phải xẻ lỗ mũi mà thở. Dem tằm đổ quách!

Chị Bốn bỏ nhỏ:

- Việc nhà tôi lo xong hết. Anh muốn đi đâu thì đi. Nhà còn có thằng Cù Lao, việc chi hấn cũng giải.

Anh Bốn dọa:

- Năm này, thế nào cũng lụt sớm! Rồi sẽ học máu cho mà coi! Hễ chết, tôi không thềm chôn đâu!

Chị Bốn thấy chồng nói có lí. Làm tằm phải có

người đứng buồng, làm mọi việc nặng nhọc, phải đặng đặng một tháng mới xong. Nay anh Bốn đi vắng thì ai lo? Nhưng coi đi coi lại, thấy tầm tốt quá. Ác một nỗi, những ông thầy tầm đến xem, ai cũng bảo từ cha sinh mẹ đẻ, họ chưa thấy tầm nào tốt vậy! Thằng Cù Lao xem tầm cũng quả quyết là tầm tốt. Tầm tốt như vậy thì ai nỡ đổ đi cho được! Chị Bốn cứ lẫn vào lo cho tầm. Anh Bốn vẫn can ngăn, nhưng nói yếu yếu:

- Tôi nói cho mà biết: Qua sông bắt cộp, chết không kịp hối đó!

Chị Bốn biết anh Bốn đã núng, liền lí sự:

- Ở trên đờ ra phải đánh giặc và tăng gia. Anh Bốn giết giặc, tôi lo tăng gia. Làm đúng chủ trương, còn chi nữa!

Anh Bốn phải chịu, tự nghĩ: "Con vợ mình chính trị thế mà cao! Đàn bà họ sáng dạ lắm!".

Chị Bốn mang giỏ đi hái dâu dưới rộc. Chị là tay hái dâu loại giỏi. Giữa những cành dâu, hai tay chị như đôi bướm lượn, không ai nhìn kịp. Dâu cuối mùa ít lá, chị phải nhờ các chị trong xóm đi hái giúp. Họ gánh đôi giỏ bông, bụng giỏ tròn như chiếc chum to, đi hái dâu tận ngoài bãi. Thằng Cù Lao, chú Hai Quân giúp vào việc cho tầm ăn, việc gặt phân, lượm tầm, việc nấu cơm, đem nước. Các chị kéo ra bãi dâu lúc gà gáy, hết hát hò lại bàn tán trăm thứ chuyện, chuyện ông Bảy Hóa đẹp bàn thờ Thập Điện, tất cả những tranh vẽ quý sứ của người, đốt người, ông Bảy đều đốt hết. Nhiều chị muốn phụ nữ phải thành

lập một hội "tương tế", mục đích để bệnh vực cho nhau. Hễ người nào bị chồng đánh thì hội viên có nhiệm vụ xông vào bệnh vực. Phụ nữ cũng phải có người bác sĩ, kĩ sư. Trước mặt phụ nữ phải kiếm ít chữ bỏ bụng, để viết thư cho chồng làm ăn ở xa mới được!

Chị Bảy Có trong lúc vui miệng, nói toạc là mình vừa được tin của anh Bảy "trong nớ" gửi về. Anh báo cho biết là anh còn sống, hiện nay ở xứ Dầu Dây. Chị Bảy đã đến nhà thầy Lê Hảo nhờ thầy viết thư gửi lại. Thư viết bằng văn vần:

"Tạm đôi hàng chữ mực

Gửi đến chốn Dầu Dây.

Ngày những trông tin nhận trong mây

Đêm thức giấc, tiếng tiêu thánh thót.

Hỏi ai đã quên lời thề ước

Tít mù khơi muôn dặm tếch buồm loan!"

Thư của thầy Lê Hảo viết bao giờ cũng bắt đầu bằng "Tạm đôi dòng chữ mực..." và chấm dứt bằng câu "Thơ bất tận ngôn". Chị Bảy đưa thư nhờ tôi đọc, tôi đọc đi đọc lại cho chị nghe, chị thuộc lòng. Thấy bên lề còn chỗ giấy trống, chị nhờ tôi thêm mấy chữ: "Anh đã nói về thì nhất định phải về. Cách mạng lên rồi, ở làm chi trong nớ? Ở quê mình, ông Hai Quân, anh Bảy Hoàn cũng về rồi. Chớ có ham phú phụ bần, mau mau trở lại! Nay thơ. Vợ: Bảy Có".

Chị Bảy bảo tôi đọc thư cho chị Bốn, chị Ba nghe. Ai nấy cũng chịu là thầy Lê Hảo văn hay từng chữ, chữ nào nghe cũng réo rắt. Thằng Cù

Lao cũng khen là giỏi vì thầy Lê Hảo có nói đến buồm, đến mù khơi, đến muôn dặm. Các thứ đó ở dưới biển nhiều lắm...

*

* *

Đã đầu tháng chín âm lịch, nhưng nắng vẫn như đốt. Buổi sớm mù tan, nắng đã lóa nóng. Càng về trưa, nắng càng cô lại. Chim chích mệt mỏi núp trong ngàn lá lặng thinh. Bọn chó Vện chó Vàng thè lưỡi liếm nước nuốt ực ực. Trâu Bỉnh quay qua quay lại trong chuồng giục đi uống nước. Chị Ba đi làm về lấy nón xuống quạt, mặt đỏ gay.

Chợt một hôm, da trời trở xám. Mây chẳng mù mịt. Thỉnh thoảng lất phất vài hạt mưa thưa. Mưa nặng hạt dần. Mưa ào ào đổ. Sông Thu Bồn nước xanh leo lẻo trở đục ngầu, đôi bờ rộng dân ra. Rác rêu kết thành bè trôi nhanh hơn ngựa tể. Nước lụt chảy vào hới, trườn lên các bãi dâu. Dượng Hương Thư đưa xuồng vào giúp chị Bốn. Hái dâu phải đi bằng xuồng. Chú Hai giao cho thằng Cù Lao việc lèo lái. Nó phóng sào xuống nước, chống sào, xuồng băng băng lướt về phía trước, điệu bộ của nó trông thật hiên ngang:

Chị Bảy cười:

- Nó giống như ông Mười Ý ở ngoài vạn lúc xô buồm ra khơi!

Xuồng lướt dọc bờ rộc. Thằng Cù Lao vừa chống vừa quay sào thọc những anh chuột leo ngồi trong bụi tre. Thằng Cù Lao lái thuyền chui



vào những thửa dâu còn lá nhỏ trên mặt nước. Chị Năm Nhựt biết đến mấy trăm câu hò. Nhưng đi hái dâu bằng xuồng chị đành chịu không hò được câu nào cả. Xuồng cứ trôi tranh, lỡ một tí là có thể rơi tòm xuống nước.

Chỉ mới một hôm mà cả đất trời đã đổi khác. Những hàng bã đậu đã lút đầu mất. Ghe thuyền ngoài vịnh vào nằm ngay trên đường cái, cột buồm nhấp nhô ngay cạnh miếu Bà Tầm.

Nước bạc trái mệnh mông. Làng mạc nom xa tít. Chị Năm Nhựt hỏi thàng Cù Lao:

- Ngoài biển nước có nhiều như rì không?
 - Nhiều lắm. Ngoài khơi chỉ thấy trời với nước.
- Chị Năm đọc khe khẽ:

Ngó lên biển bốn trời ba

Buồm giương hai cánh, cửa nhà hai hơi.

Tiếng chèo đập nước cứ bì bõm. Thuyền vớt củi từ ngoài sông đã chèo vào, trong khoang chát đầy củi mục, có chú Năm Mùi ngồi sau lái.

Chú Năm vừa nhìn thấy thàng Cù Lao nổi kêu to:

- Nhỏ vậy mà lèo lái giỏi hung! Làm ông thủy sư đồ đốc được đó!

Chú Năm cười. Chú nhắc chị Năm Nhựt:

- Tối nay nhớ họp đó!
- Lụt lội mà họp cái chi!
- Lụt ngập đâu cũng phải họp. Nhiều việc gấp lắm.

Dân chài lưới kéo nhau đi xúc cá. Có đến vài chục chiếc xuồng. Mỗi xuồng có hai người ngồi.

Người ngồi sau lái bơi xuồng, người ngồi trước mũi cầm một chiếc xúc giống như chiếc vợt chèo xuống nước. Hai mươi chiếc xuồng rồng rắn lướt qua lướt lại, đan vào nhau, né nhau, như đang biểu diễn điệu múa. Thằng Cù Lao chống thuyền lướt qua nhanh giữa đám múa. Các chị nhìn nó đầy vẻ thán phục.

Thằng Cù Lao giúp chị Bốn phơi dâu, cột gác, dọn nong dọn nia, vì có cầu vồng mọc ở phía núi Cu Đê. Sẽ có bão! Nhưng không hiểu sao mưa lại tạnh dần. Đến chiều trời hửng. Lúc mặt trời lặn, đột ngột cỏ cây hoa lá nhuộm một màu vàng rực. Tất cả bật thành tiếng. Đàn chim sẽ chiêm chiếp, rộn lên. Bọn bồ chao kêu hót om sòm. Gà xôn xao nổi gáy. Vịt cạc cạc không biết mỗi miệng. Chỉ có nước là lặng im. Nước lặng im một lúc rồi lại róc rách để rút xuống.

*

* *

Anh Bốn Linh đi họp ở huyện, về đến nhà trời đã tròn bóng. Anh giờ mũ móc vào cột, cời chiếc xắc nâu treo lên móc. Chị Bốn ở trong buồng tắm chải ra, hỏi ngay:

- Họp chi lâu dữ?

Anh Bốn hỏi lại:

- Ở nhà tắm tơ ra rằng?

Chị Bốn không trả lời vào câu hỏi:

- Ăn chi chưa?

Không đợi anh Bốn trả lời, chị bước thẳng vào bếp, quơ nắm bao bắp nhét vào giữa ba ông táo,



xúc gạo đi vo. Anh Bốn ở trên nhà nói xuống:

- Không ăn đâu, đi ngay đây.

Nhìn quanh nhà, anh Bốn biết mọi việc đã yên ổn. Anh soi vào chiếc gương nhỏ treo ở góc cột, lẩm bẩm:

- Râu ria mọc dài quá hề! Đi qua chợ định hót tóc lại quên mất!

Anh xòe năm ngón tay chải ngược mớ tóc, khịt thật mạnh, muốn trút hết cái nóng ra khỏi người. Anh bước ra chỗ vại nước, múc gáo nước đầy, gập người xuống, gội nước lên đầu, vừa gội vừa nói:

- Hết mưa lại nắng. Nắng mới này độc lắm! Phải coi chừng. Người ta xem giò ếch, biết năm nay lụt sớm, tôi nói đúng chưa?

Chị Bốn thấy anh Bốn chưa đi, nài thêm:

- Tôi nấu miếng cơm ăn chớ?

- Không ăn đâu. Định đi luôn, nhớ đến nhà ghé qua một chút. Tầm ra sao?

- Bữa nay được tám nong đông đặc, tốt như Bông Lai tiên nữ.

Anh Bốn Linh chụp chiếc mũ lên đầu, quàng cái xắc vào vai, bước ra cửa. Từ hôm cướp chính quyền, anh cứ vội vội vàng vàng. Anh Bốn Linh từng tham gia Việt Minh lúc còn bí mật. Sau khi cướp chính quyền, nhiều việc được chuyển ra ngoài công khai, công tác trở nên bề bộn. Ai gặp anh cũng hỏi việc này việc nọ. Anh gặp ai cũng có việc để bàn bạc giải quyết. Anh Bốn thấy cần có mặt ở nhiều nơi, cần nói những điều cần thiết.

Anh bước ra đến cửa, chợt dừng lại:

- Chú Hai và thằng nhỏ đâu?

Có tiếng chú Hai quát thằng Cù Lao:

- Có thả tao ra không? Chơi cái chi lạ vậy!

Chú Hai vừa thấy anh Bốn liền kêu lên:

- Ủa, anh Bốn! Chớ lại đi đâu? Mới về, nghỉ một chút đã. Nằm khoèo cho nó khỏe cái đã.

- Cháu đi ngay. Có việc hỏa tốc!

- Quan cần, dân trễ. Chi lại nôn vậy?

- Quân Pháp quay lại Nam Bộ, chú à!

- Anh Bốn nói cái chi?

- Quân đội Anh đã chiếm đóng phủ Nam Bộ. Bọn Pháp và bọn Anh bắn vào dân ta đang biểu tình. Ta chết một số. Quân đội Anh chiếm phủ Nam Bộ, chiếm thêm một bót cảnh sát. Bọn Pháp chiếm lại cơ quan ở Sài Gòn. Chúng từ trong nhà thờ bắn ra, lại vu chúng ta phá nhà thờ để nhờ bọn Anh can thiệp!

- Chà!

- Tôi phải đi cái đã.

Anh Bốn vừa nói vừa bước ra ngõ.

Việc gì thằng Cù Lao biết, tôi cũng biết. Nó chui rào đến bên cạnh tôi, vẽ bí mật:

- Cục này! Bọn Pháp quay lại Nam Bộ!

Tôi nghĩ bọn Pháp quay lại ở Nam Bộ có nghĩa là chúng đã đi rồi, nhưng vì còn quên cái gì nên quay lại để lấy. Có vài ông khách đến nhà tôi, vì đang trí bỏ quên vật gì, cũng quay lại lấy như vậy. Tôi đang đánh dây mũi cho trâu, nói lơ mơ:

- Chúng bỏ chi lại, thì ta cứ trả lại cho chúng!

- Nó quấy lại để đánh ta!



Thằng Cù Lao thuật lại tỉ mỉ những tin anh Bốn vừa nói. Tôi hiểu dần ra những việc thằng Cù Lao nói là quan trọng:

- Sao không lôi cổ chúng ra, để núp bóng quân Anh chi rứa?

- Núp bóng quân Anh không phải như ta núp bóng khi chơi giật lá đầu! Bọn Pháp lẫn vào quân đội Anh. Quân đội Anh có súng nhiều lắm!

- Thế ta dùng súng đánh lại. Chị Ba nói: Chúng ta là số đông. Bọn áp bức bóc lột chỉ một nhóm nhỏ thôi mà.

Thằng Cù Lao cãi lại:

- Khi chơi giật lá, bọn xóm dưới đã giết sạch bọn mình, bọn mình đông gấp đôi...

Thằng Cù Lao nói nghe có lí. Tôi không hiểu làm thế nào để thắng giặc, đành phải nhìn nhìn lên mái nhà...

Thằng Cù Lao cũng thấy bí. Chợt nó vung tay:

- Nếu giặc đánh rộng ra đây...

Câu nói của thằng Cù Lao làm tôi thấy tình thế đột ngột trở nên căng thẳng.

Tôi nhớ đến những việc kiến thiết đồ sộ nay mai:

- Thế thì những lâu đài ba mươi tầng và nghề hàn nôi bịt bát ra răng?

Thằng Cù Lao gãi đầu:

- Bọn giặc là bọn cướp của giết người. Ta dựng lên, chúng phá hết. - Nó như nhớ ra điều gì, vỗ vào đùi: - Bọn Pháp còn lâu mới ra đến đây. Ta còn thì giờ để luyện tập đánh trả.

- Nhưng anh Bốn có cho tụi mình tập tự vệ đâu!

- Không phải tập tự vệ. Ta tập đánh giặc bằng cách giật lá kia.

- Chị Ba cho là đồ ba láp!

- Cũng tại mình. Mình xưng những tên nghe lạ: "Tào Tháo, Triệu Tử Long, Cốt Đột... Nay ta cứ xưng là ta đánh giặc với bọn Pháp, ta thắng Pháp. Thế là chị Ba ưa ngay!

Tôi gật đầu chuẩn y kế hoạch của thằng Cù Lao, sẽ tập hợp bọn chần trâu luyện tập đánh Pháp.

Về môn địa dư, thằng Cù Lao còn lơ mờ. Nó nhờ tôi chỉ Nam Bộ ở về hướng nào. Tôi đưa nó ra sân, chỉ cho nó biết bốn hướng đông tây nam bắc. Nam Bộ ở về phương nam tức là ở phía bên kia sông Thu Bồn. Như vậy, rõ ràng bọn Pháp muốn đến Hòa Phước còn phải vượt qua sông. Nếu vậy thì chiến sự sẽ xảy ra không chỉ trên cạn mà còn xảy ra dưới sông nữa. Đã đánh nhau dưới sông thì nhất định phải biết bơi và biết lặn. Thằng Cù Lao bàn phải tập bơi tập lặn cho giỏi thì mới thắng được giặc!

*

* *

Thằng Cù Lao bơi lội rất cừ. Tôi cũng biết bơi, nhưng khi bơi tôi móc hai tay lia lịa như chó bơi. Môn bơi chó của tôi thật không ra gì so với những môn bơi ếch, bơi sải của nó. Nó chum hai tay đưa ra đằng trước, ung dung khoát tay rạch nước, nhẹ

nhàng trườn lên như ếch lội. Nó xoay mình nằm thẳng nhìn trời, rút tay bơi vun vút qua bên kia sông, rồi lại bơi quay lại. Nó cho cách bơi của nó là những cách bơi rất bình thường và dễ tập. Cách bơi chó mới thật khó tập. Tôi kinh ngạc khi biết ở biển có người bơi hàng buổi dưới nước. Thằng Cù Lao bơi được hàng giờ. Tôi chỉ bơi năm ba phút đã đứt hơi mệt đến chết.

Thằng Cù Lao bảo tôi cùng bơi. Chúng tôi cùng vung tay để luyện cho quen. Sau đó cùng vung chân, cùng ngụp, cùng thở. Tôi tiến dần trong môn bơi ếch, tập sang môn bơi sải, tập nằm ngửa. Tôi và thằng Cù Lao vượt qua sông, sang ngồi hủ hí trên bãi cát.

Một hôm khi bơi về gần bờ tôi thấy một bác già ngồi tắm. Vừa thấy chúng tôi, bác cười thân mật. Bác rút khăn vắt trên vai kì cọ chân tay coi bộ rất thú vị. Bác ngược mắt cười hì hì:

- Bọn bay bơi giỏi hung! Tao khen đó!

Tôi thấy hơi lạ lạ:

- Bác ở đâu đến tắm ở đây, hở bác?

Bác cười to hơn:

- Tao ở xứ này thôi!

Giọng nói của bác nghe quen quen.

Bác nheo mắt nhìn thằng Cù Lao:

- Bọn bay bơi giỏi, sau này sung vào đội thủy quân... Làm ông đồ đốc cái chơi cho sướng!

Tôi sực nhớ giọng nói đó giống giọng ông Bảy Hóa.

Nhưng rõ ràng bác này không phải là ông Bảy

Hóa, vì bác này trẻ hơn, lại không có râu.

Tôi hỏi:

- Thưa bác, bác có bà con chi với ông Bảy không?

- Ông Bảy nào, chẳng biết!

- Ông Bảy Hóa đó, ông Bảy Hóa biết làm thầy tướng đó.

- Chẳng biết.

Bác nói xong lại cười. Cách cười đó làm tôi sinh nghi:

- Hay bác là ông Bảy Hóa?

Nhưng tôi ngờ ngợ:

- Có phải ông không ông Bảy?

Tôi và thằng Cù Lao cứ dòm dòm ngó ngó. Đờn nào lại có một ông Bảy Hóa không râu. Từ nhỏ tôi chỉ thấy ông Bảy Hóa với một bộ râu dài thông dong đến rốn.

Bác đó đang kì cọ chột đứng lên:

- Bọn bay về chưa? Tao về đây.

Bác vừa đứng dậy, thằng Cù Lao đã chạy đến dòm vào chỗ móng của bác. Nó nổi reo to:

- Đúng là ông Bảy! Ông Bảy có vết sẹo chỗ móng!

Tôi cũng dòm. Quả thật ông Bảy có một vết sẹo to bằng ngón tay chỗ xương cụt.

Chúng tôi reo hò:

- Ông Bảy, ông Bảy! Tại sao lại cạo râu đi ông Bảy?

Ông Bảy bị bắt quả tang, thú nhận:

- Tao là ông Bảy đây. Bọn bay có thấy tao trẻ



lại không?

- Tré lại! Nhưng ngó nố chi chi!

- Tao tré ra như trai mười tám! Sao lại chi chi!

- Ai cắt mất râu ông, ông Bảy? Cắt làm chi ông Bảy?

- Cắt để tré lại, để được gia nhập tự vệ.

Ông Bảy cười, để lộ một hàm răng đều và nhỏ như hạt bắp. Cằm của ông Bảy nhọn chứ không phải vuông. Không ngờ ông Bảy có một cái miệng rộng như vậy!

Tôi và thằng Cù Lao cấp tốc mặc quần áo, chạy một mạch về báo cho mọi người biết là ông Bảy đã cạo râu, trông lạ lẫm. Tôi còn kể việc ông Bảy có một vết sẹo. Mọi người đều cười vì không ai biết được việc đó.

Cả xóm vui rộn lên về việc ông Bảy mất râu. Sau khi cạo râu, tính của ông Bảy cũng hóa khác. Gặp tôi, ông không nói gì về chuyện Thập Điện Diêm Vương sẽ nướng những đứa trộm ổi. Ông nói ông sẽ cương quyết mài gươm lên đường giết giặc.

Thằng Cù Lao hỏi:

- Thế bao giờ ông lên đường?

- Khi cần tao đi. Nhưng cần chi đi đâu. Pháp ở Sài Gòn quay lại, thì Pháp ở Đà Nẵng không chịu ngồi yên đâu. Nhất định chúng sẽ quay lại, vì cũng là thực dân đế quốc cả. Tao sẽ đánh giặc ở đây cho chúng bay coi.

*

* *

Thằng Cù Lao nghịch trở trời chứ không phải "cần hạt cơm không bể" như chị Ba tưởng. Khi nó ở một mình với cha nó cái tự do quá trớn của nó còn hơn nhiều đứa khác.

Nó bắt chước thằng Thân đầu trọc chơi giật lá, lấy đầu húc vào bụng cha nó:

- Cho một chùy, ngã lăn quay nè!

Cha nó kêu lên:

- Ối cái con khỉ này!

Nó liền thu người lại, mắt lác lác, tay quật ra sau lưng gãi gãi, điệu bộ giống như một con khỉ. Vừa gãi nó vừa nói:

- Con khỉ đây này! Con khỉ đây này!

Làm trò con khỉ xong, nó làm trò cá bơi, rùa bò, đi chống ngược, nom rất lạ. Làm trò xong, nó chạy tới ôm chặt vào lưng cha nó cười hì hì, bắt kể chuyện:

- Ở ngoài nớ... Chuyện đã nghe rồi mà cha cũng cứ kể đi kể lại. Về đây sao không kể đi?

Cha nó khản khoản:

- Có thả ra không? Ngoài nớ tao nhớ trong ni, tao mới kể hết mọi chuyện trong ni! Còn về trong ni, cái chi ngoài nớ mày biết cả, kể sao được?

Tôi đứng nép ngoài cửa, đã hiểu vì sao thằng Cù Lao biết hết chuyện trong ni, chuyện nuôi tằm, làm mía, chuyện bà Hiến, chuyện ông Bảy... nó biết hết, là vì cha nó "nhớ trong ni" đã kể cho nó nghe hết. Có việc cha nó đã kể mười lần, sau đó cha nó vẫn cứ kể lại.

Thằng Cù Lao mách với cha nó là nó thấy cái sẹo...

- Cái sẹo chi?

- Cái sẹo của ông Bảy. Ông Bảy rơi xuống chòi bắp, xóc vào con dao, thành sẹo chỗ mông! Cha kể vậy đó.

- Ủa! Chớ mầy dòm chi lạ vậy?

- Có dòm cái sẹo mới biết là ông Bảy Hóa. Vì ông cạo mất râu.

Chú Hai quát:

- Về đây đã bảo đừng làm những trò bậy bạ!

Thằng Cù Lao đồng ý là không nên làm những chuyện bậy bạ và sau này nó đi làm nghề. Nghề đó là nghề hàn nôi. Trước khi làm nghề hàn nôi, nó phải tập bơi. Tập bơi để đánh giặc. Vì giặc từ trong Nam ra hoặc từ Đà Nẵng vào đều phải vượt sông. Phải tập bơi thật giỏi mới thắng được giặc.

Từ hôm anh Bốn Linh ở huyện về cho biết Pháp đánh ta ở Nam Bộ, ai gặp anh cũng hỏi, cũng muốn biết tin tức một cách rõ ràng. Ông Bảy Hóa còn muốn vào Nam Bộ đánh bọn xâm lăng. Tôi và thằng Cù Lao không chỉ tập bơi mà còn luyện các môn võ của anh Long dạy ở chòm đa Lí. Anh Bốn dặn chớ đem những chuyện học võ ở chòm đa Lí nói cho người khác biết, vì đó là những việc bí mật. Khi đã biết đó là bí mật thì ở trong tôi những việc đó cứ muốn tràn lên: Có lúc tôi phải cố đè xuống. Mỗi buổi sớm tôi và thằng Cù Lao ra trước sân luyện miếng võ trời, võ gói. Đối với bọn trẻ trong làng, nhất là mấy đứa cao giò, tôi ngứa ngáy muốn thử cho chúng một miếng trời để chúng biết mặt...

Chị Ba đi dự lớp huấn luyện ở huyện về, công việc của chị càng bận rộn. Có đêm chị phải thức khuya chép những bài học, chép lại những câu hay chị đã nghe được. Chị đọc cho tôi nghe một vài đoạn: "Ta đã giành được tự do độc lập. Đời đã đổi mới. Trước đây ta nai lưng làm việc cho đế

quốc. Nay ta làm việc cho Tổ quốc ta. Ta làm việc tốt thì Tổ quốc sẽ giàu mạnh. Ta phải làm việc cho ra hồn".

Chị Ba dọn xong nhìn tôi:

- Cục nghe chưa? Phải làm việc ra hồn, không phải đi vật lộn với bọn chần trầu, bị cục u trên trán đau!

Chị đọc tiếp: "Những người bị áp bức như chúng ta, trong nước có đến hàng triệu, trên toàn thế giới có hàng mấy trăm triệu. Họ rất tích cực ủng hộ chúng ta. Còn bọn đi áp bức bóc lột chỉ là một nhóm rất ít. Một nhóm rất ít không thể chống lại hàng trăm triệu người. Nhất định chúng ta sẽ thắng!".

Tôi giảng thêm:

- Tôi nghe chị nói chỗ này rồi. Dù chúng ta có ít, nhưng nếu chúng ta biết được miếng trói của anh Long nhất định chúng ta sẽ thắng bọn áp bức bóc lột.

Thằng Cù Lao phụ họa:

- Miếng trói tài quá!

Chị Ba mở to cặp mắt:

- Miếng trói chỉ rứa?

Tôi cố chứng minh:

- Miếng trói tài quá! Anh Bốn võ giỏi cũng bị trói không cựa quậy nổi. Chị Ba biết được miếng trói đó thì đàn bà xứ này phải nể mặt. Anh Long dạy miếng đó. Chị hỏi anh Bốn thì rõ.

- Đúng vậy, chị Ba ợ! - Thằng Cù Lao nói đầy tin tưởng.

Chị Ba gạ:

- Thế hai em tập cho chị với!

Tôi lắc đầu:

- Không được.

- Vì sao?

- Anh Bốn bảo về nhà đừng nói ai biết. Lỡ chị truyền cho người khác biết, người đó trối lại chúng ta thì chết cha!

Chị Ba bỏ nhỏ:

- Thì chị có truyền ai đâu!

Tuy trong bụng tôi thích truyền miếng võ cho chị Ba nhưng tôi làm cao:

- Khó lắm! Vậy phải thề mới được!

- Chị thề, nếu đem truyền miếng võ cho ai thì bị đâm đui con mắt.

Tôi bắt chị Ba đứng lên, bảo chị cứ lo chống đỡ để giữ tính mạng. Đột ngột tôi xông vào, móc cánh vai trái của tôi vào cánh tay phải của chị, lấy thế đòn gánh bẻ ngược cùi chỏ. Chị Ba kêu một tiếng thất thanh:

- Ối ời! Gãy tay rồi!

Như vậy là môn trối của tôi đã có kết quả. Sau đó tôi giả làm kẻ địch để chị Ba trối. Tôi bày chị cách gỡ trối, cách gạt chân và nhét giẻ vào mồm. Chị Ba khen, miếng võ của tôi tài lắm. Sau đó vài hôm, nhiều chị cũng biết trối. Tôi nghi thành Cù Lao đã truyền miếng trối cho các chị ban đêm khi đi gác. Các chị bảo nhau:

- Cái miếng trối hay quá chừng, làm mình đi đêm đỡ sợ. Cánh tay của mình bị đau nhưng mình

sẽ đem truyền cho các bà bị chồng đánh. Các ông chồng đánh vợ sẽ bị gãy tay, không dám đánh vợ nữa!

*

* *

Cha tôi là lính ở tiểu đoàn 17 đóng ở Đà Nẵng viết thư về thăm chú Hai và thằng Cù Lao. Trong thư, cha tôi tỏ ý sung sướng nghe tin chú Hai đã về làng. Cha tôi khen thằng Cù Lao nhỏ vậy mà dám vượt biển tìm về quê nội:

"Cháu là đứa con của cách mạng. Chú tin sau này cháu sẽ thành một cán bộ quân sự giỏi, lo bảo vệ quê hương đất nước".

Về xưng hô thì chú Hai phải gọi cha tôi bằng anh. Nhưng trong thực tế cha tôi nhỏ hơn chú Hai có đến mười mấy tuổi. Cha tôi viết: *"Chú hãy tin là từ nay đã chấm dứt mọi áp bức bất công. Một thời đại mới mở ra trước mắt. Anh khuyên chú nếu còn sức khỏe, nên gia nhập tự vệ để động viên con cháu phục vụ tổ quốc, nhân dân".*

Đoạn viết cho tôi, nhưng lời lẽ trong thư lại khác hẳn. Mỗi lời trong thư nghe như mỗi nhát roi quất: *"Tao nói cho thằng Cục biết, khi được thư này phải chấm dứt ngay những việc xưng hùng xưng bá, nào Tào Tháo, nào Triệu Tử Long, việc đánh đá ngoài sông, việc làm cho thằng Cù Lao phải bị cục u trên trán... Hể tao còn nghe những chuyện bậy bạ như trên thì tao về đánh đòn cho mà biết! Đời đã đổi mới, ai cũng phải học hành thật giỏi, để làm việc cứu nước, cứu dân".*

Chị Ba vừa đọc vừa nhấn từng tiếng.

Cha tôi viết tiếp: "Khi được thư này, thằng Cúc phải đóng vở đi học ngay! Nếu lớp thầy Lê Hào có tạm nghỉ để lo xây dựng trường mới thì cũng phải học. Cứ buổi tối đem vở ra ngoài nhà anh Bốn, nhờ anh bày cho vài chữ".

Đến đoạn nói về con trâu Bình, cha tôi viết dài không kém: "Từ đời ông cho chí đời cha, nhà ta cứ phải cày thuê cuốc mướn. Nay cách mạng lên rồi, phải để cho thằng Cúc đi học. Không thể có cái má nào chỉ phát toàn chân trâu. Mẹ nó và con Ba phải đến nhà ông Phó Xáng, giao con trâu Bình cho ông ta, nói lí do là tôi bận công tác xa, còn thằng nhỏ hiện nay phải đi học, không thể nuôi rẽ nữa".

Con trâu Bình là trâu của ông Phó Xáng, cha tôi nuôi rẽ. Khi trâu Bình đẻ con, ghé đầu thuộc về ông Phó Xáng, ghé thứ hai thuộc về cha tôi. Và cứ thế, số ghé sẽ chia làm đôi. Đến mùa cày cấy, cha tôi phải cày không công một số đất ruộng của ông Phó.

Cha tôi đoán trước ở nhà vẫn còn tiếc rẽ con trâu Bình nên tái bút: "Mọi việc phải tính gọn lại. Không nuôi trâu Bình làm gì. Phải để cho thằng Cúc đi học".

Mọi người đều phân vân. Con trâu Bình đã nuôi sống gia đình tôi. Tôi lớn lên nhờ vú mẹ và nhờ công lao khó nhọc của nó. Ngày trước, khi cha tôi đi cày có đánh nó. Cái đó cũng vì bất buộc. Cha tôi hiểu rõ nếu nó kéo cày đi chậm thì



bát cơm của tôi sẽ bị lúng đi. Con trâu Bình về ở với chúng tôi đã hơn bảy năm. Nếu cộng những vết roi rớm máu quất vào sườn, vào chân nó thì con số có đến hàng chục vạn. Những lời chửi mắng, cho nó là con khỉ, con tinh, cần để đói cho xanh xương, có đến hàng triệu lời. Cũng may những lời chửi mắng tan ra rồi bay mất. Nếu nó đọng lại thì cả nước sông Thủ Bồn cũng không rửa hết. Con Bình bị chửi mắng nhiều nhất vào cuối mùa đông và đầu mùa xuân, là mùa đường mía. Thường đến tháng Chạp thì mía già. Nhà làm đường bắt đầu dựng chòi ép mía. Họ phải ép cho được vài thùng nước mía trước lúc trời sáng. Đó là mùa trâu Bình bị chửi mắng và đánh đập nhiều nhất.

Tôi đưa trâu Bình đi ép mía thuê khắp các chòi đường trong làng. Con trâu Bình rất khỏe, nhưng vừa thấy ách che nó đã hoảng sợ. Nó biết ách che còn nặng gấp mấy ách cày. Nó lùi lại. Tôi phải kéo dây mũi thật căng. Thợ ép mía phải cho một roi thẳng cánh vào đít nó, nó mới chịu bước. Thợ ép mía nâng ách đặt lên cổ nó, cột dây rồi hô to: "Bước!" Trâu Bình choãi chân rướn cổ cố bước. Bước được một chốc thì tiếng thở đã ho he, nước dãi trào ra trắng xóa. Nó cố rướn lên nhưng hai chân không bước được nữa. Thợ ép mía xông đến quất tới tấp vào mông, vào chân nó. Trâu Bình quay quắt. Tôi xông vào giật roi nổi thét:

- Trời ơi! Đánh chết trâu tôi rồi!

Mấy chú thợ ép mía mía mai:

- Mày cưng trâu như vợ mày! Đừng dắt nó đến đây nữa!

Trâu Bình đi giữa roi vọt chửi mắng. Khi mở ách, nó đứng chờ ra một lúc rồi bước chệnh choạng. Hôm sau, tôi lại đưa nó đi ép mía. Nó phải cố bước để lấy được năm xu đem về đưa mẹ tôi mua gạo.

Trâu Bình có những đóng góp to lớn trong gia đình.

Chị Ba đọc hai lần đoạn thư của cha tôi nói về trâu Bình. Chữ nghĩa rành rành, nhưng chẳng ai muốn hiểu cả. Chị Ba không ngờ cha tôi lại có ý định như vậy. Từ lâu, chúng tôi xem trâu Bình như một thành phần trong gia đình, không thể tách ra được. Lúc nó mới về, chị Ba đã chăm sóc nó. Nó với chị Ba đã cùng soi mình ở bên nước, cùng bước trên cát mịn, cùng hứng ngọn gió nồm, tình nghĩa sâu nặng lắm. Sau đó, chị Ba giao nó cho tôi. Tôi với nó cùng ngụp lặn trong nước sông. Nó bước trong trăng sao, tôi ngồi trên lưng hát véo von lúc chiều xuống. Mẹ tôi yêu nó nhất nhà. Chẳng ai muốn nó xa gia đình cả.

Về việc trả con trâu Bình cho ông Phó Xáng, ý kiến anh Bốn Linh rất dứt khoát:

- Chưa cần trả cho ông Phó Xáng. Thành Cù Lao vừa đi học vừa chăn trâu. Nếu nó bận học thì gửi trâu cho chú Năm Mùi. Chú ưng nuôi thêm con trâu để có phân bón ruộng. Chẳng phải cày bừa gì cho ông Phó Xáng nữa.



9

Anh Bốn Linh bận công tác, đã nhờ chú Năm Mùi đến giúp khi tầm lớn. Chú Năm thức dậy lúc trời chưa sáng, đốt ngọn đèn dầu. Chú định rưới cho tầm một nước dầu. Nhưng nhìn lại, chú rất ngạc nhiên! Tầm con nào cũng vàng óng cả. Không lẽ tầm đã chín hết, vì sáng nay mới là ngày tầm chộ, chín lác đặc một vài con. Ngày mai mới đúng là ngày tầm chín hết. Chú Năm giụi mắt nhìn kĩ. Đúng là tầm đã chín rộ...

Chú Năm nói nửa bực dọc nửa vui đùa:

- Chết cha! Bay đẻ sớm như thế này, tao tìm bà mụ đâu kịp?

Chú Năm gọi thằng Cù Lao dậy, hốt dầu rải một lớp mỏng cho tầm bò khi nhặt khỏi dính chân.

Bên ngoài trời vừa hửng sáng. Chú Năm vén màn bước ra:

- Bọn bay đẻ sớm, tao thêm mệt! Chà, ông Bốn Linh lại đi đâu mất... Nhưng thôi. Tao cũng có cách.

Chú Năm bước ra sân. Chú đứng thẳng, dọn

giọng lấy hết gân cổ nổi la làng:

- Bớ làng! Bớ làng! Bớ xóm ơi!

Tiếng la làng khùng khiếp bay đi khắp xóm, đập mọi người vùng dậy.

Trong nhà, chú Hai giật thót chạy ra:

- Chớ chuyện chi vậy, hả chú Năm?

Chú Năm không trả lời, càng la làng inh ỏi:

- Bớ làng! Bớ làng đến cứu...

- Bộ anh này điên sao! Người ta tưởng có án mạng đó!

Tôi chui rào chạy sang nhà anh Bốn. Chú Năm đang la làng một cách... vui vẻ.

Chú Năm la làng tiếp một chầu nữa mới chịu bước vào. Ngoài ngõ đã thấy ông Kiếm Lài hốt hơ hốt hải chạy đến hoảng hốt:

- Cái chi thế hả? Cái chi thế hả?

Ông Bảy Hóa chạy đến, tay cầm cây côn:

- Mới bùng măt, chi mà la làng ghê quá?

Thầy Lê Hảo nói không ra hơi:

- Cách mạng lên rồi. Việc chi cũng phải lời thuận lẽ êm chớ!

Nhà anh Bốn Linh bỗng hóa rợn rợn. Ông Trưởng Đình vai quàng chiếc mõ tre nói hớn hén:

- Có đánh người hoặc trộm trâu, phải nổi mõ cho làng biết.

Ông Tư Đàm băng rào chạy xuống. Ông Bốn Rị tay cầm cón dao chạy lên. Ai cũng hỏi nhau:

- Chi dữ quá!

Chú Năm Mùi bước ra, vòng hai tay trước ngực, rất lễ phép.

- Bà con nay đến đông đủ, tôi mới dám nói. Đáng lí ra, anh Bốn Linh được ở nhà lo cho tằm. Nhưng anh bỏ việc nhà đi lo việc nước. Anh Bốn nhờ tôi đến giúp. Đúng ra, sáng mai tằm mới lớn, mới kịp tin bà con. Không ngờ nó thấy mình bận, nó chín hết cả. Làm ruộng ăn cơm nằm, làm tằm ăn cơm đứng. Việc phải làm liền, tôi phải mời bà con đến, xin mỗi người một tay...

Mọi người thở phào:

- Ôi! Tưởng cái chi!

- Ông làm tôi sợ mất máu! Tôi nghĩ cách mạng lên rồi, sao còn có việc trộm cướp? Phải bắt vạ ông này mới được!

Chú Năm Mùi vén áo giả vờ nằm xuống:

- Tôi xin nằm xuống. Bà con muốn đánh trăm roi cũng được!

Ông Bảy Hóa cười xòa:

- Trước cách mạng, người ta la làng để cứu mạng. Nay cách mạng thành công chú Năm la làng để chia vui tằm lớn. Vậy tằm đâu? Khiêng mau ra đây. Bà con mỗi người một tay, việc trời cũng xong hết!

Ông Bảy cầm cái thúng đặt úp trước sân, hô mọi người khiêng tằm ra. Tôi và thằng Cù Lao ba chân bốn cẳng chạy đi tìm mùng, tìm mo cau để đựng tằm. Tất cả xúm lại ngồi quanh nong tằm. Ông Bảy chỉ vào đám trẻ con vừa chạy đến:

- Nhỏ vậy chớ lượm tằm giỏi lắm đó!

Bọn trẻ con thường bị xua đuổi, nay được ông Bảy đề cao, chen vào nhặt tằm lia lịa.

Chú Năm Mùi cho khiêng thêm một nong nữa ra sân.

Chú dặn:

- Đừng có lượm tằm xanh đó nghe! Sẽ học kỹ sư nuôi tằm đó!

Tiếng dạ rầm rập. Không ngờ đội ngũ thiếu nhi khi được động viên trở nên tích cực như vậy!

Tiếng chú Năm Mùi vang to:

- Xin nhường việc lượm tằm cho giới phụ nữ và giới thiếu nhi. Còn giới đàn ông, xin mời sang đây. Ai đời, tằm lớn rồi mà lại chưa có cái bủa nào cả.

Ai cũng thấy việc làm bủa là khẩn cấp. Phải làm thật gấp, ít nhất tám chiếc bủa để kịp cho tằm làm kén. Ông Kiểm Lại xách rựa đi hạ tre chẻ lạt. Người đặt nẹp, người trải hom dâu, người sắp cây ran, đặt đòn hào, hô nhau xỏ lạt, cột lạt, dựng bủa, làm việc tới tấp. Bủa dựng lên. Tôi và thằng Cù Lao chạy rút bã mía bó thành đuốc để thui bủa cháy hết lông tơ còn dính lại của lứa tằm trước. Chú Năm Mùi gọi tôi và thằng Cù Lao khiêng bủa quay về hướng mặt trời. Ông Bảy Hóa nhanh nhẹn không kém. Ông rải tằm, khiêng bủa, vác nong, đổ phân tằm thoăn thoắt. Từ hôm đoạn tuyệt với bộ râu dài vương vúi, chân tay ông Bảy Hóa gọn ghẽ. Ông đã xin gia nhập đội tự vệ, dám thách vật với anh Bốn Linh nữa. Ông cười nói:

- Tôi là một con dao bị vùi sâu dưới đất. Nay cách mạng đã đào lên, tôi mài cho sáng...

- Ông mài ra răng? Tôi cũng muốn mài đây. -



Ông Tư Đàm hỏi.

- Không phải như mài dao, mài cuốc đâu! Không phải cắt râu là xong đâu. Tôi còn làm những gì thằng Bốn Linh làm được. Tôi tập tự vệ. Tôi sẽ cho bọn xâm lược biết chớ có mon men đến xứ này. Thằng thực dân có chặt mất đầu, tôi sẽ mọc đầu đánh trả như Khương Linh Tá.

Nhà anh Bốn Linh như có hát bội. Thằng Cù Lao cứ thoăn thoắt: khiêng nong, nhặt tầm, đồn tầm, rải tầm lia lịa. Nó biết chỉ cho bọn con nít chớ nhặt tầm xanh, tầm bệnh. Tất cả đều công nhận nó là thầy tầm. Chú Năm còn bảo nó là một trai đứng buồng loại giỏi vì nó quét buồng tầm rất sạch, biết cho tầm ăn nước khuya để tầm chóng lớn. Ông Bảy Hóa cười khếch khếch rao to mọi người biết nó là tay bơi lội có tài, cách mạng đã thành công, lớn lên nó sẽ làm vị thủy sư đô đốc, phá tan những thuyền giặc dưới nước. Và nghĩ cho cùng, theo ông, tất cả những cái đó đều do cách mạng, cách mạng có giải phóng, nó mới "vùng lên" như vậy.

*

* *

Tiếng cười nói ồn ào. Chợt con Vện của chị Bốn vụt chạy té ra ngõ, ngoắt đuôi lia lịa. Chị Bốn đã về.

Chú Năm đứng lên gọi:

- Mời bà mau vô đây! Lấy nếp lấy đường ra nấu mau một nồi cháo ngọt. Phải nấu nồi to. Cách mạng lên rồi, không cần cóp nhặt từng xu chi cho

mệt!

Chị Bốn đặt giò dẫu xuống:

- Xin có ngay!

Chú Năm cúi người trên chiếc búa, vừa siết dây lạt vừa gọi to hơn:

- Bà Bốn Linh ơi!

- Dạ!

- Ngày mai bà có nhớ chi không?

- Nhớ rồi. Sau bắt kén, phải cúng buồng!

- Tôi đã nhấm con gà trống của ông Bốn! Nó vừa gáy te te ở đây khi nãy. Ông Bốn ăn ở có đạo chỉ la làng vài tiếng mà bà con đã chạy đến đông đủ. Ai cũng xúm giúp một tay. Bà phải đền đáp công ơn của họ!

- Xin đền đáp!

- Đền đáp không phải nói suông là xong đâu. Người lớn ít nữa cũng phải có xôi với thịt gà. Trẻ con cũng phải chè xôi đó.

- Xin nhớ! Bắt kén xong còn phải gánh trả đòn hào, hom dẫu. Cũng phải nhờ chú Năm giúp cho một ngày nữa.

- Tôi không làm nữa đâu! Tôi bị ông Bốn đâm vào vai. Vai tôi bị sưng vù lên đây này. Từ hôm ở chòm đa Lí về, tôi không làm được việc chi nữa!...

- Đã là đấu chơi thì các ông phải đánh nhau nhẹ nhẹ. Đằng này cứ thẳng tay đâm đá. Ông Bốn đã nhiều lần bị u đầu và học máu. Tôi sợ mất vía!

- Có gì mà sợ! Ông Bốn có chết đi thì bà cứ đem muối mắm, khỏi phải đi chợ. Nhưng ông

Bốn bị ma quỷ chê rồi, chưa chết được đâu. Bà còn phải hầu hạ ông đó!

*

* *

Chú Năm Mùi gọi tôi và thằng Cù Lao giúp chú quay búa về hướng khác để tầm đỡ nắng, vì tầm đã rúc ổ.

Tầm trong nong đã nhặt xong, các chị hái dâu đội nong ra rộc kì cọ giặt giũ. Tiếng đập nong nghe phành phạch như tiếng trống lừng. Tôi và thằng Cù Lao khiêng hết giường phản ở nhà trên đem đôn xuống bếp. Bàn ghế phải cấp tốc đưa hết ra sân lấy chỗ vầy tầm. Thằng Cù Lao đổ than vào nồi, quạt lửa. Chú Năm Mùi hướng dẫn đặt búa chụm đầu vào nhau, cứ hai búa chụm lại thành một, giống như hai mái nhà. Dưới búa phải đặt nồi lửa để sưởi cho tầm được ấm. Chị Bốn đã rang sẵn mấy nồi bắp để phục vụ đội ngũ vầy tầm. Tôi và thằng Cù Lao nhai bắp rang, ngồi lắng nghe chú Năm kể chuyện. Toàn những chuyện đùa ông bán trứng tầm, người đào dâu, chuyện chế giễu những kẻ ngu xuẩn, bọn quan lại hống hách. Nhiều chuyện có những chi tiết rất tục, làm chúng tôi cười lăn lóc, suýt ngã vào nồi than. Chú Năm nheo mắt cười hi hi:

- Nay cách mạng thành công tao mới dám kể cho bọn bay nghe. Trước đây tao phải kín miệng, vì nó động thời thế!

Chú Năm kể những tích tuồng hát bội. Chú thú thật chú đã mê hát bội đến quên ăn quên ngủ, con

mắt của chú trũng xuống, sâu bằng cái chén tống, râu ria chú mọc ra, tóc dài phải búi thành một đùm sau gáy.

Tôi chứng minh thêm:

- Hèn gì thím Năm nói với mẹ cháu là thím xấu số, gặp phải thằng chồng mê hát bội! Thím Năm thề thím sẽ đốt rạp hát bội đó.

Chú Năm cười xoa:

- Cái tai mày bị lủng rồi há? Mày nghe sai bét. Thím mày nói với tao là thím mày tốt số mới gặp được tao. Tao kể cho thím mày nghe những tuồng *Tam nữ đồ vương*, tuồng *Đào Phi Phụng*, thím mày mê tít thò lò! Nhưng thôi, bọn bay đi bươi lửa cho bữa ấm cái đã.

Chúng tôi chui vào dưới bửa, bươi lửa cho bữa ấm, lại chui ra, quây quần bên chú Năm. Chú Năm vẻ nghiêm trang:

- Bọn bay nay được thằng làm học trò. Một dạo tao cũng được thằng làm học trò! Tao học chữ Hán chớ không học chữ quốc ngữ như bọn bay. Thầy dạy tao câu: "Đệ tử phục kì lao". Thầy cắt nghĩa từng chữ: Đệ tử nghĩa là học trò, phục nghĩa là phục, kì nghĩa là sửa, lao là lao. "Đệ tử phục kì lao" nghĩa là học trò phục sửa lao. Tao cũng chẳng hiểu thánh hiền muốn dạy điều chi. Sau tao nghĩ ra chữ "kì" đây có nghĩa là kì cọ, kì cọ khi ta ra tắm ngoài ao đó. Tao bèn đọc: "Đệ tử phục kì lao" nghĩa là học trò phục ngoài ao. Thầy đánh tao hai roi. Nhưng ít ra tao cũng tìm được nghĩa lí của câu thánh dạy.



Chú Năm chỉ vào thằng Cù Lao:

- Cái tên của mày cũng là "Cù Lao" hay là "Kì Lao" chi đó. Tao nghĩ phục Cù Lao là đúng hơn. "Đệ tử phục Cù Lao" có nghĩa là học trò phục thằng Cù Lao. Chúng phục mày vì mày bơi giỏi.

Tôi hỏi:

- Còn tôi, chúng cũng phục tôi chứ?

- Chúng đặt về về mày đó!

Nghe có người đặt về về tôi, tôi đã lo. Thường người được đặt về là người bị thiên hạ chê cười. Chú Năm liền tiếp:

- Nó đặt về về mày thế này này: "Có thằng nhỏ dại, không biết nghĩ suy, cha mẹ hàn vi, cho ăn đi học. Lo mua vở sách, lo sắm áo quần. Trò bỏ ra sông, suốt ngày đánh đá. Xung hùng xung bá, nào Triệu Tử Long, nào là Địch Thanh, Quan Công, Hạng Võ. Trâu không có cỏ, gầy tóp đôi hông. Lê la ngoài sông..."

Tôi nói chần ngang:

- Đừng đọc nữa! Suốt ngày đánh đá để tập đánh Pháp đuổi Nhật đó. Các chú không cho bọn tôi tập tự vệ thì phải tập giật lá chớ. Nè, cái khoản tập bơi để diệt đồn địch. Tôi vượt sông rồi đó...

Hình như khoản tập bơi đã thuyết phục được chú Năm, chú nhìn tôi chăm chú:

- Nhưng việc mày bảo là thím mày vô phước mới gặp tao là sai bét. Mày xem từ hôm cách mạng đến nay, tao tiến bộ thế nào! Tao hô hào bà con đi cướp chính quyền. Tao trúng chân chỉ huy tự vệ, trúng ban chấp hành thanh niên. Tao lo việc

nuôi quân. Tao thức suốt đêm để làm tầm. Ai cũng công nhận là tao đổi mới. Thím mày đã nói: "Cảm ơn cách mạng đã giác ngộ chồng em". Thế nào? Có phải vậy không Cục?

- Phải! Nhưng mới là chỉ huy tự vệ thôn, chưa sướng. Chỉ huy toàn tỉnh mới sướng, có được khẩu súng đeo hông.

- Ố cái thằng này! Phải thông thả học tập đã chứ. Phần tao như vậy cũng được. Còn phần mày, mày phải học con tầm. Nó rút hết ruột tơ của mình để làm ra cái kén. Kén ta đem ươm, lấy tơ dệt lụa. Đáng thương biết mấy!

*

* *

Chú Năm bỗng đứng bật dậy:

- À, tao còn phải đi quanh một vòng để tìm vài thằng Việt gian ẩn núp đâu đây cái đã. Nhiệm vụ đi canh chưa giao cho ai được.

Chú Năm rút gậy đi một lúc rồi quay lại.

Tôi ngáp một cái, nói:

- Buồn ngủ quá chú Năm ơi!

- Mày muốn tao hô bài chòi, nói Lục Vân Tiên, hay nói về chớ chi! Tao biết trong con tim đen mày rồi.

- Sao chú biết được con tim đen vậy chú?

- Thì chú cháu mình chớ ai vô đó! Khi tao còn nhỏ, tính tao cũng không nói thẳng những cái mình muốn như mày!

Thường ngày Tết, chú Năm Mùi hô đánh bài chòi hay lắm. Chú đứng bên cái bàn đặt giữa đám

đất. Trên bàn có đặt một cái ống, trong ống có cắm sẵn ba mươi con bài. Mười cái chòi dựng thành hai dãy hai bên. Trong mỗi chòi đã có người chủ bài. Chú Năm lắc ống bài, rút một con hô to:

*Tiệc thay chút nghĩa cũ càng,
Dầu là ngó ý còn vương tơ lòng.
Duyên em dù nối chí hồng,
May ra khi đã tay bông tay mang.*

Là con... bát bông.

Tiếng trống lớn, tiếng chiêng nổi lên ư, ầm! Tiếng trống nhỏ tom, tom, cắc! Tiếng đàn nhị, ò c, ò e! Tiếng mõ lóc cóc! Cờ ngũ sắc bay lại bay qua.

Hết con bài bát bông, đến con bài ông ầm, rồi con nhứt nọc, con nhì nghèo, con bạch huê, con tam quăng, con tứ giống... Có lẽ đó là những con vật rất kì dị ở những thế giới thần tiên đâu đâu. Chúng hiện ra từng hàng đầy đủ lông lá, màu sắc huyền ảo.

Chú Năm hoặc lấy từ trong Kiều, trong Lục Vân Tiên, trong Thạch Sanh và trong các loại vè trên đời, hoặc tự ứng khẩu sáng tác ngay tại chỗ, phục vụ kịp thời... Giọng của chú trầm bổng, ngân nga, reo vui, thanh thoát là tùy theo nội dung câu thơ chú hô. Không chỉ chúng tôi quên mệt, quên ăn quên ngủ, mà cả Hòa Phước đều mê cái giọng chú. Chú Năm phục vụ suốt mấy ngày Tết mà không lấy một đồng xu nào cả.

Tôi nói lơ lửng:

- Làm vài câu đi chú!

- Một chữ tao cũng không làm. chớ đừng nói vài câu! Mày nghĩ, cách mạng lên rồi, tao cũng là chỉ huy tự vệ, ai lại đi hô cái đánh bài chòi!

- Vậy chú ngắm Lục Vân Tiên đi. Chỗ Nguyệt Nga ôm bức tượng Lục Vân Tiên trầm mình dưới sông, chú cũng thích!

- Đó là lúc trước, nay mày có cạy răng tao cũng không làm thứ đó nữa đâu! Gà đã gáy kia kìa. Cho sắp bay đi ngủ. Tao vừa mới biết trẻ con phải ngủ đúng tám giờ một ngày mới chịu lớn. Để tao thức một mình vầy tầm cũng được.

*

* *

Tôi bừng mắt, có tiếng cửa bị xô mạnh. Ánh sáng bên ngoài tràn vào. Trời đã sáng trắng. Khi hôm thức vầy tầm, mãi đến gà gáy mới ngủ. Chú Năm chuẩn bị việc bắt kén. Chú mở hết cửa, khiêng xếp các búa kén lại một chỗ, trái hai chiếc nong giữa nhà, khiêng một búa kén đặt lên. Mọi người bước đến mở gút lạt, gỡ nẹp, gỡ những cây dâu khô dính đầy kén như những hoa vàng. Giống kén bạc mảy mốc, dày tơi, bán được tiền. Ai cũng mừng cho chị Bốn đánh ván cuối mùa lại được ăn to. Ông Bảy Hóa cầm một chuỗi kén dính liền nhau, giơ lên cho mọi người thấy. Kén dính liền nhau là điềm báo trước chị Bốn sẽ còn trúng tầm nữa. Sang năm, chị Bốn sẽ trúng bảy lứa tầm liền tiếp, vì có cả thầy bảy kén dính liền nhau.

Có tiếng cười nói ồn ào trước ngõ. Ông Trùm

Khéo đã đến. Chính ông là người bán giống tầm cho anh Bốn Linh. Ông tiếp lời ông Bảy:

- Tại sao chỉ trúng bảy lứa? Phải trúng hai mươi lứa chớ!

Mọi người cười ồ:

- Mỗi năm làm được năm lứa tầm đã đứt hơi. Nay ông Trùm có cách làm đến hai mươi lứa!

- Thì có chi đâu! Anh chị Bốn chỉ thuê thêm bốn trai đứng buồng, làm đủ bốn buồng tầm. Mỗi buồng làm năm lứa, có phải vị chi là hai mươi lứa không nào?

Ông Trùm Khéo xắn tay áo, thét to:

- Nay non sông đã độc lập. Dân ta đã mở mày mở mặt với bốn biển năm châu, vậy ai còn chịu mặc thứ vải thô dày như bao bố đó nữa? Phải mặc lụa với nhung. Nay mai nuôi mấy tầm cho đủ. Ông Bốn Linh trúng tầm, phải sắm một tú sắt để đựng tiền. Tôi xin cam đoan như vậy!

Bọn trẻ con trong làng đứa nào cũng biết ông Trùm Khéo. Hàng năm, bắt đầu mùa xuân, ông lại xuất hiện. Ông đi qua làng, mặc chiếc áo thao màu gụ, móc trước ngực một chiếc quạt giấy thật to, công sau vai một chiếc bầu bằng tre. Chiếc bầu có xỏ một chiếc đòn xóc cong queo như một cái móc. Nhờ chiếc đòn xóc đó ông Trùm Khéo đã công được bầu. Ông nhớ hết tên họ mọi người. Khi đi ngang qua Hòa Phước, ông dừng lại, nói rất tự nhiên:

- Anh Bốn Linh, có trúng tầm của anh đây!

Nếu không mua, ông Trùm Khéo quả quyết:

- Không mua thì mất trúng!

Ông biết mặt hết bọn trẻ con. Gặp tôi ông gọi:
- Nè Cục. Ông coi bộ giò mảy cao, chắc là chạy giỏi. Chạy mau về hỏi cha mảy có mua trứng nòi của ông Trùm không? Nhớ nói trứng của ông Trùm lần này tốt dữ lắm!

Ngày bắt kén, ông đến sớm lo hạ búa, lo dọn dẹp cùng mọi người, có ý kiến trong mọi vấn đề, luôn luôn đứng về phía chủ tầm, phân tích tất cả những cái tốt của lứa kén cho người mua thấy. Ông cầm một cái kén vừa về vừa nói với lái kén:

- Các vị hãy xem! Những cái kén này còn cứng hơn hòn sỏi. Các ngài bỏ nó vào cối đá, lấy chày đập mạnh nó vẫn không móp cho mà xem. Kén tốt ắt có nhiều tơ. Kén nhiều tơ sẽ lợi cho các vị thế nào, cái đó các vị biết rõ.

Vừa gặp thằng Cù Lao, ông Trùm Khéo đã nhớ ngay tên nó. Ông sai nó đun nước để ông thử kén xem kén có bị tan hay không. Thằng Cù Lao chạy như bay. Ông Trùm Khéo nhặt ở mỗi nong sáu bảy cái kén. Ông bỏ kén vào niêu nước sôi lấy đũa đập đập, gỡ vỏ kén, bắt những sợi tơ móc lên xa, quất to:

- Cù Lao! Quay xa mau lên!

Thằng Cù Lao quay xa, tiếng xa cót két, kén trong niêu nhảy nhót lao xao.

Được một lúc, kén mỏng dần, đến lúc chỉ còn những con tầm trắng rơi xuống đáy niêu. Ông Trùm xếp ra quay, mở cuộn tơ, móc lên cổ cho thằng Cù Lao. Chợt ông nhìn nó chăm chăm, chép miệng hỏi:

- Mây ăn chỉ mà hóa đen thui vậy?



Chú Năm Mùi cho biết nó ở ngoài cù lao Chàm mới về.

Ông Trùm Khéo trở lại vui vẻ:

- Về đây là hết sức phải. Về đây làm tầm. Vì đã là dân xứ này thì không thể không làm tầm. Nghề nông và nghề tầm là cận bổn, "nông tang vì bổn" như thánh đã dạy. Một người dân không biết làm tầm đó là người ngoại quốc đâu đâu, chứ không phải người Việt Nam ta!

Ông Trùm Khéo quay sang chú Năm Mùi:

- Xứ này có giàu sang cũng nhờ tôi cả. Tôi đã chọn những kén giống tốt ở khắp các ngõ nguồn đưa về đây làm giàu cho thiên hạ. Có trứng rồng mới nở ra rồng. Cách mạng lên rồi, nhất định Ủy ban sẽ cử tôi làm ủy viên nuôi tầm. Tôi mà lãnh chức ủy viên thì tất cả người dân xứ này đều được nuôi tầm, đều được ăn sung mặc sướng, ăn toàn thịt cá, mặc toàn tơ lụa!

Chú Năm Mùi hỏi to như muốn mọi người đều nghe:

- Ông Trùm vừa nói xứ này có giàu sang là nhờ có ông Trùm. Đáng lí ra họ phải cảm ơn, nhưng ông Trùm lại bị đàn bà xứ này vác gậy đuổi chạy?

Ông Trùm Khéo cười xòa:

- Bà Hường làng này thua tầm, không phải vì giống của tôi xấu. Đó là vì tầm ăn dâu non. Bà thua tầm, bà nổi tam bành bà lên. Hễ đàn bà nổi tam bành, mình là bậc trượng phu, bỏ chạy là thượng sách!

10

Đằng nhà chị Bốn Linh mãi suốt ngày hôm sau việc dọn dẹp vẫn chưa xong. Giường ghế phải đưa vào, nồi lửa phải chõng lên, đôn nẹp phải bó lại, nong nĩa phải giặt đập. Suốt buổi sáng, tiếng chổi tre cứ roạc roạc, tiếng cọ sát cứ lạch xạch. Thằng Cù Lao dọn dẹp luôn tay, giống như một trai nuôi tầm loại giỏi. Ăn cơm tối xong, chị Bốn còn phải hạ giỏ bắt số kén đuôi. Chung quanh xóm đã tắt đèn. Tôi và thằng Cù Lao nằm trên phản thiu thiu ngủ. Chợt có tiếng chân bước. Anh Bốn Linh về.

Vừa bước vào nhà, anh Bốn vội thanh minh:

- Chà, việc của tôi cứ búi xòm xòm!

Chị Bốn hỏi:

- Việc chi mà búi dữ rứa?

- Cũng là việc quốc gia chi sự.

Chị Bốn bước nhanh vào bếp:

- Ở nhà cũng buông, đợi anh Bốn đó. Xôi để phần đây.

Tiếng anh Bốn vui lên:

- Chớ tầm tư ra sao? May quá! Tầm lớn không



bị lụt. Mùa này ông trời ác lắm. tôi cứ lo lo.

Chị Bốn khoe:

- Này anh Bốn! Trừ các khoản chi phí, lúa tằm này mình hết được...

Tiếng chị Bốn nhỏ lại. Tiếng anh Bốn to lên:

- Khá quá hề!

Tiếng chị Bốn thiết tha:

- Tôi mua một súc thao, định may mỗi đứa một cái áo. Anh thích bận quần thao, may luôn cái quần cho đủ bộ. Tôi còn mua con lợn để nuôi.

Tôi mở mắt nhìn. Anh Bốn ngồi nhai xôi như không nghe những gì chị Bốn nói. Đáng lí ra, anh phải vô vậ. Sau bao nhiêu thành tích đem lại cho gia đình, anh Bốn phải khen vợ vài câu. Đằng này anh cứ ăm ứ qua chuyện.

Chị Bốn nghi anh Bốn vừa thua vậ:

- Từ rày chớ có đi đánh đá nữa. Có ngày mất mạng đó!

Anh Bốn như vừa chợt tỉnh:

- Cái gì?

- Vậ thua chớ gì?

- Bậy nà!

Anh Bốn xén một cục xôi bỏ vào mồm, quay đầu dũa vạch vạch mấy cái xuống bàn như đang trù tính một việc gì phức tạp.

Có tiếng anh Bốn hỏi chị Bốn:

- Mình về trên nhà, còn có thấy Phó Xáng ở trên đó không?

Tôi biết chị Bốn đi hái dâu có hôm tranh thủ ghé về thăm cha mẹ ở xã trên. Chị Bốn vốn người

trên đó.

Tiếng chị Bốn rành mạch:

- Gặp luôn. Nhà họ ở sát bên nhà mình. Họ hiền lành lắm, tốt lắm!

- Cha mẹ hiền lành, nhưng đẻ con ra là đồ tình, đồ yêu đó. Tôi nói việc bí mật cho mình biết. Thằng phán Ninh con Phó Xáng là thằng mật thám. Nè, phải kín mồm kín miệng đó!

- Úy! Nó giặc ngộ lắm! Hôm cướp chính quyền nó diễn thuyết. Nó nói thời cơ đã đến, một ngày mới đã lên, không còn bị xâm lược chặt đầu lột da, không còn bọn vua quan xé thịt...

- Nó làm vậy để che mắt thiên hạ. Ở trên vừa cho biết nó là mật thám.

- Thế nó là lính ma tà hả?

- Trước đây nó ở Đà Nẵng làm việc chạy giấy chạy tờ ở tòa thị chánh, nhưng lại bí mật làm chỉ điểm ma tà. Vừa rồi trình sát của ta tóm được nhiều hồ sơ của mật thám bỏ lại, trong đó có nhiều báo cáo về cơ sở cách mạng của ta. Kê báo cáo kí tên là YA. Vậy YA là ai? Thì ra đó là phán Ninh. Anh Sáu có cho tôi xem những giấy tờ đó. Nói cho mà biết, phải có ý tứ khi về trên nhà! Phải giữ thật bí mật, nghe!

Anh Bốn nói chậm lại:

- Hiện nay Pháp đang đánh ta ở Nam Bộ. Bọn tay sai muốn rục rịch. Tìm không thấy nó ở Đà Nẵng. Hôm cướp chính quyền nó ở đây. Sau không thấy đâu cả. Nay đường sá ta đang kiểm soát, phán Ninh chưa dám đi xa. Cấp trên báo



phải theo dõi những nơi có họ hàng thân thích với nó. Ông Hoạt ở ngoài vạn là cậu nó đó. Phải theo rất sát.

Anh Bốn thì thầm đang hỏi chị Bốn việc gì đó. Tiếng chị Bốn to lên:

- Hai đứa ngủ lâu rồi, có la làng chúng cũng không biết được.

*

* *

Tôi nằm nghe hết câu chuyện của anh Bốn Linh kể. Giọng nói của anh Bốn có gì khác khác cứ làm tôi muốn nghe. Anh Bốn càng nói nhỏ, tôi càng vênh tai cố nghe cho được. Khi chị Bốn nói đến ma tà tôi càng chú ý. Tôi vốn sợ ma. Tôi tưởng tượng bọn ma tà mặt mày dữ tợn, hay ngồi rình ở chuồng heo, xó bếp. Nghe được câu chuyện của anh Bốn, tôi như chộp được một cái gì đáng sợ. Cái đó trong tôi cứ nhảy nhót. Tôi cố chịu đựng được hai ngày. Đến ngày thứ ba tôi chạy gọi thằng Cù Lao. Tôi hỏi nó:

- Mà biết chi chưa?

Thằng Cù Lao nói nó đã biết hết rồi. Nó sẽ được đi Trà Linh mua gỗ xây dựng trường mới. Đi bằng thuyền của dượng Hương Thư. Nó và dượng Hương Thư sẽ ghé Dùi Chiêng thăm con cháu ông Bá Hoành bắt hổ giở lăm. Nó sẽ được xem họ đánh nhau với hổ, được ăn thịt hổ nữa.

Tôi gạt phăng:

- Không phải chuyện đó.

Thằng Cù Lao áp ứng:

- Hay là chuyện... Nhưng anh Bốn dặn chị Bốn phải kín miệng...

- Dặn khi mô?

- Hôm anh Bốn về. Anh nói chuyện với chị Bốn lâu lắm. Chuyện...

Tôi chịu không được nữa, hỏi thẳng:

- Chuyện phán Ninh làm mật thám phải không?

Thì ra thằng Cù Lao cũng thức, cũng vểnh tai nghe mọi việc anh Bốn kể. Nó thì thầm:

- Ông Hoạt người thế nào tui chưa biết.

- Ông Hoạt ở ngoài vạn, có búi tóc. Hôm ăn giỗ ở nhà anh Bốn, mày đã biết rồi. Theo anh Bốn, hiện nay phán Ninh đang lui tới ở nhà bà con thân thuộc. Phán Ninh vào ra chỗ nhà Phó Xáng hay chỗ ông Hoạt ở ngoài vạn.

Thằng Cù Lao gật gật.

Tôi khuyên nó:

- Như vậy phải tránh xa! Chớ có đi tắm gần chỗ vạn, có ma tà đó!

*

* *

Vạn Hòa Phước có khoảng mười chiếc thuyền buồm. Thuyền nào ở đàng mũi cũng có hai sừng giống đôi sừng trâu. Đàng mũi còn có thêm hai con mắt. Mỗi thuyền buồm thường kèm theo một vài xuồng con. Xuồng con đậu quanh thuyền lớn giống như những bé nằm quanh bụng mẹ. Khi có gió, thuyền mẹ cót két rên rì. Xuồng con húc húc vào mạn thuyền mẹ như đòi bú tí. Thuyền lớn khi

nằm ở bến trông nặng nề uể oải, khi rời bến bỗng hóa nhẹ tênh, cánh buồm giương cao lướt trên sóng biếc bay đến chỗ chân trời trông sáng quắc như những thanh gươm nhọn. Thuyền ở Vạn Hòa Phước cập bến và rời bến rất bất thường. Thuyền ông Mười Ý to nhất vạn, có ba buồm, ăn đường ở các bến sông rồi giương buồm ra đến Huế. Nó từng vượt sóng biển khơi. Đối với bọn trẻ trong làng, nó có uy tín rất lớn. Khi thấy nó về, chúng reo to:

- Ghe bầu ông Mười đã về!

Chỉ một lúc sau tin tức được loan báo khắp làng. Ai cũng muốn chạy xem ông Mười đã đưa loại mắm gì về, mắm cá nục hay cá cơm, đựng bằng thùng hay bằng tấn. Nếu có gạo tốt thì người không mua cũng bốc vài hột về cho bà con trong xóm cùng xem. Thuyền của dượng Hương Thư tuy nhỏ nhưng rất chắc, nhiều lần vượt thác. Thuyền của dượng mỗi năm chỉ nằm ở Vạn Hòa Phước vài ba tháng. Trước đây, dượng về ngụ cư ở Vạn Hòa Phước. Thuyền bà Phương chuyên nghề đưa khách xuôi phố Hội An, thường nhổ sào vào lúc sẩm tối. Thuyền ông Hoạt dáng bè bè, trông dày dặn, có lúc lên bán mắm trên nguồn.

Vạn Hòa Phước còn đón thuyền ở các nơi đến. Thuyền vùng biển ghé Vạn mua lá keo về trồng khoai. Đêm xuống, họ đốt lửa nấu khoai sáng rực cả bờ sông. Hấp dẫn nhất là thuyền bán đồ "Nha Trang". Thuyền thường đến trước Tết, chở đầy những mâm hoa quả, những nải chuối vàng

hương, những quả cam rực rỡ, nhưng toàn bằng đất sét. Trẻ con Hòa Phước không hiểu những thứ đó làm ở xứ nào. Chỉ biết người ta gọi đó là đồ Nha Trang. Ngoài hoa quả, còn có những con cò trắng bạch đứng bên lá sen, những con nhái ngồi xổm trên ống tre. Khi thuyền Nha Trang đến, bọn chúng tôi ù té chạy xem, không ngớt ca ngợi, vì những nải chuối thật, những con nhái thật cũng không đẹp hơn những đồ đó được.

Bông vạn Hòa Phước mất hết vẻ hấp dẫn khi trước. Nó hiện ra đầy bí mật vì có một tên ma tà bị tróc nã đang lẩn quất ở đấy.

Tôi và thằng Cù Lao vẫn ra bến tập bơi. Tôi muốn tránh xa chỗ vạn. Nhưng thằng Cù Lao từng được ông Bảy Hóa đề cao, bảo nó sẽ đẹp được giặc dưới nước. Nay giặc đang nằm ngay trong thuyền ông Hoạt, nó khó làm lơ. Nó phải bơi đến chỗ vạn để điều tra. Nó sẽ bơi quanh, giả vờ như không biết phán Ninh là ai cả. Sau đó nó sẽ báo cáo mọi việc với anh Bốn. Thằng Cù Lao nói nghe có lí, nếu làm được việc đó, anh Bốn sẽ thưởng chớ chẳng phải chơi. Thằng Cù Lao bơi vun vút phía trước. Tôi bơi theo sau, bơi đến những thuyền cắm tận ngoài xa. Chẳng thấy ông Hoạt đâu cả. Chúng tôi hết sợ, lên bờ mặc quần áo la cà đến bên những thợ mộc đang chữa thuyền. Một ông nổi quát đuổi đi vì có một đứa giống thằng Cù Lao đã cắp mất cái đục. Thật chán! Ra đi để làm một việc quan trọng như vậy, đến lúc quay về lại bị nghi oan là ăn cắp đục!



*

* *

Ông Bảy Hóa đến đâu cũng nêu cao tài bơi lội của thằng Cù Lao. Danh của nó bay xuống xóm chợ, lọt vào tai bọn trẻ con dưới đó. Lúc đầu chúng chưa tin. Sau khi thấy rõ chúng đều phục lẫn phục lóc.

Đứa nào cũng muốn tập bơi. Thằng Cù Lao tập cho mấy đứa. Chúng trầm trôi:

- Tài quá! Tài quá!

- Thằng Cù Lao để tay vào chỗ bụng mình, là mình bơi giỏi mới lạ chớ!

Đội ngũ bơi lội càng đông. Một vài đứa đã vượt sông Thu Bồn. Những đứa trước đây chê thằng Cù Lao là ngốc, nó là một thứ mọi biển, nay càng mê nó. Để tỏ mối tình, bọn bơi lội mở tiệc chiêu đãi.

Thằng Thân ở xóm chợ mở gói lá chuối, chấp tay đặt trên rón:

- Mời các vị cứ thiết tình! Đây là món thịt quý đãi anh Cù Lao.

Thằng Cù Lao dòm dòm:

- Thịt chi vậy?

- Thịt chim công! Chim công lông đẹp, thịt ngon. Tôi giết vài con đãi bạn. Bốc một miếng ăn đi.

Tôi bóc một miếng lên xem. Đó là miếng dái mít, ăn vào sẽ xít cuống họng. Tôi bỏ dái mít vào mồm. Thật kì lạ! Dái mít bỗng hóa ngọt ngào

chẳng khác gì xôi ngọt. Thằng Cù Lao khen:

- Ngon hơn chả!

- Ấy! Dải mít phải cắt ra thành miếng, gói lại đem ép dưới cối đá mới ngon như rứa!

Ăn "thịt chim công" xong, chúng tôi uống "rượu".

Rượu là nước sông Thu Bồn. Uống xong đứa nào cũng gật gật, cũng bước xiêu vẹo, cũng nói: "Ta không say, ta không say" như mấy người say rượu chính cống.

Trong lúc "say rượu", có đứa nói thật là nó mong Pháp đổ bộ lên Đà Nẵng kéo đến đóng ở sông Thu Bồn, nó có dịp bơi lặn tăn cho bọn Pháp một trận để lập công!

Tôi cũng nói thật là nhờ tài bơi lội mà tôi và thằng Cù Lao đã lãnh một nhiệm vụ vô cùng quan trọng: Chú Năm Mùi đã giao cho chúng tôi "vượt thác xuống gành" một chuyến. Đó là dịp tốt để chúng tôi thi thố tài năng, và để lấy gỗ ở Dùi Chiêng về xây dựng... cuộc đời mới. Lên Dùi Chiêng thế nào cũng được đi săn hổ. Tất cả đều cho chú Năm Mùi rất sáng suốt. Sự thật tôi được đi Dùi Chiêng để lo việc... nấu cơm, vì tôi là loại "lỡ rơi xuống nước cũng không đến nổi như cục đá", như dượng Hương đã nhận xét.

Tôi và thằng Cù Lao phải đi Dùi Chiêng rất gấp. Phải dựng trường trại cho nhanh, vì bọn trẻ con đang lêu lổng, có đứa đã đi ăn cắp đục của các ông thợ mộc ngoài vạn.



11

Trường sẽ xây dựng ở chòm đa Lí. Thầy Lê Hảo đứng ra trực tiếp lo mọi việc. Gạch ngói sẽ dỡ lấy ở ngôi miếu cũ giữa vườn đa. Cần mua thêm một ít vôi ngói. Gỗ phải đi lấy ở Dúi Chiêng. Ông Hội Hiệt đã hứa đóng góp đủ gỗ. Việc đi lấy gỗ giao cho dựng Hương Thư và chú Hai Quân. Dựng Hương Thư nâng lên xuống các ngỗ nguồn, mọi việc sẽ thuận lợi.

Tôi và thằng Cù Lao mang hai cái nôi, một bị gạo, một hũ mắm đặt vào thuyền. Dựng Hương mua thêm hai chục cá chuồn thính, một chục cá mèi đầu, ba cân tôm khô, hai cân đường cát đem về cho dì Hương và để biếu bà con trên đó. Chú Hai mua một xấp thuốc lá đem biếu dì Hương. Gió nồm vừa thổi, dựng Hương nhổ sào. Cánh buồm nhỏ căng phồng. Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp.

Chỉ một chốc sau, chúng tôi đã đến ngã ba sông, chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít.

Thình thoảng chúng tôi gặp những thuyền chắt đầy cau tươi, dây mây, dầu rái, những thuyền chở mít, chở quế. Thuyền nào cũng xuôi chậm chậm. Càng về ngược, vườn tược càng um tùm. Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt. Đã đến Phường Rạnh. Thuyền chuẩn bị vượt nhiều thác nước.

Đến Phường Rạnh, dượng Hương sai nấu cơm ăn để được chắc bụng. Mùa nước còn to, có khi suốt buổi phải chống liên tay không phút rờ. Ba chiếc sào bằng tre đầu bịt sắt đã sẵn sàng. Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn. Dượng Hương Thư đánh trần đứng sau lái co người phóng chiếc sào xuống lòng sông nghe một tiếng "soac"! Thép đã cắm vào sỏi! Dượng Hương ghi chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại, giúp cho chú Hai và thằng Cù Lao phóng sào xuống nước. Chiếc sào của dượng Hương dưới sức chống bị cong lại. Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống, quay đầu chạy về lại Hòa Phước.

Những động tác thả sào, rút sào rập rờn nhanh như cắt. Thuyền cố lấn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghi trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng

Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ.

Cho đến chiều tối, thuyền vượt qua khỏi thác Cổ Cò.

Chú Hai vớt sào, ngồi xuống thở không ra hơi. Dòng sông cứ nhảy quanh co dọc những núi cao sừng sững. Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước. Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra. Đã đến Trung Phước.

*

* *

Thuyền vượt thẳng lên Dùi Chiêng. Nghe nói Dùi Chiêng, tôi và thằng Cù Lao quên cả chuyện đi lấy gỗ, đầu óc tràn ngập những chuyện bất hùm sắp đến. Chúng tôi sẽ gặp ông Bá Hoàn và ông Hội Hiệt. Họ đều có lông chân mọc ngược, có cặp mắt nảy lửa, làm hùm beo khi nhìn thấy phải cúp đuôi bỏ chạy.

Thuyền cập bến Dùi Chiêng. Dượng Hương Thư đưa thẳng chúng tôi lên nhà ông Hội Hiệt.

Một ông già vóc nhỏ, gầy nhom từ trong ngôi nhà gạch bước ra. Dượng Hương cho biết đó là ông Hội. Tôi sững sờ. Không lẽ một người bất hùm hình vóc lại nhỏ bé khảng khiu như vậy? Hổ khịt mạnh, ông Hội có thể bay mất. Tiếng nói của ông dịu dàng chứ không như tiếng sấm. Cặp mắt cũng không nảy lửa. Tôi hơi thất vọng. Thằng Cù Lao nhìn chăm chú vào chân ông, xem quả lông chân

có mọc ngược không. Ông Hội cũng nhìn chúng tôi thật chăm chú như muốn hỏi: Hai chú bé này con nhà ai vậy?

Dương Hương Thư nói chúng tôi là cháu của dương, là những học trò giỏi. Dương giới thiệu với ông Hội chú Hai Quân cũng người làng Hòa Phước. Xưa kia, chú đã đánh bọn cường hào võ sọ. Sau đó chú vượt biển Đông ra ở ngoài cù lao Chàm, tự do vùng vẫy. Đã là phượng hoàng thì không thể ở chung với bọn gà vịt. Đến nay đã mười lăm năm, nước nhà độc lập, chú về lại với quê cha đất tổ.

Ông Hội vuốt chòm râu thưa, nhìn chú Hai vẻ khoan khoái:

- Thế là trên nguồn dưới biển, cùng quê cha đất tổ cả. Nhờ cách mạng anh em ta lại gặp nhau, đoàn tụ!

Ông Hội đưa tất cả vào nhà, mời khách ngồi vào ghế. Hôm đó, tôi và thằng Cù Lao ăn mặc sạch sẽ, khi ngồi vào những chiếc ghế gỗ láng bóng thấy cũng hợp. Ông Hội lấy làm lạ vì sao mới vừa lứt xong dương Hương đã lên chơi sớm vậy. Dương Hương nói lên lấy gỗ về làm trường như ông Hội đã hứa.

- Tưởng gì! Gỗ đó tôi không dùng nữa, tôi xin biếu hết cho làng. Nhà cửa với miếng vườn này tôi cũng muốn dâng cho cách mạng.

Ông Hội nhìn sang chú Hai:

- Không mấy khi các anh và các cháu lên đây. Mời ở lại ăn thịt ướp. Cây nhà lá vườn...

Nhà ông Hội trông bề thế. Giữa nhà treo một lá cờ đỏ sao vàng. Cách mạng trên này cũng có. Tôi nhìn quanh. Những đầu hổ và những da hổ treo thành một hàng trên vách. Trên các cột còn móc đủ loại sừng. Có những sừng giống như mũi mác. Có cái dài ngồng ngoẻo giống như một cành cây nhiều nhánh. Hai bên vách, treo nào súng săn, nào mã tấu, dao rừng. Tôi cứ nhìn nhìn, cái gì nom cũng lạ. Một chốc sau cơm đã dọn lên. Ông Hội mời tất cả ngồi lại. Vì chúng tôi là học trò giỏi nên được cùng ngồi một mâm. Ông Hội cầm đũa chỉ vào một đĩa thịt đầy ắp, giới thiệu đó là thịt hổ, ăn món thịt hổ sẽ khỏe ra ngay. Đợi người lớn gấp trước, tôi và thằng Cù Lao gấp thịt bỏ vào mồm. Thì ra thịt hổ cũng mềm như thịt trâu, không cứng như tôi tưởng. Gắp đến cục thịt thứ hai, tôi nghe khắp người khỏe ra, những mệt mỏi tiêu tan đâu mất!

*

* *

Chú Hai Quân nhấp tí rượu, nói:

- Ở vùng xuôi, ai cũng đồn cù Bá Hoành nhà ta săn hổ giỏi. Cù có cặp mắt sáng quắc là nhờ cù uống nhiều rượu có dầm mắt cù.

Ông Hội cười:

- Không phải vậy đâu. Mắt ông cù cũng như mắt mọi người. Còn muốn săn được cù phải biết tính nết của nó.

- Người ta đồn giống cù tài lắm! Ta nói gì chúng đều nghe hết. Nhưng khi đi khỏi ba mươi

thước là chúng quên hết!

- Cho nên người ta còn gọi cộp là ông ba mươi.
Ông Hội cười:

- Hùm chỉ là loài hung dữ. Nó cũng sợ người. Ở rừng sâu không có người qua lại. Chộ phải ta, nó nhìn như hỏi: "Con gì lạ vậy?" Rồi cúi sát lẩn trốn. Nó bắt người là vì đói và cũng là hùm già, không đánh nổi với trâu rừng, bò tót. Ngày trước, cha tôi chuyên gài bẫy. Nhiều bẫy nay còn đó.

Chú Hai chỉ một tấm da treo cạnh những da hổ:

- Còn con này cũng là hùm chớ?

- Nó là giống beo. Đi rừng ta phải đề chừng beo ngồi trên cây. Khi nó leo cây, nó lấy chân sau hất mình lên từng đợt, cứ thế leo lên cây ngồi đợi. Thấy hươu nai chạy ngang, nó thả người xuống phóng lên đón đầu, không để chạy thoát.

Tôi và thằng Cù Lao muốn ông Hội kể mãi chuyện đánh hùm beo, nhưng dượng Hương Thư chợt hỏi:

- Hôm nào anh cho đi xem gỗ?

Ông Hội cho biết sáng ngày kia phải đi sớm. Chúng tôi sẽ vào chòi của ông trong rừng, gỗ chất trong đó. Sẽ ngủ lại một đêm trong chòi. Dượng Hương quày quả đứng dậy xin ra thuyền. Dượng còn tranh thủ về thăm dì Hương. Nhà dượng cách bến Dúi Chiêng chỉ hơn cây số. Chèo chống giỏi, nửa giờ sau là đến chỗ dượng.

*
* *



Dương Hương Thư đưa chúng tôi về nhà. Nhà dương nằm giữa một khu vườn có nhiều cây cau cao vút. Cây nào cũng thẳng tắp trông như những cột cờ, trên chóp tỏa ra một chùm lá xanh um với những buồng cau sai quả.

Dì Hương sung sướng vô kể. Dì cho tôi và thằng Cù Lao đã vượt thác băng ngàn đến thăm đi ở nơi thâm sơn cùng cốc. Dì rất mong chú Hai và thằng Cù Lao lên đóng ở Dùi Chiêng, đất Dùi Chiêng dễ kiếm sống. Với lại ai đến Dùi Chiêng thì ở yên như bàn thạch. Theo dì, tôi đã gầy tọp lại, có lẽ vì ăn uống quá ít. Lần nào gặp tôi, dì cũng bảo tôi gầy tọp lại, mặc dù tôi đã béo ra làm ai cũng quở. Dì xách cây sào tre, chạy ra vườn gõ mít, xem có quả nào đã "trở tiếng". Quả nào gõ nghe bình bịch, dì lấy câu liềm dứt rơi xuống đất. Tôi và thằng Cù Lao ăn mít chín đến ngấy. Dì còn làm đãi khách món da trâu ăn để giải nhiệt.

- Da trâu ăn mát lắm! Nó sẽ "giải" bớt cái nhiệt của món thịt hổ đằng nhà ông Hội.

Dì vừa nói vừa thái món da trâu ướp. Da trâu được dì biến chế hóa trắng hóa mềm ăn nghe xốp xốp.

Dì Hương Thư cũng trồng dâu nuôi tằm, cũng có nong nia, giỏ to, giỏ nhỏ chẳng khác gì ở Hòa Phước. Chung quanh nhà cũng có cánh đồng rộng trồng ngô trồng dâu chẳng có vẻ gì là thâm sơn cùng cốc. Nhiều bạn hàng đi bữa cau đang trú ở nhà dì. Cau Dùi Chiêng quả nào cũng nhiều ruột, loại lòng tôm có ngấn vàng, loại lòng cơm trắng

đục. Các bà bừa cau, bà nào cũng muốn tôi và thằng Cù Lao ăn thử một miếng trầu cho biết vị cau nguồn vừa thơm vừa béo. Dì Hương Thư lấy rơm lót vào giỏ, sắp đầy một giỏ xoài tượng biểu chú Hai. Dì gửi cho mẹ tôi năm quả mít và hai buồng cau lòng tôm quả to như những trứng gà. Tiếc rằng sau này lúc xuống thác, những thứ đó bị hất tung xuống nước.

*

* *

Chòi của ông Hội không giống như chòi giữ ngô ở Hòa Phước. Đó là một ngôi nhà sàn lớn có đến mười cột lim. Sàn lót bằng ván kiên kiên vững chắc. Lên sàn phải leo một cái thang sáu nấc. Ông Hội dựng chòi giữa rừng nói là để làm trạm liên lạc cho việc săn bắn, nhưng đó cũng là nơi trú ngụ của nhiều nhà yêu nước. Dưới chòi có dựng hai thớt lim cắm đầy chông nhọn bằng sắt. Dượng Hương cho biết đó là cái bẫy cộp. Khi gài bẫy, ông Hội rút một thớt lim lên. Khi bẫy sập, thớt lim đó đánh ập xuống, hổ bị kẹt vào giữa, chông sắt cắm vào bụng. Ông Bá Hoành đã nghĩ ra nhiều loại bẫy, có loại bẫy hàm, có loại bẫy kẹp, có loại bẫy sập cắm chông. Khi sa bẫy, cộp không thể thoát.

Ông Hội ngồi dựa lưng vào vách chòi hút thuốc. Ông nhìn sang chú Hai:

- Ngày trước, ông nội tôi cũng bỏ làng đi lên trên này mưu đồ làm giặc, tôi cũng muốn bắt chước ông tôi. Vào đây tự nhiên thấy thành thang,

chẳng ai trời buột mình được!

Ông Hội cho biết ông nội của mình xưa kia học chữ nho đi thi hương, sau đó ông đi thi võ nhưng không đỗ. Ông vào rừng tìm cỏ trường sinh, uống vào con người sẽ sống mãi. Tìm cỏ trường sinh không ra, ông quay về nhà. Sau đó, ông nhập đảng Cần Vương nổi lên chống Pháp. Ông cùng nhiều ông khác lên trên này lập căn cứ nghĩa quân. Vùng Trung Phước xưa kia còn gọi là Tân Sở vì nghĩa quân lập căn cứ rút lui ở đây. Cần Vương không thành, Pháp lùng bắt rất dữ. Ông trốn lên trên này đổi họ, giấu tên, trà trộn với đồng bào Thượng, làm nghề săn bắn. Ông nội trước khi tắt thở đã trời lại cho con cháu biết những chuyện nói trên, dặn khi nước nhà hết giặc phải về thăm làng cũ, tìm lại tông tích ông bà, lấy lại họ cũ để cho phải đạo.

Chú Hai ngậm ngùi:

- Lúc bỏ làng ra đi, tôi cũng thích làm giặc!

Ông Hội cười:

- Sau ba đời, chúng tôi mới tìm lại được quê nội. Còn anh Hai về làng sau mười lăm năm! Chỉ vì ta mất nước. Trước kia trên này cách biệt với dưới đó. Hòa Phước cách biệt với cù lao Chàm, không phải vì biển rộng, núi cao mà vì ta mất nước. Nay độc lập, tất cả giang sơn như xít gần lại, có gì cách trở nữa đâu! Sau cướp chính quyền, tôi đi một mạch từ Trà Linh xuống Cửa Đại. Chúng ta chỉ cách nhau bốn mươi cây số, có núi che ngang, nhưng cùng một quê nội!

Một chim cu nổi gáy. Rừng núi như im lại. Tiếng nói của ông Hội vang lên rõ hơn:

- Lúc còn sống, cha tôi chuyên nghề bắt hổ. Nhưng ông muốn nói chí ông cha mưu đồ việc lớn. Nhiều người yêu nước qua lại trên này. Họ gặp nhau bàn mưu tính kế. Cha tôi xây dựng chòi này không phải để nghỉ chân, đây là nơi tụ họp. Nhưng việc lớn không thành. Những người bỏ nhà ra đi, lên rừng núi ẩn núp không ít. Họ mài răng cang tai, sống hòa mình với đồng bào Thượng.

Chú Hai hỏi:

- Thế có khi mô Tây mò đến đây không?

- Có một lần. Sau đó nó hoảng kinh, cú mất. Rừng núi ông bà linh thiêng lắm!

Ông Hội vui hân lên:

- Một đạo chúng tôi được trát sức phải đưa hai quan lớn Pháp đến vùng có nhiều hùm để các quan săn bắn. Cha tôi lấy dao đâm lũng chân tay, nói là bị cọp bầu không thể đích thân hộ tống các quan lớn được. Phải giao việc đó cho tôi là con trai, cũng là một tay săn cọp. Cực chẳng dă, tôi phải vâng theo. Cha tôi dặn tôi phải đưa chúng chệch sang một hướng khác.

Hai quan lớn đi săn mang theo một đoàn tùy tùng đến hai mươi đứa. Lính tráng, bồi bếp, phu phen phải khiêng các quan trèo núi. Không chỉ khiêng các quan mà còn phải khiêng thùng đựng rượu, đựng bình toong, hộp sữa, các máy để ngắm, để đo. Quan sai dọn cỏ, hạ cây, dựng lều



chỗ cao ráo. Nhà phải đặt gần suối để quan tâm táp. Chỗ cột ngựa nhất thiết phải có hàng rào để phòng cọp đến tha ngựa.

Một buổi tối bọn bồi bếp ở ngoài suối chạy về kêu la hoảng hốt:

- Có hùm! Có hùm! Nhiều lắm!

Có tiếng ào ào rồi tiếng cây gãy rã rã. Qua vài phút im lặng, rừng núi như nổi cơn giông. Đất đá từ trên cao đổ ào ào. Tôi chỉ còn kịp leo lên một cây to gần đấy. Một đàn voi có đến ba mươi thốt từ đâu xông đến. Trong bóng trắng mờ mờ chúng lông lên, gào rống chà đạp. Chúng xốc vào nhà dù, quật vãi bạt, đập quần áo, giày dép, bao bị, súng ống, rương hòm, co vùi móc tất cả vút lên cao rồi lại chà, lại đập. Chợt chúng lặng im rồi gào rống to hơn. Hai thằng Tây theo tôi tót lên cây nên thoát chết.

Dương Hương Thư quả quyết:

- Chúng tinh lắm, khôn lắm!

Khi một con bị thương ngã xuống, những con khác quỳ xuống, lấy đầu đẩy, dùng vòi dựng dậy. Khi biết bạn mình đã chết, chúng rống lên một hồi thảm thiết, moi đất đắp lại. Sau đó chúng kêu lên mấy lần rồi mới từ biệt.

*

* *

Nghỉ trưa xong, chúng tôi tiếp tục xuyên rừng đi xem gỗ của ông Hội. Chúng tôi lên dốc, xuống dốc, chui qua gai góc, bước lom khom. Một con chim lông màu đá, ngực vàng óng, nổi kêu: Rết ta

ta! Rét ta ta! Một vài chim câu lưng màu xanh, cổ màu hồng, cất cánh nghe một tiếng "roặc". Chợt có tiếng lao xao trên cành cây cao, một khuôn mặt tí tẹo với cặp mắt trong veo của một chú khỉ đang nhìn xuống. Một ngọn nước từ trên cao đổ xuống, bọt tung như hoa trắng. Tôi với thằng Cù Lao có một nghìn việc muốn hỏi ông Hội, vì nhiều câu hỏi quá nên không biết hỏi câu gì. Dượng Hương đi trước chốc chốc chỉ cho chúng tôi thấy những dấu vết của giống thú rừng qua lại. Thú rừng bị ngứa thường cào mình vào các gốc cây và để lại một túm lông. Dượng Hương biết đó là lợn rừng, bò rừng hay gấu...

Chúng tôi lội quanh một con suối, trèo lên một dốc cao có nhiều đồng lá. Đó là những khúc gỗ của ông Hội bị lá rụng phủ kín. Dượng Hương Thư hái lá, cứ trâm trỏ chưa bao giờ dượng thấy những cây sơn to đến thế. Muốn đưa được những cây gỗ đó ra sông phải thuê thợ xẻ nhỏ, trâu mới kéo được. Việc đó cũng không phải dễ. Tính đi tính lại, dượng Hương và chú Hai không dám nhận số gỗ ông Hội tặng. Ông Hội cho biết ông còn một số gỗ nhỏ đang nằm ở Thạch Bích. Dượng Hương và chú Hai đến đấy mà lấy. Ông Hội đã thanh toán giá cả với ông Kí và thợ rừng ở đó. Ông Hội đang bận nhiều cuộc họp nên không cùng đi với chúng tôi được.

*

* *



Sáng hôm sau, chúng tôi rời Dùi Chiêng để lên Bình Kiều và Thạch Bích. Từ Dùi Chiêng đi Bình Kiều, núi non hai bên bờ lúc khép lại, lúc mở ra. Càng lên cao, sông càng hẹp lại, chảy xiết giữa những bậc đá chật chùng. Núi Thạch Bích trước mặt hiện ra sừng sững. Dòng sông phóng từ trên cao xuống giữa hai vách đá đồ sộ, thẳng tắp giống như một cổng trời cao vút. Vách đá láng bóng không một vết lõm lõm. Tục truyền xưa kia, vị Thượng Ngàn đã dùng gương thần chặt núi Thạch Bích ra làm đôi. Nếu vậy thì núi lúc đó phải mềm như đất nhão và kĩ thuật chém núi phải thật cao cường. Có vậy mới tạo ra được một chiều đứng ngay thẳng kì lạ như vậy. Nước lao vun vút như đàn ngựa phi nước đại. Tiếng nước chảy vang lên như có hàng trăm chiếc công cùng đánh một lúc. Dượng Hương cho dừng thuyền ở phía dưới Thạch Bích, tìm vào nhà ông Kí. Ông là thợ rừng quê ở Bình Kiều. Ông từng hạ những cây lim to bán cho dượng Hương. Số gỗ của ông Hội là loại gỗ sến nhỏ, rất vừa cho việc xây dựng nhà cửa. Ông Kí đưa chúng tôi vào nhà. Nhà ông cách bên nước một cây số, dựng giữa một cái dốc chéo leo như cắm vào lưng chừng núi. Đứng trong nhà nhìn ra thấy mây bay dưới chân lớp lớp. Những chóp núi nhấp nhô trong mây nom giống một đàn trâu đang ngụp lặn. Giữa nhà ông Kí treo một lá cờ đỏ sao vàng rực rỡ. Không ngờ cách mạng cũng lên tận những nơi thâm sơn cùng cốc.

Ông Kí nói:

- Không năm nào ghe thuyền lên đây sớm như năm nay. Vừa lứt xong, các bác đã lên chờ gổ. Có ghe vạn Hòa Phước lên mua đầu rái. Cách mạng thành công, chánh phủ bỏ hết thuế chợ, thuế thuyền. Ai cũng muốn lên xuống thông thương cho sướng!

Dượng Hương Thư vé ngạc nhiên:

- Nước còn to, ở vạn Hòa Phước chẳng ai đi đâu cả. Có ai lên trên này đâu! Chúng tôi lên sớm để... kịp việc trường trại. - Dượng Hương Thư vừa sức nhớ: - Chỉ có ghe ông Hoạt, không biết đi đâu?

Ông Kí nói gần như reo:

- Phải rồi! Ông đó là ông Hoạt. Ông Hoạt ghé qua đây hôm qua, hỏi mua đầu rái. Ông Hoạt nhiều lần lên đây bán mắm. Mắm ngon lắm!

Vừa nghe đến ông Hoạt, tôi đã chú ý. Thì ra thuyền ông Hoạt lên trên này. Mấy hôm trước đây, tôi và thằng Cù Lao đã ra vạn Hòa Phước bơi tìm thuyền ông Hoạt nhưng không thấy đâu cả.

Tôi vội vàng hỏi:

- Ghe ông Hoạt lên đây hờ bác?

- Ừ, ông Hoạt.

Thằng Cù Lao hỏi tiếp:

- Có phải ông Hoạt có búi tóc không bác?

- Ừ, ông đó.

- Ông lên đây lúc nào bác?

- Hôm qua.

- Ông lên một mình hờ bác?



- Có vợ có con nữa chứ.

Có tiếng chú Hai dặng hắng. Chú Hai quắc mắt, nhìn thẳng Cù Lao:

- Mà để các bác nói chuyện! Con nít hỏi lia lia việc đó làm chi!

Thằng Cù Lao cứ thấp thòm, cố tìm cách hỏi thêm. Nó đánh bạo:

- Ông Hoạt đi đâu rồi bác?

- Chẳng biết!

Chú Hai lại mắng:

- Im ngay! Mà trăm hòng người lớn, la mãi không được! - Chú phân trần: - Con nít vô lễ, làm tui giận hết sức!

Ông Kí giảng giải:

- Trẻ con là vậy. Khi thương ai, chúng hỏi rồi rít. Sau đó lại quên. Chúng cười đó, khóc đó, vì cái "tính bốn thiện" của chúng đã định được đâu. La mắng làm chi cho mệt!

Từ hôm biết tin thuyền của ông Hoạt đang ở Bình Kiều, tôi và thằng Cù Lao cứ nghi nghi. Dượng Hương cũng không hiểu ông Hoạt lên trên này làm gì, vì chưa đến mùa bán buôn đổi chác. Thằng Cù Lao muốn gặp ngay anh Bốn Linh, muốn về sớm. Ai cũng ngạc nhiên vì trước đó nó muốn ở lại xem ông Hội bắt hổ. Nó còn xin phép dượng Hương cho nó vào rừng xem thử có ai trong đó không. Dượng Hương tưởng nó hóa rồ:

- Có ai? Có cọp trong đó thì có! Mà muốn cọp xách há?

Chú Hai lo thằng Cù Lao bị ma ám. Vì có bị

ma ám mới nói làm nhảm như vậy.

Ông Kí bảo nó bị lạc vía. Khi về nhà phải làm lễ để hù ba hồn bảy vía nó lại. Trẻ con đi rừng chưa biết kiêng kị, phạm phải chỗ ăn chỗ nằm của chư vị. Chư vị đã hớp mất hồn. Chỉ cúng con gà, cái rồ của nó sẽ bay mất.

Tôi bảo thằng Cù Lao phải tỏ ra không rõ không điên gì cả. Nhưng nó bảo không nên để lộ. Cốt làm sao tin cho anh Bốn Linh biết.

*

* *

Dượng Hương Thư chọn gỗ xong thuê trâu kéo ra bến. Đường tuy gần nhưng rất khó đi. Trâu phải kéo từng cây gỗ một. Bắt ách xong, ông Kí quất một roi vào lưng trâu, trâu trườn lên bắt đầu leo dốc. Vừa leo lên dốc lại phải xuống dốc. Dượng Hương và chú Hai theo sau, tay cầm đòn xeo sẵn sàng bẫy gỗ giúp trâu vượt qua chỗ hiểm. Trâu rừng rất khôn biết mình đang đi trên một vực thẳm. Gỗ rơi xuống vực thì trâu cũng bị rơi tòm. Trâu choãi chân cố bước, không hề thụt lui. Dượng Hương vừa bẫy, vừa xeo, miệng hô "lố, lô, lô" động viên cho trâu cố bước.

Gỗ chất thành đống ở mé sông, khúc nào cũng nặng trĩu, chỉ có đòn xeo mới xeo nổi. Dượng Hương cột gỗ thành bè. Việc cột bè là một nghệ thuật, sau này tôi không thấy sách nào dạy cả. Bè dài, ngắn, cột chặt hay cột lỏng là tùy con nước.

Cột bè xong, dượng Hương điềm tĩnh ngồi hút thuốc. Chợt dượng đứng dậy nhặt sào, chống bè

rời bến. Vẽ mặt lạnh lùng, dượng bước đến trước bè. Chú Hai cầm sào đứng phía sau bè. Tôi và thằng Cù Lao ngồi thuyền lo việc bắt và cạy. Dượng Hương đã chỉ bảo những điều nhất thiết phải làm khi bè xuống thác.

Ra đến giữa dòng, chiếc bè nhập vào chỗ nước dềnh lên, nhún nhảy, dừng lại một phút như đang phân vân rồi bắt đầu phóng. Những khúc gỗ nặng trĩch bỗng hóa nhẹ nhàng linh lợi như những phao câu. Dượng Hương hai tay cầm ngang chiếc sào đứng khom khom, cặp mắt dán về trước, như chực đâm một con thú dữ vừa xuất hiện. Chợt chiếc bè rung chuyển toàn bộ. Đuôi bè chống lên, mũi bè lút xuống. Dượng Hương và chú Hai như đang ngồi trên nóc nhà. Dượng Hương quay về phía chúng tôi, hét to:

- Cạy mạnh! Nói đây, nói đây!

Thằng Cù Lao cạy mạnh, nói đây buộc thuyền để thuyền tách ra khỏi bè. Thuyền vẫn bị xách lên. Bát chén trong thuyền rơi loảng xoảng. Mít cau của dì Hương lăn ào ào xuống nước. Con thác hung dữ tìm đủ cách để hất bè tung lên. Nước gầm réo, văng bọt tứ tung. Đôi sào của dượng Hương và của chú Hai làm việc tới tấp. Chợt dượng Hương chĩa mũi sào ra đằng trước, quát to:

- Gành đó! Coi chừng!

Phía trước, một mũi đá nhọn hoắt đang hút bè lao tới. Dượng Hương hét xong, mũi sào của dượng đã chạm vào đá nghe một tiếng "roạt" ghê rợn. Chiếc sào bị nống cong lại như cây sung.

Mũi bè chỉ còn cách ghềnh đá vài phân, bè bị hai chiếc sào cản lại, quay vòng như lúng túng không hiểu sao mình chưa vỡ tan ra từng mảnh. Bè lại tiếp tục trôi xuôi. Cặp sào của dưỡng Hương và của chú Hai cứ rút lên thả xuống rầm rập, khi nổi bên này, khi đỡ bên kia lia lịa. Chợt thằng Cù Lao nổi kêu to:

- Ai như ông Hoạt kia kìa!

Nó vừa kêu vừa chỉ tay vào một vòm lá ngả trên sông. Chỗ đó tối om, tôi thấy có một chiếc thuyền. Thằng Cù Lao kêu toáng lên mấy lần nữa. Chú Hai quát mất, quát âm:

- Mặc người ta! Gọi ông Hoạt làm chi? Tao nện cho một sào bây giờ!

Dưỡng Hương cũng quát:

- Lo mà cạy! Không khéo bể ghe đó!

Chiếc bè cứ lao về phía trước. Dòng thác như một dây cung đang bắn bật mũi tên. Mũi tên đó là chiếc bè.

Xuống đến Trung Phước, bè thôi không phóng nước đại nữa. Trời về chiều. Bị ngấm nước lâu, ai nấy cũng rét run cầm cập. Dưỡng Hương cho dừng bè lại, đợi sáng hôm sau, lúc sương tan, bè tiếp tục xuôi về Phường Rạnh.

*

* *

Qua khỏi ghềnh Ngô, sông Thu Bồn bỗng như tỉnh táo hẳn lại. Đồi bờ rộng ra, mặt sông trở nên êm ả. Chú Hai thở phào:

- Nam mô Phật!

Dương Hương thả rơi cây sào trên hè:

- Lên thác xuống ghềnh là vậy đó!

Chiếc bè trở lại chậm chạp, trôi nặng nề như đang buồn ngủ. Tôi và thành Cù Lao cố chống nhưng nó chẳng nhích nhanh hơn.

Đến quá nửa chiều, vạn Hòa Phước hiện ra đằng xa. Dương Hương Thư lái bè vào bến. Bọn trẻ thả trâu ăn trên bãi vừa nhìn thấy bè đã chạy ùa ra mé sông gọi kêu ầm ĩ. Bè vừa cập bến, chúng tôi chạy gấp về nhà gặp anh Bốn, báo cho anh biết thuyền ông Hoạt đang trốn tránh ở Thạch Bích. Anh Bốn ngồi nghe cặp mắt chớp chớp, vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ. Anh Bốn không hiểu vì sao chúng tôi lại biết được chuyện phán Ninh làm mật thám. Chúng tôi thú thật chuyện được nghe lỏm tối hôm nọ. Anh Bốn bỏ qua, dặn đi dặn lại phải giữ bí mật. Anh suy nghĩ hồi lâu, hỏi đi hỏi lại không biết mấy lần. Hỏi xong anh Bốn vội vã ra bến gặp chú Hai và dương Hương Thư. Anh hỏi chuyến đi của họ có mệt nhọc lắm không. Dương Hương trả lời chẳng có tí gì mệt nhọc cả. Anh Bốn mời dương Hương và chú Hai về nhà để bàn một việc gấp. Tôi đoán biết anh Bốn đã bàn việc gì. Ngay sau đó anh Bốn lên huyện. Sáng hôm sau anh về nhà, cùng đi theo có hai người mang súng ống. Dương Hương Thư lại nhổ sào vội vã đi nguồn một chuyến nữa.

*

* *

Thầy Lê Hảo và chú Năm Mùi được cử vào ban đốc công xây dựng trường mới. Tôi và thằng Cù Lao được chỉ định giúp việc kéo gỗ từ bên Hòa Phước vào chòm đa Lí. Trực tiếp lo việc kéo gỗ là trâu Bình. Công việc kéo gỗ hoàn toàn mới đối với nó. Nó rảo bước không cần roi vọt chửi mắng gì cả. Tôi và thằng Cù Lao bắt chước các bác thợ rừng cầm sào xeo gỗ, luôn mồm lô, lô! Chúng tôi lướt qua trước mắt mọi người, lòng đầy tự hào thấy mình đang lo kiến thiết một xã hội mới.

Chuyên gỗ xong, tôi và thằng Cù Lao giúp gánh đất đắp nền trường. Trường xây chỗ cao, mặt trước xây về hướng đông đón gió nồm từ bể thổi đến. Các bác thợ cưa đã đến. Họ đóng nọc, dựng ngược những khúc gỗ lên, dùng cưa to xẻ gỗ thành kèo, thành trính. Bột cưa gỗ sến màu vàng nhạt, gỗ mít nài màu trắng, gió hất tung bay, mùi thơm thoang thoảng. Chòm đa Lí bỗng rộn lên tiếng đục tiếng cưa, hòa lẫn với tiếng cười, tiếng chim hót. Thầy Lê Hảo làm đốc công cho phép mọi người canh trưa được nghỉ một giờ. Ăn trưa xong, tôi và thằng Cù Lao nằm khểnh dưới bóng mát. Một lúc sau, chúng tôi nhóm dậy chạy đi đánh mỗ để công nhân công trường chòm đa Lí trở lại làm việc. Tổ phụ nữ tỏ ra vô cùng tích cực. Chị Bốn, chị Ba thức dậy sớm hơn mọi ngày. Hai chị chạy gọi các chị trong xóm cùng vào chòm đa Lí đắp nền trường, gánh vôi, gánh gạch. Chỉ có việc dỡ gạch ở miếu thờ quý Bạch Thổ và quý



Năm Nanh là chưa làm được. Miếu đã sập vì gió mưa, gạch đổ ngổn ngang dưới gốc cây đa lớn. Ông Kiểm Lài được chú Năm Mùi phân công đến nhặt những gạch tốt, sắp lại thành đồng dùng để dựng trường. Nhưng ông Kiểm cứ chần chừ. Cho đến hôm ngói ở Thanh Hà đã chở về, chú Năm phải đến giục ông Kiểm... Ông Kiểm đang nằm quán chiếu, vừa thấy chú Năm, ông Kiểm đã ngồi dậy nói ú ớ:

- Mô Phật, mô Phật! Tôi nằm chiêm bao thấy bà Bạch Thổ với bà Năm Nanh hiện lên. Hai bà nhe nanh, xòe vuốt, chỉ vào mặt tôi: "Mày đó hả? Mày định đến lấy gạch của tao đó, hả? Tao vật cổ cho mà biết!" Mô Phật! Từ hôm đó đến nay hồn vía tôi lên mây. Tôi chẳng dám làm chi nữa...

Chú Năm hỏi:

- Có phải hai bà tóc dài chấm đất, bà nào cũng có nanh, có vuốt, mặc áo trắng tinh phải không? Giữa khuya hai bà cũng hiện lên chỗ tôi nằm. Hai bà bảo tôi phải đến lấy hết gạch ở miếu đổ của bà, phải quét dọn sạch sẽ vì chồn chuột chui rúc phóng uế bậy bạ, hai bà không chịu nổi. Tôi đang phân vân thì hai bà liền bỏ nhỏ, ổng a ổng ọ bảo tôi phải giúp bà. Tôi với bọn thằng Cục thằng Cù Lao đã đến xếp gạch thành một đồng vuông vức. Tôi nghe càng khỏe ra, chẳng ai vận hòng vận cổ chi cá.

Ông Kiểm Lài mở to mắt nhìn chú Năm, xem bộ chưa tin. Chú Năm quá quyết:

- Nếu ông chưa tin thì cứ vào chòm đa Lí mà

coi, coi thử tôi có nói láo không! Gạch đã dỡ ra, xếp lại rồi - Nay ông vào để chuyển gạch cho thợ...

Chủ Năm bảo bà Kiểm phải nấu ngay cho ông Kiểm một nồi cháo hành, ông ăn cho nóng. Và ăn xong ông phải vào ngay chỗ chòm đa Lí, vì các bác thợ vôi ở trong đó đang đợi.

Ông Kiểm đứng dậy, vội vã xách nón đi ngay vào chòm đa Lí gặp các bác thợ vôi.

*

* *

Anh Bốn Linh và hai anh cán bộ đi suốt hơn tuần lễ vẫn chưa thấy về. Ở nhà ai cũng trông đợi. Tôi tưởng phen này anh Bốn về nhất định sẽ mang theo phán Ninh chân tay bị trói chặt.

Một hôm ở chòm đa Lí về, tôi thấy anh Bốn Linh nằm khoèo trên giường, ngáy giòn tan. Anh ngủ suốt ngày hôm sau, khi thức dậy vẻ người phờ phạc. Tôi đoán là anh Bốn Linh không bắt được phán Ninh và mọi việc đã bị thất bại. Buổi tối, anh gọi thằng Cù Lao đến bên cạnh, nói cho nó biết là các đồng chí trình sát gửi lời thăm nó, công nhận nó có tinh thần cảnh giác, biết giúp chính quyền bắt được tên phán bội. Và như vậy, đoàn thể xem nó như đã được kết nạp vào đội Thiếu niên công tác. Việc này chưa thể công bố với mọi người, vì tình hình đang rất gay go, mọi việc đều phải tạm rút vào bí mật. Thằng Cù Lao và tôi chỉ cần biết một điều. Đó là phải làm nhiều công tác, công tác đưa nào đưa ấy biết, không cần

bàn tán lời thôi. Đã có chú Năm Mùi phụ trách, phân phối mọi nhiệm vụ. Nói xong, anh đưa ra một xấp ka-ki màu xanh láng mượt, bảo là các đồng chí cấp trên có hỏi về gia đình nó, gửi tặng nó bốn thước vải. Anh nhìn sang phía tôi:

- Còn mày, độ rầy có chút ít tiến bộ, cấp trên gửi cho một cái hộp gỗ.

Sự việc quá đột ngột, làm tôi và thằng Cù Lao bàng hoàng. Tôi hỏi lại anh Bốn Linh làm thế nào bắt được phán Ninh. Giọng anh Bốn Linh đánh lại:

- Ban ngày, phán Ninh vào ở trong rừng, khó khăn lắm!

- Nó đâu rồi?

- Đưa về cho các đồng chí trình sát ở tỉnh. Dem về đây sao được?

Anh Bốn Linh dặn chúng tôi phải giữ bí mật, nhất là những đồ vật được cấp trên gửi tặng, không được rỉ hơi ai biết. Ở trên còn đang tiến hành điều tra những manh mối khác.

12

Anh Sáu công tác ở Đà Nẵng về thăm nhà, cũng để bàn với anh Bốn Linh một vài việc. Trước tình hình Pháp muốn quay lại, cấp trên thấy cần xây dựng được cho Đà Nẵng một xưởng công binh. Xưởng sẽ đưa về Mĩ Lược. Mĩ Lược ở ngã tư sông, tất cả ngõ nguồn đều dồn về đây. Nếu chiến sự Đà Nẵng có xảy ra, Mĩ Lược vẫn là nơi rất tiện cho việc vận chuyển đường sông và tiếp tế vũ khí cho mặt trận. Mọi việc đã chuẩn bị, chỉ còn khâu quản lí, đang cần có người tin cậy.

Anh Sáu nhờ anh Bốn Linh tìm thuyền, lo mọi việc chuyên chở. Anh Sáu trao đổi với chú Hai nên nhận một công tác trong công binh xưởng. Việc học hành của thằng Cù Lao, anh Sáu sẽ đảm nhận.

Lúc đầu chú Hai còn phân vân vì chú thích được nhận một công tác ngay ở địa phương. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại thấy làm ở một công binh xưởng, dù lo việc vận chuyển, cũng có một cái gì vinh quang, vì đó là công tác quân sự. Nhưng



điều làm cho chú Hai vui nhất là thằng Cù Lao được đi theo anh Sáu để anh rèn luyện cho nó nên người, trước tiên là trị cái thói... tự do quá trớn của nó.

Chú Hai nhận công tác ở xưởng công binh và thằng Cù Lao về ở Đà Nẵng. Không ngờ sự đời lại đổi thay đột ngột như vậy. Thằng Cù Lao sẽ từ giã Hòa Phước. Tôi với nó sẽ xa nhau. Tôi cứ yên trí tôi với nó mãi mãi cùng nhau chèo trâu, cùng nhau chơi vật, cùng tắm mát trên sông Thu Bồn, cùng học một trường ở chòm đa Lí. Sau này cùng vào bộ đội, cùng chiến đấu ở một mặt trận. Tôi nói gì, thằng Cù Lao cũng cho là phải. Thằng Cù Lao nói gì tôi cũng thấy là hay. Không ngờ nó lại xa tôi. Lúc này tôi mới cảm thấy thằng Cù Lao rất cần cho tôi. Tôi chẳng có gì làm quà cho nó. Nó cũng chẳng có gì tặng tôi. Thằng Cù Lao sẽ xuôi thuyền đến phố Hội An, sau đó lên ô tô đi Đà Nẵng. Anh Bốn đi họp hội nghị nuôi quân ở Hội An sẽ cùng đi với chú Hai. Tôi cũng được đi tiễn thằng Cù Lao, đi đò xuôi cho tới phố.

*

* *

Mặt trời gác núi. Một ông trăng tròn rọi rọi bay lên đậu trên chòm tre làng. Chúng tôi ăn xong cùng ra bến Hòa Phước. Bà Phương chuyên đưa khách đi Hội An chờ sẵn. Bà nhận cái gói của chú Hai và cái túi dết của tôi cất vào khoang, đón chúng tôi lên thuyền.

Thuyền nhỏ sào. Gió thổi hiu hiu. Bà Phương

suốt đời lên xuống sông Thu Bồn thuộc lâu từng bến nước. Khi thuyền qua mỗi khúc sông, bà lại nhắc:

- Vân Li kia! Đa Hòa kia rồi! Gái ơi! Gọi đồ đi con!

Chị Gái, con bà Phương, đang chèo đàng lái gọi lên vang vọng:

- Ai... có... xuôi đồ... ờ không?

Có tiếng trả lời từ trong bờ:

- Ghé vô đây!

- Có thiệt... không?

- Sao không thiệt? Ai gọi chơi làm.. chi?

Thuyền bà Phương quay mũi vào bờ. Chiếc cầu ván trên thuyền được đẩy xuống mé nước để khách bước lên. Thuyền lại quay ra sông. Mái chèo của chị Gái lại đập nước hất lên những mảnh bạc loang loáng lướt vội bên thuyền.

Có khách nằm trong khoang nhắc:

- Đi đồ xuôi muốn nghe câu hát. Mời hát lên cho vui.

Bà Phương ở đàng sau lái giục:

- Hát lên đi con!

Điệu hát chèo thuyền của chị Gái vang lên. Tôi nghe như có cơn gió chiều thổi nhẹ nhẹ qua cánh đồng rồi vút bay cao. Đôi cánh thần tiên như nâng tôi bay lơ lửng, đưa đến những bến bờ xa lạ. Trước mắt tôi vừa hiện ra con sông giống như sông Thu Bồn từ ngang trời cháy lại. Đàng chân trời, có vô số cánh bướm như cánh bướm trắng tôi từng gặp trong giấc mơ. Hai bên bờ trái rộng ngàn dâu



xanh, lúc lấp lánh trong sương mai. lúc hắt hiu trong mưa thu gió thổi. Chị Gái đã dứt câu hò, tôi vẫn còn nghe nao nao.

Tất cả khách trong thuyền reo lên:

- Cha mẹ ơi! Hay chi hay quá! Mời hát nữa đi.

Chợt từ một chiếc thuyền xuôi bên cạnh, vang lên giọng hò của một chị khác, réo rất không kém. Nội dung câu hát trách thuyền chị Gái sao nữ chê thuyền bạn, không biết đón gió bẻ khơi, vừa mới đến các phố phường đã nữ quên bến cũ. Chị Gái trả lời là thuyền bạn chớ có lầm. Cảnh vật trên sông luôn luôn nhắc nhở... Khi thấy bãi dâu bạt ngàn của sáu châu Quảng Huế, khi thấy bãi ngô Giao Thủy trở cờ, thấy khói của lò vôi Thanh Hà tỏa ra mù mịt, thấy lụa tơ của Thi Lai óng vàng phấp phới, khi nghe tiếng khung cửi Phú Bông rầm rập, nức mùi hương, về Hội An ăn bát cao lâu béo ngậy, tất cả đều nhắc nhở ta nhớ đến thuyền bạn. Nếu bạn chưa tin hãy hỏi ông trăng kia thì biết.

Thuyền bên kia đáp lại:

- Ta đã hỏi ông trăng rồi, hỏi ông trăng trên trời và cả ông trăng dưới nước. Tất cả bảo rằng mối tình giữa thuyền bạn với thuyền ta chưa hề phai nhạt. Như vậy dẫu bòn lon ở nguồn sông Con hóa cay, khoai Trà Đỏa hóa đắng, cao lâu hóa khét, trầu cau hóa nhạt, cây mai vàng trở bông tím, cây bầu, cây bí trở hoa nâu, núi Thạch Bích biến thành biển, cửa Đại Chiêm biến thành gò, bên tả bên hữu Hòn Quắp, Núi Chúa bị lấp xuống biển,

dầu tơ tằm bị đứt đoạn, lụa tơ bị đứt nát, ta vẫn chẳng quên nhau!

Tôi thúc vào vai thằng Cù Lao hỏi:

- Cù Lao nghe chưa?

Thằng Cù Lao nói trong hơi thở:

- Nghe rồi. Không quên nhau đâu! Mình không thích ở Đà Nẵng đâu. Hay Cục ra Đà Nẵng với mình!

Vài hạt mưa rơi lộp độp. Tôi và thằng Cù Lao vào trong khoang. Thuyền có gió, lắc lư như một chiếc võng.

Tôi chớp mắt lúc nào không biết.

Khi thức dậy nhìn ra thấy nhà ngói từng hàng bày ra trước mắt.

- Tối phố rồi đó. Mời dậy đi ăn cao lầu. - Tiếng bà Phương giục.

Anh Bốn Linh đưa chúng tôi qua những đường phố có những hiệu buôn chen chúc. Chúng tôi ghé vào quán ăn món cao lầu béo ngậy, đi ngang qua Chùa Cầu có bốn con khỉ đập bằng vôi ngồi bốn góc giống như những con chó, rồi lên bến ô tô đi Đà Nẵng.

Chú Hai Quân và thằng Cù Lao lên xe. Xe mở máy. Xe chạy đến chỗ con đường cong. Xe bị lấp sau mấy cây gạo! Tôi nhìn theo thằng Cù Lao một chập lâu mới quay lại.



PHẦN THỨ HAI

1

Thằng Cù Lao theo anh Sáu ra ở ngoài Đà Nẵng để học tập. Nhưng Đà Nẵng lại không yên. Hết bọn lính của Tưởng Giới Thạch đến đóng, lại đến lính Pháp đến kiểm soát việc rút lui của quân đội Nhật. Chúng có nhiều âm mưu đen tối. Anh Sáu phải cho thằng Cù Lao về lại Hòa Phước ở với anh Bốn Linh để tiếp tục việc học tập. Chú Năm Mùi gặp nó cười hì hì:

- Về đó hả? Hay lắm! Đang cần có chú!

Chú Năm Mùi nhìn sang phía tôi:

- Cả thằng Cục nữa, cũng đang cần mày. Cách mạng đổi đời, chúng mày thăng chức mau đã dữ! Trước đây là chân trâu, sau được thăng chức làm học trò. Sẽ được thăng làm thầy! Sướng chưa!

Trước đây bốn tháng, tôi chăn con trâu Bình. Mọi người gọi tôi bằng thằng, thằng Cục. Sau đó, tôi được đi học, mọi người gọi tôi bằng trò, trò Nguyễn Văn Cục. Nay lại được làm thầy, thầy Nguyễn Văn Cục! Tôi ngỡ ngợ, không tin ở lỗ tai mình. Tôi hỏi chú Năm Mùi:

- Thầy chi chú?

Chú Năm Mùi nói lơ lửng:

- Thầy, chớ còn thầy chi nữa! Thôi biết vậy cái đã. Tao đang búi xồm xồm! Còn phải đi họp, còn phải xuống lò rèn, còn phải lên xã... Đi cái đã...

Nói xong, chú Năm Mùi vội vàng rút cái xắc quàng lên vai, quày quả bước ra ngõ.

Thằng Cù Lao cũng không tin mình có thể tiến bộ một cách vượt bậc như vậy. Ở ngoài hải đảo nó đi bắt cá. Mọi người gọi nó bằng thằng. Về làng nó được đi học. Mọi người gọi nó bằng trò, trò Cù Lao. Nay được làm thầy! Tôi và thằng Cù Lao không dám nghĩ được làm thầy dạy học, một vinh dự quá lớn! Muốn được làm thầy dạy học, phải hiểu nhiều biết rộng, đi đứng phải nghiêm trang. Thằng Cù Lao hỏi tôi:

- Không biết bọn mình làm thầy chi? Ở ngoài cù lao Chàm cũng có người làm thầy. Ông lang làm cao đơn hoàn tán được gọi bằng thầy...

Tôi cố nhớ những người làm thầy:

- Ở đây cũng có nhiều thầy. Thầy bói xem quẻ biết được tiền của, vợ con, công danh, tội tớ thế nào. Thầy tướng xem mặt mũi biết được người nói láo hay không nói láo. Thầy cúng đuổi được ma quỷ. Thầy đồng làm vong hồn người chết được nhập cốt. Nhưng tất cả đều láo toét! Ủy ban sẽ cấm hết, cả mấy ông thầy kiện hay đâm thọc cũng phải bỏ nghề. Chúng ta không làm những thầy đó!

Tôi chợt nhớ đến mấy ông thầy chùa vẫn còn

tụng kinh gõ mõ. Các ông thầy chùa phải bị cạo trọc. Nhớ đến cái đầu trọc là tôi hoảng kinh. Chính con dao cạo của ông Bảy Hóa đã gây cho tôi biết bao đau khổ! Ông Bảy Hóa có cái thú được cạo trọc đầu người khác, hoặc ông không thích người ta có tóc. Thỉnh thoảng, ông đi ngang qua nhà tôi, nói thật to, cốt để mẹ và chị Ba tôi nghe rõ:

- Ồ kìa! Cái tóc của thằng Cục tốt như rừng rậm kìa!

Mẹ và chị Ba cũng kêu lên:

- Tóc mày tốt rồi đó, để ông Bảy cạo đi!

Tôi vùng vằng:

- Không cạo đâu!

Ông Bảy Hóa cười khếch khếch:

- Có cạo thì tốt cho mày chớ có tốt cho tao đâu. Để vậy cũng được! Nhưng cái gương đây, soi thử coi!

Ông Bảy Hóa móc trong hầu bao ra một cái gương tí xiu chìa cho tôi. Tôi soi gương. Tóc của tôi có dài, nhưng chưa dài lắm. Tôi tản đi nơi khác, giả vờ bạn đưa trâu Bình ra sông uống nước.

Lần sau gặp tôi, ông kêu to hơn:

- Tóc mày búi được rồi đó! Búi lên một cục như đứa con gái! Cạo hay không kệ mày. Nhưng cái gương đây cho mày soi thử, coi!

Cái gương chỉ thẳng tôi thấy tóc đã phủ xuống cổ. Tóc dài nom kì quá! Tôi đành ngồi xuống. Ông Bảy Hóa cười hì hì, lấy nước vỗ vào đầu tôi.

Ông rút con dao cạo trong bao, liếc liếc vài cái vào ống quần rồi bắt đầu cạo. Mỗi nhát dao cạo làm tôi cứ tưởng mỗi miếng da đầu của tôi bị lóc. Xót quá, tôi co rúm người lại.

Ông Bầy ngừng tay:

- Thành nhát như cây!

Tôi nghiêng rặng, ngồi yên. Nhưng xót quá, tôi đẩy tay ông Bầy ra, đứng dậy. Ông Bầy cười to nắm chắc phần thắng:

- Mặc kệ mày! Để vậy cũng được! Tao cũng chẳng muốn cạo nữa đâu. - Ông Bầy vừa nói vừa xếp con dao cạo.

Tôi lấy gương dòm vào. Còn lại một mảng tóc ở ngay bên tai, nom kì quặc quá! Tôi đành ngồi lại để ông Bầy cạo nốt. Cái đầu tôi trắng hếu.

Sau ngày cướp chính quyền, một hôm, chị Ba tôi nói với mẹ:

- Thành Cục cạo trọc, thấy nó hóa dữ. Cách mạng lên rồi. Phải đi cúp tóc để ngó cho văn minh mới được!

Tôi được đến hiệu để cắt tóc. Thành Cù Lao bảo nó cũng được cách mạng giải phóng, khỏi bị cạo trọc đầu. Khi cạo trọc xong, nó xuống biển tắm. Nước mặn dưới biển ngấm vào nghe xót như cắt.

*

* *

Tôi và thành Cù Lao đến nhà chú Năm Mùi để hỏi thăm về việc làm thầy. Nhưng anh Bốn Linh và thầy Lê Hảo đã ngồi ở đó. Chú Năm Mùi tiếp

tục câu chuyện đang trao đổi:

- Anh Bốn là chỉ huy tự vệ. Đã là quân sự thì phải lo dẹp cho hết các thứ giặc. Nay Cụ Hồ chỉ cho dân thấy có ba thứ giặc: Giặc đốt, giặc đói, giặc xâm lăng. Giặc xâm lăng chiếm nước ta tám mươi năm, giặc đói cũng vậy. Riêng giặc đốt chiếm nước ta đã nghìn năm. Vua chúa ngày trước đều bó tay, nay cách mạng về mới dám cử đại binh để tiêu diệt.

Thầy Lê Hảo gật gù:

- Chí lí! Chí lí!

Anh Bốn Linh hỏi:

- Vậy đánh đâu trước? Đánh thế nào đây?

Chú Năm Mùi quả quyết:

- Đánh hết và đánh mạnh! Ở đất này mọi người đều đốt đặc, nhưng lại làm biếng nổ trời.

Làm biếng kiếm chuyện nói quanh. Bà Bảy Đá hỏi tôi: Học để làm chi? Chữ nghĩa không làm no bụng. Lắm người, dạ đầy chữ, bụng lại đói meo. Chỉ có tiền! Tiền mới làm no bụng. Tiền là ông chủ, có tiền mới sai khiến được thiên hạ. Bà nói tiền là cái địa bàn, hết tiền là mất phương hướng. Ông Kiếm Lài lại nói khác. Cái gì cũng không qua cái số. Được cái số thì không học cũng giỏi. Không được cái số thì học mấy cũng u mê. Thánh nhân giỏi từ trong bụng mẹ. Cái số ông dốt, ông đành chịu dốt.

Anh Bốn Linh tiếp theo:

- Chín người mười cuống họng!

Ông Nguyễn dạy thế võ cho đội tự vệ lại nói:

Đã là thầy thì cái chi cũng phải hơn trò. Thầy dạy cho ông học phải giỏi võ, vì ông Nguyễn giỏi võ. Văn võ kiêm toàn mới làm thầy ông được. Thầy dạy lớp bình dân ở thôn ông chỉ là thàng con nít. Như vậy chương quá, ông không thêm học!

Mọi người cười hà hà. Thầy Lê Hảo cất nghĩa:

- Cũng vì ta chưa nói cho bà con nghe rõ sự lí. Phải khai thông cái "trí" thì tai nghe mới thuận. Nghĩ vậy, tôi có làm bài thơ, nói sự lí đó.

Thầy Lê Hảo đã xuất khẩu là thành thơ. Thầy nói đọc ê a: "Nay Cách mạng thành công, sông núi xuất anh hùng, giang sơn liền một mối. Ông thiên lí xa soi nghìn dặm, muôn trí khôn đồn lại một bầu. Vậy nên già trẻ nghèo giàu, ai cũng phải diệt loài giặc dốt"!

Chú Năm Mùi và anh Bốn Linh đều chép miệng khen hay. Chỉ có câu "Muôn trí khôn đồn lại một bầu", nghe chưa sướng. Vì khi cách mạng đã thành công, phải để trí khôn tỏa ra, không nên bắt trí khôn đồn lại.

Anh Sáu đã giảng giải: nước ta trước đây là một nhà tù lớn. Mọi người đều bị giam hãm trong dốt nát, trong áp bức, trong nghèo nàn, trong mê tín dị đoan. Nay cách mạng đã về, cách mạng phải mở rộng ra, phải giải phóng, không nên đồn lại. Anh Bốn xin bỏ câu "Muôn trí khôn đồn lại một bầu" và thế vào bằng câu "Mang trí khôn mở rộng cuộc đời", thay chữ "đồn" bằng chữ "mở".

Chú Năm Mùi, cả thầy Lê Hảo đều gật gù khen chữ "mở" đã làm cho bài thơ càng tuyệt diệu.

Anh Bốn Linh ra đáng suy nghĩ:

- Nhưng còn thầy dạy, lấy đâu cho đủ?

Chú Năm Mùi như đã sắp xếp từ trước:

- Thầy giỏi đã có anh Bảy Hoàn. Anh có cả một thùng sách. Thầy xóm dưới đã có thằng Tân, nó là đội viên, vừa siêng năng vừa thông thái...

Chú Năm Mùi nhìn về phía tôi và thằng Cù Lao:

- Ta đã sẵn hai chiến sĩ diệt dốt kia. Chú Cù Lao học đã thành tài, nay sung vào đội quân diệt dốt là đúng! Chú Cục kia nữa, đã tốt nghiệp lớp ba tháng. Hai chú đều văn hay chữ tốt. Địa lí, lịch sử, cái chi cũng đều giỏi cả. Nay được thằng làm thầy là phải.

Anh Bốn Linh nhìn thẳng vào tôi và thằng Cù Lao:

- Đánh giặc ngoại xâm thì chưa đến tuổi tòng quân. Đánh giặc đói thì cầm cày chưa vững. Đưa đi đánh giặc dốt là đúng lập trường!

Chú Năm Mùi như sức nhớ một việc quan trọng:

- Còn như bà Hiến, ban đêm cứ thấy một bóng đèn thành hai bóng đèn, đến lớp không được. Hoặc ông Bốn Rị ban đêm phải làm thịt chó. Phải có thầy đến dạy tại nhà, làm vậy mới diệt được hết ổ giặc.

Anh Bốn Linh kêu lên:

- Phải! Rất phải! Tôi cứ quên! Bà Hiến suốt đời đói khổ, ông Bốn Rị cực chẳng đã mới bán thịt chó. Chú Năm nói phải! Cách mạng phải nhớ đến

họ... Ta phải cử thầy đến dạy...

Anh Bốn Linh nói xong vội vã cùng thầy Lê Hảo ra về. Chú Năm Mùi ngồi lại phân công ngay cho thằng Cù Lao ban ngày phải đến dạy bà Hiến học, còn tôi ban ngày phải đến dạy ông Bốn Rì học. Vừa nghe chú Năm phân công tôi phải dạy ông Bốn Rì, tôi giật nảy:

- Ồi! Cái ông Bốn Rì...

- Ông Bốn Rì, thì sao?

- Người ta cười tôi đó! Tôi đi dạy một lão bán thịt chó!

Tôi khịt mạnh:

- Lão nghe hôi lắm!

Chú Năm Mùi nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Lạ hề! Tao ngồi gần ông, tao chẳng nghe hôi hám chi cả, nghe thơm là khác. Mà đến bên ông hít hít vài cái thử coi. Người ta tưởng bậy đó thôi. Mà đã là chiến sĩ diệt dốt. Đã là chiến sĩ thì dù giặc dữ cũng phải xông vào, sợ chi cái hôi hám!

Tôi đang phân vân, chợt thằng Cù Lao cười nói:

- Cục không quen mùi thịt chó, cứ để ông Bốn Rì tôi lo. Còn Cục lo cho bà Hiến.

Tôi thở phào.

2

Vùng tôi trước đây không ai thèm ăn thịt chó, không phải vì có nhiều thịt. Không ăn thịt chó vì một thành kiến, thành kiến đó sau ngày Tổng khởi nghĩa còn khá nặng nề. Người ta có thể ăn thịt rắn, thịt chuột, thịt cóc, ăn cả những gì dạ dày không cho phép, cũng chẳng ai dị nghị gì cả. Nhưng nếu ăn thịt chó thì, ôi thôi, tất cả uy tín đều tiêu tan! Người đó bị xem là đứa phạm ăn. Mọi người đều tin thịt chó là loại thịt ô uế. Thịt chó vào bụng sẽ làm mất hết cái tinh khiết của con người. Nguy hại nhất là lúc chết! Người ăn thịt chó khi chết phải xuống địa ngục, phải qua mười cửa điện Diêm Vương, phải chịu những nhục hình ghê rợn. Chỉ một lát thịt chó trôi vào bụng thì cửa ngõ chốn âm ti đã sẵn sàng chờ đón, dù lòng từ bi của Phật tổ có rộng như biển cũng không phương cứu xét. Có người thoáng nghe mùi thịt chó đã nổi nôn oẹ, cơm canh đã nuốt vào bụng đều tuôn ra hết. Những người như vậy được xem như có cốt tiên cốt Phật, sau này chết đi sẽ được lên ở cõi thần tiên vô cùng sung sướng.

Làng tôi trước kia có ông Bốn Rì làm nghề bán thịt chó, ông ăn thịt chó, lại còn giết chó lấy thịt đem đi bán. Lũ chó bị ông giết biến thành ma chó quay lại báo thù.

Ông Bốn sống thui thủi một mình. Mọi người tin ở ông toát ra một mùi thịt chó rất lợm. Tôi và lũ chăn trâu trong làng khi gặp ông Bốn Rì liền tránh xa ra một bên. Khi ông vừa đi qua, chúng tôi ù té bỏ chạy, vừa chạy vừa khạc nhổ: Ôi! Hôi lắm! Hôi lắm!

*

* *

Bọn chó đánh mùi ông Bốn Rì rất giỏi, ông vừa đến đầu làng, chó giữa làng đã nổi sủa. Ông đến giữa làng, chó cuối làng nổi sủa. Tiếng chó sủa dấy lên từ xóm này sang xóm khác. Chúng tru tréo, gào thét, cố khạc cho hết mật đắng vào người ông. Từ những con chó chỉ biết yêu thương, chỉ biết trả lại những gậy suýt chết bằng những cái ngoác đuôi đầy tình nghĩa, cho đến những con chó siêng năng, suốt ngày đêm để lo giữ trộm, hễ nghe tăm ông Bốn đều nhảy xổ ra sủa. Từ những chó già gầy guộc, rụng lông, giơ xương, cả rận và bọ chết cũng không thềm ở chung với chúng, cho đến những con chó tròn trĩnh, béo tốt, khi đánh hơi có ông Bốn đều nổi giận, nhảy xổ qua rào, vừa phóng vừa sủa. Những con chó sủa không đầu, những con chó biết giấu kín sự căm giận, biết nép mình trong xó bụi để cắn trộm tất cả, khi đánh hơi biết có ông Bốn Rì đều vụt chạy, sủa



toáng lên như bị gậy nện vào đít. Con Mốc nhà bác Úc biết ngủ có chỗ, biết sửa có lúc, bác Úc thường nói: "Con Mốc nhà tao đã sửa thì nhất định có trộm", khôn ngoan đến vậy, khi nghe có ông Bốn Rì cũng hóa điên, phóng cả vào cọc, ngã lăn kènh, ra sức chạy để sửa. Con Mun nhà ông Kiểm Lài, suốt ngày sục sạo tìm kiếm, khi nghe tăm hơi ông Bốn đều vút hết, phóng qua bờ tre gai, đuổi cho kì được ông Bốn. Con Vá nhà bà Hiến, chăm đuổi gà, không gây sự, khi có chó lớn chạy đến, nó ngoắc đuôi nằm rạp lên lên bỏ đi, khi có ông Bốn bỗng hóa mãnh liệt, chân choãi về trước, đuôi kẹp vào chân sau, gào rống. Tất cả rượt đến, vây quanh ông Bốn, như muốn ngoạm cổ, xé xác ông ra mới hả dạ. Chúng nhảy tới, thụt lui, lồng lộn tru tréo làm náo động cả làng. Ai cũng lâu bầu:

- Lại ông Bốn Rì bán thịt chó!

Bọn trẻ con đang chăn trâu ngoài bãi cũng vụt chạy:

- Lão Bốn Rì bay ời! Mau đến coi!

Tôi gọi thằng Cù Lao cùng thả trâu vụt chạy. Tất cả vừa chạy vừa nhặt đất. Chúng tôi nép vào một bụi kín. Ông Bốn từ xa tiến đến, tay cầm một roi tre, tay xách một rổ thịt chó. Ông bước thùng thình, vẻ im lìm như một bóng ma. Tôi với mấy thằng mất dạy tung đất. Đất rơi ào ào. Ông thét to:

- Ồi, ời! Bể đâu tao rồi, chúng bay ời!

Tôi và lũ trẻ bỏ chạy. Tôi chạy đến nép sau cây chuối đứng nhìn lại. Ông Bốn vút rổ, ngồi bệt

xuống đất, hai tay ôm lấy trán. Thằng Cù Lao chạy lại bên ông. Nó đang nói gì với ông. Nó cúi nhìn vào trán, vào mặt của ông, lấy tay phủi phủi. Tôi gọi to:

- Cù Lao ơi!

Nhưng thằng Cù Lao đã cúi xuống xách rổ thịt. Nó cùng ông Bốn đi về một phía.

*

* *

Theo sự phân công của chú Năm Mùi, tôi dạy cho bà Hiến là chính, thằng Cù Lao dạy cho ông Bốn Rì là chính, nhưng hai đứa phải giúp nhau.

Ai cũng biết tôi và thằng Cù Lao sẽ đi dạy học, sẽ làm chiến sĩ diệt dốt. Chị Ba, anh Bốn gặp chúng tôi đều có lời khuyên bảo, nhất là chị Ba. Chị dạy:

- Em của chị đã làm cán bộ rồi đó! Không còn là con nít nữa đâu. Từ nay đi đứng phải nghiêm trang, nói năng phải từ tốn. Chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy là không làm thầy được đâu. Phải nói cho bà Hiến hiểu về chủ trương diệt dốt. Phải biết tuyên truyền giải thích, tập làm cán bộ cho quen. Nói như thế này: Kẻ không học cũng như người mù. Kẻ mù khi đi phải bị vấp ngã, có lúc rơi tòm xuống sông chết nhân nanh!

Nói đến đây, chị Ba thấy cách giải thích như vậy nghe hơi quá, chị chữa lại:

- Hay nói thế này: Học một chữ đáng nghìn vàng, dù không chức phận cũng nhân tâm thân!

Chị Ba chỉ vào tôi, vẻ quan trọng:



- Nhớ phải dọn dẹp nhà cửa, gánh nước nấu cơm cho bà Hiến và ông Bốn Rị nghe chưa? Đó gọi là "làm công tác quần chúng". Còn phải biết kể chuyện thời sự để làm cho họ nhìn xa thấy rộng, nghe chưa? Phải làm cho họ không còn bị "giam hãm" như trước đây, nghe chưa?

Về chuyện thời sự, chuyện ở bốn bể năm châu, anh Bốn Linh và chú Năm Mùi rất quan tâm, vì chính những chuyện đó là những "ống thiên lí xa soi nghìn dặm, mang trí khôn mở rộng cuộc đời" như lời thơ của thầy Lê Hảo đã nói. Chị Ba nhìn tôi một loạt từ đầu đến chân:

- Mặt mày phải nhớ rửa cho sạch. Đây cái gương đây, chị cho mượn. Mặt bị vết nhò phải soi gương mới biết.

Chị Ba hồ hởi:

- Phải công tác cho giỏi để trở thành cán bộ, đứng giữa hội nghị diễn thuyết lâu lâu mới thiệt là thích!

Tôi và thằng Cù Lao đã sẵn sàng mọi việc.

Chiều bắt đầu xuống. Ráng chiều làm đỏ ối cả dòng sông Thu Bồn. Về phía tây, cây sung đầu làng như ngập trong lửa. Bãi dâu sẫm lại, nhòa dần vào bóng tối. Tôi vội đánh trâu Bình về chuồng. Còn phải đến nhà bà Hiến để... giải thích và khai giảng. Chú Năm Mùi đã báo: Phải tập giải thích cho quen.

Thằng Cù Lao tối nay cũng đến gặp ông Bốn Rị. Tôi sang nhà anh Bốn Linh rủ nó cùng đi. Ra đến ngõ gặp chú Năm Mùi. Chú chấp tay chào:

- Chào thầy Cục! Chào thầy Cù Lao! Hai thầy đi khai giảng phải không?

Tất cả cùng cười. Tôi rẽ sang nhà bà Hiến. Bà Hiến đang ngồi kéo vải. Nghe tiếng động, bà ngược lên:

- Ai đó?

- Tôi đây!

Tôi khệ nệ bước vào, chị Ba đã dặn tôi đi đứng phải nghiêm trang. Trước tiên, phải tuyên truyền giải thích. Tôi định lặp lại lời chị Ba: Bà phải học cho biết chữ, vì "một chữ đáng nghìn vàng, dù không chức phận cũng nhàn tám thân". Nhưng chợt tôi thấy cách nói như vậy nghe đột ngột và thấy lòi thôi! Tôi nghĩ phải tìm một câu nói hay hơn. Tôi nhớ đến câu của thầy Lê Hảo: "Học hành cũng như cái ống thiên lí xa soi nghìn lối". Nhưng câu đó chợt thấy khó hiểu. Tôi cố tìm một câu khác, nhưng loay hoay mãi không tìm ra. Một phút, rồi năm ba phút trôi qua. Tôi nhìn bà Hiến. Trước mặt tôi là một người học trò già, da bà đã bắt đầu nhăn nheo. Tôi hơi ngượng. Lạ thật! Khi đến chơi nhà bà Hiến để tán phét thì tôi ba hoa đến mấy cũng được. Đến khi có ý đồ, tôi lại ngượng ngập, nói không ra hơi. Mới hay đi làm cán bộ như anh Bốn Linh cũng không phải dễ.

Bà Hiến thấy tôi cứ im lặng mãi, ngược lên hỏi:

- Có việc chi đó?

Đang lúc bí, tôi nói vu vơ:

- Chơi thôi!



Nói xong, tôi mới biết mình nói láo. Tôi không có ý trả lời như vậy. Tôi càng ngượng, cứ ngồi im, đưa mắt nhìn lên trên giàn.

Bà Hiến nhìn theo lên giàn:

- Có mấy trái bồ quân để trên giàn, muốn ăn cứ lấy mà ăn.

Có lẽ bà Hiến tưởng tôi muốn vò bồ quân, nhưng không dám nói nên cứ ngồi im. Tôi nghe giận, cũng không biết giận bà Hiến hay giận mình. Tôi trả lời gọn lỏn:

- Không thèm ăn đâu!

Bà Hiến ngạc nhiên lại ngược nhìn tôi. Bà nói khe khẽ như chỉ để mình bà nghe:

- Làm lành với nhau thì hơn. Cũng bạn bè với nhau cả. Rủi có bị nện, cũng nên xí xóa!

Thì ra bà Hiến tưởng tôi vừa bị bọn chân trâu đánh đau nên vẻ mặt sa sầm. Quả thật dạo đó tôi hay vật lộn với bọn chân trâu. Khi nổi khùng có tặng nhau những đám đá.

*

* *

Tôi đem việc bà Hiến nói với thằng Cù Lao. Thường lúc tôi bị xẹp, nó giúp tôi lên dây cót. Nó với tôi nhất trí phải đồn tất cả những câu hay nhất của chị Ba, chú Năm Mùi để nói bà Hiến hiểu. Thằng Cù Lao sẽ theo tôi đến nhà bà Hiến để trợ lực.

Chiều xuống, ếch nhái bắt đầu kêu ran. Tôi và thằng Cù Lao kéo đến bà Hiến. Vào nhà, vừa ngồi xuống, tôi đọc liền một hơi những câu đã thuộc.

Cuối cùng, tôi kết luận là nhất định bà Hiến phải học, vì học một chữ đáng nghìn vàng... Tôi đã nói xong, nhưng nét mặt bà Hiến vẫn thản nhiên. Một nếp nhăn nhỏ nhất trên trán bà cũng không động đậy. Cái xa kéo sợi vẫn quay rè rè, sợi chỉ vẫn tòi ra từ đầu con cúi. Một chốc sau, bà Hiến đứng đĩnh nói:

- Học một chữ đáng nghìn vàng, nếu vậy bà có đến mấy triệu bạc. Bà biết đến mấy ngàn chữ.

Chợt bà dừng xa kéo sợi:

- Nếu các trò không tin, bà đọc cho mà nghe: Đây, thiên nghĩa là trời, địa nghĩa là đất, cử là cất, tổn là còn, tử là con, tôn là cháu, lục là sáu, tam là ba, gia là nhà, quốc là nước, tiền là trước, hậu là sau...

Bà Hiến cứ đọc thao thao bất tuyệt:

- Thấy chưa? Bà không chỉ biết một chữ mà biết đến ba ngàn chữ. Đó là chữ của thánh hiền, chữ của ông bà để lại. Cứ mỗi chữ đáng nghìn vàng tính ra bà có ba triệu đồng vàng. Thế sao không có một xu dính túi? Suốt đời cực khổ, nay cách mạng về, bà mới có cái nhà, cái xa kéo sợi.

Tôi cãi lại:

- Đó mới là biết chữ một, chữ nào nghĩa ấy. Thầy Lê Hảo nói: Biết chữ là phải biết đọc cả câu. Mỗi câu phải là lời lẽ của thánh hiền. Còn phải biết viết nữa.

Bà Hiến cười:

- Ừ, bà cũng viết được đây này. Chữ nhất là một thì ngang một ngang. Chữ nhị là hai thì ngang

hai ngang. Chữ tam là ba thì ngang ba ngang. Chữ thập là mười thì ngang ngay số thẳng này...

Bà Hiến vừa nói vừa lấy ngón tay trở vạch trên chiếc mủng:

- Còn lời lẽ thánh hiền?

- Lời lẽ thánh hiền; bà cũng học hết.

Nói xong, bà Hiến nổi lên đọc ê a, giống những ông đồ ê a lúc giảng sách: "Quan quan thư cưu. Tại Hà chi châu. Yếu điệu thực nữ, Quân tử hảo cầu". Nghĩa là đức thánh ngài nói rằng: "Ồa, ồa! Con chim thư cưu! Tại chung đôi sông Hà. Yếu điệu người con gái lành. Người quân tử hảo cầu..."

Tôi cãi lại:

- Chẳng có nghĩa lí chi cả! Chim chi là chim thư cưu? Bà đi hỏi khắp thiên hạ thử có chim chi là chim thư cưu! Thực nữ nghĩa là chi? Phụ nữ mới đúng. Đó không phải là chữ nghĩa thánh hiền.

Bà Hiến nhìn thẳng vào tôi:

- Thế đây có phải là chữ nghĩa thánh hiền không hả? "Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ? Nhơn bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ?" Đức thánh ngài nói rằng: "Có bạn hữu từ phương xa đến, lại không vui ời? Người không biết mình mà mình không giận, cũng chẳng phải là kẻ quân tử ời?" Nghĩa lí thánh hiền rành rành như đó. Trò Cù Lao từ xa ngoài biển về, trò Cục há chẳng vui sao? Bọn chân trâu không biết trò Cục, chẳng thèm coi trọng, đã nện cho trò Cục

một cục u! Nhưng trò Cục không giận. Đó chẳng phải là kẻ quân tử ời?

Tôi không ngờ bà Hiến lại giỏi chữ nghĩa thánh hiền đến vậy! Tôi đuối lí, đưa mắt nhìn thành Cù Lao, ra hiệu để nó giúp đỡ. Thành Cù Lao đang nhìn bà Hiến đầy vẻ thần phục. Bà Hiến tiếp tục tấn công:

- Bà không chỉ thuộc sách thánh hiền mà còn thuộc cả tiếng Tây nữa. Này, nghe đây: Toa với moa gá nghĩa a-mi, tình bạn hữu đờ-puy lông-tấn, sau những buổi cô-dê dài ngắn, đã biết rằng vu-đét bông cai...

Tôi kêu lên:

- Tây không ra tây, ta không ra ta! Đã là chữ Tây, răng lại có chữ "gá nghĩa", chữ "bạn hữu", chữ "dài ngắn"? Chẳng có nghĩa lí chi cả!

Bà Hiến cười:

- Nghĩa lí là thế này: Mày với tao gá nghĩa bạn bè. Tình bạn hữu đã lâu rồi đó. Sau những buổi chuyện trò dài ngắn. Đã biết rằng tốt bụng với nhau... Có phải giữa trò Cục và trò Cù Lao đã gá nghĩa bạn bè, có củ khoai trái bắp đều chia nhau...

- Nhưng cũng không phải tiếng Tây!

Cột sống bà Hiến chợt dựng thẳng lên, giọng quả quyết:

- Toàn chữ Tây, bà đây cũng không thiếu - Bà Hiến nói giòn tan: - Ma-đam vớ-nê đờ Hòa Phước. Ma-cà-bông. Moa xi-nhan me-xừ lơ cô-mít-xe. Nghĩa là: Mụ này ở Hòa Phước đến. Đi lang thang. Tôi trình quan cảm.

Tôi và thằng Cù Lao nhìn bà Hiến, mồm há hốc. Ví thử bà Hiến đột ngột biến thành một nàng tiên, hai vai mọc cánh bay vút lên cao cũng không làm chúng tôi ngạc nhiên đến thế! Tiếng nói bà Hiến như từ xa vang lại:

- Hai trò cứ mời người giỏi tiếng Tây đến đây sát hạch, coi phải đúng tiếng Tây không?

Bà cười thảng trợn:

- Thế còn chỉ phải học nữa đâu!

Thằng Cù Lao không chịu rút lui:

- Đó mới là chữ nho và chữ Tây. Phải học chữ quốc ngữ kia. Chữ quốc ngữ bà chưa biết.

- Hồi trước, ông bà mình có ai thêm học chữ quốc ngữ đó đâu! Nó có móc, có gai lòng thông coi dễ sợ! Không như chữ nho của ông bà mình, mềm mại. Cái bút lông của mình như cái búp măng, có đầu như cây bút sắt đâm lủng bụng!

Bà giảng tiếp:

- Chữ quốc ngữ là chữ hồi thằng Tây đến. Ông bà ngày trước chỉ học với cây bút lông. Các trò cứ hỏi thầy Lê Hào, có phải bà nói có chứng có cứ không?

Tôi đợi thằng Cù Lao cho ra cái gì thật sắc bén, đánh gục bà Hiến bắt phải quy hàng. Nó vẫn lặng thinh, chẳng có lí lẽ gì chọi lại.

Ngoài sông chợt vang lên tiếng dò gọi khách xuôi phố: "Ai xuôi dò ồ...?". Tiếng gọi dò vang vọng tràn khắp bãi dâu. Tôi nháy thằng Cù Lao, lặng lẽ rút lui.

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao gặp chú Năm Mùi nói tất cả những việc vừa xảy ra: Nào là bà Hiến biết đến ba ngàn chữ, đọc một lều. Nào là bà Hiến thuộc hết sách vở thánh hiền, nghĩa lí vô cùng thâm thúy. Bà còn nói tiếng Tây như bắp rang...

Tôi và thằng Cù Lao càng trầm trồ bao nhiêu thì chú Năm Mùi càng phớt lờ bấy nhiêu.

Chú nói:

- Có chi đâu lạ! Bà Hiến ở đợ cho nhà giàu, nhà giàu rước thầy dạy chữ nho cho con cháu học. Nghe học trò ê a đọc sách, bà nhớ hết. Bà nhớ tài lắm. Trước đây bị đói bà mò ra ngoài Đà Nẵng kiếm ăn. Đi lang thang bị lính cu-lít bắt nộp thành cò. Chúng nó nói tiếng Tây, bà cũng nhớ được. Bà nói như thế này chớ chi: "Ma-đam vớ-nê dờ Hòa Phước. Ma-cà-bông. Moa xi-nhan me-xừ lơ cô-mít-xe". Bà chưa chịu học là vì bọn bay chưa biết cách nói. Chỉ nói thế này: - Nay mai, người ta sẽ ngăn cổng vào chợ. Người nào biết đọc chữ quốc ngữ họ mới để vào. Nói vậy là bà học ngay. Việc dễ như chơi, sao rối lên vậy?

Tôi và thằng Cù Lao lại đến nhà bà Hiến. Tôi cho ra ngay câu nói của chú Năm Mùi:

- Nay mai người ta ngăn chợ. Ai biết chữ quốc ngữ mới được vào chợ!

Bà Hiến ngừng xa kéo sợi:

- Ai nói đó?

- Lệnh trên đó! Chú Năm Mùi cho biết. Ai dám nói sai. Bà cứ hỏi chú Năm coi.

- Người không đọc được chữ quốc ngữ thì



răng?

- Thì đứng ngoài cổng, rồi về thôi! Lệnh nghiêm lắm!

Bà Hiến ngồi thừ ra. Môn thuốc của chú Năm đã công phạt. Tôi hỏi dò:

- Bà đi chợ không?

Tiếng bà Hiến nhỏ hần:

- Đi chợ để mua đồng mắm, đồng muối... Thôi bà phải học! Tội chi không học. Kiếm vài chữ bỏ bụng cũng sướng!

Tôi và thằng Cù Lao bắt dây reo lên, phóng một mạch chạy gặp chú Năm Mùi. Vừa gặp chú, tôi hét to:

- Bà Hiến chịu phép rồi! Sao chú tài vậy chú?

Chú Năm Mùi vẻ thản nhiên:

- Tại bọn bay không biết bắt mạch. Tao bắt mạch biết bà Hiến mê đi chợ. Không một xu nhỏ cũng mò đến chợ. Bà đi quanh chợ một vòng còn thích hơn đi xem hát bội. Cũng như mày mê vật lộn, thằng Cù Lao mê lội bơi, tao trước đây, tao mê hát bội. Ở đời ai cũng có cái mê cả!

*

* *

Tôi hỏi thằng Cù Lao về ông Bốn Rị. Ông có biếng học như bà Hiến không? Ông có hôi lắm không? Nhà của ông thấy có rợn không?

Tôi với ông Bốn Rị ở cùng làng, tôi ở đầu xóm trên, ông ở xóm giữa. Thỉnh thoảng, tôi đi qua nhà, nhưng chưa bao giờ ghé lại. Nhà ông có bức rèm tre che trước cửa, đằng sau có bóng người

thập thò. Có tiếng cốc, cốc như mõ khua và tiếng kêu ăng ăng. Nhưng cái làm tôi rợn nhất là tiếng rú của chó bị cắt tiết. Tiếng rú vang dội, đầm thũng màn sương, át tiếng gọi dò và tiếng gàu khua ở các giếng nước. Mỗi khi tiếng rú vang lên, lũ chó trong làng nổi lên sủa rộ. Ông Bảy Hóa ngồi trước cửa chùa, đập đập cái quạt mo vào chân:

- Lại một con chó hóa kiếp! Mong mày đầu thai trở lại làm người. Làm người không xong thì phải hóa kiếp trở lại làm chó!

Thằng cù lao cho tôi biết ông Bốn chẳng có mùi hôi thối gì cả. Ông sạch sẽ như mọi người. Ở ngoài cù lao Chàm, cũng có người bán thịt chó, người đó cũng không hôi thối. Cũng chẳng nghe ai nói ăn thịt chó sẽ xuống địa ngục, sẽ bị rút lưỡi moi gan. Nhà ông Bốn không có gì rùng rợn cả, nhà rất mát mẻ, có cây bông trang, có con bướm đậu. Ông Bốn có nuôi nhiều chó, nhưng toàn là chó con. Ông xin chúng ở đâu về, nhốt sau chuồng. Chúng kêu ăng ăng. Có con chưa biết ăn, ông phải vạch mõm tọng nước hồ vào họng. Có lúc một chó mẹ đến gào rống sau vườn đòi con. Ông xách gậy ra đuổi. Cuối cùng, chó mẹ bỏ đi nơi khác. Thằng Cù Lao còn cho biết khi ông Bốn mổ xong một con chó, ông cắt một miếng thịt ở chóp đuôi đem xào. Mùi thơm bay ra ngào ngạt.

Tôi kêu lên:

- Ôi! Thịt chó thơm rằng được? Thịt chó làm tao nôn ọe. Thôi kể tiếp đi, rồi ông Bốn làm chi



nữa?

- Sau đó, ông nướng bánh trắng có rải mè, múc thịt đặt lên mâm, mời tôi ngồi lại.

- Mời ai?

- Mời tôi!

- Ấy! Mời mày? Thế mày nói sao?

- Tôi nói tôi không ăn.

- Ủ, được đó!

- Nhưng... ông mời mãi. Ông nói hễ tôi không ăn thì ông không học. Với lại cái mùi thịt bay thơm, tôi cảm lòng không đậu...

- Làm sao?

- Tôi ăn.

- Ôi! Trời ơi! Nguy to rồi! Mày ăn đồ ô uế rồi! Có nón ọc không?

Vừa nói tôi vừa ọc lên mấy cái.

Thằng Cù Lao lặng thinh. Tôi lên giọng:

- Ở đây đũa phàm phu mới ăn thịt chó. Đã ăn thịt chó, khi chết phải xuống địa ngục. Bọn chó đánh hơi, xông ra cắn mày chết!

Thằng Cù Lao hạ thấp giọng:

- Hôm kia đến nhà ông Bốn, tôi thấy chú Năm Mùi ở đó.

- Chú Năm đi kiểm tra học tập. Chú có hỏi chi không?

- Không hỏi chi cả. Chú đang ăn...

- Ăn chi?

Thằng Cù Lao nói khẽ vào tai tôi:

- Ăn một đĩa nấu nhừ.

Tôi giật thót:

- Thiệt không?

- Chú khen đĩa như nấu khá! Chú còn bảo giống thịt chó thế mà mát, ăn thịt chó ngủ ngon.

Tôi không ngờ chú Năm Mùi lại ăn thịt chó! Từ ngày cách mạng thành công, chú tiến bộ rất nhanh. Chú không còn mê cô đào hát bội, không hát bài chòi. Chú vừa nhận chân lãnh đạo tự vệ xã, kiêm chính trị viên tiểu đội dân quân của thôn, phụ trách đội thiếu niên. Nay lại đi ăn thịt chó!

Thằng Cù Lao lấy tay che mồm, nói chỉ vừa đủ tôi nghe:

- Cả ông Bảy Hóa nữa!...

Tôi suốt ngã ngửa, nổi cười to. Thằng Cù Lao cũng nổi cười. Chính trước kia ông Bảy Hóa cho mình có cốt tiên cốt phật. Đã là tiên phật thì hít mùi hương hoa cũng đủ sống, không cần ăn. Nếu có ăn cũng chỉ ăn tương cà dưa muối. Ai nói đến thịt chó thì ông nôn oẹ.

Tôi hỏi:

- Thế ông có mắc cỡ không?

- Chẳng thấy mắc cỡ chi hết. Ông tréo chân ngồi giữa nhà, húp rất to. Ông khen ông Bốn Rì bán rẻ thịt chó. Có vậy mới đông khách, nhiều người sẽ khỏe ra. Nay ông đã nhập bạch đầu quân, ông cũng muốn khỏe thêm; luyện tập quân sự càng dai sức, đánh thắng giặc. Như vậy mới gọi là tu. Ông thét to: Phật là cái tâm của ta. Cái tâm ta ngay thẳng, trung thực, đó là phật. Cái tâm ta gian nịnh xảo trá, đó là ma quỷ. Tôi coi làng

mình mọi người trở nên tốt. Trộm cắp bỏ nghề, thuê chợ, thuê đồ đều bãi bỏ, đâu có phải vì không ăn thịt chó, mà vì có người làm cách mạng.

Tôi hỏi thêm:

- Thế ông có bị nôn ọe không? Chị Ba nghe mùi thịt chó cứ bị buồn nôn, không phải chị già đồ đâu!

Thằng Cù Lao cho biết cả đội tự vệ cũng có ăn thịt chó. Thỉnh thoảng, ông Bốn Rì mang một nồi bún với thịt đem thết toàn đội ở chòm đa Lí.

*

* *

Bà Hiến có một trí nhớ rất tốt. Tôi nói gì bà nhớ nấy, nhớ rành mạch, chính xác. Không ngờ dưới lớp da nhăn nhúm lại giấu một đầu óc minh mẫn. Đầu óc của bà không phải như cái rở lũng như bà nói. Bà nhớ giỏi bằng mười tôi, nhưng tôi cứ chê. Tôi chê bà viết tồi, đọc chậm. Khi tôi còn làm học trò, tôi thích được khen. Nhưng khi làm thầy tôi cứ thích chê. Tôi viết lia lịa một loạt chữ O báo bà Hiến bắt chước kẻ theo. Bà méo mồm cố kẻ theo thật đúng. Tôi bắt bẻ:

- Viết bằng tay, sao mồm lại méo xệch?

Bà Hiến vừa viết vừa thở hển hển. Tôi uốn nắn:

- Chớ thở ào ào! Bay mất sách vở! Thở vậy nên chữ viết như gà bới.

Tôi bảo gì bà cũng vâng theo. Tôi nhận rõ bà Hiến nể tôi. Bà không còn gọi tôi là thằng Cục, mà gọi là chú Cục. Trước mắt bà, tôi không còn là thằng chăn trâu bị bọn trẻ đánh u trán. Theo

thầy Lê Hảo, khi làm thầy sẽ được học trò kính nể. Tôi bắt chước thầy Lê Hảo ăn nói nghiêm trang, khuyên cái này răn cái nọ. Có lúc tôi quát chửi một cái cho sướng miệng. Bà Hiến không lấy thế làm mất lòng. Bà nói trước kia các thầy phải đánh học trò bằng roi mây, có thế mới nên. Nay cách mạng lên rồi, thầy không đánh học trò, sướng quá!

Tôi sức nhớ chị Ba và chú Năm Mùi dặn phải làm công tác quần chúng. Lập tức, chúng tôi vứt sách, xông vào buồng bà Hiến. Chúng tôi khênh hết những thùng đựng khoai ra ngoài, quơ hết giẻ rách vứt ra sân rồi lấy chổi quét. Tận còn đây nước uống, thằng Cù Lao cũng đổ đi, quảy tận ra sông múc nước. Sau đó, tôi vo gạo, quơ củi, nhóm bếp. Bà Hiến van nài, tôi cũng giạt lấy, giúp bà cho kì được. Trước nhà bà, có những tìn sứt, chum vỡ, tôi và thằng Cù Lao khuân hết đi nơi khác lấy chỗ để trồng cây bông trang. Bà Hiến chạy ra ngăn lại, không hiểu trồng cây bông trang để làm gì. Tôi nín bà lại, bảo phải trồng cây bông trang cho đẹp mắt. Chúng tôi đảo lộn tất cả, sắp xếp mọi thứ theo ý muốn chúng tôi.

Tôi giảng giải:

- Cách mạng lên rồi. Nhà nào cũng phải có hòn non bộ, có đầm cây cảnh. Có cây bông trang chưa đủ, phải trồng thêm bông lài, bông lí nữa.

Thằng Cù Lao quả quyết:

- Không lèm nhèm nữa đâu! Bà già cũng phải đánh phấn tô môi, phải mặc áo màu, phải đi giày

cao gót. Rồi đây, bà phải đi uốn tóc, phải sắm một cái ví và một chiếc dù đầm. Đi đâu phải cầm trên tay cho sang trọng.

*

* *

Tiếng đồn làng trên xã dưới ông Bốn Rì có một thằng con trai giống ông như đúc. Da nó cũng đen, người nó cũng gầy, khuôn mặt giống hệt như bố. Trước đây, gặp năm mất mùa ông Bốn phải đem đỡ thằng con trai đó cho một nhà giàu ngoài Đà Nẵng. Nay làm ăn khá, ông Bốn đã chuộc nó về. Thằng nhỏ siêng năng lắm. Nó băm thịt giòn tan, nấu xào rất giỏi. Tôi biết đó là tin đồn về thằng Cù Lao. Nó giúp ông Bốn làm nhiều việc để dạy ông học. Nó còn đi bắt chó với ông. Ông Bốn kéo lê một con chó bị trùng. Thằng Cù Lao thủ một chiếc roi theo sau. Tất cả bọn chó gào rống đến sủi bọt mép quanh ông Bốn. Thằng Cù Lao không chút nao núng, phóng mắt nhìn quanh tìm đứa hung hăng nhất. Chợt chiếc roi mây bay vút. Chó bị roi kêu ăng ăng, cúp đuôi vụt chạy. Những chó khác chạy tán loạn. Thằng Cù Lao nhặt đất ném theo, phá gãy vòng vây, giải thoát cho ông Bốn Rì. Dẹp xong lũ chó, nó đứng chống nẹ nhìn quanh.

Tôi gọi to:

- Cù Lao ơi! Mày đi bắt chó cho ông Bốn hả? Làm chi bậy bạ rứa? Thiên hạ cười đó! Họ đồn mày là con trai ông Bốn đó!

Miệng tuy nói vậy nhưng bụng tôi nghĩ khác.

Thực bụng tôi phải nói: Mày đuổi chó giỏi lắm!
Tao đang phục mày đấy! Tao cũng muốn được
như mày.

Tôi hỏi bâng quơ:

- Mày mượn đầu chiếc roi mây tốt quá?

Thằng Cù Lao chìa chiếc roi:

- Ông Bốn cho tui đó.

Tôi nói cho có chuyện:

- Roi to hơn thì sướng hơn.

- Roi nhỏ quất khỏi gãy chân. Ra oai thôi mà!

Tôi hỏi:

- Thế... tao xin ông Bốn một cái roi được
không?

- Cục xin đi. Ông Bốn ông tốt bụng lắm! Ông
cho liền liền.

Thằng Cù Lao nói nhỏ vào tai tôi:

- Thảo ăn lắm! Hôm nào cũng đái ối, đái bò
quân. Ồi và bò quân của ông ngọt lịm! Ăn nhiều
ông càng thích!

- Nhưng tao sợ ma chó! Chúng kéo về từng
đàn, ông Bốn Rị phải đọc câu thần chú mới đuổi
được.

- Làm chi có!

- Tao đến xin ông cái roi. Rồi... đi bắt chó với
mày được không?

Thằng Cù Lao reo lên:

- Ông thích còn phải nói! Ông bảo tui đến ở với
ông, tui cứ việc đi chơi, ông làm nuôi tui cũng
được.

Tôi và thằng Cù Lao cùng cười. Không ngờ sự
việc lại như vậy.



*

* *

Trước Tổng khởi nghĩa có ba nơi làm tôi cứ sợ. Đó là chòm đa Lí âm u, đại bản doanh của quý Năm Nanh có đầu tóc xõa đến đất. Đó là miếu Bà Tầm im lìm nép dưới chòm sung, nơi làm ăn của quý Bạch Thố. Sau cách mạng, quý Bạch Thố và quý Năm Nanh đã cuốn gói đi nơi khác. Chỉ riêng nhà ông Bốn tôi vẫn thấy bí hiểm. Tiếng bầm thịt ở nhà ông nghe như tiếng mõ kêu cứu. Tiếng rú của chó bị cắt tiết nghe rùng rợn. Tuy thằng Cù Lao đã cho biết nhà ông Bốn Rị cũng như nhà chú Năm Mùi, có hai chái, tám cột. Đồ đạc cũng là giường ghế, nồi niêu, rổ rá. Mọi vật đều bình thường, chẳng có gì ghê rợn cả. Tôi biết vậy, nhưng khi đến trước nhà ông Bốn tự nhiên tôi dừng lại. Tôi vừa sực nhớ trước đây tôi với mấy đứa mất dạy đã ném đất vào đầu ông. Nay gặp tôi ông lại chẳng trả thù, nện cho tôi một trận. Nghĩ đến đây tôi chỉ dám nhìn qua hàng rào. Ông Bốn tay cầm con dao phay, đứng trong nhà trông quá dữ tợn. Tôi định rút lui. Nhưng nhớ lại việc chú Năm Mùi bắt buộc tôi phải đến giúp thằng Cù Lao dạy cho ông Bốn học, tôi phải dừng lại. Đợi ông Bốn đi khuất vào bếp, tôi nhón chân gọi khẽ:

- Cù Lao ơi! Cù Lao!

Thằng Cù Lao như biết tôi đang lảng vảng ngoài rào, chạy ra gọi:

- Ông Bốn, đợi Cục đó!

- Đợi để chi?

- Để dạy ông học. Ông thích lắm!

Tôi hơi vụng dạ rón rén bước vào. Ông Bốn đang ngồi lóc thịt. Vừa thấy tôi, ông vụng con dao sáng quắc, nhưng ông lại cười:

- Chú Cục đó hả? Hay lắm!

Rõ ràng ông Bốn đã làm tôi yên tâm. Ông đứng lên đi đẩy lửa. Ông vừa lóc thịt vừa đun lửa trong bếp. Đó không phải là một cái bếp bình thường như thằng Cù Lao nói, mà là một cái bếp bất thường. Bếp có đến ba bộ ông táo. Tất cả đang cong lưng đội một cái chảo và hai cái nồi to bự. Ngoài ra, còn có ba bộ ông táo khác sắp thành một hàng sẵn sàng nhận việc. Tất cả chảo nồi đều sôi sùng sục và tỏa khói thơm. Quanh bếp còn úp không biết bao nhiêu nồi đất, đủ loại to nhỏ. Thằng Cù Lao ở trần, xắn quần đến tận bẹn, chạy rút con dao phay lật chiếc thớt, bẻ một đuôi thịt chớ đặt lên thớt, chặt lia lịa. Nó tỏ ra thông thạo như đã lâu năm làm nghề băm thịt. Tôi bật cười. Nó cười theo rồi băm càng nhanh, càng chính xác.

Tôi nhìn vào nhà trên. Ở Hòa Phước, nhà trên thường nhìn ra ngõ. Đằng này, nhà trên của ông Bốn lại xây lưng ra ngõ, mặt úp vào vườn. Sau vườn, ông Bốn trồng cây chanh, cây ổi, cây bồ quân có bóng râm mát. Lại còn có khóm bông trang, có hoa nở, có bướm bay chấp chới. Quanh nhà sạch bóng. Nhà bếp nhiều khói, ồn ào. Nhà trên tĩnh mịch. Nắng trưa nằm ngủ trên giàn thiên lý. Tiếng thái thịt vào đến hiên bỗng lu mờ. Ông



Bốn cũng thờ tiên thờ phật. Bốn bức tranh treo trên vách vẽ bốn ông tiên. Một ông râu dài mắt xếch đây vẽ ung dung cười một con hạc đang sải cánh trên rừng tùng. Một ông bụng to đang nghehnh cổ trút nậm rượu vào mồm, đây vẽ khoan khoái. Ông thứ ba râu rậm cười con ngựa trắng khoan thai đi vào rừng mai nở rộ. Ông thứ tư râu tóc bạc phơ phóng cần câu trầm ngâm câu cá. Bên trên bàn thờ, ở chỗ cao nhất đặt một cái khám. Trong khám có đức Quan âm ngồi trên tòa sen, mười ngón tay chắp vào nhau đang tụng niệm.

Tôi cứ nhìn nhìn. Có tiếng thằng Cù Lao gọi:

- Cục ơi!

Tôi bước xuống nhà bếp. Ông Bốn đang xào thịt. Ông múc một đĩa đặt lên bàn. Và rất lạ, tôi nghe mùi thịt chó thơm thơm. Ông lấy bánh đa có rải vừng đem nướng. Ông hớt một đĩa rau thơm, gọi tôi và thằng Cù Lao:

- Ngồi lại đây các chú!

Tôi trả lời tôi không ăn.

Ông Bốn lại mời.

Tuy bụng đói meo, nhưng nhớ lời chị Ba dặn, tôi lắc đầu:

- Mới ăn no quá, không ăn được nữa!

Thằng Cù Lao cãi lại:

- Ăn từ mai sớm, no quá sao được?

Ông Bốn năn nỉ:

- Không ăn nhiều thì ăn một miếng cho bác vui bụng.

Thằng Cù Lao họa theo:

- Phải rồi! Không ăn, ông Bốn không học đâu!
Thằng Cù Lao vừa nói vừa kéo tôi vào bàn.
Tôi định bụng chỉ ăn một miếng bánh đa.

Thằng Cù Lao chỉ vào chiếc nồi đang sôi trên bếp.

- Nồi nhừ nấu cho đội tự vệ kia. Ban chỉ huy ăn được thịt chó, Cục ăn thử một miếng coi.

Thằng Cù Lao vừa nói vừa gắp một miếng xào gì đó ngay trước lỗ mũi tôi. Rõ ràng một mùi thơm của thịt của hành xông lên. Ông Bốn gắp một miếng xào, bẻ đôi miếng bánh đa kẹp lại giúi vào tay tôi:

- Không ăn thì bác giận lắm!

Nể quá, tôi cầm kẹp bánh cắn một miếng. Thịt chó xào nghe thơm chẳng khác gì thịt lợn. Tôi nhai vài cái, thịt với bánh đa rơi vào bụng. Tôi tưởng thịt chó đã trào lên cổ lợn ra, nhưng nó vẫn nằm yên trong bụng.

*

* *

Thầy Lê Hảo thường nói: Dạy không nghiêm, đó là thầy dở. Đối với bà Hiến tôi phải thật nghiêm. Tôi cố tránh hỏi bà chuyện vu vợ hoặc tán phét. Tôi vạch một vòng tròn lên giấy rồi đọc cho bà nghe, o... o...

- Đây là chữ o, như quả trứng gà, thấy chưa? Nhớ chưa?

Bà Hiến nói liền theo:

- O, o, như con gà trống, nó gáy o o. Gà gáy o, o! Đi chưa tới chợ đã lo ăn hàng!



Tôi dạy thêm:

- Phải ngó cho kĩ, chữ o thêm một cái mũ đội lên đầu đó là chữ ô.

Bà Hiến liền đọc:

- Ô rô gai góc, nó móc ruột gan, đôi rách giàu sang, ô rô móc tuốt.

- Nói gai ô rô làm chi? Xem này. Chữ o mang thêm một cái râu thành chữ ơ.

- Còn phải kẻ mày kẻ mặt đội mũ mang râu. Còn phải đôi hia...

Bà Hiến vừa nhớ đến hát tuồng. Trước khi ra sân khấu, kép hát phải kẻ mặt, mang râu, đội mũ.

Tôi xằng giọng:

- Kệ họ! Đào kép muốn làm trời cũng được. Đó là chuyện họ. Còn ta là phải ngó kĩ. Đây là chữ t, thấy chưa? Nay ghép chữ t với chữ o, là to.

- To! Nói nhỏ nói to, không bằng nện cho cái đấm.

Tôi định bảo im. Nhưng cách nói bất văn của bà nghe cũng vui vui.

- Ngó cho kĩ này! T ghép với o thành tô này.

Bà Hiến nói ngay:

- Tô son điểm phấn, đánh lấn ngài thơm.

Tôi tiếp:

- Chữ t ghép với chữ ơ là tơ.

Bà Hiến đọc liền theo:

- Rồi tơ rồi chỉ gỡ xong. Rồi đâu có lược, rồi tấm lòng khó phân. Tơ tưởng tưởng tơ, nằm mơ là thấy bạn!

Tôi chỉ chờ bà Hiến đọc chữ m.

Bà liền cho ra:

- Chẳng lẽ mờ, giấy tờ minh bạch.

Đến chữ n, bà nói họa theo:

- Chi rứa bạn nờ? Trăng đã mờ, sông đã cạn!

Cứ như vậy học mỗi chữ bà đọc một câu. Nếu bảo bà đọc thêm bà cũng có để đọc.

Tôi và thằng Cù Lao dần dần hóa thích. Gặp những câu vui, tôi bảo bà cứ đọc tiếp. Bà thuộc hàng chục bài về, đủ loại về: về con cuốc, về các thứ hoa, thứ quả, thứ cá, thứ chim, về nói láo, về hát bội, về thằng nhác, về cúp tóc, về xin sưa, về đám ma...

Mỗi khi học xong, tôi và thằng Cù Lao bắt bà hát một bài cho vui.

Bà Hiến hỏi:

- Bài chi?

- Bài hổ hụi hay một bài về, về thằng Lía hay về Thông Tầm cũng được.

Tôi và thằng Cù Lao rất mê về thằng Lía. Thằng Lía nhà nghèo mồ côi cha, rất yêu mẹ. Không ai thuê làm. Lía phải đi xin ăn để nuôi mẹ. Lía bắt trộm vịt về cho mẹ ăn để mẹ khỏi đói. Sau Lía vào rừng tụ tập lâu la, chống lại vua quan. Tôi thích những đoạn tả Lía bị chó đuổi phải rúc bụi. Lía bắt chước con cá lóc tập nhảy, tập mãi nhảy phóc qua được nhà cao. Lúc bị bao vây nhờ nhảy qua được mái nhà, đã thoát chết.

Ai hỏi vì sao bà Hiến nhớ nhiều như vậy, bà nói: Nhớ nhiều vì đói. Khi đói, chữ nghĩa vào bụng không bị cơm canh lấp mất, chữ nào còn nguyên chữ ấy.

3

Tôi tắm cho trâu Bình xong mặt trời đã lặn. Trên bãi dâu mọi người gọi nhau về nhà. Phải về sớm một tí, còn phải nấu cơm ăn để kịp đi học. Ở các xóm tiếng gàu va vào thành giếng nghe lanh canh. Tiếng bát đĩa bị lật nghe xúng xoảng. Tiếng phèng la chột vang động. Giờ tựu lớp đã đến, chị Ba, chị Bốn ăn xong, thắp cây đèn chai, gọi nhau đi học. Tôi và thằng Cù Lao sẽ đến dự lễ khai giảng lớp học buổi tối tổ chức ở chợ. Chúng tôi vừa được chú Năm Mùi đề bạt làm "trợ giảng" của lớp. Vừa bước ra sân, một ngọn đèn đã thấy trôi theo bờ rào của nhà bác Úc. Có tiếng gọi:

- Ba ơi! Mau lên!

- Bậy hả? Đợi chút!

Ngọn đèn chị Ba trôi nhanh ra ngõ. Hai ngọn đèn gặp nhau cùng cất cao, nhập lại, tách ra, nhún nhảy trôi theo con đường dọc xóm. Ra đến đầu làng, ngọn đèn chị Ba và chị Bảy nhập vào nhiều ngọn đèn khác trôi dọc đường làng. Tôi và thằng Cù Lao không xách đèn cứ rào bước. Chợt một ngọn đèn từ trong hẻm trôi ra. Có tiếng hoảng hốt:

- Ối! Làm tôi hết hồn! Ai đó?

Tôi nhận ra bà Bảy Đá. Chú Năm Mùi cho biết bà Bảy cũng đến dự lớp. Trước đây, bà bảo không biết học để làm gì. Chữ nghĩa không làm no bụng, chỉ có một cái làm được tất cả, đó là tiền. Nhưng có đứa độc mồm bảo bà có nhiều tiền nhưng bà lại u mê. Nay thấy mọi người đi học, bà mới chịu đi. Tôi và thằng Cù Lao vượt lên trước. Một ngọn đèn sáng lóa từ phía đông bay ra. Đó là ngọn đèn của anh Bảy Hoàn.

Tất cả những ngọn đèn lồng từ trên xuống, từ dưới lên chảy đôn vào chợ. Lớp học là cái điểm canh được nổi rộng. Ba ngọn đèn lồng tỏa sáng. Mọi người đã có mặt. Chú Năm Mùi, anh Bốn Linh ăn mặc chỉnh tề. Bà con cô bác kéo đến đông đủ. Chợt anh Bốn Linh đứng lên dọn giọng tuyên bố lễ khai giảng. Anh long trọng nói lên ý nghĩa phong trào diệt dốt, một trận đánh vô cùng ác liệt. Hiện nay, cả nước có hàng triệu người không kể lớn bé đang dùi mài học tập. Hòa Phước là đất thanh danh văn vật, không thể lơ là việc diệt dốt. Nói xong, anh Bốn Linh vỗ tay. Mọi người vỗ tay theo.

Đến lượt thầy Lê Hảo nói về sự màu nhiệm của học vấn. Con người ta "hề ở bầu thì tròn, ở ống thì dài". Học vấn như cái "ống thiên lí xa soi nghìn dặm". Mọi người phải biết dòm vào cái ống thiên lí để nhìn ra bốn bể năm châu. Thầy Lê Hảo nói xong, chú Năm Mùi bước lên. Chú đưa ra những gương học tập đáng làm bà con suy nghĩ. Chú



mời ông Bốn Rì và bà Hiến lên bảng viết những chữ đã học. Bà Hiến viết chữ Hiến nguệch ngoạc. Ông Bốn Rì viết một chữ Rì như gà bới. Cả lớp ngồi nhìn, nổi cười, nổi ho loạn xạ. Chú Năm Mùi giới thiệu thầy giáo mới của lớp. Đó là anh Bảy Hoàn, là một người đã đi chu du khắp thiên hạ, đã từng sống ở lục tỉnh Sài Gòn, từng đọc một kho sách đông tây kim cổ, một người văn võ kiêm toàn, chỉ có Lục Vân Tiên mới bì kịp. Đã có một vị thầy như vậy, nếu không mở một lớp đặc biệt để cô bác học hành chữ nghĩa thì chẳng khác như đã nhìn thấy một cục vàng mà lại bỏ lỡ không thêm nhặt. Lớp còn có hai cán bộ giúp việc: đó là chú Cù Lao và chú Nguyễn Văn Cục. Chú Cù Lao từng vượt biển về làng, ra Đà Nẵng học đã "bảng vàng danh yết". Nguyễn Văn Cục có nhiều kinh nghiệm, từng dạy cho bà Hiến học giỏi. Hai cán bộ này sẽ giúp các thím các bác những chữ bị quên, kiêm việc quét dọn trụ sở. Nếu cô bác người nào có cây đèn bị mờ thì cứ giao cho họ khêu ngọn. Nói xong, chú Năm Mùi mời thầy Bảy bắt đầu dạy.

Anh Bảy Hoàn đứng phắt dậy, giở chiếc mũ phớt đang đội trên đầu, vứt mạnh xuống ghế, nói như sấm động. Anh Bảy cho biết là ở xứ lục tỉnh Dầu Dãy, tất cả già trẻ lớn bé đều học hết. Sau ngày cướp chính quyền, văn văn chỉ trong ba tháng mà tất cả đều biết đọc biết viết. Những ông già, bà già đều đồ đạt hết. Vì sao vậy? Vì ở xứ Dầu Dãy hễ nổi là làm. Dân xứ đó hiểu mình bị

nô lệ chỉ vì dốt! Nói đến đây, anh Bảy Hành thu năm nắm nện một nắm thẳng cánh vào cây cột làm mái nhà rung lên. Anh thét to:

- Quyết trừ loài giặc dốt!

Anh Bảy đứng chống nẹ quắc mắt nhìn quanh, gõ vào bảng đen trên vách, nói tiếp:

- Tôi chỉ dạy cho bà con hai chữ. Học xong hai chữ này thì mọi sự đều biết tuốt. Đây, tôi viết chữ t, tôi viết thêm chữ u, ghép lại thành chữ tu, thêm cái chấm dưới đít, thành chữ tụ. Đây tôi viết thêm một chữ nữa là chữ d, một chữ nữa là chữ o. Chữ d ghép với chữ o thành chữ do. Đó là hai chữ *tự do*.

Cả lớp cười to khoan khoái. Tất cả đều công nhận là chú Năm Mùi đã nói rất đúng: Chỉ có một người thông kim bác cổ văn võ toàn tài mới có thể có một cách giảng dạy hay đến thế và mới có thể nện một nắm nắm vào cây cột làm cả nhà rung lên như thế!

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao lên làm thầy dạy cho bà Hiến viết được chữ Hiến và ông Bốn Rị viết được chữ Rị giữa sự vui sướng của mọi người. Việc đó có làm cho tôi phồng to lỗ mũi. Chị Ba, anh Bốn dặn còn phải làm công tác quần chúng. Chúng tôi đã xông vào buồng của bà Hiến, dọn dẹp tất cả cho bà. Lại còn gánh nước, nấu cơm. Nhưng để xứng đáng danh hiệu làm thầy, chúng tôi còn phải làm xong một việc thứ ba, việc này anh Bốn cho

là rất quan trọng. Đó là phải biết nói chuyện thời sự, chuyện ở bốn bể năm châu để làm cho bà Hiến và ông Bốn Rì biết nhìn xa thấy rộng, không còn bị giam hãm mà đã trở thành những ống thiên lí xa soi nghìn dặm như trong câu thơ của thầy Lê Hảo. Đối với nhiệm vụ này, riêng tôi, tôi thấy rất khó thực hiện. Thỉnh thoảng tôi cũng có nghe những chuyện bàn tán của các chú cán bộ về chuyện thời sự nước ngoài. Tôi chỉ nghe được lồm bồm, không đầu không đuôi, nên tất cả hiện lên càng rắc rối hơn tơ vò. Còn việc đi xa để được thấy rộng thì tôi chỉ mới đi đến chỗ chợ. Nhưng cũng may có được thằng Cù Lao. Nó ở ngoài biển, nhìn xa có hơn vạn dặm. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại nó cũng thấy bí. Nó bảo nó đã bao lần ra khơi. Nhưng ở đó nó chẳng thấy chuyện thời sự mà chỉ thấy có nước với trời, hai cái này thôi thì mệnh mông vô tận. Nhưng chợt nó quay lại, nói nhỏ vào tai tôi:

- Thôi, Cục đừng lo! Tôi sẽ kể chuyện ở Đà Nẵng. Nghĩ lại Đà Nẵng cũng là chuyện ở xa. Đà Nẵng cách ta đến ba mươi cây số. Nếu chú Năm bảo Đà Nẵng chưa xa thì ở đó có những ông Tây, ông Tàu, ông Mĩ cũng là người ở bốn bể năm châu vừa đến ở Đà Nẵng.

Thằng Cù Lao nói nghe rất có lí. Chúng tôi chạy vụt đến nhà bà Hiến. Tôi giải thích cho bà Hiến nghe vì sao bà phải nghe những chuyện thời sự ở xa. Sau đó thằng Cù Lao bắt đầu kể:

- Tôi ra Đà Nẵng ở một ngôi nhà bốn tầng.Ồ

rộng lắm, to lắm. Tôi theo anh Sáu bước lên những bậc đá bằng cẩm thạch, đi dọc những hàng hiên cao, có không biết bao nhiêu cửa chớp! Anh Sáu dừng lại mở cửa. Một căn phòng vô cùng rộng rãi hiện ra. Tôi lóa mắt! Sàn bóng như gương, dưới sàn lại còn trải thảm. Giữa phòng là một chiếc giường to, bọc vải trắng toát. Một giường nhỏ hơn bọc toàn nhung xanh. Mỗi giường có hai chiếc gối bọc lụa thêu hoa. Một chiếc gối đầu, một chiếc gác chân. Dọc tường, nào rèm, nào tủ, nào gương to! Một anh Sáu bước vào phòng, gương chiếu bốn bên, thấy năm anh Sáu. Có đến chục phòng như vậy. Mỗi phòng chung diện mỗi cách: Bàn ghế giường tủ bóng lộn. Cốc chén toàn bằng thủy tinh. Mâm đĩa mạ vàng mạ bạc.

Tôi hỏi:

- Nhà chi mà sang trọng rứa?

- Đó là dinh lão sứ, còn gọi là tòa thị chính. Nay ta dùng tầng trên để ở, tầng dưới để làm trụ sở của Ủy ban Đà Nẵng.

Thằng Cù Lao kể tiếp:

- Một tên thống sứ không chỉ có một ngôi nhà ở Đà Nẵng, mà còn có nhà ở Bà Nà, gọi là biệt thự. Nó còn có biệt thự ở Bạch Mã, Đà Lạt. Mùa hè, lên đó ở để cho mát.

Ở lớp huấn luyện, một hôm anh Sáu nói: " Hòa Phước là làng tôi ở. Ở đó có một bà già tên là bà Hiến. Bà ở trong một cái lều, lều không có cột, chỉ làm bằng hai mái tranh ghép lại. Muốn vào

lều phải quỳ xuống bò bốn chân. Nếu ta xếp lại bên nhau cái lều của bà Hiến và ngôi nhà này của tên sứ thì sẽ thấy một sự thật mỉa mai. Dân ta có hàng triệu người như bà Hiến. Anh Sáu nói tiếp: "Lịch sử cho phép chúng ta ngày nay so sánh những việc như vậy. Người còn sống phải nhớ những việc đó. Cách mạng đã cho phép bà Hiến đến Đà Nẵng không bị bắt bớ. Chúng ta sẽ mời bà đến dinh lão sứ ở chơi vài hôm!"

Bà Hiến hỏi:

- Vậy chỗ đó là của ta rồi hả?

Bà Hiến phải công nhận là những chuyện thời sự của thằng Cù Lao kể đã làm cho cái "ống thiên lí của bà đã xa soi đến sứ Đà Nẵng."

Tôi nhấn mạnh thêm:

- Nhà lão sứ là của mình rồi! Thằng Cù Lao được vào ở, sướng chưa?

Thằng Cù Lao lắc đầu:

- Không sướng đâu! Tôi leo lên giường. Cái giường cứ nhún nhảy như bị sóng đánh. Tôi nằm im không dám lăn qua lăn lại. Ngủ trên bãi cát sướng hơn. Cứ lăn tròn đến đâu cũng được. Cái nệm nghe như lửa đốt. Cái giường tre của mình thế mà mát. Anh Sáu còn bảo tôi phải rúc vào một cái buồng trắng toát. Anh vắn cái bông sen, nước tưới lòa xòa. Anh bảo tôi phải tắm. Tắm vậy rất khó chịu! Tắm xong phải mặc bộ đồ mới. Áo phải bỏ vào quần, phải gài hết nút. Nhìn vào gương, mình thấy như một thằng nào lạ hoắc!

Tôi hỏi:

- Diện sang rửa, thế Cù Lao làm chức tước gì?

- Ban đêm, làm anh học trò. Ban ngày, làm tổ viên tổ tiếp liệu, trực thuộc Phòng quản trị. Phòng quản trị đặt dưới chỉ huy của văn phòng. Tôi làm nhiều việc rất quan trọng. Ở đó khách khứa suốt ngày. Tiếp cả khách bên Tàu, bên Tây, bên Mĩ nữa. Một lần gặp Mĩ, hai thằng Mĩ quan tư. Chúng đến Đà Nẵng nói đi tìm xác Mĩ bị Nhật giết trên Tây Nguyên. Chúng đến bằng máy bay, nhờ chính quyền Đà Nẵng giúp đỡ, được ở ngay tại tòa thị chính.

Tôi hỏi:

- Thế Cù Lao có được ngồi ăn không?

- Làm chi! Tôi làm phụ hầu bàn. Một thằng vừa ăn vừa gật gật nói tiếng Mĩ. Anh phiên dịch cho biết là nó khen món ăn Việt Nam rất ngon. Chúng cũng rất mê phong cảnh Việt Nam. Màu xanh Việt Nam đẹp nhất địa cầu, không đâu sánh kịp. Họ có chương trình đến thăm núi Trà Sơn, thăm Vũng Thùng, thăm mỏ vàng ở Bồng Miêu, mỏ than ở Nông Sơn, mỏ kẽm ở Đức Bố, thăm kho chứa xăng ở Liên Chiểu. Ta tiếp đãi họ cực kì trọng thể! Mỗi bữa ăn được bày ra đây bàn, đủ hết món ngon vật lạ. Chỉ về rượu để nhấm nháp, cũng đã có bốn thứ rượu, bữa ăn có lúc kéo dài đến hai giờ liền...

Tôi kêu lên:

- Ăn nhiều quá!

- Vừa ăn vừa trò chuyện!

Thằng Cù Lao gật gật:

- Nhưng không phải ăn ít!

Thằng Cù Lao cho biết hôm đó, sau bữa ăn, anh Sáu trò chuyện với bạn bè cho biết ở thôn anh có một bà gọi là bà Hiến. Bà đó, với một nải chuối, bà sống được mười hôm - Nạn đói vừa qua đã làm dân ta chết hơn ba triệu - Số đói kinh niên có đến năm bảy triệu người...

Tôi hỏi bà Hiến:

- Bà có bị đói không bà?

Bà Hiến thút thút.

Tôi nói như quát:

- Thút thút cái chi? Bà sẽ được mời ra tòa thị chính được các anh đãi tiệc, được nằm giường lò xo... Nhớ là trước khi đi Đà Nẵng phải tô son, phải đánh phấn, phải xức dầu thơm! Chớ có lòi thối, người ta không cho bà vào đó!

*

* *

Đối với ông Bốn Rị, thằng Cù Lao cũng nói cho ông biết những chuyện thời sự như đã nói với bà Hiến. Ông Bốn Rị tỏ ra rất thờ ơ. Sau đó nó kể cho ông Bốn Rị nghe chuyện lính Tưởng Giới Thạch đến Đà Nẵng, từ đó chuyển sang chuyện nó học việc băm thịt, chặt xương. Nay nó băm thịt được cả hai tay, là nhờ nó được học tập cách băm thịt ở Đà Nẵng.

Tôi lấy làm lạ, hỏi cất ngang:

- Sao lạ vậy? Cù Lao ra Đà Nẵng được ở nhà bốn tâng, được đề bạt làm tiếp tế, sao lại bị giáng chức xuống làm việc băm thịt, chặt xương?

- Là vì sau này, anh Sáu ban ngày làm việc ở tòa thị chính nhưng ban đêm phải đi ngủ nơi khác. Quân Tây và quân của Tướng Giới Thạch đến đóng ở Đà Nẵng. Tòa thị chính ở sát ngoài biển, nhờ bị đánh úp, ta không lối thoát. Ta phải đề phòng...

Ông Bốn Rị hỏi:

- Ta thắng rồi mà! Sao đánh ta được?

- Đó là những lính của Tướng Giới Thạch theo lệnh đồng minh kéo sang ta, lấy cớ là để giải giáp quân Nhật. Ở Đà Nẵng chúng chiếm các đồn trại, cầm đại đao đứng chắn các ngã đường. Buổi tối, tôi và anh Sáu về ngủ ở nhà ông bà Đán, chỗ này kín đáo hơn. Hằng ngày ông Đán gánh một gánh bún bò ra chợ để bán. Bà Đán cũng làm như ông. Nhưng một hôm hai ông bà đã to tiếng. Bà Đán nói khùng đã cho ông Đán một đá.

Ông Bốn sùng sốt:

- Đàn bà sao dám nện đàn ông một đá?

- Cũng tại lính của Tướng Giới Thạch đó!

Thằng Cù Lao kể cho ông Bốn Rị biết lính của Tướng Giới Thạch đưa nào cũng vàng vọt, bụng beo, đưa nào cũng là tướng quýt, chúng đã làm cho tất cả những gánh bún, gánh mì ở chợ đều phải hoảng sợ, khi thấy chúng đằng xa là phải chạy tránh!

- Một hôm ông Đán vì chậm chạp nên chúng đã sà đến. Chúng đưa một xấp bạc ra hiệu cho ông Đán phải bán bún. Ông Đán móc ra năm bát cho năm thằng. Loáng một cái năm bát đã hết



sạch. Phải mức thêm năm bát nữa! Lại còn phải mức thêm. mức thêm! Ăn xong chúng đứng dậy bỏ đi. Ông Đán đòi tiền, chúng rút dao vung loang loáng. Nhưng một đứa chợt trợn trừng cặp mắt lão đảo, ngã lăn quay. Đồng bào chung quanh nổi kêu tán loạn:

- Có án mạng! Có án mạng!

Ông Đán hoảng quá, quảy gánh bỏ chạy - Khi chạy ông bị ngã nhào, bát đĩa bị vỡ gần hết. Việc đó làm cho bà Đán cứ nhân nhân nhớ nhớ. Ông bà cãi lộn. Bà biết thế võ, đã cho ông một đá, ông ngã tênh hênh. Sau đó, khi đi bán bún, ông Đán có nhờ tôi đi gác. Tôi đứng gác ở đầu chợ, khi thấy lính của Tướng Giới Thạch từ xa, tôi đã chạy báo cho ông biết trước... Sau đó khi rảnh rồi tôi còn giúp ông làm bún xáo. Ông dạy tôi cách chặt xương, cách băm thịt. Nay tôi băm thịt được cả hai tay là nhờ những buổi băm thịt ở nhà ông Đán.

Ông Bốn Rị nghe chăm chú những chuyện thời sự về lính của Tướng Giới Thạch, về chuyện băm thịt. Ông Bốn Rị cũng nhất trí là thằng Cù Lao giúp ông chặt xương chó và băm thịt chó rất giỏi!

Suốt năm 1946 là mùa xuân. Mùa xuân như kéo dài đến tháng Mười. Mùa mía đường đã qua, tôi chưa thấy mía nào ngọt bằng mía năm đó. Đến mùa tơ tằm, tôi chưa thấy sợi tơ nào mượt mà bằng sợi tơ năm đó. Ngô nướng có một vị ngọt khác thường. Dọc đường đầy tiếng chim. Tiếng bò chao vang lừng. Tiếng bò cật ầm ập. Và thật kì diệu! Núi non bỗng sáng lên rồi rọi. Cỏ cây dọc đường rung lên, reo vui, trò chuyện. Lúc tôi còn náu áo mẹ theo vào chợ chiều, con đường làng xa xôi như dài đến xứ... Tây Trúc. Con đường ngắn dần, cho đến năm 1946 nó bỗng dài ra thênh thang vô tận. Tôi đi dọc đường gặp toàn những nụ cười thân mến. Chuyện ném đất đá vào đầu ông Bốn Rì hóa xa xôi thành chuyện thời trước. Trong làng, những đứa láo xược nhất không còn gọi tôi bằng thằng, "thằng Cục chân trâu, bị một cục u trên trán". Ông thợ mộc ngoài vạn không còn hỏi tôi có giấu chơi chiếc đục. Ông còn mời tôi uống bát nước chè. Tôi và thằng Cù Lao được cả ông Tư Trai mời nếm món mắm ngon của Đà Nẵng.

- Này Cục, này Cù Lao! Ngồi lại đây ăn thử cho biết. Đây là thứ mắm dānh. Ông Biện Thành ở Đà Nẵng gởi biểu tao đó!

Tôi bỏ thói vật lộn, chọc chó và đi rông. Tôi làm gì cũng có ý có tứ. Trước kia khi ra sông tắm, tôi cởi phăng hết quần áo, rồi thết tướng:

- Hãy theo ta!

Tôi nhảy tòm xuống sông. Bọn chẵn trâu nhảy tòm theo. Chúng tôi chơi trò chìm nước. Đứa này cố chìm đứa kia xuống nước. Chơi rất ác! Đề nhau đến ngạt thở, phải lạy mới chịu tha. Sau này, chúng tôi không tắm vậy nữa. Tôi và thằng Cù Lao mặc cả quần khi xuống tắm. Nếu phải cởi quần, hai đứa phải chạy ra xa, đi khom khom rồi đột ngột phóng xuống nước. Tôi phải cúi sấp về phía trước, đưa lưng cho thằng Cù Lao kì cọ. Tôi bắt nó kì nách, kì hông cho đến hết mùi khét của trâu mới thôi. Tôi bắt thằng Cù Lao đưa lưng cho tôi kì. Tôi vừa kì vừa ngửi, kì cho đến lúc da nó đỏ lên mới thôi. Thằng Cù Lao bắt chúc người lớn uống nước chè đặc. Nó uống cạn bát, chép miệng gật gù:

- Chà! Ngon quá!

Tôi bắt chúc người lớn ăn cay, nói lớn, nhỏ thật xa, vô vai tụi nhỏ, sai chúng làm việc này việc nọ. Tôi nói với mẹ nên bán quách con trâu Bình. Nghề chẵn trâu chẳng nên danh nên giá gì. Tất cả bọn chẵn trâu dù siêng năng đến mấy cũng bị gọi bằng thằng, bằng bọn, bằng tụi, bằng lũ. Có đứa chẵn trâu nào được gọi là thầy chẵn trâu đâu!

Đất trời năm 1946 trong veo cho đến tháng Chín. Núi Trường Định, hòn Cà Tang vẫn xanh. Đến thu, vài hạt mưa bay. Đến tháng Mười có gió heo may, có mây mù. Mưa lại đổ. Con sông Thu Bồn lại phình ra, đổi màu xanh ra màu vàng. Nhưng chỉ hơn một tháng sau nước lại xanh leo lẻo. Vạn Hòa Phước trong veo, thấy được từng hòn sỏi dưới đáy nước. Thuyền qua lại đông hơn. Đến giữa mùa đông, một thuyền mảnh hai buồm cập bến Hòa Phước. Một cán bộ bước xuống bến, đi thẳng vào làng, trao cho anh Bốn Linh bức thư của anh Sáu ở Đà Nẵng gửi về. Thư viết:

Chú Bốn.

Đà Nẵng phải chuẩn bị mọi việc sẵn sàng. Bên tư pháp đưa về giải tạm ở Hòa Phước bốn chiếc rương. Nhờ chú sắp xếp để cất giấu cho chu đáo. Chú có thể tạm cất bốn chiếc rương trong miếu Bà Tằm rồi khóa cửa miếu lại.

Kí: Nguyễn Văn Sáu.

Tái bút: "Ngoài này có bác sĩ Thụ muốn đưa bà vợ và cô con gái là Tuyết Hạnh về Hòa Phước ở tạm một thời gian. Họ đi trước như vậy để được yên ổn. Nhân tiện nhờ chú tìm nhà và sắp xếp chỗ ở cho họ. Bà Thụ gốc người làng mình, như chú đã biết".

Người đưa thư cho biết bốn chiếc rương đã cập bến. Anh Bốn Linh phải cho ngay người đưa rương vào làng cất giữ. Anh Bốn theo người đưa thư ra bến. Bốn chiếc rương lớn bằng kẽm chiếm trọn một khoang thuyền. Rương nào cũng khóa



kĩ. Anh Bốn gọi chú Năm Mùi đi hạ tre làm một đôi quang mới, gọi ông Kiêm Lài và đội tự vệ đưa bốn chiếc rương lên bờ. Bốn rương kẽm sắp thành một dãy sáng nhoáng. Trên mỗi rương đều có ghi bốn chữ T.A Quân sự. Nét chữ gân guốc. Tuy không nói nhưng tất cả đều nghĩ đó là những rương vũ khí. Tôi và thằng Cù Lao đoán T.A Quân sự là loại vũ khí vô cùng lợi hại. Từ cổ chí kim, Hòa Phước chưa tiếp những "vị khách" lạ như vậy! Bốn chiếc rương kẽm từ bến sông tiến vào làng uy nghi như bốn cỗ pháo tiến vào trận địa!

*

* *

Thằng Cù Lao rất toại nguyện được chú Năm Mùi phân công giữ kho vũ khí T.A Quân sự. Giữ vũ khí cũng là công tác quân sự. Cha nó vào công tác trong quân giới, là công tác quân sự, nay nó cũng được làm công tác quân sự. Thằng Cù Lao lúc ở Đà Nẵng từng thấy đoàn quân Nam tiến rầm rập bước vào sân ga, giữa muôn nghìn tiếng hô như sấm động...

Mỗi lúc chiều xuống, trước khi đến lớp bình dân, tôi và thằng Cù Lao đi tuần tra một vòng vào miếu. Sau khi những ngọn đèn từ các lớp học tỏa ra, chúng tôi lại tuần tra một vòng vào miếu. Thằng Cù Lao nắm tay tôi bước lò dò như chui vào hang sâu thăm thẳm. Ngôi miếu nằm giữa những cây đa to, bóng tối đen đặc. Chợt thằng Cù Lao nói khẽ: "Đến rồi". Nó đẩy cửa miếu kéo tôi

bước qua ngạch cửa. Tôi khụt khịt muốn ho. Thằng Cù Lao bóp bóp tay tôi, bảo phải im. Tiếng gió huýt dài. Cả chòm sung xào xạc. Trên nóc miếu như có tiếng chân đi. Chợt một loạt tiếng "tắc, kè" khô khốc, nổ sát bên tai. Tôi giật bán người. Thằng Cù Lao thì thầm bảo tôi phải bám tay. Nó đã bày cho tôi cách chống sợ, phải bám ngón tay cái vào đầu ngón tay trỏ. Thằng Cù Lao đập nhẹ chiếc rương. Roặc! Tắc kè bỏ chạy.

Ban ngày, thỉnh thoảng thằng Cù Lao cũng đi tuần tra chỗ cây sung.

Thằng Cù Lao gạ:

- Này Cục! Tôi là một, Cục là hai, chỉ hai đứa mình biết. Chúng mình trèo lên chỗ cái hốc trên cây sung, ngồi trong đó thấy được bãi dâu, thấy hết. Kè gian đằng xa, mình thấy được.

Tôi hứa theo:

- Ngồi trên đó! Rất tuyệt! Cứ để bọn Việt gian vào miếu, bắt giặc ta nổi la làng. Cả làng ập đến trối gô chúng lại. Lập thành tích vậy, cấp trên sẽ thưởng mỗi đứa cái súng lục!

Nhưng khi nhìn lại thấy cây sung trơn tuột, tôi hỏi:

- Sao leo lên được?

- Khó gì! Ngoài đảo chỉ có vách đá. Vách đá dựng đứng trên biển. Có chỗ nào dựng thang được đâu? Bọn chim yến làm tổ trên đó. Người gỡ tổ yến bơi thuyền đến chỗ vách đá. Yến làm tổ trong các hốc, họ đứng dưới thuyền cầm một dây dài, đầu dây cõ buộc cây cọc. Họ vút sợi dây lên vách.

Cọc bị mắc vào hốc hoặc vào cây. Họ đu dây, trèo
gỡ tổ yến. Ta cũng làm vậy.

Tôi và thằng Cù Lao chạy tìm dây. Nhà tôi có
nhiều loại dây, nhưng dây nào cũng đang cột. Nếu
gỡ những dây giàn bếp, tất cả những nồi niêu bát
đĩa sẽ đổ ào xuống. Con trâu Bỉnh có cái dây mũi.
Nhưng mất dây mũi nó sẽ bỏ chạy. Dây cột gàu
múc nước là loại mỏng manh. Ông Bảy Hóa có
một dây lưng làm bằng cả một khổ thao rất dài.
Ông quấn đến hai vòng quanh lưng, buộc hai mối
thả xuống thành một chùm xòe đến gối. Mượn
được cái dây đó thì tuyệt vời. Tôi cứ nhìn nhưng
không dám hỏi mượn.

Tôi bàn nên tháo cái dây treo cần xay lúa.
Thằng Cù Lao chưa tháo xong thì chị Ba hiện ra
trước cửa. Chị Ba bắt phải cột lại cần xay. Chị xúc
lúa đổ vào cối bắt tôi và thằng Cù Lao phải xay.
Sau đó, anh Bốn Linh cũng biết việc tôi đi tìm
dây. Ông Bảy Hóa bảo tôi và thằng Cù Lao cả gan
cứ nhìn vào lỗ rốn của ông. Thằng Cù Lao thú
thật nó muốn trèo lên cây sung tìm cái hốc. Nó sẽ
đặt trạm gác trên đó. Anh Bốn không cho phép
trèo cây, như vậy rất nguy hiểm. Theo anh Bốn
Linh cho biết thì ra những rương T.A Quân sự chỉ
chứa toàn sách và giấy. Đó là những hồ sơ ở sở
mật thám Pháp ta bắt được, cả những hồ sơ của
tòa án quân sự của ta. Chữ "T.A Quân sự" có
nghĩa là Tòa án Quân sự.

*

* *

Anh Bốn Linh được thư anh Sáu nhờ tìm nhà cho bà đốc Thụ và cô Tuyết Hạnh về ở. Lại một đợt khách thứ hai sau bốn chiếc rương T.A Quân sự. Anh Bốn Linh cân đi nhắc lại, cuối cùng anh chọn nhà tôi. Nhà tôi bằng tranh nhưng xây về hướng đông, có nhiều cửa sổ. Gió và ánh sáng là những thứ bác sĩ rất cần. Một bà đốc vợ một ông đốc tờ về ở nhà quê, không phải chuyện vừa! Cả nhà trên sẽ dành cho bà đốc Thụ và cô gái. Chị Ba xuống ngủ nhà dưới. Tôi sang nhà anh Bốn Linh ngủ với thằng Cù Lao. Tôi và thằng Cù Lao được xếp vào loại chân chạy, bà đốc có nhờ gì, chúng tôi sẽ chạy. Trước đây một vài người ở làng mắc bệnh lễ bái không lành đã ra Đà Nẵng nhờ bà đốc nói với ông đốc một tiếng, ông cho cái toa mua vài thứ thuốc. Khi về lại làng, họ đều trầm trồ: Bà đốc và cô con gái sướng chi sướng lạ! Đời trước, ông bà có dày công tu nhân tích đức con cháu mới được cái sướng như vậy! Mọi việc bà đốc chẳng thềm động đến móng tay. Bước đi một bước đã có thằng xe. Đi chợ đã có con hầu xách rổ. Ngồi ăn có đứa đứng quạt. Mẹ đeo kiềng vàng, vòng vàng, mặc toàn gấm vóc. Cô gái mặc toàn tơ lụa, uốn tóc quăn. Cầm, kì, thi, họa đều giỏi.

Mẹ tôi nghe bà đốc Thụ và cô Tuyết Hạnh sắp về, chép miệng:

- Nghĩ mà thương bà đốc và cô Tuyết Hạnh! Giặc đuổi, lại một phen gặp cái gian nan!

Tôi thường đi xem hát tuồng ở chợ Quảng Huế, tưởng tượng ra có một bà phi và nàng công



chúa bị giặc đuổi chạy. Bà đốc và chị Tuyết Hạnh rục rở găm vóc lựa là, một thị tì đẩy chiếc xe loan. Sau xe loan có vài ba thị tì khác theo hầu. Một cô cầm quạt, quạt khe khẽ bà phi. Một cô mang tráp trà, một cô cầm chiếc đèn lồng. Chốc chốc bà phi than thân trách phận. Cô hầu kể lẽ là người ta ở đời có lúc thịnh lúc suy. Bà phi chớ quá buồn phiền, mà hại đến vóc ngọc! Nhất định có ngày bọn gian nịnh sẽ bị bêu đầu. Chợt chiếc xe loan đó dừng lại ở đầu làng Hòa Phước. Cả đoàn người tiến vào nhà tôi. Các cô thị tì phải đỡ bà đốc bước xuống, chạy lấy nước cho bà rửa chân. Tiếng sai bảo của bà đốc ồm ồm dài ra:

- Con hầu đâu? Têm cho bà miếng trà!

Tức thì tiếng trả lời cũng ồm ồm hơn nữa:

- Thưa bà, có con đây ạ!...

Có những khách như vậy, nghĩ cũng rất quý.

Bỗng có tiếng chị Ba giục:

- Cục và Cù Lao rút hết những áo quần móc trên kia, đem ra sông giặt hết cho chị.

Chị Ba giảng giải:

- Những bác sĩ ăn ở rất sạch. Sờ đến cái gì là phải rửa tay. Không rửa bằng nước mà rửa bằng cồn. Mình ăn ở dơ dáy, họ không chịu được. Họ bỏ đi nơi khác, thanh danh nhà mình mất hết. Được bác sĩ về ở nhà mình, thiên hạ ngó vô cũng sướng.

Chị Ba nói xong, bước lên giường rút hết chiếu chân quần áo trên sào. Tôi và thằng Cù Lao vác tất cả đặt lên lưng trâu Bỉnh, bắt nó thồ ra sông.

Chúng tôi hết đập lại vò, lại ngủ. Chưa có một cuộc tổng vệ sinh nào lại kĩ như vậy!

*

* *

Ở bãi dâu về, tôi đi thẳng vào nhà bà Hiến để dạy học. Có tiếng chị Ba loáng thoáng ngoài ngõ nói bà đốc đã đến. Tôi chạy về nhà. Nhà vắng. Trước sân chỉ có hai người đàn bà mặc áo bà ba đen, xoàng xĩnh như các bà bán mắm. Họ đang nói chuyện với mẹ. Tôi hỏi:

- Bà đốc Thụ và chị con gái dâu mẹ?

Mẹ tôi không trả lời, mỉm cười nói với hai người kia:

- Nó là thằng thứ bốn của tôi đó. Đi làm việc dân việc nước suốt ngày. Hai chân lia lịa như cóc bỏ đĩa. Thấy đó mất đó...

Mẹ quay sang tôi:

- Bà đốc đó, cô Tuyết Hạnh đó. Không biết hả?

Tôi tung hứng! Vì rõ ràng hai người này không có gì giống với những bà phi trong rạp hát tuồng. Họ chẳng găm vóc, chẳng có vòng vàng. Một người là một bà đứng tuổi, có cặp mắt thâm quầng. Cô con gái khoảng mười sáu, mười bảy tuổi, gầy nhom, xanh xao như người bị đói. Áo quần của họ bạc màu trông càng tiêu tụy. Bà đốc hỏi về tôi. Tôi được bao nhiêu tuổi mà đã "dài đương" được việc nước việc non tối ngày? Bà ca ngợi bọn trẻ con ở nhà quê, chỉ tí xúu mà cái gì cũng giỏi, học cũng giỏi, làm cũng giỏi, công tác cũng giỏi. Đã như vậy lại còn biết kính trên



nhường dưới, biết chịu thương chịu khó giúp đỡ mọi người. Con nít nhà quê không như con nít thành phố, lười biếng, vô lễ, mê chơi, đêm nào cũng đi xem xi-nê-ma, thích ăn diện. Bọn con nít ở phố, ở Hàn, "không bằng cái móng tay" của bọn con nít nhà quê.

Bà đốc nhìn thẳng vào tôi như muốn tìm trong mắt tôi có một hạt bụi nào không, bà nói chậm rãi:

- Tôi mà có được một đứa con như nó, thì sướng biết mấy!

Mẹ nói:

- Ở đây nhất quỷ, nhì ma, thứ ba là bọn chân trâu đó! Chúng thách nhau vật lộn. Vài bữa lại bị một cục u trên đầu. Lại còn bơi tuốt qua bên sông, tôi sợ quá!

Chị Tuyết Hạnh nhìn tôi, mắt mở rộng:

- Bơi được qua sông, giỏi quá hè!

Mẹ tôi nói tiếp:

- Vừa rồi được cử đi dạy bình dân học vụ, dạy bà Hiến và ông Bốn Rì.

Chị Tuyết Hạnh đây vẽ thán phục:

- Nhỏ vậy mà đã chiến sĩ bình dân học vụ rồi!

Bà đốc giơ hai bàn tay trắng bệch với những ngón tay nhỏ như muốt đũa than thở:

- Tôi chân yếu tay mềm, chẳng làm ra được lúa gạo! Chỉ biết ăn nhờ! Vậy chú phải nhin phần cơm cho cô, nghe!

Tôi lúng búng chẳng biết nói câu gì! Chị Ba ở trong nhà bước ra mách:

- Trả lời đi. Trả lời như thế này: chỉ thêm vài đôi đũa, tốn kém chi đâu? Chỉ sợ ngô khoai với tương mắm, cô ăn không được.

Chị Ba mới làm cán bộ mấy tháng mà việc đối đáp giỏi quá.

*

* *

Bà đốc Thu và chị Tuyết Hạnh suốt ngày cặm cuội may vá. Chị Tuyết Hạnh lấy ra một cái hộp tróc sơn đựng nhiều đồ óng ánh rất sang trọng: Thìa, nĩa, con dao sáng quắc, cái kéo tí xiu, cái pin, con dao díp có đến bốn lưỡi, cái ống sáp tô môi. Chị nói khi tô môi phải ăn diện. Về Hòa Phước sống với nông dân, phải hòa mình, giấu hết áo quần lòe loẹt. Hôm nay chị giống như ma đói. Hôm nào chị diện vào, tôi và thằng Cù Lao sẽ thấy chị đẹp mất hồn! Chị soạn một chiếc túi chứa toàn lọ, đựng đủ các thứ thuốc. Chị cho biết các thứ thuốc đó chữa đủ các bệnh. Cơ thể người ta có bộ phận gì thì chị sẵn sàng có thứ thuốc chữa các bộ phận đó. May vá xong, chị Tuyết Hạnh làm mọi việc khác. Chị làm việc không ngớt, quét tước, giặt giũ, xách nước, nấu cơm, làm lia lịa còn nhanh nhẹn hơn chị Ba. Chị lên chợ mua đàn dây dừa, cây đèn dầu, hành, tiêu, gạo, mắm. Mua cả chiếu, tự tay xách về. Chị nấu cơm ghế thêm khoai của mẹ tôi vừa biếu, ăn với cá và mắm. Mâm cơm chẳng có món bồ câu hầm, món chè đậu xanh như người ta đồn. Chị Tuyết Hạnh ăn một cách ngon lành, ăn một lèo hết ba bát. Bà đốc

Thụ thú thật về Hòa Phước tự nhiên ăn như cạp dúi. Hòa Phước có nhiều chất ô-xi như ông đốc cho biết. Bà đến mua thịt chó ở ông Bốn Rì đem về xào nấu trước mặt mọi người. Mẹ tôi không hiểu vì sao một bà phong lưu như bà đốc lại ăn thịt chó. Bà đốc còn cho thịt chó chứa nhiều chất đạm, ăn tốt chẳng có gì ô uế cả. Một bà đốc vợ ông đốc tờ nói thì ai cũng tin. Những người bị nôn oẹ vì mùi thịt chó không bị nôn oẹ nữa. Chị Ba thấy ăn thịt chó là việc bình thường. Ông Bốn Rì càng mất mùi hôi, ngồi gần ông được.

Mẹ tôi bảo không mấy khi cô Tuyết Hạnh về chơi, chớ để cô làm nhiều việc, nhưng cô Tuyết Hạnh lại rất thú vị khi được xay lúa, giã gạo, như được múa hát vậy. Chị Tuyết Hạnh lấy đôi vò lớn, gánh một lều bốn gánh nước đổ đầy vại. Mẹ tôi sợ chị bị ngất. Chị bảo chị nghe khỏe ra, ngủ thẳng giấc. Tôi đi đâu chị cũng xin đi theo để "học" cho biết. Chị theo sang nhà bà Hiến dạy bà học. Bà Hiến rất thích, vì chị Tuyết Hạnh ăn nói dễ nghe. Thỉnh thoảng chị còn hát khe khẽ cho bà nghe. Tôi mách với chị là thằng Cù Lao có "miếng trời" rất lợi hại. Có được miếng võ đó trong tay thì ai khỏe mấy cũng bị đánh bẹp. Chị xin tình nguyện làm người học trò nhỏ để được học "miếng trời". Chị Tuyết Hạnh rút ra một gói nhỏ có hình vẽ một người đàn bà cổ đeo dây cườm, miệng cười túm tùm. Chị cầm gói đưa cho tôi và thằng Cù Lao ngửi. Đó là miếng xà phòng thơm, chị lấy ra để tặng hai đồng chí nông dân Cù

Lao và Cục. Tôi và thằng Cù Lao ra sông tắm thật sạch, sau đó mới "xức" xà phòng thơm. Bọn chân trâu trong làng cũng được tôi cho xức xà phòng thơm, sau khi tắm rửa sạch sẽ.

Chị Tuyết Hạnh về được vài mươi hôm đã được cử làm chiến sĩ diệt dốt, chị dạy bà Hiến, dạy ông Bốn Rì khi tôi và thằng Cù Lao bận việc khác. Chị được cử làm trợ giảng cho lớp đặc biệt. Mặt trận diệt dốt lại thêm một chiến sĩ học giỏi, không kém tiến sĩ cử nhân ngày trước.

Chị Tuyết Hạnh về Hòa Phước mang theo một kho hiểu biết. Chị giỏi lịch sử, địa lí, giỏi tiếng Tây, biết cả đàn hát. Chị kể thao thao bất tuyệt những chuyện phim, những phim đó ai thủ vai nào chị đều nhớ được. Chị thuộc như cháo tên những đào kép như Cơ-lác Gấp, đào Gác-bô. Dưới trần đời này, Cơ-lác Gấp, Gác-bô là sự tuyệt diệu của tuyệt diệu! Chị có nhiều chuyện mê li, kì quặc, chuyện một con bọ dừa vàng có ba chấm đen trên lưng. Một tướng cướp bắt được một con bọ dừa như vậy, bỗng hóa sáng suốt. Nhờ con bọ dừa đó, tướng cướp đó tìm ra được một kho châu báu chứa đến ba nghìn lạng vàng, một nghìn hạt kim cương và năm nghìn ngọc bích... Nếu không có con gà trống của bà Hiến nhắc đêm đã khuya, thì tôi và thằng Cù Lao đã thức đến sáng để nghe những câu chuyện giật gân của chị. Những chuyện kể của chị Tuyết Hạnh làm chúng tôi có hôm dậy trễ.



5

Tôi mở bừng mắt, thấy trời đã sáng trắng. Sau mùa mưa lụt, trời ban mai càng cao, càng xanh như có ai vừa chùi quét. Con sông Thu Bồn rì rào khe khẽ. Dưới nhà, chị Ba đang xay thóc. Chị Tuyết Hạnh học giần sàng. Con trâu Bình khua sừng lách cách. Con mèo mướp kêu meo meo; bọn gà mẹ tục tục gọi con. Chợt mẹ tôi gọi chị Ba:

- Để im nghe thử!

Có tiếng nổ! Tiếng nổ từng loạt vang từ xa, nghe mờ mờ nhưng rất vang dội.

Mẹ tôi ngheñh tai:

- Tiếng súng, chúng mày ơi!

Tôi nói:

- Họ đốt pháo đó!

Tôi nói vừa dứt thì một tiếng nổ vang rền. Chó trong xóm nổi sủa. Đàn chim sẻ trên cây mít tung bay!

- Tiếng chi to quá! - Mẹ tôi nói, vẻ lo lắng - Nổ phía Đà Nẵng! Tiểu đoàn 17 của cha mày ở phía đó!

Mẹ giục tôi và thằng Cù Lao chạy sang nhà anh Bốn Linh hỏi tin tức. Anh Bốn Linh không có nhà. Chị Bốn cho biết anh đã đi đâu, có lẽ đi họp tự vệ ở chòm đa Lí. Tôi và thằng Cù Lao chạy vào chòm đa Lí. Đội tự vệ đang họp ở đó, có ông Bảy Hóa đứng gác. Thấy tôi, ông xua tay quát:

- Dừng lại!

Tôi gọi:

- Chúng tôi đây ông Bảy!

- Không được vào!

Ông Bảy tay cầm kiếm bước từng bước oai nghiêm ra hiệu chúng tôi đi nơi khác.

Tôi hỏi:

- Có anh Bốn Linh ở đây chứ ông Bảy?

- Không biết!

- Ông Bảy nghe nổ không?

- Không nghe.

Tôi nói to:

- Lỗ tai ông điếc rồi! Nổ dữ lắm. Đó... nghe chưa?

Cặp mắt ông Bảy đảo lia lịa, báo hiệu cơn sắp nổ:

- Mày dám nói vậy hả? Tao điếc hả? Bọn Pháp ở Đà Nẵng đang đánh ta, thằng ngu mới không biết. Có thứ pháo nào lại kinh thiên động địa rứa hả?

Tôi và thằng Cù Lao chạy về nhà. Bà đốc Thụ và chị Tuyết Hạnh đứng trước cửa. Tôi nói ngay:

- Ta và Pháp đánh nhau ở Đà Nẵng rồi!

Bà đốc Thụ giật thót. Mặt mày của bà hóa nhợt



nhật, chân mày của bà nhúu lại, mũi đầy nếp nhăn. Bà quay sang chị Tuyết Hạnh rít lên:

- Đáng đời chưa! Đáng đời thằng cha mày chưa! Tao đã bảo thằng cha mày một cũng phải đi, hai cũng phải đi. Cứ trù trừ. Rủi tên bay đạn lạc...

Rít xong, bà thụp ngồi xuống, nước mắt tràn ra. Tội hiểu bà đốc đang trách ông đốc không chịu đi tản cư trước.

Chị Tuyết Hạnh quàng tay vào vai bà an ủi:

- Không hề chi đâu! Pháp không bắt bác sĩ đâu! Nội chiều nay, ba con sẽ có đây cho mà coi.

Chị Tuyết Hạnh đoán đúng. Chiều hôm đó, ông đốc Thụ đã hiện ra trước nhà tôi. Khác với bà đốc, ông đốc tròn như một hạt mít, đỏ như quả bồ quân. Mặt mày ông đốc đang bốc lửa, mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Ông dựng chiếc xe đạp chạt đầy bao bị, rút khăn lau phát lia lịa.

Bà đốc tiếp ông đốc bằng một tiếng rít mừng rỡ. Hàng xóm nghe có ông đốc Thụ ở Đà Nẵng về kéo đến hỏi thăm không biết cái gì nổ dữ quá? Ông đốc giương to mắt, thà một tiếng "á". Rồi vừa thở, vừa khịt, lúc khoát tay, lúc nhún vai, ông đốc kêu lên: Dữ quá! Kinh khủng quá! Ta đánh! Ồi! Ta chiếm nhà máy điện. Dọc đường quốc lộ, cây hạ ngổn ngang. Ồi! Mìn nổ! Á! Cầu Cẩm Lệ rơi tòm xuống sông! Đạn bay vèo vèo! Tôi suýt bỏ mạng! Tôi bỏ ô tô, đi xe đạp loanh quanh leo queo! Á! Đùng đoàng! Dữ lắm!ôi!

Những tràng liên thanh của ông đốc đang nổ

thì bà đốc kêu lên hoảng hốt:

- Ấy chết! Đã ăn chi chưa?

Bà đốc chạy vụt xuống nhà bếp. Chị Tuyết Hạnh chạy theo. Bà đốc vẫy gọi chị Ba và thằng Cù Lao chạy xuống. Tiếng gà đập cánh. Lửa bếp bập bùng. Chị trông chốc lát con gà mái tơ của chị Ba đã nằm trong đĩa, sạch lông, vàng óng, thơm ngát, sẵn sàng mừng ông đốc thoát vòng lửa đạn.

*

* *

Vạn Hòa Phước bỗng hóa rộn rịp, thuyền qua lại càng đông. Vạn Hòa Phước là đầu mối lên các ngõ nguồn. Hòa Phước có thuyền từ Hội An lên, từ Đà Nẵng đến. Nhiều thuyền trông đường bệ, có đến bốn buồm. Trong số thuyền qua lại có một chiếc ghe bầu to, mũi phẳng, khi đến bến, bác lái thuyền gọi to vào bờ:

- Có phải Hòa Phước đây không?

- Phải rồi!

Bác lái thuyền quay bánh lái thuyền. Chiếc ghe chở nhiều thùng gỗ đóng kín. Trên ghe còn chất nhiều bàn ghế, giường tủ, bao bị. Từ trong thuyền lần lượt chui ra như không bao giờ hết một đám trẻ lóc nhóc. Có một đứa trạc tuổi thằng Cù Lao. Một ông già vừa chui ra, vừa quát tháo. Tiếp theo sau là hai người đàn bà, tay bế trẻ em. Một bà già xương xẩu chui ra sau rốt. Tất cả đứng chen chúc trên mũi. Ông già chuyển bao bị cho bác lái thuyền đưa xuống bến. Bọn chần trâu gọi nhau



kéo đến dòm ngó. Chúng hít hít đánh hơi, chỉ trở những thùng gỗ:

- Mắm! Mắm! Chúng bay ơi!

Ông già nói với đám con cháu:

- Phải ngồi đợi đây. Tao vào làng gặp bác Tư Trai cái đã!

Nói xong, ông già xách chiếc dù đi vào xóm, đến thẳng nhà ông Tư Trai.

*

* *

Ông Tư Trai ở cạnh nhà tôi có một người em, quen thân với ông Biện Thành làm nghề buôn mắm. Do đó, ông Biện Thành và ông Tư Trai quen nhau. Lúc Đà Nẵng nổ súng, ông Biện Thành tản cư về ở nhà ông Tư Trai mang theo nhiều thùng mắm.

Ông Tư Trai gặp ông Biện Thành cười khà khà:

- Ông dọn về đây phải lắm! Ở đây người đông như kiến mấy mắm bán cho đủ!

Ông Biện cười theo:

- Bị lũ cháu đông quá! Sợ không chỗ ở!

- Lo chi! "Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm". Cứ hạ những bó bã mía của tôi xuống, lấy chiếu trải lên. Nằm vậy êm như nhung đó!

Như vậy Hòa Phước đón đợt khách thứ ba sau những chiếc rương, sau bà đốc Thụ.

Ông Biện Thành và ông Tư Trai cùng dắt nhau ra vạ. Ông Biện Thành chỉ vào lũ trẻ xuýt xoa tuổi nhau, bảo đứa này là cháu ngoại, đứa kia là cháu nội, có đến mười đứa. Bọn nhỏ léo nhéo đòi

ăm, đòi dất. Ông Biện Thành vung chiếc dù chỉ vào mặt chúng:

- Có chân là phải đi! Không bế bồng chi cả! Mấy đứa lớn xách được cái gì thì phải xách. Thằng Sơn Hải dẫn đi. Đi theo đường kia, nghe chưa!

Lệnh vừa hạ xuống, bọn trẻ con ùa đến nhặt bao bị đeo lên vai. Thằng Cù Lao chạy đến phía trước:

- Đi theo tôi đây!

Bọn trẻ con đi theo hàng dọc, gọi kêu ăm ỉ. Khách đổ bộ xuống Hòa Phước lần này ồn ào, nhí nhố, khác hẳn bốn chiếc rương kẽm oai vệ lẫm lẫm, khác hẳn bà đốc Thụ bất ngờ và im lặng.

Ông Tư Trai nhìn lên thấy mặt trời đã chui vào chòm sung. Việc vận chuyển đồ đạc của ông Biện Thành phải làm gấp. Ông chạy gấp chú Năm Mùi. Chú Năm chạy rút anh Bảy Hoành, ông Bảy Hóa, ông Kiểm Lài, ông Bốn Rì... tất cả phải ra ngay ngoài vạn mang theo quang gánh đưa đồ đạc của đồng bào chạy giặc vào xóm.

Nhà ông Tư Trai chột như có giỗ lớn. Cháu con nội ngoại, bồng đầy nhà. Phải nhóm thêm ba bếp ngoài sân. Mâm bát cái lanh canh lách cách. Bữa ăn có đến bốn mâm. Nhà ông Tư hóa giàu có, chật ních đồ đạc. Gian giữa thêm ba chiếc tủ, một bộ bàn, bốn chiếc ghế. Giường thêm đến bốn chiếc, không phải loại gậy chân một đục, mà toàn loại gỗ rất nặng. Nồi niêu, ấm tích, chén bát, bao bì thôi thì đầy nhà! Đặc biệt còn có một chiếc đồng

hồ rất to treo trên vách. Chốc chốc tiếng đồng hồ nổi rột rẹt, tiếp theo là những tiếng "kính coong" êm như ru. Chỉ đếm tiếng "kính coong" cũng biết mấy giờ. Mỗi khi đồng hồ "kính coong", ông Biện Thành kêu toáng lên:

- Một giờ rồi! Phải cho bọn trẻ con ăn trước đi!

- Hai giờ rồi! Con Bảy phải xuống chợ xem thử...

Thằng Cù Lao là người được vinh dự vác cái đồng hồ đó về nhà. Tôi là người được đưa bốn chiếc đinh cho ông Biện Thành đóng để treo lên vách. Bọn trẻ trong làng kéo nhau đến xem cái đồng hồ "kính coong" của ông Biện. Chúng còn được ngắm những bức truyền thần của ông Biện nữa. Một bức vẽ chân dung ông bà Biện, ông Biện oai phong lẫm liệt, mặc bộ đồ tây cầm một chiếc gậy có ngù như sẵn sàng vung gậy nện vào kẻ khác. Bà Biện đứng sát bên cạnh ông Biện, mặc áo hoa, tóc cài trâm, cổ đeo dây cườm, tay đeo dây xuyến. Hai ông bà đều sang trọng, phong lưu. Ông Biện Thành trong bức họa khác hẳn ông Biện Thành đi tản cư trán thấp, vai u, cù mì cục mịch, mặc một bộ đồ cộc đen. Bà Biện Thành trong tranh mũm mĩm trẻ trung, đài các, khác hẳn với bà Biện Thành xương xẩu hốc hác, người đầy góc cạnh. Trong những khung gỗ khác còn nhiều bức ảnh, chụp toàn những người sang trọng, người cầm trong tay quyển sách dày cộp, người cầm chiếc đàn. Ông Biện Thành thấy thằng Cù Lao cứ đứng ngắm nghía, ông chỉ vào các bức

tranh:

- Đó! Chú muốn cái nào thì cứ lấy.

Ông Biện Thành người thấp, nhưng rất nhanh nhẹn. Ông quần trên đầu một chiếc khăn lông to. Những ông lái ghe bầu thường có một chiếc khăn như vậy. Ông ngồi không yên. Hết lên nhà trên, lại xuống nhà dưới, đi ra đi vào, xem xét, chỉ trỏ, ra lệnh cho đám con cháu làm việc này, việc khác. Ông không chịu người khác làm một việc gì chưa vừa ý. Chiếc chần cần trái thật ngay ngắn, đồ đạc cần móc lên cao, tất cả những gì cần gói, cần dây, ông đều có ý kiến phải gói phải dây.

Ông xuống nhà bếp bắt phải đặt lại ông táo, bày vẽ cách thái thịt. Ông đến ngay nhà ông Bốn Rì mua thịt chó. Ông đến thăm bà đốc Thụ vì bà đốc cũng chạy giặc như ông. Ông Biện rất thích được chỉ huy cả toán trẻ con. Có đứa nào làm gì sai trái, đứa khác dọa ngay: Tao về mách với ông, ông cho mày biết!

Ông Biện Thành nói:

- Chỉ vắng mặt tôi vài giờ là tất cả đều nát bét, tụi con nít làm rối tung như mớ bông bong!

Trong đám cháu của ông Biện có Sơn Hải là đứa lớn nhất. Nó xuýt xoát tuổi tôi, có đôi má tròn, cổ tay cổ chân cũng đều tròn. Những ngày đầu về Hòa Phước, nó lằm lì, ít nói. Tôi hỏi:

- Ngoài Đà Nẵng có chi lạ không?

Nó trả lời gọn lỏn:

- Không!

- Có đèn điện, nhà lầu, ô tô?



- Có.

- Có tòa thị chính bốn tầng?

- Có.

- Có thấy bọn Tàu Tướng, bọn lê-dương không?

- Có.

Nó ít nói được vài ngày. Sau đó, nó nói nhiều, nhiều hơn cả tôi. Đến ngày thứ ba, tôi được biết Sơn Hải là một tay võ sĩ, giỏi môn quyền Anh và môn ném tạ. Về Hòa Phước, Sơn Hải mang theo một quả tạ. Sơn Hải đứng chạng chân, uốn ngực, thót bụng, méo mồm, lên gân, co hai cánh tay bảo thằng Cù Lao bóp vào vai, vào bụng, xem những bắp thịt ở đó đã "cứng" chưa. Nó phải tập luyện để sau này trở thành một võ sĩ loại nặng đo ván bất kì võ sĩ nào khác. Như vậy, nó sẽ được đứng trên võ đài giữa tiếng hoan hô như sấm. Thằng Cù Lao bảo nó đi một thao quyền Anh để xem thử. Sơn Hải cãi lại:

- Thao quyền Anh là gì? Không ai nói vậy. Phải nói đánh bốc hay bốc-xê. Võ sĩ đánh bốc là bốc-xơ. Này, mình bốc-xê cho mà coi.

Nó nhảy ra đứng thẳng người, quắc mắt thu quả đấm. Nó phóng tay trái thẳng về phía trước ngang tầm mắt. Tay mặt thu sát bên tai rồi vụt nhảy, vừa nhảy vừa ném lia lịa tay đấm về trước. Cách đánh bốc của nó trông hùng dũng, rất lạ mắt.

Tôi hỏi:

- Thế Sơn Hải đã bốc-xê với ai chưa?

- Ít thôi. Mình có ông chú nhiều lần lên "rin" đánh hai "rơn" liên tiếp.

Nó cho biết suốt đời nó chỉ thích cái bốc-xê. Nó không thích vật lộn, bơi lội, không mê thứ hát bội. Cơ-lác Gấp và Gác-bô của chị Tuyết Hạnh không phải là sự tuyệt diệu của tuyệt diệu. Chính võ sĩ Đờ Lu-i mới thật là sự xuất chúng của xuất chúng!

Tôi hỏi:

- Có khi nào Sơn Hải bị u đầu hay gãy răng không?

- Còn nguyên cả. Bốc-xê dễ bị sái quai hàm. Quai hàm với răng vẫn còn đây này! - Sơn Hải nhe răng cho tôi thấy.

Tôi và thằng Cù Lao bàn nhau thử dùng miếng trói của anh Long để chơi lại cách đánh bốc của Sơn Hải. Thằng Sơn Hải khi bốc-xê cứ đám lia lia. Thằng Cù Lao khi đi quyền phải đứng trụ. Một đằng thì phải tìm sơ hở. Một đằng thì nhảy nhót lung tung. Hai cách đấu khác nhau một trời một vực. Rất khó biết được bên nào thắng bên nào bại. Thằng Cù Lao đứng trụ một lúc, thằng Sơn Hải nhảy nhót một lúc, hai đứa nổi cười! Tôi làm trọng tài không hiểu luật lệ đánh bốc thế nào, cho phép hai bên được hòa, để một bên khỏi bị sái quai hàm, một bên khỏi gãy tay. Tôi tuyên bố hai bên hòa nhau. Cuộc đấu chấm dứt.

*

* *

Ông Biện Thành vừa vào đến sân, bọn cháu nội ngoại của ông đã ùa ra. Nhiều đứa ôm chặt chân ông, kêu lên:

- Đói quá! Đói quá!

Tất cả lật áo đưa bụng cho ông Biện xem:

- Đã xẹp đây này! -

Ông Biện Thành nghiêm nét mặt:

- Đang chạy giặc, có phải ở nhà đâu!

Ông Biện cho mười cháu nội ngoại của ông là mười miếng cá mập. Chúng nuốt đá cũng tiêu, nhưng chúng không làm ra nửa xu. Chỉ vài tháng nữa tiền bán hai mươi thùng mắm của ông sẽ tiêu ra khói.

Vừa về Hòa Phước, ông Biện Thành đã nói với ông Tư Trai biết rõ kế hoạch làm ăn:

- Tôi phải mua một chiếc thuyền nhỏ. Bắt thàng Sơn Hải bỏ theo thuyền. Cứ lên xuống sông Thu Bồn, đem mắm ở biển đưa lên nguồn để bán. Lại chở mít chuối trên nguồn đem xuống biển để bán, ầy vậy mà lời to.

Nhưng dùng một cái, Pháp cho tàu phá ngoài biển. Thuyền chài không thể đi khơi. Các con ông Biện Thành viết thư cho biết nghề mắm phải nghỉ hết. Ông Biện loay hoay chưa tìm ra kế sinh nhai. Việc đó phải lo gấp, vì mười cái miếng "cá mập" luôn luôn kêu đói.

Bọn cháu ông Biện Thành thấy cái gì cũng đề mũi vào, gặp gì cũng sờ mó, làm vướng chân vướng cẳng mọi người.

Chúng kéo ra đàng đi ngheù ngheù xuống đến

chợ, dòm dòm ngó ngó. Chúng nhặt sỏi ném vào bụi tre, đuổi lũ quạ. Thằng Sơn Hải ra sông, gạ bọn chân trâu đi ném tạ. Không hiểu sao tạ lại ném vào chân bọn nhỏ, có đứa đi cà nhấc. Sơn Hải bị mẹ rút dũa bếp quất vào mông. Sơn Hải bỏ chạy, sau đó trốn biệt. Thằng Cù Lao biết nó chui vào cây rơm nhà anh Bốn Linh. Đến bữa ăn, Sơn Hải không về. Thằng Cù Lao mách cho mẹ Sơn Hải biết là nó đang ngồi trong cây rơm. Mẹ nó đến dỗ:

- Thôi về đi con, về ăn cơm kéo dỗi bụng!

Nó trong cây rơm nói ra:

- Không về đâu. Phên này phải chết cho rảnh!

- Mẹ để phần cho mày một đĩa thịt chó!

- Thịt chó cũng không về đâu!

Mẹ nó tản đi nơi khác, vẫy thằng Cù Lao, nhờ thằng Cù Lao dỗ nó chui ra.

Thằng Cù Lao đứng trước cây rơm nói vào:

- Mẹ mày về rồi! Ra được đó.

Thằng Sơn Hải nhảy vọt ra. Tôi và thằng Cù Lao chạy đến gỡ rơm rác dính đầy người nó. Sơn Hải về nhà lấy cơm ăn. Ăn xong, nó chạy tìm thằng Cù Lao. Hai đứa dắt nhau đến nhà ông Bốn Rì để dạy ông học và xem ông làm thịt chó.



6

Ở Hòa Phước có nghề trồng dâu nuôi tằm, nghề kéo thao, nghề làm ruộng. Nhưng tất cả đều không hợp với ông Biện Thành. Chú Năm Mùi, bàn với ông Biện nên theo nghề nấu đường. Nhà ông Tư Trai sẵn có lò đường. "Có chi làm nấy". Chú Năm phân tích:

- Bác Tư Trai đã bỏ vốn dựng lò đường, thì bác Biện Thành phải bỏ vốn ra mua mía. Bác Tư Trai coi làm đường, bác Biện Thành chở đường đi bán. Lờ lãi chia đôi. Như vậy đồng tiền trụ bạc phân minh, không bên nào thiệt hơn, hơn thiệt chi cả!

Ông Tư Trai khụt khịt:

- Tôi có nói thiệt hơn, hơn thiệt chi đâu!

Chú Năm Mùi vẫn nghiêm trang:

- Sau này yên ổn, việc làm ăn của hai bác mở ra. Đường ở đây chất lên thuyền chạy ra Đà Nẵng. Mắm của Đà Nẵng chất lên thuyền đưa về đây. Thuyền đường, thuyền mắm cứ qua lại, lại qua! Công ty Biện Thành - Tư Trai càng ngày càng phát đạt. Từ sông Thu Bồn ra đến Đà Nẵng phải đặt thêm nhiều đại lí. Lúc đó, tôi xin một chân thư kí.

Ông Tư Trai cười xòa:

- Thiệt có lí! Chung nhau làm đường, thế mà hay đó!

Ông Biện Thành sẽ ở lại Hòa Phước làm đường với ông Tư Trai. Cái vui như gấp bội. Tôi và thằng Cù Lao cố cho trâu Bình ăn thật no, để nó kéo che ép mía. Mỗi ngày nó kéo hai lần, tôi sẽ được hai lần gấp thằng Sơn Hải. tôi sẽ có cơ hội học môn ném tạ với môn quyền Anh. Sẽ cùng nhau tìm bắt con bọ dừa có chấm đen để tìm ra một kho châu báu như chị Tuyết Hạnh đã báo. Nhưng Sơn Hải lại được phân công giữ mía ngay ngoài đám mía. Nó quét dọn rác mía, đôn ngọn mía, đôn củi mía thành đống. Lúc về nhà ông thợ nấu đường giao nó lấy nước muối xoa bát rót đường. Sơn Hải còn được cạy đường, cạy không vỡ. Ông thợ phải khen. Sơn Hải thích làm việc, quên cả môn ném tạ và quyền Anh. Nó không còn bị xua đuổi, mà còn được xem ngang hàng với các bác thợ, được cùng ngồi ăn một mâm, cùng bàn bạc mọi chuyện. Sơn Hải còn lập được một thành tích lớn. Đó là việc đập gốc mía. Chặt mía xong, gốc phải cuốc lên. Chú Năm Mùi bày cho Sơn Hải dùng vồ nện vào gốc mía, đất bị rời ra, còn lại gốc mía mang về đun bếp. Sơn Hải suốt ngày "bốc-xê" gốc mía mang đổ thành đống. Mẹ Sơn Hải phải phục. Bọn em nó bắt chước làm theo. Uy tín của Sơn Hải càng tăng. Cả chị Tuyết Hạnh cũng nhờ nó dạy cho cách "bốc-xê" gốc mía.

*

* *

Tiếng đồn giặc đã chiếm Túy Loan, phía Đà Nẵng.

Người dân tản cư càng đông. Có người gánh gồng, bồng bế vượt hai mươi cây số đường đông, dừng lại ở Hòa Phước. Chú Năm Mùi đưa đồng bào về ở những nhà xóm dưới. Chợ Hòa Phước đông gấp ba bốn lần. Tôi và thằng Cù Lao không mong gì hơn vì càng được quen với nhiều nghệ sĩ như chị Tuyết Hạnh, những võ sĩ như Sơn Hải. Khắp làng hóa chộn rộn.

Bà con ai cũng hỏi nhau:

- Không biết giặc đến đâu rồi? Có đi tản cư không đó?

Đột ngột, một máy bay bay dọc sông Thu Bồn bắn tạch, tạch! Ông Kiểm Lài đang làm đồng vút cuộc bỏ chạy. Ông nói máy bay bay ngay trên đầu ông. Nó chĩa súng vào đầu ông, nã tạch tạch! Ông bỏ chạy. Máy bay cứ đuổi riết theo. Bí quá, ông phải chui vào bụi.

Tiếng súng cứ ùng đoàng từ phía Đà Nẵng. Lệ thường vào lúc nhá nhem, một loạt súng máy lại rột roặc.

Nhiều tin trái ngược. Giặc chưa vào Túy Loan, có người ở Túy Loan nói rõ như vậy. Giặc vẫn còn ở tận ngoài Phước Tường. Phải bốn tháng mới đến được Phước Tường. Đến Hòa Phước đâu phải dễ! Cứ lo cày cuốc làm ăn, không cần đi đâu cho mệt.

Nhưng một việc làm cho Hòa Phước phải rục rịch, phải... đi. Đó là việc dời bốn chiếc rương T.A

Quân sự khỏi Hòa Phước. Bốn chiếc rương đựng tài liệu quan trọng phải được cất giấu nơi an toàn. Nơi an toàn trước đây là Hòa Phước. Nay phải dời rương đi, có nghĩa là Hòa Phước không còn an toàn nữa. Giặc có thể tràn đến. Nhìn bốn chiếc rương ra đi, chị Ba buột mồm nói với mẹ:

- Giặc đang dòm ngó làng mình! Liệu phải tìm nơi mô... Lo trước vẫn hơn chớ mẹ!

Lên nguồn là đặc sách.

Bà đốc Thụ và chị Tuyết Hạnh thuê thuyền dượng Hương Thư lên nguồn Trung Phước. Trung Phước có đất rộng, ông Biện Thành cũng nhấm nguồn Trung Phước.

Mẹ tôi cố nhớ lại những cô dì, chú bác ở rải từ Hòa Phước lên các ngõ nguồn. Có người lâu quá bị quên, bỗng dưng tên tuổi được nhắc lại. Có người ở xứ Ghềnh Ngô, có người ở chỗ Thác Cả, chỗ Am Mây, chỗ Động Khói... Toàn những tên gọi nên những cảnh suối sâu, đèo cao, âm u, mù mịt, những nơi sơn cùng thủy tận. Những bà dì theo chồng lên trên đó rồi biệt vô âm tín. Những ông bác đi làm ăn rồi lấy vợ đẻ con trên đó. Có những ông phá xóm phá làng sau vào lẩn tránh trong núi. Nghe nói có người lên đó hóa thành tướng cướp, tướng du côn hung hãn hơn trước. Sau cách mạng, có người mò về thăm làng, thấy họ khiêm tốn, hòa nhã, gọi dạ, bảo vâng, chẳng thấy gì hung hãn cả.

Mẹ tôi bầm đầu ngón tay nói với tôi và thằng Cù Lao:

- Có dì Cửu Phan ở Phú Đa nè! Có dì Năm Chi ở Bến Dầu nè! Có dì Hương Thư ở Dùi Chiềng nè! Có chú Tư Mai ở Động Khói nè! Chú Tư dữ hơn cọp...

Tôi và thằng Cù Lao nghe rất thích. Lên các xứ đó tha hồ săn hổ.

Mẹ tôi lên cả một danh sách. Có đến mười người. Suy đi nghĩ lại, mẹ tôi thấy nên lên Phú Đa cái đã. Phú Đa gần hơn, có dì Cửu Phan. Dì Cửu không phải đi ruột, nhưng rất thân với mẹ lúc bé. Ông Cửu Phan có nhà ngói. Anh Bốn Linh tán thành đi Phú Đa, không thể đi quá xa, thỉnh thoảng phải lộn về thu lúa, đào khoai để nuôi lỗ miệng. Chú Năm Mùi bảo phải có người lên hỏi trước. Phải gặp dì Cửu cái đã. Việc đó cứ giao cho tôi và thằng Cù Lao, vì tôi và thằng Cù Lao đã được thử thách, vừa được chỉ định làm đội viên đội Thiếu niên công tác! Đó cũng là công tác đội. Tôi và thằng Cù Lao phải sẵn sàng "đi sứ" một chuyến. Nay mai có thuyền dượng Hương Thư đi Trung Phước. Bọn tôi có thể quá giang xuống bến Phú Đa vào nhà dì, nhất định lập được thành tích xuất sắc.

*

* *

Thuyền của dượng Hương Thư nhỏ sào vào lúc mờ sáng. Đất trời rực rỡ như dệt bằng những tơ vàng. Thuyền quay lái, tôi nghe thoát mọi sự trôi buộc. Con trâu Bỉnh không còn làm phiền tôi nữa. Tôi ra đi với một trọng trách, sẽ "thương thuyết"

với dì Cửu Phan về việc tản cư cho các gia đình cán bộ. Thuyền lướt hăm hở được một lúc rồi chậm dần. Gió ngã. Buồm teo. Thuyền trôi trảnh. Tôi và thằng Cù Lao phải ngồi co ro. Đồ đạc của các gia đình tản cư chật ních. Gặp chỗ cạn, thuyền phải quay lái, tìm lạch sâu hơn. Thằng Cù Lao rút sào chống giúp. Thuyền bò chậm chạp. Tôi nghĩ nên quẳng hết đồ đạc lên bờ, rồi cứ việc nai lưng ra gánh. Làm vậy đi được nhanh hơn. Nghĩ vậy nhưng không dám nói ra sợ dượng Hương Thư mắng.

Thuyền dượng Hương Thư ngủ gà ngủ gật, mãi đến chiều xế mới đến Phú Đa. Tôi và thằng Cù Lao xuống bến hỏi thăm vào nhà dì Cửu Phan. Một con đường đất đỏ đưa đến nhà dì. Chúng tôi dừng trước một ngôi nhà gạch mốc meo như ngôi đình làng. Một con chó gầy nhom nhảy xổ ra sủa. Một người đàn ông đang vê lúa, hồi sau làn bụi:

- Các chú nhỏ có việc chi?

- Tôi hỏi bà Cửu Phan.

Người đó gọi to:

- Bà Cửu ơi! Có con nít hỏi!

Một bà già nhăn nheo bước ra:

- Ai hỏi?

Tôi bước đến, hai tay đặt lên rốn:

- Tôi xin hỏi bà Cửu Phan.

- Cửu Phan là tôi đây.

Bà già trả lời xong, gọi với vào bên trong:

- Bà Hai ơi! Con nít hỏi bà!

Lại một bà già khác hiện ra. Bà này cũng



không kém nhân nheo hơn bà trước:

- Ai hỏi tôi?

Tôi thưa:

- Tôi hỏi bà Cửu Phan.

- Cửu Phan là tôi đây.

Bà nào cũng xưng mình là Cửu Phan. Tôi không thể tưởng di tôi lại nhân nheo đến vậy. Trước đây tôi gặp di, tôi nhớ loáng thoáng, di như cô con gái. Không lẽ di tôi mới đó đã biến thành bà già. Có một tiếng ho. Một ông già hiện ra. Ông già có vẻ quắc thước, khắc khổ om sòm. Hai bà già nói với ông già có hai đứa con nít đến hỏi bà Cửu Phan. Ông già khịt mạnh:

- Các chú ở đâu?

- Thưa, ở Hòa Phước.

- Con ai?

Tôi khai lí lịch:

- Thưa, Nguyễn Văn Khương, sinh con đầu lòng đặt tên là Côn. Người làng cũng gọi cha tôi là anh Côn. Mẹ tôi tên là Có. Đó là tên quai nôi. Tên kí giấy là Lê Thị Trang.

- Chú bà con với bà Cửu Phan nhà này thế nào?

Tôi cố nhớ những buổi nói chuyện của mẹ:

- Xưa kia, ông cố ngoại của tôi sinh được hai người con trai. Người thứ nhất đẻ ra ông ngoại tôi. Ông ngoại tôi đẻ ra mẹ tôi. Người con thứ hai đẻ ra một ông con trai. Ông đó đẻ ra di Cửu Phan.

- Còn tên hai chú?

- Tên tôi là Cúc, họ Nguyễn, lót chữ Văn. Nguyễn Văn Cúc là tôi.

Tôi chỉ vào thằng Cù Lao:

- Còn thằng này là họ Nguyễn, bà con với tôi về phía nội. Nó tên là Lao lót chữ Cù. Nó ở xứ cù lao Chàm dưới biển Đông, về làng sau cách mạng. Cha nó nhận công tác trong quân giới, phải gởi nó ở với anh Bốn Linh.

Tôi đánh bạo:

- Dì tôi còn trẻ, xinh đẹp, chứ không phải già khú để như những bà kia!

Ông già đang cau có thoáng mỉm cười:

- Biết rồi!

Nói xong, ông già biến mất. Một chốc sau, một người đàn bà đầu bù tóc rối, chân tay dính đầy cám lợn hiện ra trước cửa. Tôi không thể đoán người đó bao nhiêu tuổi. Có thể là ba mươi hoặc bốn năm mươi tuổi. Người đó mở to mắt:

- Con chị Tư Trang đó hả?

- Dạ, tôi!

Người đàn bà bước đến một bước, ngồi xuống, lặng im một lúc. Tôi biết đó là dì Cửu. Dì nhìn tôi rồi cúi xuống. Khi ngược lên, nước mắt dì tràn ra. Dì cố nén không để tiếng khóc bật ra, nói ảm ức không rõ lời. Dì hỏi về mẹ tôi. Dì trách mình lâu lắm không về thăm mẹ. Dì thút thít, tủi thân vì cái số cực của mình. Suốt ngày, dì phải quần quật không đi đâu được nửa bước!

Tôi thưa với dì tất cả những việc mẹ tôi và anh Bốn Linh đã dặn. Dì hỏi bao giờ mẹ lên. Dì sẽ dành nhà trên cho mà ở. Ngoài vườn còn có một căn nhà bỏ trống. Gia đình chú Năm Mùi và anh

Bốn Linh ở đó rất tiện.

Tôi theo dì ra sau nhà. Chuồng lợn xếp thành dãy dài. Dì có nhiều lợn nái. Con nào cũng gầy nhom, da nhẵn như mặc áo quá rộng. Chúng vừa đi vừa ịt ịt kéo theo sau một đàn con đen trũi, đuôi cứ ngúc ngắc. Nhà sau ngập ngựa rác rưởi, khác hẳn phía trước, rộng rãi và phong quang, giữa sân có hòn non bộ. Hàng chè tàu thẳng tắp chạy từ ngõ đến sân được xén rất ngay ngắn. Tôi và thằng Cù Lao ngắm nghía hòn non bộ. Chợt có tiếng kêu la phía nhà dưới.

Thằng Cù Lao kéo tôi chạy vào. Dì tôi và bà già Hai đã biến thành hai sư tử lông lá dựng đứng chực vồ lấy nhau.

Bà già sùi bọt mép nhảy xổ đến trước mặt dì:

- Đây tao không có chiếu giường!

Dì tôi mặt đỏ lửa gầm lên:

- Phải có!

- Đây không tiếp!

- Cứ tiếp!

- Nhà này là nhà của tôi!

- Nhà này là nhà của tôi!

Dì tôi nghiêng răng rít từng tiếng một:

- Con này về đây có đủ cheo, cưới! Chẳng khác gì các người! Lớn nhỏ nay như nhau cả. Bình quyền, bình đẳng rồi! Không còn bắt nạt ai được! Hãy coi chừng! Con này vạch mặt cho mà coi!

Bà già cặp mắt trợn trừng:

- Mày vạch ai hở con kia? Phận lẽ mọn phải biết phận lẽ mọn! Mày vạch mặt ai hả?

Bà già xông đến chộp đầu tóc dì tôi. Dì tôi cũng chộp cổ bà già. Hai sư tử vờ nhau, quần nhau, còn khỏe bằng mười bộn chân trâu đánh vật. Bà già kêu thất thanh:

- Ông Cứu ơi! Ông Cứu ơi! Con này nó giết tôi rồi! Ông cung nó, để nó giết tôi rồi!

Thằng Cù Lao xông vào ôm chặt bà già kéo ra. Tôi bắt chước xông vào ôm chặt dì kéo ra nơi khác. Ông già lại hiện ra, tay vung chiếc roi mây. Ông quất mất, đặng háng một tiếng to chưa từng thấy. Ông vung roi quất vun vút, những ngọn roi như vậy phải toạc máu ra, rút từng thớ thịt! Tôi khiếp vía nép sát một bên. Nhưng rất lạ! Ông không quất vào ai cả mà chỉ quất vào cây cột. Cũng rất lạ! Cặp sư tử trở lại lặng im, ngoan ngoan, thôi không nhảy nhót gào thét nữa. Họ buông nhau ra, lặng lẽ rút lui mỗi người một ngả. Cơn bão táp bỗng chốc lại tan. Chỉ có ông Cứu dần từng tiếng:

- Không biết giữ thể thống gì cả! Người ta ngó vào còn ăn nói ra sao hử?

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao đón đờ xuôi về Hòa Phước, bụng cứ lo lo vì mọi việc không rõ ra sao cả! Dì bảo tản cư lên. Bà già lại chống lại. Ông Cứu Phan chưa có ý kiến dứt khoát. Mẹ tôi rất hoang mang. Chị Ba càng hoang mang hơn nữa. Chị cho chuyến đi của chúng tôi đã hoàn toàn thất bại! Chỉ cần thưa lại một lời với ông Cứu, tôi

cũng không làm được! Như vậy chưa thể tản cư lên nhà di. Mẹ tôi thở ra:

- Tội nghiệp di! Cũng do cái số! Mình dọn đến, di thêm khổ.

Gặp chú Năm Mùi. Chú đánh giá mọi việc khác hẳn chị Ba. Chú cho tôi và thằng Cù Lao đã thành công hết sức xuất sắc. Bất kì ai cũng không thể làm việc chu đáo như vậy. Chỉ trong hai ngày, tôi và thằng Cù Lao đã biết rõ nhà di, biết mẹ và chị Ba có thể ở nhà trên, biết có một ngôi nhà bỏ trống, biết sân trước rất rộng. Tài giỏi hơn là chúng tôi nắm được tình hình bên trong gia đình ông Cửu, tính nết của hai bà, địa vị của ông Cửu. Ông Cửu là người có đầy đủ uy lực trong gia đình. Chỉ mới ra oai, quát roi vào cây cột mà các bà vợ đã kinh hoàng phải chịu phép, rút lui lạng lẽ. Như vậy ông Cửu nói gì các bà phải nghe theo tuốt. Di tôi còn trẻ. Vợ trẻ được chồng cưng, xưa nay đều vậy. Đã cưng vợ thì phải nghe theo vợ. Di Cửu phải được ông Cửu nghe theo. Di Cửu đã thuận thì ông Cửu phải thuận. Ông Cửu đã thuận thì có "bà trời" cũng không cãi lại được!

Chú Năm Mùi bảo phải thu xếp đồ đạc để đi tản cư. Cả gia đình ông Cửu Phan đang sẵn sàng đón tiếp.

*

* *

Mẹ tôi, chị Ba, chị Bốn Linh và thím Năm Mùi đi Phú Đa trước. Tất cả đồ đạc trong nhà, quanh hè, ngoài sân, ngoài chuồng trâu, chuồng gà, ở xó

bếp đều được tôi và thằng Cù Lao xốc lên, lôi ra. Cái gì mang đi, cái gì bỏ lại, giấu ở đâu, chôn chỗ nào, phải dọn lại hết. Chị Ba rút sào, quơ hết chiếu chăn quần áo xếp lại. Tôi rúc vào các xó xinh lôi ra những hũ mắm, vại cà, chai tương, kéo ra một thùng gỗ chứa toàn những đồ đã bị gi, bị sút, bị long. Những đồ đó vào nhà tôi lúc nào, bị thải ra khi nào, không nhớ nữa. Tất cả đã bị lãng quên, nay được tôi lôi ra để "xét" lại. Tôi tìm thấy một chiếc ấm tích bằng sứ hình quả bí. Màu sứ trong như ngọc, vẽ hoa và chim óng ánh. Tôi giờ cao chiếc ấm. Cả nhà trầm trồ:

- Ồ! Cái ấm, cái ấm!

Có lẽ chiếc ấm này đã từng là niềm tự hào của một gia đình giàu có. Sau đó, chiếc ấm bị sút ở đầu vòi đã rơi vào gia đình tôi, giữa những ấm đất, chén đất như một vị vua bị phế truất sống giữa đám dân đinh, nhưng còn giữ được sự trọng vọng, vì từng có một cuộc sống huy hoàng. Mẹ tôi bảo phải để tất cả lại, chỉ mang theo mấy con dao, một lưỡi búa. Nong, nia, cày, cuốc, thùng mủng, giường ghế, giỏ, tre, tất cả những đồ dùng làm tầm phải bỏ lại. Những đồ mang đi được xếp lại, được cột, được nhét vào bị, vào bầu. Con chó Vàng tương có đám giỗ ngoắc đuôi sủa gâu gâu. Chị Ba ôm nó vào lòng chếp miệng:

- Tội nghiệp quá! Trên có lệnh giết chó! Thôi mày phải ở lại với ông Bốn Rì, hóa kiếp làm người.

Nước mắt chị Ba chảy dài. Chị khóc thật sự!

Con trâu Bỉnh hóa khó xử. Cả nhà đều muốn nó tản cư theo, nhưng không biết đi bằng cách nào. Chú Năm nói với chị Ba:

- Đưa con trâu Bỉnh đi tản cư, mày tưởng đâu dễ! Đến ở chỗ mới, rồi chuồng trại nó sao đây, cỏ rác như thế nào? Trâu là giống hay nhớ chuồng. Tao giả thử khi nhớ chuồng nó bứt dây mũi, chạy tuốt về đây, vậy thì bỏ mẹ! Chỉ còn một cách là đem nó trả ngay cho ông Phó Xáng, nói như cha mày trong thư vừa rồi, tao cho là phải đem trả ngay.

Chú Năm nhìn thẳng Cù Lao:

- Mày với thằng Cúc đã đi sứ lên ông Cửu Phan. Mọi việc điều đình đã tốt. Nhưng tao cũng lên đó cái thử...

Chú Năm Mùi nhìn sang tôi:

- Còn mày, ngày mai dậy thật sớm. Chú cháu ta cùng lên Phú Đa, dạo xem phong cảnh cho sướng!

*

* * *

Tôi nằm đang mơ mơ màng màng, bỗng có tiếng gọi:

- Cúc! Cúc! Cúc! Dậy đi!

Tôi mở choàng mắt. Chú Năm đã đứng bên cạnh.

Tôi nói ú ớ:

- Trời chưa sáng mà!

- Ối! Sáng mới ra khỏi nhà vậy còn ra cái chi nữa! Rồi đây phải đi đêm hết cả.

Tôi rướn mình ngáp to, bẻ các ngón tay rắc rắc cố ngồi dậy. Chung quanh còn tối om. Tôi theo chú Năm Mùi ra ven Hòa Phước gọi dưỡng Hương Thư dậy, nhờ lấy xuồng đưa qua sông. Xuồng cập bến, chú Năm xắn quần nhảy xuống trước, tôi nhảy theo sau. Chú Năm reo lên:

- Ổi dào! Gió mát quá! Sướng chưa!

- Ổi dào! Gió mát quá! Sướng chưa!

Thuyền cập bến. Chú Năm nhảy lên bờ rào bước. Tôi không hiểu chú Năm đang đi hay đang chạy. Vì tôi phải chạy mới theo kịp:

- Đợi tôi với, chú Năm!

- Mày đi như rùa bò! Đi mau cho nó quen. Cái chi cũng phải luyện mới giỏi được.

Tôi chạy được một lúc lại gọi:

- Mệt quá, đợi tôi, chú Năm ơi!

- Đi quen hết mệt.

Qua hết đường cái, chú Năm chui vào xóm. Tôi vấp vào hàng rào. Chó nổi sủa. Người trong nhà tưởng có trộm nổi đàng hăng rất to. Trời dần sáng, mặt trời ló ra rồi cao dần. Chú Năm càng bước nhanh. Tôi gào to:

- Không chạy được nữa đâu!

Chú Năm quay lại cười hì hì:

- Trâu tơ khi bắt ách cũng giống như mày. Nó vùng lên, muốn bẻ ách. Nhưng có luyện mới cày được đất. Phú Đa kia rồi. Ghé vào quán kiếm cái gì bỏ bụng cái đã!

Chú Năm ghé vào quán bên đường, ăn khoai, uống nước. Chú mở bọc lấy ra một chiếc áo dài

đen mặc vào, cài cúc cẩn thận, khoan thai tìm vào nhà dì. Vào đến nhà, chú ngỏ ý muốn gặp ông Cửu Phan. Dì tôi ra đón. Dì xin lỗi chú Năm là ông Cửu vừa bị trúng gió độc, không ngồi dậy được. Dì vồn vã mời chú Năm ngồi vào ghế nói ngay với chú là cả nhà ông Cửu đang đợi. Mọi việc dì đã chuẩn bị sẵn sàng, nhà cửa đã quét dọn sạch sẽ. Bà cả, bà hai cũng đang đợi. Chú Năm trả lời là mọi sự trông đợi đó, chú đều đoán biết. Chú có lên lần này cũng chỉ để thăm bà con một chút cho phải lễ. Chú Năm hỏi kĩ về tình hình bệnh tật của ông Cửu. Chú tưởng bệnh gì chứ bệnh cảm gió, chú chỉ chích cho ông Cửu vài huyết là ông Cửu lành ngay. Chú Năm vào gặp ông Cửu, đỡ ông nằm lật lại, chú lấy đèn soi khắp vùng lưng ông Cửu, chú sai tìm một tí mảnh chai, chú đập mảnh chai lấy một mũi nhọn. Chú vuốt mạnh dọc cột sống ông Cửu, chích bốn huyết sau lưng. Thật là màu nhiệm! Ông Cửu liền nghe hết tức, người thấy khỏe ra. Cả nhà mừng rỡ tưởng vừa gặp một vị lương y cứu nhân độ thế. Câu chuyện càng trở nên thân mật đậm đà, khác hẳn lần tôi và thằng Cù Lao đến nhà dì lúc trước, chỉ nghe tiếng roi quất vào cột nhà và tiếng thét la inh ỏi.

Chú Năm tuy rất vội, phải về ngay, nhưng cũng phải ngồi lại nếm cho xong món gà luộc kẹp với bánh đa, sau đó ông Cửu Phan mới chịu để chú quay về Hòa Phước!

*
* *

Tôi và thằng Cù Lao theo chị Ba, chị Bốn và thím Năm Mùi vừa tản cư lên Phú Đa thì đột ngột chú Năm cũng theo lên. Chú Năm ở lại Phú Đa chỉ hai hôm mọi việc đã được sắp xếp chu đáo. Chú xin bốn thân cau bị ngã. Chú sai tôi và thằng Cù Lao cùng cưa, cùng đục làm thêm giường. Chú lấy lá cau lót làm nệm. Chỉ một cây tre, chú làm cho mỗi gia đình những móc, những ống đựng dưa, đựng thìa. Chú che chỗ tắm, căng dây phơi. Chú cần gì, ông Cửu Phan đưa ra một cách vui vẻ. Chú Năm không chỉ thuộc lầu chuyện Lục Vân Tiên, hát bài chòi hay, mà còn là một kĩ sư lành nghề. Chú biến một lọ mực thành cây đèn dầu, biến cái chai thành cây đèn gió... Những tài đó nở rộ khi đi sơ tán. Chú Năm mua những cây củi dài to bằng ngón chân, đóng thành kệ, thành ghế trệt, thành chạn để bát. Chú Năm nhìn vào tôi:

- Hề mình biết chú ý học tập thì cái khó mấy cũng làm được!

Chú Năm ra chợ, lội quanh vùng Phú Đa một lúc. Khi về chú cho biết ở ngoài bến sông có bán loại cối xay ngô làm bằng đá xanh rất tốt. Chú phải mua một cối xay như vậy. Mẹ tôi, chị Bốn và thím Năm sẽ đi mua ngô hạt đem về phơi thật giòn, xay nhỏ làm gạo ngô, gọi là nghề hàng xáo. Cứ lấy công làm lời, dư được hạt cám càng tốt. Cái cối xay ngô mở ra cách sinh sống cho ba gia đình. Chú Năm bảo chú trần trọc mãi mới tìm ra cách làm ăn mới đó. Nghề xay ngô hợp với các bà

nhất.

Thằng Cù Lao hỏi:

- Thế nghề chi hợp với bọn tôi nhứt?

Chú Năm trả lời ngay:

- Hợp với các chú có nghề lấy củi. Ở đây thiếu củi, phải đi lấy củi trong núi.

Thằng Cù Lao hỏi:

- Người ta bảo con trai phải nhập Vệ quốc đoàn chớ chú?

- Mày nói tao nghe phải! Nhưng phải có lệnh bên trên. Nay trên có lệnh phải giúp việc tản cư, ta phải giúp việc tản cư cho tốt. Nhất hô bá ứng mới thắng được giặc!

Tôi nói lơ lửng:

- Ở đây gần núi có nhiều cạp. Ta đi săn cạp lấy bộ xương làm rượu hổ cốt. Uống rượu hổ cốt sẽ khỏe như cạp.

Chú Năm cười:

- Ủ! Cũng được! Muốn săn được cạp trước hết phải luyện cách đi rừng. Phải lợi rừng cho giỏi cái đã. Đi lấy củi trong rừng cũng là cách tập săn cạp.

*

* *

Ở Phú Đa có một số đồng bào đi lấy củi để bán. Tôi và thằng Cù Lao mài lưỡi mác thật bén, chọn một chiếc đòn xóc thật cứng, chẻ những dây lạt thật dài. Có như vậy mới gánh được nhiều củi, bán được nhiều tiền.

Sao Mai chưa mọc, cả xóm đã hú hí gọi nhau đi lấy củi. Tôi và thằng Cù Lao mang đòn xóc,

cùng theo vào núi Thạch Bàn để lấy củi. Trời còn tối, sao trời như một đàn ong tung khắp phương trời bay đi tìm mật. Tôi và thằng Cù Lao bước thoăn thoắt trên cỏ ẩm sương. Tôi sẽ lấy nhiều củi. Tôi sẽ bán củi lấy nhiều tiền. Uy tín của tôi trước mặt chị Ba sẽ lên ngang hàng với các đội viên tự vệ. Đi được một quãng, trời hé sáng. Những đôi thoai thoai hiện ra, thấy rõ được cả những chỗ lồi lõm.

Tôi hỏi một người cầm đèn xóc đi phía trước:

- Lấy củi chỗ mô chú?

Chú đó quay lại chỉ về phía trước:

- Kia kìa!

Đi được một chốc, tôi lại hỏi. Vẫn câu trả lời:

- Kia kìa!

Những cánh đôi giăng ra trước mặt để rồi khép lại sau lưng. Một con đường hẹp khúc khuỷu cứ lượn qua lượn lại quanh những đôi trọc. Mãi đến nửa buổi mới đi đến một bãi hoang đầy bụi rậm. Người đi trước quay lại chỉ vào những bụi cây lúp xúp:

- Muốn lấy củi cành thì kia kìa. Muốn lấy củi tằm còn phải đi xa.

Chúng tôi bước vào, đặt đèn xóc, rút mác ra chặt, chặt những cây bằng ngón chân. Chặt xong rong hết cành, bó thành bốn bó. Xong đâu đó, mới mở mo cơm ra ăn. Ăn xong, tôi cởi áo lót vai, kê vai vào gánh. Tôi biết gánh gồng nhưng thường gánh bằng đôi giống. Nay gánh bằng đèn xóc, bó củi ngang vai cứ lúc lắc. Đường núi khúc khuỷu, khi tuột xuống, khi leo lên, gánh củi càng



lắc, vai nghe càng đau. Đến một lúc, nghe đau quá, tôi thả gánh:

- Đau quá! Cù Lao ơi!

Thằng Cù Lao cũng thả gánh:

- Nặng quá! Cúc ơi!

Chúng tôi thả gánh, tháo lạt, bỏ bớt củi lại bên đường, tiếp tục gánh đi. Đi được một chốc, gánh củi nặng dần. Đòn xóc càng xiết vào cổ. Tôi lại kêu to:

- Nặng quá Cù Lao ơi!

Thằng Cù Lao lại thả gánh xuống, lại giúp tôi lấy bớt củi ra. Đi được một quãng, gánh củi lại lắc, lại xiết, lại càng nặng. Cái nắng ở vùng đồi núi nghe như lửa. Thằng Cù Lao cũng phải bớt củi đến ba lần. Về phần tôi, đi một quãng lại phải vứt bớt năm mười cành. Hai bó củi của tôi cứ teo dần. Ra đến Phú Đa, bó củi chỉ còn bằng ống chân. Ai gặp cũng cười:

- Củi kiếc chi mà bằng ống thổi lửa rứa?

Mẹ và chị Ba cũng cười. Nhưng có một điều là tha củi về đến nhà, ăn xong, tôi đánh thắng một giấc. Sáng hôm sau thức dậy, thấy gân cốt khỏe ra. Một thằng Cúc khi đi lấy củi vật ngã mười thằng Cúc trước khi đi củi. Tôi và thằng Cù Lao cứ ngày ngày đi lấy củi, gánh củi hóa nhẹ và to dần. Đường cũng bớt khúc khuỷu gập ghềnh. Củi đủ để đun, thỉnh thoảng bán được vài bó. Việc đi củi làm cho chị Ba phải chuyển cách nhìn đối với tôi. Có lúc chị nhìn tôi ngang hàng với trưởng thôn chứ không ít!

Cả nhà không ai muốn bán trâu Bỉnh. Nhưng rốt cuộc phải bán, vì nó.... không nuôi được chúng tôi nữa. Đi tản cư, nó hóa kèn càng. Cỏ lại hiếm. Mẹ tôi chịu bán giá rẻ nếu người ta mua để làm trâu cày mà không đem xẻ thịt. Chị Ba đã thút thút khi lão mua trâu dắt nó đi. Trâu Bỉnh thì lại không chịu bước... Bán xong trâu Bỉnh, đi đâu tôi không phải lo lắng gì nữa.

Tôi và thằng Cù Lao ở Phú Đa đi Hòa Phước xem như đi chợ. Sau khi gánh được củi từ núi ra chặng đường Phú Đa - Hòa Phước không còn nghĩa lí gì nữa. Mít ở Phú Đa rẻ, tôi và thằng Cù Lao mang mít về cho anh Bốn, chú Năm. Mắm ở Hòa Phước rẻ, chúng tôi công mắm lên cho thím Năm, cho chị Bốn. Chị Bốn dặn:

- Hai đứa nhớ nói với anh Bốn là chị Bốn bị nhức đầu. Anh Bốn phải mua một ve dầu Nhị Thiên gửi lên, nghe chưa?

Thím Năm dặn:

- Nói với chú Năm phải mua cho thím vài ang bắp bột với năm bảy lon đồ nành để làm tương,

nghe chưa?

Chị Ba dặn:

- Mua cho mẹ một chai mắm nước, nhớ chưa? Tiền đây, cột cho kĩ trong lưng quần.

Và cứ thế, mỗi bà chợt nhớ cái gì lại dặn mua dặn tìm cái đó: "À quên! Còn cái này, nhớ chưa?... Nhớ chưa?" Tôi và thằng Cù Lao ra đi với hàng chục nhiệm vụ khác nhau. Lúc về đến Hòa Phước, hàng mắm, hiệu thuốc vắng tanh, làng xóm quanh hiu, mọi việc không còn như trước. Anh Bốn Linh và chú Năm Mùi lại đi đâu mất. Hôm sau mới mò về, râu ria mọc dài trông hóa khác. Anh Bốn vừa gặp tôi liền ra lệnh:

- Hai đứa phải đi ngay Phú Đa. Bảo con Ba nội nhật chiều mai phải có ngay đây.

- Chi nồn vậy anh?

- Lệnh khẩn cấp! Về để họp, để đi chiến đấu! Lại việc này nữa. Cha mày nhắn về bảo mẹ mày phải tản cư mau lên Bến Dầu. Ở Phú Đa không xong đâu. Giặc sẽ tràn đến đây, ở đây chúng nã đại bác lên tới Phú Đa như chơi. Cha mày nói phải. Ở Bến Dầu có nhiều dâu, có nghề tầm, có đi Hương Chi của mày trên đó. Nên dời mau lên đó.

Chú Năm Mùi ở ngoài bước vào:

- Lên đó là phải. Tôi biết vợ chồng Hương Chi. Lòng họ như biển. Ta nuôi tầm, Hương Chi cũng nuôi tầm. Tiện lắm.

Anh Bốn Linh ra dáng nghĩ ngợi:

- Chà! Phải tin cho mẹ mày và mấy bà trên đó biết. Phải đi xa một chặng nữa, ở Bến Dầu yên

như bàn thạch. Nay mai tôi phải đi Phú Đa cái đã!

Chú Năm Mùi vẻ sùng sốt:

- Nay mai chi nữa! Giặc đến bên lưng, chần chờ đâu được anh Bốn! Phải tính gấp chớ! Như thế này mới kịp: Thằng Cù Lao và thằng Cục phải đi ngay lên Phú Đa. Một là để cho chị Ba nó biết phải về gấp để họp. Hai là nói cho mẹ thằng Cục biết ý kiến của cha nó, là phải tản cư mau lên Bến Dầu. Sau đó, hai đứa ở Phú Đa cứ đi thẳng lên Bến Dầu, phải tin trước cho dì Năm Chi nó biết để kịp lo liệu. Giữ được chỗ trước vẫn hơn!

Chú Năm Mùi nhìn sang tôi, sờ vào râu mép:

- Chi chớ đi Bến Dầu, thằng Cục và thằng Cù Lao coi như đi chơi! Lăn trước đi Phú Đa khó khăn biết mấy, chúng làm tốt như trời!

Chú Năm Mùi đã khen chúng tôi đến vậy, làm sao có thể không đi Bến Dầu!

Anh Bốn Linh cho chú Năm Mùi nói rất phải.

Chú Năm nhìn ra ngoài trời:

- Hai chú phải đi ngay.

Tôi ngần ngại:

- Trời xế rồi chú!

- Đi đêm được rồi, sợ chi trời xế! Lần này có bị mất Cục cũng lên được Phú Đa. Đi ngay cho kịp!

Tôi và thằng Cù Lao ăn xong vài miếng, thằng Cù Lao xách nón ra đồ, tôi xách nón chạy theo. Tôi và thằng Cù Lao đi hỏa tốc. Đến Phú Đa vào lúc đổ đèn, chúng tôi ập vào nhà như một cơn lốc, nổ súng ngay:



- Gấp lắm! Gấp lắm! Giặc đã đến bên lưng, đến Túy Loan rồi! Nội chiều mai chị Ba phải có mặt ở Hòa Phước để đi... chiến đấu. Lệnh khẩn cấp, không được trễ.

Tin giặc đến Túy Loan đã đánh động cả nhà. Giặc còn ở Phước Tường, có nghĩa là giặc còn ở đầu trên núi, rất xa. Nay giặc đánh đến Túy Loan, ai cũng tưởng giặc đã bên nách. Vì Túy Loan có chợ, có đồ, Túy Loan nghe rất quen thuộc. Trong lúc cả nhà hỏi đi hỏi lại có thật địch đã đến Túy Loan không thì tôi thả thêm một quả lựu đạn, sức nổ không kém. Là cha tôi có nhắn về báo tất cả phải tản cư ngay lên Bến Dầu. Vì địch sẽ nã đại bác lên Phú Đa. Đã là đạn đại bác thì tất cả đều tan hoang. Chỉ có Bến Dầu mới yên ổn. Như vậy, cha tôi, anh Bốn Linh, chú Năm Mùi mới yên tâm được! Phải lên ngay nhà dì Năm Chi. Dì dựng lòng rộng như biển. Chị Ba sáng sớm phải xuống Hòa Phước. Còn tôi và thằng Cù Lao phải lên ngay Bến Dầu, "đi sứ" lên chỗ dì Năm Chi điều đình chỗ ở.

Những tin của tôi đã làm mọi người bật dậy. Ai cũng muốn hỏi thêm việc này việc nọ. Cả nhà xôn xao tưởng giặc đã kéo vào Phú Đa vậy.

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao quá giang thuyền chở mấm lên nguồn để đi Bến Dầu. Thuyền bò dọc sông được một lúc lại phải cấm sào nghỉ xả hơi lấy sức vượt thác. Con sông Thu Bồn ở đoạn trên

này tính nết khác hẳn. Nó không khoan thai, hiền lành như tôi thường thấy ở Hòa Phước. Nó vung vẩy, nhảy nhót, chốc chốc chơi trò nhào lộn. Những con sóng lực lưỡng quất thẳng cánh vào vách đá dựng ngược. Chúng nhảy chồm chồm tung bọt, gào rống rồi kéo nhau vụt chạy. Cảnh tượng như ở một thế giới nào lạ. Sông Thu Bồn tả xung hữu đột ra khỏi Phường Rạch mới thớ phào, xả hơi, bước những bước khoan thai, lượn giữa những ngàn dâu xanh xuống Hòa Phước, dang đôi tay ôm vào lòng vùng Gò Nổi. Tôi và thằng Cù Lao xuống Bến Dầu, vốc nước sông uống thỏa thích. Nước ngọt như nước mía. Bến Dầu ở giữa núi nhưng bãi dâu khá rộng. Tôi hỏi thăm vào nhà dì Năm Chi. Đường vào xóm là một lối mòn, cỏ ngập đến gối. Nhà dì giống như một tổ chim làm giữa cây cối um tùm. Một hàng rào vây quanh, mọc toàn các thứ cây có gai nhọn. Một con đường nhỏ quanh queo trong vườn dẫn đến một sân đất. Nhà trên, nhà dưới toàn bằng tranh. Vách nhà ghép bằng tre tấm. Chum vại, nồi niêu, cày bừa, quang gánh nằm lăn lóc dưới gốc mít, gốc chuối, gốc ổi lộn xộn. Một con chó vện mắt lim dim nằm gác mõm lên lưỡi cuốc, bật dậy nổi sữa. Một bà trạc bốn mươi tuổi, khỏe mạnh, hồng hào, tay cầm chiếc đũa bếp chạy ra. Tôi đoán đó là dì Năm Chi. Hai đứa bé tí xiu từ trong nhà vụt theo níu chân mẹ, nhìn thằng Cù Lao vẻ lăm lét. Người đàn bà huơ chiếc đũa bếp xua chó. Tôi bước đến vòng tay thừa:

- Thừa dì, chúng tôi ở Hòa Phước lên.

- Chớ các em con ai?

- Tôi là con của Tư Trang. Thành này là con ông Hai Quân, bà con với tôi về phía nội.

Hai tiếng Tư Trang như có mãnh lực làm dì sững sờ một lúc. Dì ú ớ rồi kêu lên:

- Trời ơi! Con chị Tư Trang đây hở? Chớ cháu lên đây bao giờ?

- Dạ, mới lên!

Dì bước đến ngồi thụp xuống đất, kéo tôi lại gần. Dì nhìn sát vào mặt, lại đẩy tôi ra để nhìn cho rõ hơn, lại kéo tôi sát gần lại. Sau ba lần đẩy ra kéo vào như vậy, dì mỉm cười:

- Con của Tư Trang giống mẹ như tạc!

Dì buông tôi ra, gọi to:

- Chúng bay ơi! Vào hết đây tao bảo!

Từ quanh nhà một lũ trẻ ủa vào. Có đến sáu đứa. Đứa nào mặt mày cũng nhem nhuốc, mũi dãi thò lò. Thấy tôi, chúng dừng lại. Dì giới thiệu:

- Anh của chúng mày đó!

Chúng đứng thành một hàng, mắt tròn vo nhìn tôi từ đầu đến chân. Hết nhìn tôi lại nhìn thằng Cù Lao. Chợt một đứa vụt chạy, vừa chạy vừa nhại lại dì: Anh, anh của chúng mày đó! Nhại xong, nổi cười toé toét. Tất cả bắt chước nổi cười. Tôi đi ngay vào vấn đề. Tôi thưa với dì việc mẹ cùng chị Bốn và thím Năm Mùi muốn tản cư lên trên này. Sự vui sướng của dì tràn ra khắp mặt, khắp mũi. Dì hể hả, nói tối rít:

- Phải rồi! Đúng rồi! Tránh giặc phải lên đây.

Lên đây cho có chị có em. Phải rồi! Nói với mẹ là đi bảo phải lên ngay. Dì nhường hết chỗ cho mẹ ở. Nhà trên đó! Nhà dưới đó! Ở mấy cho hết. Đám rạ có. Đám sâu cũng có. Trâu heo cũng có. Trên này làm ăn dễ lắm!

Chợt sức nhớ đến mẹ, dì vội vàng:

- À! Chớ còn mẹ ra sao?

Dì trách núi non hiểm trở, đã lâu không gặp được mẹ. Dì hỏi tất cả, từ việc lớn đến việc nhỏ. Mẹ đang làm gì, có già đi không? Năm nay, làm ăn ra sao? Mía được mấy mẫu, mấy sào? Có được mấy trâu, mấy lợn, mấy nồi đồng mâm thau? Mẹ có bệnh đau bụng, nay ra sao? Uống thuốc gì? Cất thuốc nơi đâu? Có yếu lắm không? Đi đâu đã chống gậy chưa? Hết như một cơn mưa tháng Mười ở Hòa Phước, hễ đã mưa thì mưa thật sự, mưa suốt buổi... Chị Ba đã dặn tôi, nếu ai hỏi gì phải trả lời cho rõ, không được nói không biết. Tôi phải nhớ, phải tìm, phải nói những chữ đại để như: có thể, tưởng như, nghe đâu... để trả lời cho kịp. Trong lúc đó dựng Hương Chi ở ngoài đồng về.

Tôi và thằng Cù Lao đứng lên vòng tay chào. Dựng chỉ thoáng gật đầu. Vẻ lạnh lùng, dựng đi thẳng xuống nhà bếp, rút thuốc lá khô trên giàn, đem hơ trên ông tảo rồi vẩn hút. Rút kinh nghiệm lần trước lên Phú Đa, thằng Cù Lao nhắc tôi nhớ thưa với chủ nhà. Tôi lấy hết can đảm thưa với dựng việc ba gia đình muốn xin tản cư. Dì chen nói trước. Dựng nghe xong "ừ" một tiếng, làm

như đó là việc tất nhiên, việc đương đã biết trước.

Dương hút thuốc xong, bước ra sân vớ chiếc cuốc vác lên vai, yên lặng đi ra ngõ.

Dì chạy vào bếp, thổi tro bay mù mịt, ho lẹc khếch. Dì nhóm bếp, thổi lửa, vừa hỏi chuyện vừa nấu cơm. Dương lại về. Dương vác về một vác sắn, củ to vụn vụn, cây lá còn nguyên. Dương vút vác sắn xuống sân:

- Nấu cho chúng ăn một bữa!

Dì nhìn chúng tôi:

- Dương nhổ sắn về đãi đó.

Tôi và thằng Cù Lao chưa bao giờ ăn sắn được nhiều và ngon như hôm đó. Tôi ở lại nhà đi đến chiều hôm sau để nghe dì hỏi và để trả lời những câu hỏi của dì.

Thuyền về xuôi không ghé Bến Dầu. Dương Hương Chi thân hành đưa tôi lên bến Trung Phước. Dương tìm thuyền trên đó, xin cho tôi xuôi Phú Đa. Mẹ tôi, chị Bốn và gia đình thím Năm chuẩn bị đi một khúc nữa lên Bến Dầu. Họ gửi lại một số đồ đạc ở Phú Đa. Lại phải xếp, phải gói, phải cột, phải gánh ra bến sông. Thuyền đi Bến Dầu nhỏ sào, chúng tôi quay về Hòa Phước.

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao phải gặp ngay ông Bảy Hóa để giúp ông làm một công tác đặc biệt của đội giao. Chú Năm Mùi nói đây là một công việc ít ai làm được, và chỉ có tôi và thằng Cù Lao được biết mà thôi.

- Việc chi hờ chú?

- Đó, lại hỏi! Tao đã dặn phải hết sức giữ mồm. Giặc đến, chúng lấy đầu bọn bay đó! Việc mày mày biết. Việc tớ nào tớ ấy biết. Việc toàn đội chi đội trưởng và mình tao biết. Nhớ vậy thôi.

Tôi và thằng Cù Lao đến gặp ông Bảy Hóa. Ông Bảy Hóa đã cạo bộ râu dài nay ông Bảy lại để râu. Ông Bảy đang loay hoay mài mực tàu, pha đủ các loại phẩm, tím, đỏ, xanh, vàng. Loại nào cũng đầy bát.

- Đến vẽ đó hả? Chúng bay tay học trò, mồm mại, vẽ được đó!

Ông Bảy vừa nói vừa tháo một cuộn giấy to, đem căng rộng trên ván:

- Tao phải phác ra vài nét cái đã.

- Vẽ chi ông Bảy?

- Rồi sẽ biết.

Ông Bảy ngồi chồm hồm cầm bút vẽ nguệch ngoạc một lúc. Ông vừa vẽ vừa nghĩ ngợi. Thỉnh thoảng, ông đứng lên nhìn nhìn, lại ngồi xuống vẽ thêm vài nét. Vẽ bằng bút chì xong, ông Bảy lấy mực tàu kẻ lại.

Thằng Cù Lao kêu to:

- Ông Bảy vẽ ta đánh giặc!

Ông Bảy kẻ một vành tròn. Trong vành ông Bảy vẽ thêm ba cái lỗ, hai cái to bằng nhau, một cái ở phía dưới thật to, méo xệch. Ông thêm vài nét. Tôi phân biệt được đó là cặp mắt và cái mồm. Ông Bảy kẻ lỗ mũi, vẽ tóc dựng ngược, vẽ thêm hai tay hai chân co quắp. Ông Bảy đứng lên, neho



mắt nhắm nghĩa. Ông vẽ thêm một người thứ hai. Người này có mõm dài, có đôi tai cao quá đầu, lỗ miệng lỗ mũi to quá cỡ, rất kì dị. Ông Bảy Hóa vẽ thêm những tay chân đầy lông lá. Người này đè lên người kia. Bất giác tôi reo lên:

- Tranh Thập Điện Diêm Vương!

Rõ ràng ông Bảy đang vẽ một quỷ sứ của Diêm Vương cật lưởi một người phạm tội nói láo. Tôi reo quá to làm ông Bảy giật thót như vừa thấy quỷ Diêm Vương xuất hiện.

- Vẽ chi thứ đó ông Bảy? Ông đốt tranh Thập Điện, thôi làm thầy chùa rồi mà!

- Ủ! Tao đã đệ đơn từ chức lên Phật tổ, đi chơi cho sướng! Nay Phật bắt làm lại. Tao phải đặt lại bàn thờ, thờ chư vị Thập Điện Diêm Vương!

- Đó là mê tín. Ông bảo phải bỏ mê tín. Vì...

- Hiểu rồi! Hiểu hết rồi! Cứ vẽ đi cái đã! Thằng Cù Lao bôi xanh cặp mắt này cho tao, thằng Cúc phết đỏ cái lưởi này cho tao. Lưởi bị cật nhất định máu phải trào ra! Bôi đỏ nhiều vào!

Tôi và thằng Cù Lao ngồi xuống chấm mực bôi đỏ bôi xanh, kẻ mắt, kẻ mũi, thêm râu, thêm lông, cố làm cho quỷ sứ càng dữ tợn, cho kẻ bị tội càng quần quai đau đớn. Hết cảnh người bị rút lưởi đến cảnh người bị cưa làm đôi, bị moi gan, bị dìm vào vạc dầu sôi, bị nung trên lửa đỏ. Phái mất hai ngày mới hoàn thành bộ tranh Thập Điện. Khi treo lên, nhiều chỗ còn nguệch ngoạc mù mờ. Nhưng chính sự vụng về lại tạo ra được sự ghê rợn. Ông Bảy cười tự hào:

- Diêm Vương địa ngục cũng mình làm ra cả!

*

* *

Tổ thiếu niên công tác gồm sáu đứa. Tổ chia thành hai nhóm. Tôi và thằng Cù Lao ở nhóm I, thuộc xóm trên. Tổ hoạt động dưới sự điều khiển của chú Năm Mùi. Công tác của tổ là gặp đâu đánh đó. Theo chú Năm Mùi, nó có nghĩa gặp giặc đâu là đánh ngay tại đó, đánh xáp lá cà, đánh bất cứ lúc nào, bất kì ở đâu. Theo anh Bốn Linh gặp đâu đánh đó có nghĩa là gặp gì làm nấy, không cần phải hỏi, làm mất thì giờ. Hai cách giải nghĩa đó nghe đều hay cả. Nay việc gặp đâu đánh đó là thằng Cù Lao phải nấu ngay một nồi nước chè. Sau đó, tôi phải đứng gác ngoài chỗ cây mít ở đầu đường cái. Hễ thấy người lạ mặt vào xóm tôi phải giả đồ gọi thật to: Cù Lao ơi! Thằng Cù Lao cũng gặp đâu đánh đó bằng cách ngồi gác như tôi. Nhưng nó ngồi gác ở đầu đường bên kia. Đúng là có cuộc họp bí mật! Hôm qua, anh Bốn đi họp ở huyện. Nay anh họp ở thôn. Có thầy Lê Hảo, cả đội tự vệ đến họp đông đủ. Tôi ngồi chỗ đầu con đường kiệt, mong gặp một người lạ mặt để có thể gọi to: Cù Lao ơi! Nhưng chẳng thấy ma nào cả. Họp xong, anh Bốn Linh đi thẳng ra bên dò sang bên kia sông. Chị Ba và thằng Cù Lao ăn xong cũng theo anh Bốn Linh sang đầu bên đó. Tôi hỏi chị Ba đi đâu, chị nói lơ lửng:

- Chị đi làm việc. Việc xong chị về!

Chú Năm Mùi không sang bên kia sông. Chú

đi thẳng vào chùa với ba chú tự vệ. Họ vào ở trong chùa rất lâu, lúc trở ra tôi thấy người nào cũng lấm đầy đất, mặt mũi đều nhọ nhem. Tôi đoán họ vào chùa để luyện các thế võ. Các thế võ trời địch lẫn này phải rất khủng khiếp. Tôi rất muốn xin theo vào chùa, nhưng chú Năm không cho phép, vì tôi còn phải giữ nhà. Nhỡ anh Bốn Linh đột ngột từ bên kia sông trở về, tôi phải có mặt để nhận những nhiệm vụ cấp tốc.

Tôi ngồi một mình đợi anh Bốn. Chiều xuống, trong nhà ngoài ngõ đều thấy vắng tanh. Khi chưa tản cư, khắp xóm luôn luôn vang lên tiếng nói, tiếng cười, tiếng gà gáy heo kêu, tiếng gàu khua, những tiếng quen thuộc từ lúc bé thơ, nay tất cả im lặng! Sự quạnh hiu hóa rùng rợn. Tôi không dám ngồi một mình. Tôi vụt đứng lên, chui rào chạy sang bà Hiến. Tôi bước rất khẽ dòm vào bên trong nhà bà. Chẳng thấy bà Hiến đâu cả. Chợt có tiếng khịt mũi rồi bóng một người từ dưới đất ngói lên. Thì ra là anh Bảy Hoàn. Anh từ trong hầm chui ra. Cái hầm đó ở ngay dưới bếp của nhà bà Hiến. Anh Bảy ở trần tròng trọc, tay cầm chiếc xẻng ngắn cán, khịt khịt ồn ào. Anh vụt xẻng xuống đất, phúi đầu, phúi tai lia lia lấm lấm:

- Còn phải cái nắp cho tốt, đập cho thật kín. Phải để ngày mai...

Anh Bảy không thấy tôi. Nói xong anh đi thẳng về phía giếng nước.

Tôi gặp bà Hiến, bà ngồi phía trước nhà. Bà hỏi tôi vào nhà bà bằng ngã nào. Tôi nói tôi chui

rào và vừa thấy anh Bảy Hoành đào hầm bí mật trong nhà bà. Bà tỏ vẻ không bằng lòng bảo tôi không nên chui ngả sau như vậy. Bà bảo tôi phải quay về. Nhưng quả thật hôm đó tôi chỉ muốn ngồi lại, nằm queo, ngủ trước sân nhà bà cũng được.

Loáng thoáng có tiếng thằng Cù Lao đằng nhà anh Bốn Linh. Tôi vụt chạy sang, suýt nữa tôi ôm choàng lấy nó.

- Ở nhà một mình, chán lắm Cù Lao ơi!

Tôi đang cần có thằng Cù Lao để trút hết những việc bí mật tôi vừa biết:

- Nè Cù Lao, tao bắt gặp anh Bảy Hoành đào hầm bí mật. Hầm ở ngay dưới ba ông táo của nhà bà Hiến. Trên nắp hầm đặt ba ông táo, như vậy có trời biết, phải không Cù Lao? Nè Cù Lao, đội tự vệ vào chùa tập các thế võ. Lần này họ vật nhau khủng khiếp quá. Người nào cũng bết đầy đất...

Thằng Cù Lao cắt ngang:

- Không phải luyện võ đâu! Họ đi đào hầm bí mật trong chùa đó.

Thằng Cù Lao nói nghe có lí. Vì tôi thấy chú Năm khi về nhà cũng có mang theo chiếc xẻng.

Thằng Cù Lao nói khe khẽ:

- Hiện nay làng mình chỗ nào cũng có hầm bí mật. Hầm bí mật có nhiều góc ngách ăn thông ra đến bờ tre. Các anh bộ đội bên kia sông cũng lo đào hầm, nhiều lắm! Giặc muốn lấy sông Thu Bồn làm phòng tuyến bảo vệ cho Đà Nẵng. Ta nép bên kia sông cứ cho những mũi nhọn thọc

qua. Cuối cùng ta sẽ đánh rốc lấy lại Đà Nẵng...

Tôi hỏi:

- Ai nói vậy?

- Anh Bốn nói vậy!

Chợt thằng Cù Lao nín lặng, nhú mảy. Nó thu tay đánh cái cốc vào trán. Hối ra tôi mới biết nó vừa cho ra những bí mật! Anh Bốn Linh đã dặn đi dặn lại bảo nó phải giữ bí mật, nhưng nó cứ quên!

Tôi nói:

- Chỉ đâu mà sợ! Anh Bốn không biết đâu!

- Anh Bốn không biết nhưng phải chừa, không khéo có ngày mất mạng!

Tôi vừa nhớ lại những cách thường dùng để chừa những việc... bậy bạ. Thường là phải thề, lắm lúc phải thề rất độc, thề phải bị học máu trào cơm. Ông Bảy Hóa còn bắt phải thề sẽ bị quỷ sứ móc mắt moi gan nếu còn phạm tội hái ổi. Nhưng tôi với thằng Cù Lao thấy chỉ nên cam đoan. Tôi và thằng Cù Lao cùng cam đoan không để lộ bí mật nữa.

Anh Bốn Linh nói chuyện với chú Năm Mùi về tình hình chiến sự. Bọn Pháp ở Đà Nẵng muốn tốc chiến tốc thắng, nhưng làm không nổi, vì du kích ta hoạt động mạnh lắm. Bốn tháng đã qua, chúng chỉ ra đến Túy Loan. Ta đánh rất dữ ở Gò Cà chặn đứng chúng lại. Dù chúng có đến Ái Nghĩa, Hòa Phước nhả nha còn được. Trong giai đoạn vừa qua, mọi người phải "quýnh trống chiến". Ở trên bảo gì thì đã "chúi mũi chúi lái" làm hết cả rồi. Chẳng còn gì phải lo lắng nữa!

Chú Năm Mùi rung đùi:

- Cứ tạm vậy đã. Kế ta làm là kế lâu dài, ăn làm còn lâu. Rồi đây, ta cứ tía dần! Chỗ này vài đứa, chỗ kia vài đứa! Ít cũng hóa nhiều, ai cũng làm được. Biến hóa vô cùng! Thật là Khổng Minh chi kế!

Chú Năm Mùi nói xong nhìn ra ngoài thỏ phào. Trời Hòa Phước trong xanh. Lơ thơ vài chòm mây trắng đứng im, như không bao giờ thay hình đổi dạng. Một cánh bướm trắng sau bãi dâu lấp lánh...



Trên cây sung, bọn cà cuống đang trò chuyện. Chợt có tiếng ông Kiếm Lài gọi gấp bên kia rào.

Anh Bốn Linh đứng lên hỏi:

- Chi vậy, ông Kiếm?

Tiếng ông Kiếm Lài hoảng hốt:

- Giặc đến trên đàng cái rồi!

- Đàng cái nào?

- Đàng cái Ái Nghĩa!

- Thiệt không?

- Thiệt mà!

Ông Kiếm Lài nói chưa dứt lời, tiếng ình oàng nổi lên vang dội. Tiếng nghe gần lắm! Chốc chốc vang lên tiếng tạch, tạch! Anh Bốn Linh rút cây kiếm giắt trên phen, gọi chú Năm Mùi bước nhanh xuống xóm dưới. Tiếng trống báo động phía Giao Thủy nổi lên. Anh Bảy Hoàn, ông Bảy Hóa, đội tự vệ vác mã tấu chạy băng qua đồng về phía chòm đa Lí. Tôi và thằng Cù Lao vút đồ đạc xuống hầm, mang nồi niêu, gạo muối theo chị Ba ra vạ. Bà con trong làng gồng gánh đổ về phía sông. Dượng Hương Thư đã bố trí đồ chờ sẵn. Tôi ngồi trên đồ quay nhìn lại. Hòa Phước vẫn im lìm trong tre mít. Tận nơi xa, một vài cột khói đứng lặng im.

Tôi và thằng Cù Lao theo chị Ba qua đò. Tôi yên trí chị Ba đi thẳng lên chỗ mẹ đang tản cư. Nhưng chị Ba rẽ vào một con đường kiệt, im lặng đi mãi. Chị đi theo một con đường nhỏ ngoằn ngoèo đến một xóm hẻo lánh, tên là xóm Cây Thị,

Võ Quảng

Ở đó một chị trạc tuổi chị Ba, nhai trầu nhóp nhép đang chờ sẵn. Chị đó đưa chị Ba đi quanh xóm, chỉ chỗ của anh Huynh nào đó sẽ đến đóng và chỗ dành cho anh Bốn Linh và đội tự vệ qua ở.

Bất giác, tôi nói:

- Anh Bốn bảo phải tản cư lên Bến Dầu, chị Bốn ở trên đó.

Chị Ba quay lại nhìn tôi. Cách nhìn của chị Ba làm tôi chột hiểu là tôi phải lặng im, không nói như vậy vì không đúng lúc. Chị Ba leo lên một ngọn đồi, trên đồi có một ngôi miếu gọi là Miếu Đồi. Trong miếu chỉ có toàn giường, có đến sáu chiếc giường nhỏ, trải chiếu mới. Bên tường còn có hai chiếc đòn khiêng và hai chiếc võng. Chị Ba nói với chị đang nhai trầu:

- Việc chúng mình thế là xong! Còn việc tiêm kim và băng bó, đó là việc của các anh ở huyện.

Ở đây khi nhức đầu sổ mũi đã có người tiêm kim. Khi ốm đau có giường nằm. Mọi việc tiếp đón đồng bào tản cư ở đây thật sẵn sàng và chu tất.

*

* *

Thầy Lê Hảo vừa tản cư qua sông gần xóm Cây Thị. Thầy cho biết rõ là giặc mới đến áí Nghĩa. Ở Áí Nghĩa, chúng canh sủng cối nã khắp quanh vùng. Thầy bảo anh Bốn Linh bên đó nhấn chị Ba phải tìm mua mười ve dầu Nhị Thiên trị cảm. Cứ cho tôi và thằng Cù Lao mang về Hòa



Phước, đem giao cho bà Hiến. Giặc chưa đến, cần đưa sang ngay. Chị Ba mua bông, bỏ vào hai cái bọc. Ăn sáng xong, tôi và thằng Cù Lao đi Hòa Phước. Ra đến bến vừa gặp đò. Như vậy là điềm may. Tôi bước lên đò ngồi ngay trước mũi. Gió sớm mát rượi. Sông Thu Bồn tỏa một màu xanh đến cuối trời. Thằng Cù Lao cúi xuống sông khuấy nước:

- Lúc về tắm một cái cho nó mát!

Chợt một tiếng đoàn như sét đánh. Thằng Cù Lao bật dậy. Nhiều tiếng nổ dữ dội. Những tràng súng máy nghe gần lắm. Tôi hoảng hốt, nhảy phóc lên bờ. Thằng Cù Lao kéo tôi chạy nép vào một bụi bói ngồi dòm ra. Bên kia sông, một cột khói cuộn lên, lại một cuộn khác... Thằng Cù Lao giật thót:

- Lửa! Nhà cháy rồi! Lửa! Lửa!

Tôi trở mắt nhìn. Xóm trên và xóm giữa của Hòa Phước có nhiều cột khói ùn lên. Một chốc sau, những tràng liên thanh thưa dần. Có tiếng súng bắn từng phát một.

Thằng Cù Lao thì thầm:

- Súng trường của ta đó!

Đến trưa, tiếng súng bên kia sông vẫn chưa im hẳn. Khắp sông không có một bóng thuyền. Đò đã trôi đi đâu, ông lái đò cũng biến mất. Tôi và thằng Cù Lao phải quay về xóm Cây Thị.

Một số bà con ở Hòa Phước cũng tản cư qua xóm Cây Thị. Họ qua sông, đi vài cây số rồi dừng

lại. Chị Ba bảo tôi và thằng Cù Lao đi quanh một vòng xem ai tản cư qua xóm Cây Thị. Chúng tôi đi một vòng vào chợ. Khi gặp bà con Hòa Phước, họ hỏi:

- Nhà mày bị cháy không Cục?

- Dạ, cháy rồi!

- Nhà tao, chúng đốt rồi!

Tôi và thằng Cù Lao bắt chước chú Năm Mùi:

- Mất của nhưng người còn là quý lắm! Sau này độc lập dựng lại cái khác tốt hơn!

Trâu bò đủng đỉnh ngoài đồng đây về suy nghĩ. Lợn thu hình nằm trong giỏ biết thân phận mình, chỉ ụt ịt khe khẽ. Bọn chăn trâu đi tản cư gặp thằng Cù Lao reo ầm như lâu lắm mới gặp lại! Đứa nào cũng cho nhau biết những tin tức ở làng, chuyện giặc đốt nhà, chuyện chúng giết trâu.

Tôi gặp ông Bốn Rị vừa tản cư sang.

Tôi hỏi ngay:

- Nhà ông bị đốt chưa?

- Mô phật! Chúng chưa đốt! Xóm mày cháy trụi!

Ông nhăn mặt:

- Tây đông lắm. Chúng bắn loạn xạ loạn xạ. Chúng đốt nhà mày rồi, đốt nhà anh Bốn Linh rồi! May có ông Bảy! Ông không sợ súng. Ông xông vào chữa cháy. Ông nhảy lên mái nhà, tốc tranh, ông chặt chuối ném lên. Ngọn lửa không bắt được, vài nhà chưa cháy.

Ông Bốn xắn quần chìa chân:

- Tao liều mạng chạy theo ông Bảy. Tao đập vào lửa phồng chân đây này!

Ông Bốn hỏn hén:

- Ta tung lựu đạn. Chúng nhào lăn! Chết nhiều lắm! Chúng vào nhà bà Bảy Đá cướp tiền bà rồi!

- Tiền của bà chôn dưới đất mà!

- Có đưa chỉ điểm, chúng biết hết! Bà xông đến giật tiền lại. Chúng bắn, đoàng! Mô phật! Bà không chết! Tao khen ông Tư Đàm. Ông Tư Đàm áo dài khăn đen, cúi chào các "quan lớn". Ông khai với giặc ông có mười mẫu dâu, có năm đôi trâu, Cộng sản cướp hết. Nay có các quan về, thù này ông phải trả. Nhưng ông còn sợ, vì Cộng sản đông quá. Lính Cộng sản có đến năm trăm thằng có đủ súng ống. Chúng đào hầm khắp các bờ bụi, hiện nay đang núp dưới đó. Hễ ông nói sai thì ông xin đưa đầu cho quan lớn chặt. Bọn giặc nghe vậy nháy nhau rút lui. Tao khen ông Tư Đàm, ông Tư Đàm giỏi quá! Nói láo làm giặc sợ rút lui!

*

* *

Đồng bào nhiều xã ở xa bên kia sông tản cư sang bên này sông. Có người tôi biết. Những người này nổi danh khắp tổng. Trước đây, họ đi ngựa hoặc đi cáng qua làng. Họ là những nhà giàu hoặc có chức tước. Người bốc thuốc giỏi, đánh quyền giỏi, học giỏi, nói láo giỏi cũng được nhiều người biết. Trước đây, khi họ đến Hòa Phước, trẻ con biết được, kéo nhau đi xem. Đồng bào bên

này kháo nhau bảo dân bên kia sông có nhiều tiền. Bên kia sông là đất dâu tằm, bán bó tơ được bó bạc. Họ đi tản cư mang theo bó bạc to tướng. Cũng đồng bào bên này sông kháo nhau bảo dân bên kia sông nghèo xơ nghèo xác, cũng vì nghề tằm. Hễ thua tằm là bán vợ đợ con, đi tản cư không mang theo được lon gạo!

Có tin đồn là ta vừa bắt được Việt gian, mặt mày trông quá dữ tợn. Nó trà trộn với dân tản cư để điều tra tình hình. Nó vào chợ. Ta cho người theo dõi. Quả nhiên nó là gián điệp, nó ra hiệu cho máy bay đến bắn. Tôi và thằng Cù Lao len lỏi trong các xóm chợ thấy hiện ra một con sông. Thì ra cũng là sông Thu Bồn. Con sông đằng xa, vạch một nét thẳng tắp. Hòa Phước bên kia sông kéo thành một vệt xanh thắm trông lạ lạ, như nơi nào khác. Thường lệ vào lúc xẩm tối địch ở Đà Nẵng nổ một loạt súng. Địch ở Giao Thủy cũng nổ một loạt súng. Những chùm pháo sáng từ đồn Giao Thủy bay lên, tỏa những ánh sáng xanh lè, rồi phụt tắt. Ở tận cuối trời, một đám cháy lóa lên vàng rực. Nhiều đám cháy nổi lên chỗ khác, ngọn lửa cứ sáng đi sáng lại vài lần mới chịu tắt. Có đám cháy gần hơn, làm ứng sáng cả một vùng. Tôi nghe như có tiếng thét bay lên cùng ngọn lửa.

* *

Theo chị Ba thằng Cù Lao được cấp trên nhận xét tốt. Nó thuộc thành phần cố nông. Cha nó từng bị lí trưởng đánh phải bỏ làng ra ở ngoài biển

Đông, đã nung nấu ý chí cách mạng. Nó bơi giỏi, lặn giỏi, chạy giỏi, có cặp mắt tinh, có lỗ tai thính, tất cả ngõ ngách ở làng nó đều biết hết. Về tôi, cấp trên nhận xét tôi đang còn lấu tấu, thô lỗ, vụng về. Nhưng qua việc làm vừa rồi thấy có tiến bộ. Trong việc đi lấy củi, việc lên xuống Phú Đa tôi có nhớ đường, và khi tập bơi tôi không bị uống nước.

Đã được thử thách như vậy, tôi và thằng Cù Lao sẽ được giữ việc tiếp tế cho đội tự vệ lúc ở tiền tuyến lúc ở hậu phương.

Tôi hơi sốt ruột:

- Làm tiếp tế là làm chi chị Ba?

- Bên Hòa Phước đang cần bông. Mà và thằng Cù Lao đưa bông tiếp tế. Mà và thằng Cù Lao phải về Hòa Phước. Phải mang muối qua, muối dự trữ bên đó bị tan ra nước. Đợi trời tối hãy đi. Ban đêm, giặc chui hết vào đồn, ta tự do qua lại.

Vâng theo lời chị Ba, tôi và thằng Cù Lao phải đi tiếp tế. Ra đến bến đò trời vừa xẩm tối. Trời không một đốm sao. Con đò lướt khe khẽ như đang phân vân phải đi vào một nơi đông đặc bóng tối. Một cơn gió thổi mạnh, lác đác mưa rơi. Tôi bước xuống đò, hai tay ôm chặt gói bông, cầm đầu đi về phía trước. Bóng tối và mưa đêm nút kín đất trời. Tôi lò dò bước từng bước một, thằng Cù Lao bước sát theo sau. Bước được một quãng, tôi bị va vào một cành cây. Tôi sờ soạng biết đó là một hàng cây bã đậu. Tôi tránh sang phải, đi vòng

quanh. Đi được một chốc lại bị gai cào. Tôi sờ soạng. Đó là những lùm dứa dại. Tôi kéo thằng Cù Lao tránh sang trái. Hết tránh sang trái lại quẹo sang phải. Tất cả những gai góc, bờ bụi, hang hốc như dựng lên đủ thứ chướng ngại vật. Bãi dâu trong đêm mưa rất khác với bãi dâu bát ngát khi tôi ngồi trên lưng trâu Bình giữa làn gió chiều mát rượi. Tôi và thằng Cù Lao đã đi được một lúc lâu. Nhưng cũng chưa phân biệt được đâu là dâu, đâu là sông, đâu là làng nữa. Tôi dừng lại:

- Chỗ mô đây, Cù Lao?

- Chẳng biết! Lạc hướng rồi!

Thằng Cù Lao khịt mạnh:

- Đi hết bãi dâu phải gặp triền đất. Phải lên dốc. Lên khỏi dốc là vào làng. Sao chẳng thấy chi hết? Phải tìm chỗ triền đất. Đám ngang bên phải thử coi.

Thằng Cù Lao dắt tôi đám ngang bên phải. Đi một chốc, chúng tôi va vào một vách đất.

Tôi reo lên:

- Triền đất đây rồi!

Tôi theo thằng Cù Lao leo lên triền. Nhưng cũng không nom được triền đất này nằm đúng nơi nào. Chúng tôi lò dò đi về phía trước, lúc băng qua ruộng, lúc giẫm lên bùn, biết đang đi trên một cánh đồng. Tôi vấp vào một mô đất. Gối bông văng tung. Tôi mò quanh đất. Chẳng thấy bông đâu cả. Thằng Cù Lao nhớ chị Ba có cho nó mấy que diêm, nó đang giữ trong túi áo:



- Chà may quá! Lại có giấy đây nữa.

Một tiếng "soạt". Que diêm bật lửa. Tia lửa ồm yếu, do dự. Tôi nín thở. Đốm lửa bé thơ lớn dần. Thằng Cù Lao rút giấy đặt cho lửa bắt, nhưng ngọn lửa cứ dừng dừng, leo lắt rồi tắt biến.

Tôi hỏi:

- Còn nữa chớ?

Có tiếng xé giấy rồi một tiếng "soạt" rất khẽ. Que diêm bật sáng. Tia lửa bắt cháy đây hi vọng. Thằng Cù Lao đưa giấy cho lửa liếm. Lửa liếm sang giấy, lớn dần. Ánh sáng tỏa ra. Tôi cố tìm xung quanh bông rơi chỗ nào. Chợt một cơn gió nổi lên. Ánh sáng phụt tắt. Tất cả trở nên kín mít. Thằng Cù Lao bảo cứ đi về phía trước nhất định sẽ gặp xóm làng. Tôi đứng đây bước khập khễnh. Chợt có tiếng quát vang dội:

- Đứng lại!

- Bắt! Bắt! Bắt lấy nó!

Tôi hoảng quá nổi la làng.

Tiếng quát to hơn:

- Ai?

- Chúng tôi! Cục và Cù Lao đây.

- Làm gì ở đây?

- Đi lạc vào đây!

- Cộng sản rồi! Tóm cổ lại. Đưa về đồn cho ông lớn!

Người tôi nghe lạnh toát. Tôi đã đi lạc vào hang ổ của giặc. Một thằng chop tay tôi kéo tôi đi. Thằng Cù Lao bị lôi theo sau. Giặc bắt tôi chui

qua những nơi tốiมืด, đẩy tôi vào một căn hầm, bên trong chỉ một ngọn đèn dầu le lói. Giặc bắt chúng tôi phải ngồi im. Bên ngoài có tiếng chân chạy. Có tiếng hỏi:

- Thằng Cục, thằng Cù Lao phải không?

Nếu không phải là ma quý thì đó là giọng nói của chú Năm Mùi. Giọng nói đó tôi nghe quen từ nhỏ! Tôi bật dậy:

- Chú Năm! Chú Năm!

Chú Năm chạy đến sờ đầu sờ cổ chúng tôi, hỏi đầu đuôi mọi việc. Chú bước ra ngoài lấy áo quần khô, bắt chúng tôi thay ngay. Tôi hỏi chú Năm đây là đâu, chú đang làm gì? Chú Năm bảo chú đang ở trên đám đất của một làng. Làng đó ở trong một tỉnh. Tỉnh đó của một nước Việt Nam. Chú ở đây để "đền nợ nước". Những người vừa bắt tôi và thằng Cù Lao là người của ta cả. Tôi và thằng Cù Lao cố ngủ yên. Ngày mai phải dậy thật sớm để về Hòa Phước.

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao được chú Năm Mùi gọi dậy để về Hòa Phước. Trời chưa sáng. Chúng tôi theo chú Năm đi về hướng sao Mai lấp lánh. Tôi đoán đêm qua tôi đi lạc đến chòm sao Lí. Chú Năm dặn những việc cần làm khi về lại xóm Cây Thị. Đi được một quãng, chú dừng lại, chỉ cho chúng tôi cứ đi thẳng về phía trước. Hòa Phước ở ngay trước mặt. Chú Năm quay gót, không biết



chú về phía nào.

Trời sáng dần. Hòa Phước hiện ra trước mặt hoang vu như một nơi nào xa lạ! Ở xóm trên, các lối đi bị xóa mất. Nhìn lâu mới nhận ra chỗ nhà tôi ở. Nhà dưới của bác Úc dính liền với nhà ông Kiểm Lại. Trước kia, hai nhà có một bờ rào ngăn đôi. Rào giậu đều bị hạ, những nhà còn lại như bị dời sang chỗ khác. Nhà trên của tôi cháy trụi. Nhiều nhà khác cũng bị cháy. Tất cả ngổn ngang.

Tôi và thằng Cù Lao mò đến nhà bà Hiến dòm vào bên trong. Bà Hiến quần kín trong chiếu. Tôi gọi:

- Bà Hiến ơi!

Vẫn im lặng. Tôi gọi to hơn:

- Bà Hiến ơi!

Cũng vẫn im lặng. Tôi vỗ vào chiếu:

- Bà Hiến ơi! Ngủ đã đủ! Thằng Cục và thằng Cù Lao đây này.

Chiếc chiếu bật ra. Bà Hiến ngồi dậy, nhìn sừng sốt.

Tôi chộp tay bà:

- Không phải giặc đâu!

Bà Hiến giật thót, chấp hai tay khấn vái:

- Nam mô Phật! Vong hồn hai cháu đừng về phá bà, tội nghiệp!

Thằng Cù Lao nghiêng sát vào tai bà:

- Cù Lao và Cục đây mà!

- Mô Phật! Hồn phải cho khôn, hồn đừng có dại. Đừng về phá bà, tội nghiệp!

Tôi cãi lại:

- Có ai chết đâu!

- Thằng Cù Lao chết rồi! Thằng Cục chết rồi! Chú Năm Mùi nói bà biết rồi! Bà chiêm bao thấy chúng về thăm bà.

Bà Hiến rên rỉ, cố giữ không để bật tiếng khóc.

Tôi hươ tay đá chân:

- Hai đứa còn sống sờ sờ đây này!

Thằng Cù Lao xỏ gối áo quần bị ướt, đưa bà Hiến xem:

- Nếu chết rồi, sao có được đồ ướt này? Qua sông bị mắc mưa. Đêm qua có mưa, nhớ không?

Thằng Cù Lao móc túi rút ve đầu Nhị Thiên của chị Ba cho, xoa vào lỗ mũi bà Hiến:

- Người chết làm sao có được đầu này!

Bà Hiến chưa hoàn hồn:

- Có thật hai đứa đây không? Bà thấy khác quá!

Tôi nhìn lại thằng Cù Lao. Quả thật nó khác hoắc. Tôi phì cười. Quần áo của chú Năm đưa thay đêm qua quá rộng, làm nó hóa lạ. Thằng Cù Lao nhìn tôi. Nó cũng bật cười. Áo tôi mặc dài quá đầu gối. Thằng Cù Lao giũ đống áo quần bị ướt:

- Tối qua hai đứa bị ướt, chú Năm bắt phải thay áo thay quần. Chú dặn phải phơi ngay quần áo ướt để mặc về. Áo quần của chú phải gởi lại đây. Chú sẽ đến lấy. Nghe rõ chưa?

Bà Hiến thấy tôi và thằng Cù Lao cười nói tự nhiên đã tươi tỉnh lại. Bà sờ tay chúng tôi thấy ấm



như tay người sống. Đột ngột, bà khóc òa.

Bà Hiến kể lại chú Năm Mùi cho biết tôi và thằng Cù Lao bị chìm đồ. Chúng tôi chìm xuống sông, sau đó, không thấy ngoi lên nữa. Ai hỏi bà cứ nói vậy. Cả gia đình tôi cũng chết đường chết sá không còn ai nữa. Bà chẳng thấy ai về làng cả!

Chú Năm Mùi dẫn tôi và thằng Cù Lao buổi sớm không được ra khỏi nhà. Phải đề phòng giặc đi lùng. Có giặc đến, phải xuống hầm bí mật, có bà Hiến hướng dẫn. Đợi chiều xế mới ra mót ngô ngoài bãi dâu, lúc đó giặc không đi lùng nữa. Đến tối, chúng tôi ra chờ đò về xóm Cây Thị.

*

* *

Xóm Cây Thị bên ngoài cũng như tất cả các xóm khác. Cũng những cây mít, cây chuối, cây cau. Mỗi buổi sáng sớm, con gà trống đứng trước sân rộng to không kém con gà trống của anh Bốn Linh lúc trước. Đến nửa buổi bọn gà mái nổi tặc ta tặc tác khoe với khắp làng chúng đã đẻ trứng. Ngoài xóm chỉ vậy, trong xóm lại khác. Nhà nào cũng đông. Người tản cư về đây không mang trẻ con, lợn gà, nồi niêu, chén bát linh tinh như những nơi khác. Có nhà tập trung đến sáu bảy người, toàn là người lớn. Họ không phơi đồ trắng ra ngoài, không lê la ngoài đường. Một số gặp nhau, ngồi dưới gốc mít bàn bạc. Họ rút trong xác quyển sổ tay, lấy bút chì ghi chép. Có người tản cư đến một hôm, chột lại đi nơi khác. Có người

ngủ suốt ngày, đến tối lại đi đâu. Anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, đội tự vệ thỉnh thoảng cũng có mặt ở xóm Cây Thị. Họ về lấy mìn, lấy lựu đạn, về ngủ một giấc rồi lại đi. Tôi gặp ông Bảy Hóa bước lên đò. Ông mặc áo cà sa, cổ đeo tràng hạt. Khi vào đến xóm Cây Thị, ông Bảy Hóa chỉ mặc bộ đồ cộc, đeo dao găm, tập quân sự. Không chỉ ông Bảy Hóa, người khác khi về lại bên kia sông đều hóa khác như vậy. Chị Bảy Cọ về Hòa Phước mặc chiếc áo vá, đội chiếc nón rách. Chị lấy nước nghệ bôi lên mặt. Người chị xinh đẹp bỗng hóa vàng vọt bủng beo giống đứa ăn mày. Chị Ba vờ quát:

- Về bên kia xin ăn, đây không có cơm thừa đâu!

Chị Bảy Cọ ngửa chiếc nón rách còng lưng van lơn:

- Lạy bà! Thân con đói khổ. Con xin miếng cơm thừa!

- Xéo! Bà sai con hầu ra quát cho coi!

Chị Bảy quát mắng:

- Tao là Phật Quan âm đây! Tao giả ăn xin để thử lòng dạ mấy. Tao phải bắt mày về châu âm phủ! Thôi tao đi đây.

Tôi và thằng Cù Lao đưa chị Bảy ra đến bến đò lúc nhá nhem rồi quay lại. Tôi biết chị Bảy mang theo lựu đạn về Hòa Phước trao cho tự vệ.

Nhiều việc ập đến. Tôi và thằng Cù Lao cũng "búi xồm xồm" như người lớn. Nhiều việc mới đó

tôi đã quên. Tôi tiễn bà đốc Thụ và chị Tuyết Hạnh lên thuyền tản cư lên Trung Phước. Thuyền chị Tuyết Hạnh lẩn sau bãi dâu là tôi đã quên chị. Thằng Sơn Hải theo ông nó lên nguồn. Sau đó, có người bảo hai ông cháu đã xuống biển. Có một điều chắc chắn là đội tự vệ Hòa Phước ăn mắm của ông Biện Thành. Mắm đến xóm Cây Thị bằng đường nào tôi không biết. Thỉnh thoảng có người gánh mắm, gánh bún đến xóm Cây Thị để đổi khoai. Nhưng khi mở bầu lại thấy lựu đạn với chông sắt. Các thứ đó được chị Ba cất giữ kín đáo thỉnh thoảng có người về nhận. Nhiều người ở tận ngoài Túy Loan cũng biết tìm đến xóm Cây Thị. Họ hỏi chị Ba như người quen biết. Có một sợi dây bí mật nối tất cả lại. Có đến mười chị ở khắp nơi cũng tìm về xóm Cây Thị. Họ về dự lớp cứu thương. Và bất ngờ quá, cả chị Tuyết Hạnh cũng về dự! Chị biết trước về xóm Cây Thị sẽ gặp tôi và thằng Cù Lao. Gặp lại chị Tuyết Hạnh thật là thích. Không phải chị đi dự lớp, mà chị về để mở lớp huấn luyện. Oai quá! Chị đã học lớp cứu thương, nay về dạy lại. Lớp sẽ mở chỗ Miếu Đồi trên gò. Chị cho biết ông đốc Thụ cũng sẽ tạt qua xóm Cây Thị để dự lễ bế giảng lớp huấn luyện. Tôi và thằng Cù Lao cũng muốn xin học lớp cứu thương, vì cứu thương cũng oai bằng kỹ sư, bác sĩ... Ở chị Tuyết Hạnh những cái "sẵn sàng", càng nhiều hơn trước. Chị sẵn sàng vừa dạy vừa nấu cơm, sẵn sàng đi trông sẵn với chị Ba trong núi,

sẵn sàng kể tiếp cho chúng tôi nghe những chuyện tương cướp giết gân. Chú Năm Mùi nói: Con gái của bác sĩ mà giỏi quá!

*

* *

Tình hình trở lại yên tĩnh. Một vài gia đình đã hồi cư. Giặc thường cố thủ trong đồn. Tề ngụy chúng chưa đặt được.

Mẹ tôi, chị Bốn Linh, thím Năm Mùi rất muốn về. Chị Bốn Linh nói giặc bắt thì mình cứ khai: Chồng tôi đi làm cho Việt Minh, tôi nín lại sao được? Chúng hỏi chồng mình đâu, mình nói: "Ông ấy chết bờ chết bụi đâu rồi! Mấy lâu không thấy!" Tôi và thằng Cù Lao tự do trở về, vì chúng tôi chỉ là bọn con nít. Nay mai mẹ tôi sẽ về. Tôi và thằng Cù Lao phải về trước, ở tạm với ông Bảy Hóa trong chùa. Gạo mấm cứ về xóm Cây Thị mà lấy. Chúng tôi về trước để kịp tĩa ngô. Ban đêm sẽ có chú Năm Mùi, hoặc chị Ba về dọn đất.

Tôi và thằng Cù Lao mang gạo, muối, nồi niêu về Hòa Phước, vào chùa ở với ông Bảy Hóa. Nhưng tôi và thằng Cù Lao muốn xây dựng một "lâu đài" để ở và nghỉ ngơi cho sướng. Chúng tôi nhặt hai tấm vách đặt dựa vào nhau làm thành hai mái nhà. Chằng cần cột. Hai cái vách chụm lại thế cho cột, cho kèo, cho tường, cho tất cả các loại cửa. Thằng Cù Lao cắt mo cau lợp lên nóc. Chúng tôi thỉnh thoảng trốn khỏi chùa, chui vào "ngự" trong lâu đài vừa xây dựng. Nhiều gia đình chưa hồi cư. Làng xóm vắng vẻ. Khi vắng người, loài vật tự do sinh nở. Ao đầm không bị mò vét,



tôm cá sinh sôi. Bọn cá quả dất con cháu bơi lội nhón nhơ. Tôi và thằng Cù Lao bắt chước người lớn chọn một tấm phen tre buộc túm lại một đầu, lấy cành tre nhét vào bên trong. Tất cả đem chìm xuống ao. Sau vài ngày lại kéo lên, bắt được khối tôm cá. Chuột cũng rất nhiều. Lúc xóm làng còn đông đúc, tiếng cười tiếng quát, tiếng chó sủa làm chúng hoảng sợ, suốt ngày phải lo chui rúc. Nay được thoải mái, chúng chiếm các bờ bụi, qua lại ngang nhiên. Nhất là chuột đồng, ngô khoai bỏ vãi ngoài đồng nuôi chúng béo núc. Chúng tôi đốt đuốc nhét vào hang. Chuột phóng ra, thằng Cù Lao chop cổ, chặt đầu, mổ bụng, đem ướp với muối và nghệ, đốt lửa lên nướng. Thịt nhái bén ngon hơn. Nhái nép dưới hòn đất, tôi lật đất lên. Chúng nhảy loạn xạ. Chúng tôi bắt bỏ giỏ mang về nhà, cũng làm món nướng. Rau má, rau dền, nhiều vô kể. Trời Hòa Phước quả là một kho lương thực vô tận. Tôi và thằng Cù Lao cứ "tự cấp tự túc". Chẳng cần phải nài niều mâm bát gì cả. Ăn xong chúng tôi ra sông Thu Bồn uống nước. Uống xong phải chạy nhanh về nhà. Chúng tôi lo có một chiếc cáng thương binh đã đến đợi. Ngoài việc tiếp tế, tôi và thằng Cù Lao còn giúp ông Bảy Hóa đưa đường cho cáng thương binh đi từ chùa ra đến bến đò Hòa Phước.

*

* *

Bà Hiến chạy gọi mọi người phải mau mau thức dậy, vì giặc đang đổ xuống ở bến Hòa Phước. Chúng theo đường sông kéo từ đồn Giao Thủy

xuống. Nếu giặc vào làng, xóm trên đã có kế hoạch di chuyển vào phía chòm đa Lí. Ông Bốn Rị chạy lên xóm trên cho biết lính quốc gia có đến một trăm thằng. Chúng đốn cây cối ở xóm giữa, sai phá đình làng. Chúng đập hết, phá hết, khuôn gạch đem đổ thành đồng. Nhiều người xóm dưới bị chúng giết súng bắt đi phu. Một số tản vào trong đồng. Xóm dưới tan hoang. Xóm trên và xóm giữa tán loạn.

Ở xóm giữa, ngay chỗ dốc đi xuống bến đò, một cái gì như một ngôi mộ từ dưới đất dần dần nhô lên. Chỉ bảy ngày sau nó vượt lên trên những nhà quanh xóm, giống như con quái vật từ dưới âm phủ trồi lên. Nó có nhiều mồm, mồm loe ra, răng lởm chồm mọc quanh đầu. Ai cũng tránh xa vì thấy ghê rợn. Từ sớm đến tối, con quái vật đứng nhìn chung quanh. Thỉnh thoảng, nó khạc ra một tràng tiếng nổ. Dân Hòa Phước gọi đó là cái lô-cốt. Có người gọi nó là bớt giặc. Nhìn từ bên kia sông thấy nó càng soi mói, càng hung tợn, quái gở.

Địch xây lô-cốt ở ngay bến đò Hòa Phước làm cho mọi khó khăn chông chát. Đò không thể đưa, cồng tải thương không có cách gì để qua sông được! Mọi liên lạc giữa Hòa Phước với xóm Cây Thị bị cắt đứt. Đò Hòa Phước là cửa ngõ vào ra giữa vùng ta và vùng địch. Địch hiểu điều đó, chúng đã cắt con đường huyết mạch. Cồng tải thương phải đi ngã khác, qua con đò khác. Trạm

nhận cáng phải đặt nơi khác. Tôi và thằng Cù Lao không còn giúp việc dẫn đường cho cáng thương binh nữa.

Anh Bốn Linh và chú Năm Mùi giao cho tôi và thằng Cù Lao một công tác mới. Công việc sắp đến không phải làm nhiều mà phải nghe nhiều. Tai luôn luôn phải vểnh thật cao đón mọi tiếng động, phải chú ý các tiếng mõ. Anh Bốn Linh nói cặn kẽ:

- Phải nhớ thật đúng! Chỉ có ba tiếng mõ như thế này cóc, cóc, cóc! Ngừng một tí lại nghe ba tiếng cóc, cóc, cóc. Tiếng mõ vang từ cuối thôn Giao Thủy. Ai đánh, không cần biết làm gì. Khi hai đứa đã nghe rõ và đếm đủ ba tiếng thì Cù Lao phải tức tốc chạy ra sông, giả vờ tắm để cắm một cây sào tre xuống nước. Cây sào đó phải nhô lên mặt nước khoảng một sải tay, giống như cây nò của dân chài lưới cắm trên sông để bắt cá.

Tôi hỏi:

- Cắm cây nò để làm chi anh Bốn?

Anh Bốn nói rất chậm:

- Đò giang không qua lại được. Liên lạc bị cắt đứt, nhưng ta đã có cây nò. Cây nò làm dấu cho người của ta ở bên kia sông biết rõ động tĩnh của giặc. Cây nò dựng lên tức là giặc đang lùng sục, tình hình đang báo động, chưa thể về được. Khi hết lùng sục, giặc về lại đồn. Lúc đó, hai đứa sẽ nghe hai tiếng mõ, chỉ có hai tiếng: cóc, cóc! Lúc đó, Cù Lao lại chạy ra sông rút cây nò. Cây nò đã

rút tức là tình hình đã yên, người của ta có thể về được.

Anh Bốn Linh giao cho thằng Cù Lao một cây sào tre mức nhọn, dài khoảng ba sải dùng để làm cây nò. Anh Bốn Linh dặn rõ nơi cắm cây sào. Đó là một nơi khuất lô-cốt Hòa Phước, kín đáo, nhưng người ngồi nép bên kia sông nhìn thấy được. Tôi và thằng Cù Lao bất kì đang làm gì, khi nghe tiếng mõ phải chạy cắm nò rút nò đúng như hiệu lệnh.

Tôi và thằng Cù Lao rất thú vị, cắm nò rút nò là cơ hội chạy ngup lặn ngoài sông. Khi nghe tiếng mõ, thằng Cù Lao vụt chạy trước. Ra đến sông nó moi cây sào nhét dưới cát nhảy xuống sông giả vờ tắm để dựng nò. Dựng xong, nó nhìn nhìn sang kia sông như vừa dựng xong một cây đèn chiếu!

Ông Bảy Hóa có một người cháu gọi ông bằng chú ruột, bấy lâu đi làm ăn xa, nay có dịp về thăm ông ở chùa Hòa Phước. Người cháu đó tên là chú Tám. Chú Tám về thăm ông Bảy chỉ mặc bộ đồ cộc bằng vải thô, đội chiếc nón cũ, đi chân đất. Chú Tám không phải "dân thầy", tay chân không muốt mà trắng trẻo. Chú giúp ông Bảy cuốc vườn trồng khoai. Về Hòa Phước được vài hôm bà con trong xóm ai cũng mến. Đi ngang qua nhà bà Hiến thấy có tấm phen bị đứt, chú Tám bước đến buộc lại. Ông Bốn Rì che nơi ở tạm, chú Tám chẻ tre, đan phen che giúp. Chú làm từ sớm đến tối



như công việc nhà mình. Chú Tám có lời nói dễ nghe. Ai đáng vai cô bác, khi chuyện trò chú dùng chữ thưa, chữ dạ. Nết ăn, ý ở của chú Tám làm ai ai cũng mến. Hôm mới về chùa gặp tôi, chú bảo:

- Này Cục! Cục mặc áo trái kia kìa. Mặc vậy coi chưa đẹp.

Tôi không hiểu vì sao chú Tám vừa đến đã biết tên tôi. Chú bảo vừa đến chùa đã nghe nhiều người khen tôi bơi lội vào loại khá, gánh củi vào loại giỏi. Chú Tám biết tôi có nhiều tiến bộ, tội đã bỏ thói vạt lộn, trêu chớ, biết chăm chỉ học hành, đã có lúc được thăng làm thầy dạy học. Đối với thằng Cù Lao, chú Tám không chỉ biết những việc hiện nay, mà còn biết những việc đâu đâu. Cha nó xưa kia bị ai đánh, bỏ làng đi đâu, sinh nó nơi nào. Thằng Cù Lao rất ngạc nhiên. Chú Tám giảng giải: Mỗi khi ta làm một việc gì, đều được ghi lại trên mặt, trên mắt, trên mũi, trên má. Một ý nghĩ nhỏ nhất cũng để lại dấu vết trên trán. Hiện nay có sách vở dạy cách đọc những dấu vết đó. Chú Tám lúc đi làm ăn ở Sài Gòn may gặp được ông thầy, ông truyền lại cho chú cách đọc.

Tôi hỏi:

- Chú làm được như thầy bói không? Thầy bói gieo quẻ biết hết. Hậu vận giàu, nghèo, mấy con, mấy vợ đều biết trước.

Chú Tám quả quyết:

- Không học bói cũng biết được. Biết được cái

trước và cái hiện nay, biết được cái sau này nữa...

Chú Tám bảo thằng Cù Lao xòe hai bàn tay, chìa đầu chìa cổ chú xem. Xem xong, chú Tám kết luận:

- Thằng Cù Lao sau này sung sướng, nhưng không giàu. Chỉ có một vợ. Vợ mất đi, Cù Lao vô cùng thương nhớ, nên cứ ở vậy suốt đời.

Tôi chìa đầu chìa tay hỏi:

- Còn tôi?

Chú Tám bắt tôi cười, bắt tôi giả vờ khóc, bắt tôi bước tới, bước lui, ngồi xuống, đứng lên, chìa trán cho chú xem, chú nói:

- Sau này Cục được ăn rất ngon, mặc rất sang, ở nhà rất rộng, có vợ rất đẹp. Nhưng tại sao... không sướng!

Chú rất thích chuyện trò với thằng Cù Lao, hỏi nó lắm chuyện tỉ mỉ: Có khi nào nó gặp bọn lính ở lô-cốt Hòa Phước không? Máy đĩa là Tây, máy đĩa là người mình? Chúng cầm súng gì, đội mũ gì, mặc áo gì? Chỉ một khẩu súng chú cũng hỏi hình thù, dài ngắn, to nhỏ ra sao.

Thằng Cù Lao hỏi:

- Biết những thứ đó làm chi chú?

- Để mà tránh! Cái gì còn mù mờ là không tránh được. Ma quỷ dễ trà trộn với người là vì cứ mù mờ, dễ làm lẫn, khó tránh.

Chú Tám còn biết được trên cây sung ở đầu làng có một cái hốc lớn. Chú ra chỗ cây sung, tìm hiểu về cái hốc. Anh Bốn đã dặn tôi và thằng Cù

Lao giúp chú Tám làm mọi việc.

Thằng Cù Lao mách chú Tám:

- Phải có cọc sắt. Trước đây chú Năm Mùi lấy cọc sắt đem đóng làm nấc thang... Làm vậy chú Năm leo lên được chỗ chót vót.

- Khó lắm!

- Sao?

- Đóng cọc sẽ làm ồn! Còn một cái khó: Đóng xong, phải giữ nguyên cọc trên cây để còn leo xuống. Như vậy mọi người biết hết.

Chú Tám còn hỏi thằng Cù Lao rất tỉ mỉ cách gỡ tổ yến ngoài cù lao Chàm. Vách đá thế nào? Hốc núi ra sao? Cách cầm dây, cách vớt cọc, cách đứng, cách leo lên chỗ tổ yến?

Chú Tám dòm dòm ngó ngó lên cây sung. Chú lắc đầu:

- Cách gỡ tổ yến cũng không dùng được. Dây vớt lên sẽ vướng nhiều cành. Nhưng không chịu thua, thế nào chú cháu ta cũng lên ngồi chơi chỗ cái hốc để hóng mát.

Chú Tám bảo tôi đi tìm một lưỡi rựa. Tôi tìm cho chú được lưỡi mác. Chú đi hạ tre chẻ thành lạt, tước mỏng, bện thành một đàn dây dài rất chắc. Chú chặt tre làm một cây sào dài. Chú Tám đã tìm được cách leo lên cái hốc trên cây sung. Phải leo lên ba đợt. Trước tiên phải buộc dây vào đầu sào. Chú Tám dựng sào lên, dùng sào móc dây vào cành thấp nhất. Móc xong, chú Tám nín dây leo lên. Khi đã leo lên ngồi vững vàng trên

cành thấp, chú Tám lại dùng sào móc dây lên cành bên trên. Rốt cuộc chú đã thành công. Chú đã ngồi trong cái hốc. Chú giơ tay báo hiệu chiến thắng. Khi leo xuống chẳng cần phải sào. Chú Tám bảo tôi đứng dưới cứ việc vác sào về cất.

Chú Tám cho thằng Cù Lao đã tìm ra được cái hốc và cách leo. Chú chỉ tìm ra cách móc dây. Công việc của tôi mới thật là quan trọng. Vì tôi vác sào, vì không có đĩa vác sào thì không thể leo lên chỗ cái hốc.

*

* *

Chùa Hòa Phước lại được đón thêm một vị cao tăng ở chùa Non Nước đến thăm. Pháp danh của ngài là Kiết Ma hòa thượng. Hòa thượng Kiết Ma còn trẻ nhưng đã tu hành đắc đạo, lên đến chức hòa thượng. Tất cả ở ngài đều toát ra sự khổ hạnh của một vị chân tu. Nước da ngài xanh xao nhợt nhạt như người bị đói lâu năm. Đôi má ngài tụt lại, xương mặt ngài nhô lên, xương quai hàm bạnh ra. Cặp mắt ngài lim dim như đang nhìn về cõi Nát Bàn xa xăm của Phật. Hai bàn tay của ngài xương xẩu thường vòng trước rốn. Gặp ai ngài cũng vái: Nam mô Phật! Ở ngài có một cái khiến tôi và thằng Cù Lao vô cùng trọng nể. Đó là cái đầu của ngài. Nó trọc lóc, bóng loáng như cái đầu chày. Muốn có một cái đầu như vậy, hòa thượng đã chịu biết bao đau khổ! Ít nhất hàng tháng ngài phải đưa đầu chịu một hình phạt ghê



gồm: cạo trọc! Thằng Cù Lao nói nhỏ vào tai tôi:

- Thôi chẳng lên Nát Bàn. Cạo trọc đau quá!

Hòa thượng chỉ biết trường trai, nghĩa là chỉ ăn được hoa quả với năm loại ngũ cốc, không thể ăn thịt. Khi biết tôi và thằng Cù Lao đã ăn chuột đồng và nhái bén, hòa thượng thở dài:

- Nam mô a di đà Phật! Xin chớ để chúng sinh qua lại ngoài đồng, rui cái tên bay đạn lạc!

Hòa thượng gặp người đến lễ bái thường nói những lẽ huyền vi của Phật tổ. Đối với ngài tất cả những gì thấy chung quanh cũng đều là hư, nghĩa là không có. Ngài thuyết cho ông Kiếm Lài hiểu là cái lô-cốt ta thấy, cái tiếng nổ ta nghe, chẳng qua là do cái tâm ta tạo nên, giống như cái bóng trong gương soi. Lấy gương đi, bóng không còn nữa, vì vậy không nên quá sợ!

Ông Kiếm Lài nghe hòa thượng thuyết lí, khóe mắt và lỗ mũi bỗng đầy nếp nhăn, vòng tay thưa:

- Bạch hòa thượng, đi qua lô-cốt, nó nổ đoàng! Tôi nổi da gà, lạnh toát xương sống!

Tôi và thằng Cù Lao cho hòa thượng nói rất đúng. Cái lô-cốt thực ra không có. Nhất là khi có cơn mưa, cái lô-cốt biến mất. Đối với bà Bảy Đá ngài vạch rõ cái hòm tiền thực ra không có. Ta cứ tiếc cái hòm tiền cũng vì ta tưởng nó là ông chủ, tưởng nó "có" mà thôi. Bà Bảy nghe thông lẽ huyền vi của hòa thượng, vì đã quá rõ, tiền bà có đó rồi không đó! Ngài đếm tràng hạt đi qua làng vừa đi vừa niệm Phật. Ngài đi lạc vào chỗ hàng

rào vây quanh lô-cốt. Bọn lính giương súng:

- A lê hấp! Thằng thầy tu kia, cút mau!

Nói xong, nó nện cho thầy một đá. Hòa thượng xem việc đó như ảo, như không hề xảy ra, tuy hòa thượng phải đi cà nhắc. Theo ông Bảy Hóa, hòa thượng Kiết Ma đã đắc đạo vì ngài đã tu nhiều kiếp. Ngài đã hóa thân, có kiếp làm con ếch, có kiếp làm con chim, có kiếp làm con voi trắng. Sau đó hóa kiếp làm thầy bốc thuốc cứu được hàng trăm nhân mạng. Cuối cùng được đầu thai làm vị hòa thượng. Khi đã lên được chức hòa thượng thì người tu hành không còn ở bến mê mà đã đi đến bến giác. Lúc đầu, tôi tưởng cái bến mê hay bến giác ở đâu ngoài biển hay ngoài sông. Sau khi hòa thượng cắt nghĩa tôi mới hiểu ra, bến mê nghĩa là còn mê muội, còn chủ quan ngu ngốc. Ở bến giác có nghĩa là đã hiểu mọi sự vật, cái gì cũng biết. Hòa thượng biết được nhiều việc cũng vì đã ở bến giác. Việc đó có thực. Vừa đến vãng cảnh chùa, ngài đã biết trước kia thằng Cù Lao tên là Biển, vì nó sinh ra ở ngoài biển. Tên Biển đổi thành Cù Lao. Thằng Cù Lao chừa đến bến giác nhưng cũng đã rời khỏi bến mê. Vì nó có học ở Đà Nẵng, được dự thính một lớp huấn luyện. Sau đó có được gặp bọn lính Tưởng Giới Thạch, bọn lê dương, biết rõ bọn này rất dữ tợn!

Có nhiều tối hòa thượng biến mất. Hòa thượng thú thật đã đi rong chơi. Không phải rong chơi ở Hòa Phước mà ngài đã phiêu diêu ra khỏi trần tục.

Hòa thượng có phép lạ biết đằng vân giá võ, chỉ một đêm ngài có thể đi từ đông sang tây, đi vòng quanh quả đất, đi nhanh hơn gió.

*

* *

Thằng Cù Lao học được cách xưng hô đối với một vị hòa thượng. Nó vòng tay thưa:

- Bạch hòa thượng! Kiếp trước của hòa thượng là con ếch, sau đó là con voi. Làm sao biết được?

Hòa thượng nhìn ra xa:

- Khi đã đến bến giác thì có thể thấy lại các kiếp trước của mình. Nguyên kiếp trước của bàn tăng là một nhà giàu đi làm quan. Khi đó bàn tăng có tất cả, thứ gì cũng nhiều! Tiền bạc, ruộng nương, danh vọng, tớ thầy... nhưng bàn tăng thiếu một cái. Cái đó lại rất quan trọng. Đó là cái hiểu được nỗi đau khổ của chúng sinh. Lòng dạ của bàn tăng cứng dần lại. Thấy vậy, Phật tổ nói: "Lòng dạ của người sắp hóa đá, ta phải cho người đau thai làm con ếch. Bàn tăng đã làm con ếch. Khủng khiếp quá! Vì không quần áo, bàn tăng đã cảm được cái rét của mùa đông. Vì ở trong một cái hang, bàn tăng hiểu được cái ngọt ngạt của bóng tối... Bàn tăng đã "qua cầu" hiểu được thế nào là đói, là rét, là sợ sệt, là cô đơn, dần dần hiểu ra được ý nghĩa của cuộc sống. Đó là hiểu thấu mọi nỗi đau của chúng sinh và ra sức làm giảm nỗi đau đó".

Hòa thượng mắt lim dim ngồi im một lúc, thờ

ra:

- Sau kiếp làm ếch, bần tăng được đầu thai làm con voi trắng. Bần tăng đã sống trong một đàn voi có đến bảy nghìn thốt voi. Voi đầu đàn có bảy ngà. Một hôm, bảy nghìn thốt voi phải đi qua một con đường hẻm. Đó là một con đường độc đạo, một bên là núi cao, một bên là vực thẳm. Ngay giữa đường hẻm có một tổ chim con. Theo lệnh của voi đầu đàn, tất cả phải đi vòng một con đường khác. Đàn voi phải mất mười năm mới vượt hết con đường vòng đó. Chỉ mình thằng voi sáu nghìn chín trăm chín mươi chín không tuân theo lệnh của voi đầu đàn. Nó đã giẫm chết chim con. Thằng voi đó sau phải đầu thai làm quý sứ. Quý sứ sinh con đẻ cháu, đó là bọn xâm lược.

Hòa thượng thăm cảnh chùa Hòa Phước được bốn hôm thì chú Tám lại quay về. Chú Tám hiện ra trước cửa chùa vào lúc nhá nhem, theo sau còn có một người lạ mặt. Hai người bước vào liền đóng chốt cửa.

Hòa thượng đứng dậy ra đón. Ba người như đã biết nhau từ trước. Chú Tám trải chiếu trên nền gạch bên gian trái. Ba người yên lặng nằm nghỉ

*

* *

Ban đêm, tôi và thằng Cù Lao ngủ trong chùa. Chúng tôi trải chiếu trên nền gạch nằm đôn về một góc bên gian trái. Tiếng tụng kinh của ông Bảy Hóa đều đều nghe buồn thiu. Ngọn đèn dầu

lù mù trên bàn thờ rải chung quanh những bóng chập choạng. Bọn ma quỷ trên tranh Thập Điện Diêm Vương như sống dậy cứ thập thò. Mờ mờ bóng một chú ếch hiện ra to bằng chiếc chum ngồi chom hỏm căng mồm rộng hoác. Tôi giật mình, bàng hoàng tỉnh giấc. Thì ra tôi vừa nằm mơ. Quanh chùa lặng im, im cả một làn gió nhẹ. Chân tôi bị chuột cắn nghe đau nhói. Có tiếng ai đang khấn vái trước bàn thờ. Tiếng rất khẽ. Chợt tôi nghe rõ:

- Cặp gà trống thiên... chỉ huy lô-cốt.... Cửu Cang...

Tiếng thì thào lại chìm xuống. Chợt nổi lên mấy tiếng loáng thoáng:

- Tên là Nguyễn Văn Cúc... ở xóm trên...

Tôi giật thót. Có người đã gọi tên tôi. Tại tôi phút chốc đã vênh cao, chỗ về phía có tiếng nói, hứng mọi tiếng động nhỏ nhất.

- Cái lô-cốt... vào bên trong... rõ được...

Tôi biết đó là tiếng của vị hòa thượng. Một chốc sau có tiếng thì thào, không phân biệt được tiếng của ai:

- Lí trưởng là Cửu Cang. Thuyết phục nó.

Chợt tiếng của hòa thượng Kiết Ma như vui lên:

- Cặp gà trống thiên... Dâng bọn ở lô-cốt... Nhờ Cửu Cang đưa vào... Ta đi theo... Phải cho nó gà trống thiên.

Tiếng cười khe khẽ. Một vật gì rơi đánh đóp

trên bàn thờ. Tất cả trở lại im lặng. Tiếng chú Tám hỏi:

- Địa bàn có chưa?

- Đủ rồi, gọn!

Có tiếng mở cửa rồi tiếng bước chân đi mờ dần trong đêm tối.

Sáng hôm sau chú Tám và người lạ mặt đi đâu mất. Hòa thượng Kiệt Ma còn ở lại chùa. Tôi nhìn hòa thượng thấy như có một cái gì khác trước vì trước kia hòa thượng luôn luôn dạy bảo tôi và thằng Cù Lao không nên bắt chuột, không nên giết hại cả một con kiến, hòa thượng cũng không ngớt khuyên bảo mọi người chỉ nên ăn dưa với muối, nay giữa khuya lại bàn việc mua gà trống thiện và phải cho ăn gà... Buổi sớm hòa thượng đến đạo chơi chỗ cây sung. Tối đến tôi thấy hòa thượng bước ra trước cửa chùa rồi tan biến trong cõi hư vô mù mịt. Khắp làng xóm cũng chẳng còn những ngọn lửa bếp reo vui hoặc những ngọn đuốc múa nhảy. Chưa mờ sáng, chú Tám lại quay lại chùa. Chú khụt khịt thở to coi bộ mệt nhọc như vừa cuốc đất. Chú vừa nằm xuống thì chợt đâu anh Bốn Linh lại tạt vào chùa. Vừa nhìn thấy tôi, anh liền bảo tôi và thằng Cù Lao phải dậy thật sớm, theo dõi thật kĩ tiếng mõ đánh để chạy cấm nò và rút nò. Tôi cũng rất ngạc nhiên là anh Bốn Linh như đã quen thân với chú Tám đâu từ trước. Anh bàn rất thoải mái về chuyện ông Cửu Cang được giặc đưa ra làm lí trưởng trước đây. Anh kể



rõ cho chú Tám biết là vừa rồi ông Cửu Cang có nói với đồng bào, ông nói như thế này:

- Ông Một ở lô cốt bắt tôi đi tìm gà. Tôi biết chắc là thịt xào nấu ở đây là thịt chuột! Ở đây không có vịt gà! Bà con có vịt gà tôi không mách cho ông Một biết đâu. Bà con muốn nuôi gì cứ việc nuôi. Còn việc kê khai dân số, bà con chết đường chết sá tôi biết chi mà khai! Ông Một hỏi chi, tôi nói không biết. Tôi cam đoan như vậy, xin bà con cho tôi ở yên!

Nói xong anh Bốn, chú Tám cùng cười. Anh Bốn vội vã đứng dậy để đi nơi khác. Trời vừa tảng sáng.

*

* *

Mới tỉnh mơ đã có tiếng mõ báo động, nghe rõ ba tiếng: cốc, cốc, cốc, to hơn mọi hôm. Thành Cù Lao vụt chạy ra sông cấm cây nò. Trong chùa ông Bảy Hóa, chú Tám đã thức giấc. Sau mái chùa, ngôi sao Mai chưa nhạt hẳn. Tôi định phóng theo thành Cù Lao, đột ngột một tiếng "véo" vút qua đầu, tiếp theo là một tiếng nổ dữ dội: Hòa Phước như bị xé tan. Gió tấp vào mặt. Khắp chùa rung lên. Lại một tiếng nổ khác rất đanh. Mái chùa như bị xóc. Một hòn ngói vỡ lăn lông lốc. Tôi hoảng quá, chỉ kịp chui trước ngạch cửa. Một cột khói đen lên ngay giữa đường làng. Pháo các nơi câu về Hòa Phước. Những loạt súng máy tăng, tăng! Tiếng các bọp, các bọp nổi lên ngoài

bãi dâu. Các tiếng súng lẫn vào nhau gầm rít, hỗn loạn!

Ông Bảy thét to:

- Giặc tới kia kìa!

Ông chỉ về phía bãi dâu. Một toán lính lô nhô đang trèo lên dốc bãi. Chú Tám bước đến, nhanh nhẹn chui dưới bàn thờ bên phải. Chú hất nhanh đồ đạc để dưới bàn thờ, đẩy chiếc mâm đồng ra một bên, giở cái nắp gỗ. Một cái hầm hiện ra. Chú Tám thu người nhảy xuống hầm. Ông Bảy chạy đến đây nắp hầm lại, đặt chiếc mâm đồng lên trên, đặt mọi đồ đạc nguyên lại chỗ cũ. Ông gọi tôi:

- Thắp hương lên các bàn thờ!

Ông lấy áo cà sa khoác vào, đội chiếc mũ ni, đến ngồi trước bàn thờ gõ chuông tụng niệm.

Ông Bảy ra dấu bảo tôi bước đến nói xoắn vào tai tôi:

- Nó bắn cũng nói không biết, nghe chưa! Cha mày bảo vậy đó!

Các loại súng đang gào thét chợt im lặng. Bên ngoài có tiếng xì xào, tiếng quát, tiếng súng. Một tiếng nổ to trước cửa chùa. Cửa chùa ngã sập. Một bọn quỷ sứ xòe nanh xòe vuốt ập vào chùa. Tay cầm súng chĩa về phía trước, chúng dòm ngó, đi qua, đi lại. Ông Bảy vẫn ngồi im tụng niệm.

Một đứa gầm lên:

- Có Việt minh đây không?

Ông Bảy đứng lên:

- Thưa, già chỉ biết niệm Phật, không biết Việt mình là ai cả.

Một thằng chĩa súng:

- Có Việt mình không?

Ông Bảy vẫn bình tĩnh:

- Không có!

Tất cả âm âm kéo ra, đồn lại trước cửa chùa. Có tiếng hò hét bên ngoài. Chúng lại kéo vào:

- Ông lớn ra lệnh phải sục cho kĩ! Việt mình hay núp trong chùa!

Một thằng rút lưỡi lê thọc vào các xó tường. Nó cúi xuống dưới bàn thờ bên phải, hất chiếc mâm đồng. Một chiếc mâm gỗ lòi ra, nó đâm mạnh lưỡi lê vào chiếc mâm gỗ. Chiếc mâm gỗ muốn bật. Nó hất thêm. Chiếc mâm gỗ bật lên lại rơi xuống chỗ cũ. Tim tôi như ngừng lại. Chú Tám vừa chui dưới chiếc mâm đó. Nó thét vào mặt ông Bảy:

- Có hầm bí mật không?

- Không có!

- Tìm ra Việt mình tao bắn chết!

Nó sục một lúc, lại thét to:

- Chẳng có cái mố gì cả!

Tôi thở phào! Chúng hú hí gọi nhau bước ra ngoài vườn chùa. Tiếng giày đinh xa dần. Tiếng tụng kinh của ông Bảy và tiếng chuông chùa cứ vang lên đều đều trong sáng sớm lẫn với tiếng súng nổ.

*

* *

Giặc chia thành ba toán quét Hòa Phước và mấy thôn lân cận. Một toán từ trên xuống, đi dọc mé sông Thu Bồn, đâm thẳng vào Hòa Phước. Một toán từ đường cái quan thọc lên. Toán thứ ba từ phía bắc thọc vào. Toán này khi đến chòm đa Lí bị du kích tá ném lựu đạn, chết ba đứa. Ở Hòa Phước chúng chia súng bắt bảy người. Thằng Cù Lao chạy cắm cây nò về chưa đến chùa giặc đã tràn đến. Bí quá, nó chạy dọc bờ bụi đến nép trong cây sung. Ở các thôn khác, giặc bắt mười một người. Tất cả đều bị tập trung ở cuối con đường cái vào đồn Giao Thủy. Chúng bắt mỗi người đào một cái hố. Đào xong, chúng bắt xếp thành một hàng dọc. Mười bảy phát súng nổ. Cứ mỗi phát súng là một người ngã gục. Còn lại người thứ mười tám, đó là ông Kiểm Lài, chúng chưa lại. Bắn xong, thằng chỉ huy sai chặt mười bảy cái đầu cho cắm trên mười bảy cây cọc, đóng thành hàng dọc bên con đường cái. Làm xong việc đó, giặc đuổi ông Kiểm Lài về, dụng ý để ông nói lại cho mọi người biết cách trừng phạt của chúng!



9

Mùa mưa lại đến. Gió và mưa! Mưa và gió! Gió đập ầm ầm vào cây sung tôi tả. Mưa xối ào ào như có ai cầm chĩnh trút nước. Trời Hòa Phước tối lại. Lô-cốt Hòa Phước xóa mất trong mưa. Mưa tầm tã như không bao giờ dứt. Lách tách! Tôm, tôm, tôm! Mưa gõ nhịp đều đều nghe buồn đến chảy nước mắt! Chùa Hòa Phước càng hiu quạnh. Thằng Cù Lao hay nhắc đến cha nó. Tôi cũng trông mẹ hồi cư...

Thấy mưa, ông Bảy Hóa nói:

- Ông cứ mưa! Có bao nhiêu nước cứ trút xuống. Mưa nhiều càng tốt...

Chú Năm Mùi giữa đêm ghé vào chùa, nói với ông Bảy:

- Mưa to mà hay! Mình đi đâu đó thằng địch biết được! Mưa là trời giúp!

Mưa xóa hết vết chân của cán bộ. Mưa che kín hình dáng anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, anh Bảy Hoành về hoạt động ở Hòa Phước. Mưa phủ trên sông, che kín chuyến đò qua lại. Anh Bốn Linh đến thăm những gia đình có người bị giặc giết.

Ông Quý nói:

- Thằng em tôi chúng giết! Một mạng người phải đền mười mạng! Anh cho tôi mượn cây súng của tự vệ. Cho tôi mười viên đạn.

Bà Điều gạt nước mắt:

- Chú Năm Mùi nói giặc đến nhà đàn bà phải đánh! Anh Bảy bày tôi đánh giặc với.

Con đò Hòa Phước hoạt động lại. Đò chỉ đưa trong đêm. Khi mưa to, dù địch đốt pháo sáng cũng không thấy được. Thằng Cù Lao giỏi việc leo lái, từng theo bà con đi khơi, từng gặp mưa to gió lớn, nay lái một chiếc đò qua lại con sông nhỏ hẹp, thấy chẳng khó gì! Con đò làm bằng một chiếc xuồng nhẹ hai chèo. Ban đêm, có mưa đổ đò lại đưa. Người đi đò phải ngồi bệt giữa lòng xuồng, một tay bấu chặt vào be, một tay ôm chiếc pháo tre có sẵn. Thằng Cù Lao giương buồm. Buồm chỉ nhỏ bằng chiếc chiếu. Chiếc đò trong tay thằng Cù Lao hóa linh hoạt. Nó biết tính hướng gió. Có lúc nó chống thuyền lui xuống thật xa mới cho đâm ngang. Có lúc chống thuyền lên xa mới giương buồm chạy!

Chị Ba cho biết như vậy là thằng Cù Lao đã được lên công tác ở huyện. Tôi tưởng lên công tác ở huyện là phải ngồi trên huyện. Ai ngờ, nó đi chèo đò! Tôi cũng được lên công tác ở xã. Cụ thể là phải qua xóm Cây Thị để... nấu cơm.

、

*

* *



Tôi và thằng Cù Lao về xóm Cây Thị. Xóm Cây Thị có nhiều thay đổi. Nhiều người lạ mặt kéo đến. Ban ngày thấy vắng lặng, ban đêm lại đông vui. Một vài chú ở xa đến, giọng nói trọ trẹ rất khó nghe. Có người đeo súng lục. Đeo súng lục là loại cỡ. Một thanh niên có cái ống dòm. Anh đặt ống dòm lên mắt, vừa vận vận vừa dòm. Anh nói với bạn bè xung quanh:

- Nó đã về kia, nó đứng trước miếu kia.

Tôi đưa mắt nhìn lên miếu chẳng thấy ai về cả.

Chị Ba chỉ cái ống dòm, nói với thằng Cù Lao:

- Cái ống thiên lí "xa soi nghìn lối" của thầy Lê Hảo kia!

Tôi được anh thanh niên cho nhìn vào ống dòm. Tôi nhìn lên miếu. Bỗng nhiên, ngói miếu nhích lại gần, nom rõ được cả cái bậu cửa. Tôi thấy rõ một người ngồi trước cửa miếu mồm đang nhóp nhép. Tôi cứ xin được ngắm ống dòm. Anh thanh niên biết tôi mê ống dòm, khi nhờ việc gì, anh gạ:

- Chạy mau! Về đây anh sẽ cho xem ống dòm!

Ở xóm Cây Thị một hôm tôi rất ngạc nhiên gặp lại chú Tám. Trông chú diện quá! Áo sơ mi trắng, mũ cối mới tinh. Đầu tóc mới hớt, tóc chải ngược trán chú hóa cao, trông oai phong hoạt bát, không còn hom hem như lúc ở chùa Hòa Phước. Chú ôm choàng chúng tôi, hỏi chúng tôi về xóm Cây Thị hôm nào, chú ở trên Miếu Đồi nên không biết.

Chú Tám xỏ bọc tìm gương tìm lược để chải

tóc, tôi thấy trong sắc chú có cái ống dòm.

Tôi kêu lên:

- Ối! Cái ống dòm!

Thì ra cái ống dòm của anh thanh niên là cái ống dòm của chú Tám cho anh ấy mượn.

Thằng Cù Lao mỉm cười:

- Chú lấy ống dòm, ngồi trên hốc cây sung dòm vào lô-cốt Hòa Phước, phải chưa?

Chú Tám cười:

- Sao Cù Lao biết?

Thằng Cù Lao thú thật nó nói chặn ngon, thế mà trúng. Chú Tám cho biết ống dòm chỉ dòm được bên ngoài lô-cốt. Muốn biết bên trong địch có súng gì, bố trí ra sao, ta phải vào nhìn tận mắt. Việc đó địch không cho phép. Nhưng ta cũng phải có mẹo.

*

* *

Thằng Cù Lao thỉnh thoảng biến mất ở xóm Cây Thị. Có khi vài hôm nó mới quay về.

Bữa ăn, chị Ba nói:

- Thằng Cù Lao đi theo các anh trinh sát, chưa về đâu!

Nó lộn về dẫn theo một chú bộ đội đeo súng lục mặc quân phục màu xám. Chú bộ đội làm tôi ngờ ngợ, không biết chú có bà con gì với hòa thượng Kiết Ma không? Chú có má tóp, quai hàm bạnh ra, cổ tai vênh giống như tai hòa thượng Kiết Ma. Nhưng đôi mắt lại khác. Mắt chú này luôn



luôn mở to, vui vẻ. Không như mắt của hòa thượng lim dim như buồn ngủ. Chú này nhanh nhẹn như con thoi, hòa thượng lơ đãng như người bị đố. Chú đội một chiếc ca-lô vừa to vừa rộng bao kín cả đầu, tôi không thể biết đầu chú có trọc như đầu hòa thượng Kiết Ma hay không.

Tôi cười với thằng Cù Lao:

- Nè Cù Lao, chú bộ đội đi với mày sang quá!

- Ừ sang quá!

- Chú tên chi?

- Vĩnh Xương.

- Chú có bà con chi với ngài Kiết Ma không?

Thằng Cù Lao mỉm cười:

- Không biết!

Tôi hỏi nhỏ:

- Có thấy được cái tróc chú không?

- Không thấy!

Chú Vĩnh Xương và thằng Cù Lao đi với nhau, cùng "tâm sự" xem rất ăn ý. Có lúc, chú Vĩnh Xương gọi nó là mày, tự xưng là tớ, thân mật như quen biết từ lâu. Chị Ba đã nói lập trường của nó kiên định, việc gì nó cũng giỏi. Nó được cấp trên tin nhiệm là phải.

*

* *

Tôi cũng được gặp chú Vĩnh Xương. Việc đó được anh Bốn Linh tin tôi biết trước. Thằng Cù Lao đưa tôi đến gặp chú.

Chú Vĩnh Xương đón tôi bằng cái bắt tay rất

chặt. Chú gỡ mũ ca-lô. Rõ ràng hòa thượng Kiệt Ma vừa hiện ra trước mặt. Đầu tóc chú ngắn không khác đầu một ông sư. Chú cười:

- Có phải hòa thượng Kiệt Ma không nào?

Tôi cười. Hai bên đã hiểu nhau. Chú Vĩnh Xương hỏi tôi có muốn học thêm các miếng vật không. Chú hứa sẽ bày cho tôi vài thế vật mới. Đó là việc sau này. Nay chú muốn hỏi tôi vài việc. Chú rút ra một tờ giấy nói rõ từng tiếng một:

- Đây là tên họ một số đông bào ở Hòa Phước. Tất cả là bảy người. Chú sẽ đọc từng tên. Trong bảy người này, người nào Cục biết mặt thì nói biết. Phải biết rất rõ, ở xa vài mươi thước cũng nhận ra được, nghe chưa?

Chú Vĩnh Xương đọc từng tên người. Người nào tôi cũng biết rõ, cũng quen. Chú Vĩnh Xương xếp giấy bỏ vào túi:

- Đây là những người tốt cả. Nhưng họ hay ra vào nhà ông Cửu Cang. Ta tin, nhưng phải đề phòng.

Chú Vĩnh Xương nhìn thẳng vào tôi:

- Công việc phải gấp. Tổ phải gặp ông Cửu Cang, nhờ ông Cửu Cang giúp ta một việc. Chỗ gặp phải an toàn. Nơi đó phải trống, phải nhìn xa được xung quanh. Từ xa, có ai đi đến là ta phải thấy trước. Anh Bốn Linh đã chọn chỗ cây chuối gần đám khoai của nhà Cục. Chỗ đó là tốt nhất.

Chú Vĩnh Xương biết nhà tôi có một đám khoai ở giữa đồng. Chú nói càng rành rọt hơn:

- Ngày mai đúng lúc nửa chiều Cục ra đám khoai để làm củ khoai. Nhớ mang theo cái cuốc. Đám khoai đó là của Cục, Cục đến làm củ, chẳng ai nghi ngờ chi hết. Sẽ có một người đưa ông Cửu Cang đến chỗ cây duối. Cục vừa ngồi nhổ củ vừa chú ý xung quanh. Nhớ là phải ngồi. Nhưng nếu thấy có ai đi đến, Cục phải đứng lên giả vờ hốt củ. Nếu có người nào trong số bảy người này đi đến, Cục phải cầm lấy cuốc giả vờ vun vòng khoai. Tóm tắt có ba dấu hiệu: ngồi, đứng và cuốc đất.

Chú Vĩnh Xương thấy tôi có vẻ xúc động, chú ngồi im một lúc mới nói tiếp:

- Đây là việc rất bình thường. Ta phải gặp người làm cho địch, nhờ họ làm cho ta vài việc, có gì lạ đâu!

Chú Vĩnh Xương bảo tôi lặp lại tên bảy người chú vừa đọc, lặp lại đến lần thứ ba những việc chú đã nói. Chú còn dặn thêm: Phải tuyệt đối giữ bí mật, phải luôn luôn bình tĩnh, phải rất đúng hẹn. Vừa rồi, chú có gặp cha tôi ở tiểu đoàn 17. Cha tôi cũng dặn tôi những điều đó. Tôi là đội viên, đây còn là công tác của đội giao cho. Chú Năm Mùi sẽ gặp tôi, dặn tôi một số việc khác.

*

* *

Tôi theo chú Tám sang dò về ngay Hòa Phước, vào ở trong chùa. Xế hôm sau, tôi vác cuốc ra chỗ đám khoai ngồi làm củ đúng như chú Vĩnh Xương đã dặn. Một chốc sau thấy chú Vĩnh Xương đến.

Chú mặc quân phục, áo có bốn túi, đeo quân hàm, oai phong như một vị tướng. Tôi rất ngạc nhiên. Các chú bộ đội tôi thấy không ai có quân hàm, nay thấy chú Vĩnh Xương đeo quân hàm, oai quá! Tôi nhìn ra xa, một chú bộ đội nai nịt gọn gàng đi với Cửu Cang cũng vừa đến. Chú bộ đội đến trước mặt chú Vĩnh Xương rút tay chào, như báo cáo với cấp trên đã thi hành mệnh lệnh. Chú Vĩnh Xương làm động tác cho phép rút lui. Chú quặt tay sau lưng nhìn thẳng ông Cửu Cang. Ông Cửu Cang đứng yên cúi đầu, hai tay vòng trước bụng. Không biết chú Vĩnh Xương đang nói gì, ông Cửu Cang thả rơi hai tay gật đầu lia lịa. Tôi liếc nhìn rồi lại nhỏ cổ. Chú Vĩnh Xương chỉ tay về phía lô-cốt Hòa Phước, ông Cửu Cang lại vòng tay, lại gật gật. Tôi nhìn khắp chung quanh. Xa xa rải rác vài người làm đồng. Chốc chốc, họ đứng lên rồi lại cúi xuống lặng im làm việc.

Ông Cửu Cang gặp người chào chú Vĩnh Xương đi về ngã xóm dưới. Chú Vĩnh Xương đi về ngã trên, biến mất sau phía chòm sung. Tôi về nhà bà Hiến. Đêm xuống được một lúc, anh Bốn Linh đến tìm tôi. Anh dắt tôi len lỏi qua nhiều xóm làng đến gặp một con đò. Qua đò xong, chúng tôi đi một lúc lâu, lại gặp một con đò khác. Qua đò xong, chúng tôi đi đến khuya về đến xóm Cây Thị.

*

* *



Các chợ có bán đủ loại gà. Nhưng không ai bán gà trống thiên. Chị Ba phải đến hỏi các nhà giàu mới mua được một cặp gà trống thiên.

Tôi ngứa ngáy, giả vờ hỏi:

- Chà, gà trống thiên! Béo quá! Ngon phải biết! Bao giờ làm thịt hờ chị Ba?

Chị Ba quắc mắt:

- Mày bắt mà làm thịt! Của anh bộ đội đó!

- Anh bộ đội mua để làm chi, chị Ba?

- Để đi lễ thầy dạy học đó!

Chị Ba cười. Tôi biết không ai đi lễ thầy dạy học cả một cặp gà trống thiên. Đi lễ thầy học một gà trống choai cũng đã ít ai làm. Tôi nhớ đến chuyện gà trống thiên của hòa thượng Kiết Ma ở chùa Hòa Phước trong đêm khuya nọ: "Cặp gà trống thiên... Dâng bọn chỉ huy lô-cốt... Ta theo vào". Chuyện gà trống thiên đêm hôm nọ ở chùa cũng chính là chuyện chị Ba sắm gà trống thiên hôm nay. Vì hòa thượng Kiết Ma không phải ai khác mà là chú Vĩnh Xương. Chính chú Vĩnh Xương đã bày ra kế dâng gà trong khuya hôm nọ. Tôi đã hiểu hết kế hoạch của chú Vĩnh Xương để điều tra bên trong cái lô-cốt. Chú Vĩnh Xương thông minh thật! Chú dùng tay sai của giặc giúp ta điều tra tình hình của giặc. Cửu Cang lấy cơ dâng gà, nhập vào bên trong lô-cốt, địch không nghi ngờ gì được.

*

* *

Chị Ba đi vắng. Tôi chạy lên chỗ Miếu Đồi tìm thằng Cù Lao. Máy hôm nay thằng Cù Lao hay lại qua trên đó. Quanh miếu vắng người, trong miếu lại thấy đủ cả, có anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, cả chú Tám và chú Vĩnh Xương cũng ngồi trong đó. Anh Bốn Linh bảo nhỏ tôi đi nơi khác. May có chú Vĩnh Xương ra dấu hiệu cho phép tôi ngồi lại.

Chú Năm Mùi mở bọc giấy lấy ra một áo đen đưa cho thằng Cù Lao:

- Mặc thử coi.

Thằng Cù Lao mặc áo vào. Chú Năm giúp thằng Cù Lao xóc cổ, cài khuy. Đó là một áo dài vào loại sang. Áo bằng loại sa đen gọi là sa văn minh có bông rất đẹp.

- Khăn đen đây!

Chú Năm vừa nói vừa đưa cho thằng Cù Lao một khăn đen để nó đội lên đầu. Chú Năm đưa thêm cho nó một quần trắng có nếp là thẳng tắp.

Anh Bảy Hoàn cười:

- Diện quá! Công tử Bạc Liêu không bì kịp!

Tôi cũng không ngờ áo quần làm thay đổi con người đến vậy. Thằng Cù Lao hom hem lúc bắt cá đã biến thành một vị công tử phong lưu. Nếu tôi được mặc một bộ đồ như vậy nhất định tôi phải bỏ thói thích vật, đi rong và trêu chớ. Hòa thượng Kiệt Ma mặc một bộ đồ như vậy nhất định không bị bọn lính ở lô-cốt đá cho một đá phải đi cà nhắc. Chú Vĩnh Xương bảo thằng Cù Lao ăn mặc như



vậy mới đủ lễ nghĩa làm người đệ tử xách lồng gà đi lễ các quan lớn trong lô-cốt. Chú dặn thằng Cù Lao phải nhớ kỹ những điều chú chỉ bảo. Mọi việc đã rõ: Thằng Cù Lao được vinh dự đóng vai người đệ tử đi theo ông Cửu Cang vào điều tra bên trong lô-cốt Hòa Phước.

*

* *

Thằng Cù Lao gặp chú Vĩnh Xương, hai người giữa khuya sang dò về Hòa Phước, mang theo bu gà thiên. Thằng Cù Lao, chú Vĩnh Xương, chú Tám, anh Bốn Linh đều vắng ở xóm Cây Thị. Xóm Cây Thị không còn như trước, nhà cửa vắng tanh. Bộ đội thường về lúc trời tối. Họ trình giấy tờ, ngủ lại một đêm. Trời chưa sáng họ đã thức dậy, đến một xóm khác ở xa trong núi, tên là Xóm Mới. Phải băng qua nhiều ngọn đồi đầy gai góc mới vào đến Xóm Mới. Ở đó chẳng thấy gì mới, chỉ thấy có một ngôi chùa cũ, trống hoác, chẳng có Phật chẳng có sư. Xung quanh Xóm Mới chẳng thấy xóm làng. Có một trạm gác đặt trước chùa. Tôi phải dừng lại ngoài trạm gác. Bộ đội sau khi trình giấy được vào thẳng trong chùa. Anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, du kích Hòa Phước cũng thấy ra vào ở đó. Có cả chú Tám. Chú thấy tôi liền giơ tay ra hiệu. Thằng Cù Lao vừa thấy tôi chạy vụt ra mừng rỡ:

- Vừa mới đến hả?

- Mà làm chi đây?

- Lo nước nổi cho hội nghị.

- Hội nghị chi?

- Hội nghị... sa bàn...

Chú bộ đội đứng gác ra hiệu cho thằng Cù Lao phải quay vào, và tôi phải quay ra.

Khi có người vào Xóm Mới, chị Ba nói:

- Các anh vào trong đó nhớ mang luôn mấy thứ này.

Đó là những gạo, những mắm, những cá khô. Các chú bộ đội đồn ba lô cho nhau, xung phong khiêng gánh. Có lúc tôi đi dẫn đường. Chị Ba viết vài chữ gửi vào Xóm Mới. Xóm Mới đưa một số bộ đội ra xóm Cây Thị. Họ theo chị Ba lên Miếu Đồi, mở thùng gỗ, lấy những lựu đạn, những bộc phá, to bằng nắm tay, bằng cổ chân, có cần, có râu nom dễ sợ, sẵn sàng nổ "đoàng", biến Miếu Đồi thành mây khói. Các chú bộ đội lấy ra, đặt vào thùng gánh vào Xóm Mới như người bán gạo, bán mắm.

*

* *

Ông Bảy Hóa và ông Kiểm Lại đột ngột hiện ra ở xóm Cây Thị. Hai ông lên Miếu Đồi nhận những thùng chông sắt. Ông Bảy nhận thêm những vông gai, xẻng nhỏ, đợi đến khuya mang về Hòa Phước. Thầy Lê Hảo, ông Bốn Rì, ông Quý cũng có ở xóm Cây Thị. Người nào cũng nhanh chân nhanh tay làm không kịp thở. Họ gặp anh Bốn Liền trao đổi chuyện riêng. Thầy Lê Hảo



cùng anh Bốn Linh đi dọc bên đò dòm dòm ngó ngó. Ông Bốn Rì gặp anh Bốn Linh, vội vàng chạy ra bên đò giúp việc cất giấu những chiếc xuồng nhỏ, ông chạy lên Miếu Đồi làng xăng giặt rửa giường chiếu, quét dọn xung quanh như sắp có lễ. Đột ngột, chị Tuyết Hạnh cũng về ở Miếu Đồi. Chị cười lém lỉnh:

- Về đây để dự giỗ tổ!

Tôi và chị Ba phải vào ngay Xóm Mới để nhận công tác mới. Đó là việc nấu ăn. Bộ đội đang tập trung, cần kiện toàn nhà bếp. Có đến năm mươi người ăn. Người nào cũng có vẻ quyết liệt, không thấy ai luyện tập ở thao trường, nhưng khi vào ăn người nào cũng toát mồ hôi. Có chú vừa nhai vừa nói nhiều chữ khó hiểu, nào là: địa điểm tập kết, đội hình, triển khai, hỏa lực, tình huống, chặn viện... Chú Tám đang dự cuộc họp đến hỏi tôi về những hầm đất ở Hòa Phước. Ở Hòa Phước dọc hồ ao, có những dốc đứng và những bậc đất. Dọc những nơi đó bọn chân trâu khoét hầm chui vào ngồi chơi. Có chỗ đất trọt thành hốc. Chú Tám bảo tôi nhớ lại, và chỉ thật đúng chỗ có hốc. Chú đưa tôi đến trước một mô hình đắp bằng đất. Nhìn đi nhìn lại mới thấy rõ ra toàn bộ Hòa Phước được thu lại trong mô hình. Nhà cửa, đình chùa, đường ngang, đường dọc của Hòa Phước hiện ra trước mặt. Cái lô-cốt cũng không thiếu! Bộ đội đang họp. Khi tôi vào, tất cả im lặng. Tôi chỉ rõ những chỗ có hầm. Các chú làm dấu ghi lại rất tỉ mỉ. Chỉ

xong, tôi được "giải phóng" về lại nhà bếp. Tôi với chị Ba phải xẻ mũi để thở mới làm hết việc. Ngoài bữa ăn còn phải nấu thêm bốn nồi cơm to, làm thêm một khay muối vừng. Phải làm cơm nắm. Cả lớp phải hành quân cấp tốc. Các chú đến nhận cơm nắm lúc vừa xế. Nhưng đến lúc mặt trời lặn họ mới xuất phát. Họ chia ra từng toán, mỗi toán ra đi cách nhau vài mươi phút. Họ lướt dọc chân đồi im lặng, vai mang súng trường, lựu đạn móc quanh lưng. Hầu hết mang xềng sau hông. Vài người vác bọc phá. Mỗi toán khi lên khỏi dốc nhìn giống như đàn chim cất cánh bay về phía có ráng đỏ. Chú Tám, chú Vĩnh Xương và thằng Cù Lao đã đi hôm qua. Một số du kích của Hòa Phước đi ghép vào hai toán đầu. Toán cuối xuất phát lúc trời đêm trở lại im lặng.

*

* *

Toán cuối cùng vừa đi xong, tôi và chị Ba được lệnh phải về ngay xóm Cây Thị. Chị Ba phải về gặp chị Tuyết Hạnh. Tôi phải ra đúng chỗ bến đò để gặp ông Bảy Hóa. Ông đang chờ tôi ở đó. Gặp để làm gì, tôi chưa cần biết, ra đến bến đò sẽ có lệnh mới.

Trăng thượng tuần bị lấp trong mưa lất phất. Dọc đường, những lùm cây lù lù cứ như muốn chộp lấy tôi và chị Ba. Chị Ba biết không có ma nhưng cứ run bần bật. Ra đến chỗ Miếu Đồi, trăng đã lặn. Bóng tối bỗng đặc lại. Tôi vấp ngã

có đến mười lần mới gặp được ông Bảy Hóa. Ông Bảy đưa tôi đi dọc mé sông, gặp thầy Lê Hảo và mấy người đang đào hố. Tôi hỏi:

- Đào hố làm chi, ông Bảy?

Ông Bảy nói như quát:

- Xềng đây, đào cho mau! Không hỏi chi hết!

Tôi vấp phải một bó sợi bùng nhùng. Đó là những chiếc vông:

- Vông để làm chi ông Bảy?

- Im! Có lệnh phát hỏa mới nói được.

Mưa lất phất. Bên kia sông Hòa Phước vẫn im lìm và bí mật. Pháo sáng ở đồn Giao Thủy chỉ loi phoi. Những người đào hầm vẫn làm việc im lặng. Tôi bắt đầu buồn ngủ, cặp mắt cứ trĩu lại, bị ngã nhoài. Có tiếng ông Bảy Hóa xuyt xuyt:

- Ối! Cái thằng! Cái thằng hư quá!

Một tiếng nổ "đoàng" làm tôi bừng tỉnh. Ông Bảy reo lên:

- Lệnh phát hỏa rồi!

Cái ngủ của tôi bay đâu mất! Từ chỗ lô-cốt, ánh lửa nhoáng nhoáng! Từng tràng đại liên nổ choang choác! Lửa lóa ngay trước mặt. Sấm chớp quanh lô-cốt lập lòe từ bốn bên ập lại. Một ánh chớp làm sáng cả mặt sông. Một tiếng nổ như xé tan mặt đất! Tôi bị giật bắn lên. Ông Bảy bật dậy:

- Bộc phá ta nổ rồi!

Tiếng nổ tiếp theo đồn dập.

Thầy Lê Hảo reo to:

- Quân ta xung phong rồi!

Đạn đại bác từ đồn Giao Thủy câu xuống, từ Ái Nghĩa bắn vào. Đạn bay vèo vèo như tiếng rú ma quỷ. Những đường đạn như những rản lửa sáng rực chông chéo, thọc xuống bãi dâu, nổ "đoàng" lại biến mất. Mọi vật đều dần trở lại im lặng. Tất cả nín thở. Dọc Hòa Phước một vài ánh lửa chạy đồn về phía lô-cốt. Lô-cốt im lìm. Có tiếng reo hò từ bên kia sông. Tiếng reo hò rõ dần. Ông Bảy ra lệnh:

- Qua đò anh em ơi! Qua đò đưa thương binh về trạm!

Ông Bảy nhảy khỏi hầm. Chúng tôi vạch bụi lòi ra một chiếc xuồng, đẩy xuồng xuống nước, chèo gấp qua sông. Trong ánh đèn chớp choạng, bến Hòa Phước rộn rịp khác thường. Một toán lính giặc bị áp tải cố treo lên một chiếc đò đã chờ sẵn. Tôi thoáng thấy anh Bảy Hoành và chú Tám cầm súng nhảy lên theo. Một chiếc cáng thương vừa ra đến bến. Có tiếng ông Kiểm Lại đang khiêng cáng hỏi to:

- Đò thương binh đâu!

- Có đây! Có đây!

Nhiều xuồng đã đến trước, đã chờ sẵn. Có tiếng thằng Cù Lao gọi tôi, nhưng rồi biến mất. Tiếng anh Bốn Linh gọi ông Bảy rất gấp đi chặn viện. Đã có ông Tư Đàm thế chân ông Bảy. Từ chỗ lô-cốt, tiếng reo hò, tiếng kêu gọi vang động khắp xóm làng. Đồng bào đang xông vào đập tan lô-cốt. Có bóng bà Bảy Đá chạy ra chạy vào



chuyển vũ khí... Tôi toan nhảy lên bờ, nhưng ông Tư Đàm đã gọi lại, xuống phải rời bến gấp. Xuống ra đến giữa sông, trời bắt đầu sáng. Tôi quay nhìn lại Hòa Phước. Bãi sông, bến nước, cây sung hiện ra mỗi lúc càng rõ nét. Bóng dáng cái lô-cốt đã mất. Cái lô-cốt quái dị sống ở Hòa Phước được mười tám tháng. Lễ khai tử của nó như vậy vừa làm xong. Đây cũng chỉ là lễ giáo đầu, một quả đấm đầu tay vào bọn giặc, vì bà con Hòa Phước cùng với đồng bào toàn quốc còn phải đánh giặc suốt hai mươi năm sau này nữa.

Tôi nhìn ra xa. Mưa tạnh! Quê nội thương yêu dần dần hiện ra rục rỡ! Sông Thu Bồn vẫn long lanh. Núi Phước Tường, dãy Cu Đê, núi Cà Tang, Hòn Đèn hiện lên thành một dãy dài như những anh em bá vai nhau đi về một phía. Sông với núi với bãi dâu còn cát càng thấy rõ nét, như xít gần nhau lại.

"QUÊ NỘI" CỦA VÕ QUẢNG

Bộ truyện về tuổi thơ,
quê hương và Cách mạng.

Trong vườn văn học viết cho thiếu nhi Việt Nam từ sau 1945, tôi chưa thấy có ai, cuốn sách nào viết hay và sinh động, tha thiết đến thế, cuộc đời vĩ đại đã diễn ra vào tháng Tám 1945 của dân tộc Việt Nam như trong bộ sách 2 tập **Quê nội** và **Tảng sáng** của Võ Quảng.

Bộ sách ấy, **Quê nội** và **Tảng sáng** dựng lại cảnh sắc, sinh hoạt một vùng quê có tên là Hòa Phước, cũng chính là quê hương tác giả.

Nhà văn Nguyễn Tuân, trong lời tựa cho **Tảng sáng** in lần thứ hai, từng nói đến cái hình ảnh "dằng dặc và cuộn cuộn của con sông Thu Bồn" từng thấy "nhớ nhớ quê Quảng" qua những trang **Tảng sáng** viết về cuộc sống làm ăn cần cù của người ven sông, thuyền neo đậu nơi bến bãi mướt dầu xanh và rộn rã tiếng gieo thoi đập lúa. Chợ Quảng Huế, vạn Hòa Phước, làng Hòa Phước óng ánh lên cái tình đất nước".

Thế nhưng đối với Võ Quảng, riêng mà vẫn chung. Và dường như Võ Quảng không cố ý thu hút ta vào cái riêng. Sát gần đến chi tiết, nhớ kĩ

từng dáng nét, từng sắc màu, từng âm thanh, từng tiếng động của một vùng quê, đồng vọng lại từ một quá khứ xa xưa, nhưng không khô héo mà càng đậm thắm trong một tình yêu, một nỗi niềm nhớ thương vời vợi và sâu thẳm, truyện của Võ Quảng dường như không chú ý, hay nói đúng hơn không nhằm lạm dụng cái lạ, cái riêng trong dấu ấn của từng vùng. *Hòa Phước* là của tác giả Võ Quảng, của một người con vùng quê Ngũ Hành Sơn, sông Thu Bồn, cửa Hàn, cửa Đại... nhưng cũng là của anh, của tôi, của chung tất cả. Nghe chuyện *Hòa Phước* của Võ Quảng, cũng như là nghe kể về quê hương của chính mình.

Những trang Võ Quảng chan chứa một tình yêu quê, và cũng là chan chứa một tình yêu Tổ quốc.

Rõ ràng không dễ gọi được một cảm xúc trữ tình nồng đậm nếu người viết không sống một tuổi thơ đậm thắm với quê hương. Nhưng nếu như chỉ có một tuổi thơ giàu có những kỉ niệm về quê hương thôi, vẫn chưa đủ. Điều quan trọng còn là phải có khả năng lưu giữ gần như nguyên vẹn, và khả năng rung động trước tất cả những gì còn dư trữ được nơi kí ức về quê hương.

Nhân vật chính ở **Quê nội**, rồi đi suốt **Tảng sáng**, tham gia vào tất cả các sự cố, gắn nối với các mảng khối hành động - đó là hai cậu bé có tên Cục và Cù Lao. Cả hai dường như có hao hao hình bóng tác giả.

Trong hình ảnh Cúc và Cù Lao xem ra có sự hiện diện, sự hóa thân, sự sống động trở lại của tất cả tuổi thơ chúng ta, mỗi người có thể có một khuôn mặt riêng không giống nhau, nhưng ai lại chẳng có ít nhiều cái ngộ nghĩnh ấy, cái tình nghịch ấy, cái ham say chơi đùa ấy, cái khôn ranh hoặc vụng dại ấy... Ai trong chúng ta lại chẳng có một tuổi thơ tuy thiếu nghèo hoặc no đủ về vật chất và tinh thần có khác nhau, nhưng đều có cùng một khao khát muốn làm việc tốt, muốn được khẳng định về nhân cách, muốn vươn lên những việc quá sức mình, muốn nhanh chóng thành người lớn, muốn được giao những việc quan trọng... ở Cúc và Cù Lao, quả Võ Quảng đã phát hiện được một cái gì thật nghiêm trang và hệ trọng, và cũng thật là điển hình cho cả một thế hệ trẻ thơ, trong cái vẻ riêng, ngộ nghĩnh, không lặp lại của nó.

Nguyễn Tuân đã rất có lí khi tỏ ý muốn chọn thay cho Võ Quảng một cái tên truyện mới là **Truyện của hai em Cúc và Cù Lao**. Còn gì vui sướng hơn, đối với nhà văn, khi nhân vật, vốn là đứa con tinh thần của mình, có được sự sống riêng. Tôi nghĩ đến những **Đế Mèn** của Tô Hoài, **Gaveroche** của Victor Hugo, **Tom Sawyer** của Mark Twain... Một nhà phê bình Pháp, bà Alice Kahn, trong một bài viết giới thiệu **Quê nội** (được dịch và trích in trên báo Pháp) có nói đến niềm vui thích của mình khi đọc **Quê nội** rồi đưa ra sự so sánh giữa đôi bạn Hucklebery Finn và Tom Sawyer của Mark Twain với Cúc và Cù Lao, và tỏ

ý thích Cục và Cù Lao hơn...

Một xã hội đang trong một cuộc chuyển mình, do vậy mà chất chứa biết bao là âm thanh và giọng điệu.

Một giọng điệu trầm buồn, và đôi khi có gì như hùi hắt nữa cứ bám riết và hằn in lên nửa cuộc đời của số không ít nhân vật truyện, nơi phía bên kia bóng tối chế độ cũ, mà bản lễ là Cách mạng tháng Tám 1945.

Không dễ nói cái vui hôm nay nếu không gọi nỗi buồn ngày xưa. Do vậy những trang buồn, đôi khi có hắt hùi đi nữa, vẫn là chuyện có thể chấp nhận được. **Quê** nội không thiếu những trang buồn. Nhưng điều đáng chú ý là sự xen cài, sự chiếm ưu thế, sự tăng dần lên của niềm vui, của những trang vui. Có điều, nơi Võ Quảng, đó không phải là những trang ồn ào, huyên náo, cả tiếng to giọng. Mà là những trang vui, đôi khi chỉ có róc rách thành tiếng như một mạch nhỏ len lỏi nơi khe núi, có lúc lại thẳm thì như một nỗi niềm...

Trên 40 năm chuyên tâm viết cho thiếu nhi, Võ Quảng là hình ảnh một khách bộ hành chung thủy trong một cuộc đi vẫn còn nhiều vất vả. Vất vả nhưng ông vẫn cứ là người thuộc trong số hiếm hoi gắn nối được với văn mạch dân tộc và khởi tiếp cho nó một dòng chảy mới sau 1945.

Văn mạch dân tộc đó gồm các hồi ức, tự truyện và truyện viết về thế giới trẻ con đã từng có lúc xuất hiện thật là dồn dập vào những năm cuối 30, đầu 40 với **Những ngày thơ ấu** của Nguyên

Hồng, Gió đầu mùa, Hai đứa trẻ của Thạch Lam, Chân trời cũ của Hồ Dzếnh, Chuyện một người hàng xóm và Một đám cưới của Nam Cao, Sống nhờ của Mạnh Phú Tư, Cỏ dại và Dế Mèn phiêu lưu kí của Tô Hoài...

Từ Nguyên Hồng, Thạch Lam, Hồ Dzếnh, Nam Cao, Mạnh Phú Tư, Tô Hoài... cho đến Võ Quảng là một chặng đường ngót 60 năm. Đó là một dòng chảy không đứt đoạn - cố nhiên còn có sự giúp sức và tiếp nối của nhiều tên tuổi khác và của các lớp người viết sau ông. Nhưng ở đây tôi muốn ghi nhận một cái mốc lớn, mốc **Quê nội**, ở thời điểm ra đời của cuốn sách, thập niên 70.

Đó là bộ sách không chỉ viết cho các thế hệ thiếu niên hôm nay mà còn là cho cả biết bao thế hệ đã từng qua tuổi thiếu niên cùng đọc. Đó là bộ sách viết về một thế hệ trẻ thơ có thêm một ngày khai sinh nữa là Cách mạng tháng Tám.

PHONG LÊ

(Bài đăng ở báo Thanh niên, số kỉ niệm
lần thứ 51 Cách mạng tháng Tám
và Quốc khánh 2/9 - Số 141).

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Phần thứ nhất	9
Phần thứ hai	191

Quê nội

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung - Hà Nội. ĐT: 04 9434 730 - 04 9435 831 Fax: 04 8229 085

Internet web site: <http://www.nxbkimdong.com.vn> - Email: kimdong@ln.vnn.vn

TRUNG TÂM SÁCH KIM ĐỒNG MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm - TP Đà Nẵng. ĐT: (0511) 812 333 - 812 335 - Fax: (0511) 812 334

Email: mtkimdong@dng.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG

268 Nguyễn Đình Chiểu - TP Hồ Chí Minh. ĐT: 08 9303 832 - Fax: 08 9305 867

Email: cnxbkimdong@hcm.fpt.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản : PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo : LÊ THỊ DẤT

Biên tập : LÊ PHƯƠNG LIÊN

Trình bày : LƯU QUANG THỤY

Trình bày bìa : PHÒNG KỸ, MỸ THUẬT

Sửa bài : THANH HƯƠNG

In 2.000 bản - Khổ 12,5 cm x 20,5 cm - Tại Công ty In Công Đoàn Việt Nam

Số XB: 319/KĐA - 73/KH - 620/CXB cấp ngày 29/4/2005 - Mã số ĐV 1

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/2005.

Quê Nội



“... Xã Hòa Phước của tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng... Một nơi tôi chưa hề tới, hiện ra trong tôi thành một nồi nhớ. Tôi như gặp lại - nói như người xưa - một quê hương tiền kiếp...”

ĐOÀN GIỚI



1200500030019

Giá : 32.000đ